

VIÊN GIÁC



SỐ - NR. TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

127

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL. 2545 ■ NĂM THỨ 24 ■ THÁNG 2 ■ JAHRGANG 24 ■ FEBRUAR ■ AUSGABE IN VIETNAMEISCH & DEUTSCH

Chúc Mừng

Năm Mới

SỐ

TÂN NIÊN



Thời đại khoa học của thế kỷ thứ 21 ngày nay so với những năm tháng của cuối thế kỷ thứ 20 và những thế kỷ trước thì tiến bộ vượt bậc. Nghĩa là ngày nay vấn đề tin học, điện tử, giao thông, thương mại đã gần như toàn cầu hóa rồi. Ngay cả tiền tệ, Âu Châu cũng đã bắt đầu sử dụng chung cho 12 nước một đồng tiền và có lẽ ngôn ngữ của thế giới cũng sẽ còn chỉ có một. Đó là ngôn ngữ của tâm hồn.

Chùa Viên Giác và báo Viên Giác đã có Website (trang nhà) đưa lên mạng Internet từ 3 năm nay bằng 3 thứ tiếng Việt, Anh, Đức với địa chỉ www.viengiac.de đã có hàng vạn người vào xem cũng như tham khảo tài liệu và hình ảnh. Mới đây một thống kê đã cho thấy từ tháng 5 năm 2001 đến tháng 1 năm 2002 mà đã có 10.000 người vào xem; gồm 71.125 trang sách báo, hình ảnh, tin tức và cũng đã có đến 255.649 lượt được lướt qua trên mạng Internet này để vào thăm chùa Viên Giác tại Hannover, báo Viên Giác và Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Ấn Độ. Với số người vào thăm đông như vậy, trong vòng 9 tháng qua số lượng dữ kiện đã được tham khảo qua mạng Internet lên đến 889.110 kb. Như vậy tin học ngày nay đã thắng thế, đã tiện lợi vô cùng. Cho đến một lúc nào đó người ta không còn cần phải đi đâu xa, mà ngồi tại nhà đều biết hết tất cả.

Tuần rồi có đến 200 lượt sinh viên, học sinh, Thầy Cô giáo của Trung Học, Đại Học và một số những người Đức lớn tuổi đã đến chùa học Phật. Có nhóm còn ở lại chùa ăn chay năm đất để ngày sau tham dự ngôi thiền và lắng nghe Thần chú Thủ Lăng Nghiêm nữa. Cứ trung bình như thế mỗi tháng có 1.000 người Đức đến chùa học Phật và mỗi năm từ 10.000 đến 12.000 người Đức đến thăm viếng, học hỏi nơi chùa. Người Việt chúng ta mỗi năm đến chùa chừng 60 đến 70 ngàn lần như thế. Mặc dầu Computer, Internet đã phổ thông, nhưng những gì thâm kín khổ đau, vui buồn, khó khăn và ngay cả niềm vui, người ta cũng không thể thổ lộ nơi chiếc màn ảnh vô tri ấy là đủ; mà người ta bao giờ cũng thế, muốn đối diện tiếp xúc với chư Phật, chư Bồ Tát, chư Tăng Ni qua nhiều hình thức khác nhau để được giải bày, giúp đỡ ý kiến và có vấn tâm thân.

Khoa học tiến bộ, điều ấy rất tốt, làm cho thông tin nhanh chóng hơn, nhưng điều ấy cũng không có nghĩa là đời sống tinh thần của người ta bị quên lãng, nhất là khi có những nhu cầu về tâm linh, mà người ta cần phải về dưới mái chùa để được che chở, bảo hộ. Sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001 vừa qua tại New York, Washington D.C, Pittsburg v.v... đã chứng minh điều đó. Vì lẽ có

những người rất giàu có về tiền bạc, nhưng một cơn lửa ngang qua, thiêu cháy hết tất cả sự nghiệp, tài sản, của cải, sự cần mẫn của con người. Do đó thế hệ trẻ của người Mỹ ngày nay và ngay cả trên thế giới, người ta đã đặt lại vấn đề là: liệu cắm đầu vào công việc để tìm ra tiền và danh vọng, như thế đã đủ chưa? Hay ngoài ra còn vấn đề gì nữa?

Đĩ nhiều câu trả lời mỗi người phải tự chọn lấy, nhất là sau khi đã ý thức được sự vô thường của sự sống, nó cũng chỉ giống như một bông hoa sớm nở tối tàn mà thôi. Ngoài đời sống vật chất ra người ta phải tự trang bị cho chính mỗi người một cuộc sống tâm linh thật đầy đủ, để rui mà có ra đi không hèn ngày giờ như sự kiện 11 tháng 9 vừa qua tại Hoa Kỳ thì cũng có đầy đủ tư lương mà đi tiếp trên cuộc hành trình của kiếp luân hồi còn lại, thì đúng là phúc báu thay! nhưng điều này chỉ có nơi các Tôn Giáo; chứ không hẳn chỉ nằm nơi tiền bạc, danh vọng hay địa vị của con người.

Vui, buồn, giận, hờn, đau khổ, sung sướng, trụy lạc, đam mê hay ngay cả việc giàu có, hạnh phúc v.v... của một đời người, nó chỉ có tính cách tương đối mà thôi. Chẳng có gì tuyệt đối cả, khi con người vẫn còn nằm trong vòng đối đãi của cuộc sống này. Thế nhưng đã có lắm người cậy vào sức khỏe, tiền bạc, hạnh phúc, địa vị, khả năng, lợi khẩu v.v... để đi làm nhiều việc không hợp với đạo đức và luân lý của con người, nhưng chưa chịu dùng chân và vẫn còn buông thả tâm hư hỏng ấy làm di hại cho chính mình cũng như cho bao nhiêu người chung quanh nữa, nhưng nào họ có hay biết. Chỉ thấy được rằng mình đang được vỗ tay hoan hô, cú thể mà làm trò hề tiếp tục như một kẻ xiếc trên sân khấu của trường đời để tiếp tục được vang danh với những tràng pháo tay và những câu tán thưởng vô nghĩa. Nhưng kẻ diễn kịch ấy cũng đâu có biết rằng màn nhung kia có một lúc nào đó cũng phải đóng lại, chứ đâu có phải mãi mãi vẫn là một chỗ nhất định để mọi người còn tiếp tục thao diễn nữa!

Chư Phật, các vị Bồ Tát và các vị Thánh Nhân bao giờ cũng rất sợ những nguyên nhân khi mình làm một việc gì; trong khi đó chúng sanh như chúng ta thì không lo sợ; chỉ biết đến kết quả tốt xấu khi nhận được, mà chẳng lúc nào suy nghĩ cho thật chín chắn khi tạo ra một nhân gì. Dầu cho nhân đó thiện hay bất thiện.

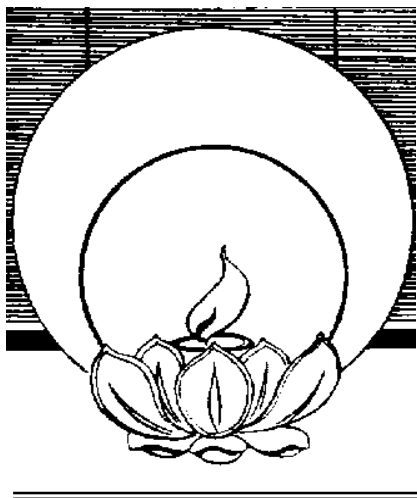
Ai trong chúng ta rồi một ngày nào đó cũng phải ra đi thôi! và đi đâu thì tùy ý mỗi người phải tự chọn con đường cho mình ngay từ bây giờ, chứ không ai chọn cho ta được cả; cũng như chẳng ai có quyền năng để giảm tội hoặc tạo thêm tội ác cho mình, khi mà nghiệp cảnh đời trần đã chiếu rọi tất cả những hành vi thiện ác của chúng ta như màn ảnh Computer đã tự nhiên ghi lại được những dữ kiện một cách vô tư chính xác; mặc dầu chúng ta đôi khi không cần và không để ý đến vấn đề đó.

Năm 2002 chùa Viên Giác và báo Viên Giác kỷ niệm 25 năm thành lập cũng như xuất bản. Do vậy để ghi lại biến cố trọng đại này Ban Biên Tập báo đã tổ chức một Giải Thưởng Viên Giác mang tên "*Viết Về Âu Châu*" nhằm để nhớ ơn các quốc gia nơi mình cư ngụ và đã nuôi tự do cho chúng ta khôn lớn thành người. Mong rằng quý độc giả xa gần của báo Viên Giác đừng quên cơ hội này; nên viết để nói lên tâm chân tình của mình khi sinh sống tại đây và đó cũng là một trong bốn ơn nặng mà người Phật Tử cũng như không Phật Tử cần phải đáp đền. Nghĩa cử ấy rất cần thiết. Vì lẽ chúng ta không thể sống chỉ riêng lẻ một mình ta được.

Mong lắm thay.

• Ban Biên Tập Báo Viên Giác

Tâm Cảnh



Nguyên tác:
The World Within

Tác giả:
Dr. Gina Cerminara

Người dịch:
Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn

Chương II.

THÂN THỂ

Mục 4. Các tuyến nội tiết

Vai trò quan trọng của các tuyến nội tiết (hay các tuyến không có ống dẫn) trong thân thể được y học dần dà khám phá ở thế kỷ 20. Kiến thức phổ thông cho thấy các sự phát triển, biến dưỡng, sinh sản phần lớn tùy thuộc hoạt động bình thường của các tuyến, và tình trạng thất thăng bằng hoặc yếu kém của tuyến có thể làm cho vóc dáng trở nên khổng lồ hay loắt choắt, béo phì, bị bướu cổ, tóc hay mỡ phân phối khác thường, bị dị dạng chỗ này chỗ nọ v.v...

Ta cũng biết các xúc cảm liên hệ mật thiết với sự bài tiết của các tuyến. Khi ta bị kích động, giận dữ hay hoảng sợ, lượng adrenalin trong máu gia tăng khiến đôi khi ta trở nên mạnh mẽ kinh khủng hoặc bộc phát năng lực một cách khác thường. Và ta có lý do để tin rằng sự xuống tinh thần hay một xúc cảm dai dẳng ảnh hưởng đến các tuyến.

Thần nhân của ông Cayce cũng phù hợp với các khám phá y học trong lĩnh vực này. Nhiều cuộc chẩn đoán của ông cho thấy bệnh nhân kém sức khỏe là do hoạt động của các tuyến. Việc khám

bệnh còn đưa đến sự phát triển một thứ thuốc nước điều hòa hoạt động của tuyến tên là "Atomidine" (iodine nguyên tử). Sau khi được bào chế (qua các cuộc chẩn đoán theo yêu cầu của một nhà hóa học người Ấn) nó thường được dùng chữa các chứng bệnh do hoạt động bất cập của các tuyến. Đóng góp độc đáo, quan trọng nhất của ông Cayce cho kiến thức của chúng ta có lẽ là việc gợi ý để ta suy xét rằng hệ thống tuyến nội tiết không những liên hệ mật thiết với tình trạng sức khỏe và xúc cảm mà còn với 4 lĩnh vực khác nhau của đời sống con người:

- 1.- Tâm trí bất bình thường.
- 2.- Các kinh nghiệm huyền bí.
- 3.- Nghiệp báo và kinh nghiệm tiền kiếp.
- 4.- Kinh nghiệm tâm linh có tính cách khai ngộ và chuyển hóa.

Cũng chẳng kém quan trọng là các dữ kiện ông nêu ra không những có thể được khoa học kiểm chứng mà đã được đem trải nghiệm dù trong phạm vi nhỏ.

Về một số bệnh tâm thần, ông Cayce cho biết đôi khi do sự trục trặc của các trung khu tuyến nội tiết. Trong một trường hợp co giật thần kinh và ảo giác nặng, ông bảo đó là do lỗi hở của tuyến lyden (lyden gland), chữ ông luôn dùng để nói đến cái mà y khoa gọi là những tế bào Leydig (Leydig's cells) nằm ngay bên trên bộ phận sinh dục. Trường hợp nữa là có một người đàn ông bị loạn tâm-thần hưng-cảm - trầm-cảm (manic-depressive psychosis), ông đoán bệnh do "vùng xương cụt, xương cùng và phần dưới của năm đốt sống thắt lưng (coccyx, sacrum and the lowest mumber vertebrae) bị áp lực khiến tuyến lyden không khép kín". Trong một trường hợp bệnh tâm thần nặng khác, ông nhận xét: "Tuyến lyden bị hở nên hệ tuyến nội tiết bị rối loạn. Hậu quả là thỉnh thoảng y bị ma ám".

Các bệnh tâm thần này, nhất là trường hợp bị ma làm, ám ảnh, ảo giác, được ông Cayce xem như là những biểu lộ *tiêu cực* của tâm linh. Và ông bảo các kinh nghiệm khác như thần nhân, thần giao cách cảm, đồng bóng đều liên quan đến hệ tuyến nội tiết, đó là những biểu lộ *tích cực* của tâm linh.

Các biểu lộ tích cực hay tiêu cực đều do các tuyến nội tiết hoạt động bất bình thường, và thường thì do tuyến lyden. Về các biểu lộ tích cực, ông cho biết rõ là chúng liên hệ mật thiết với ba tuyến: tuyến yên, tuyến tùng quả, tuyến lyden

(pituitary, pineal, lyden gland). Ông nói ba tuyến này hợp thành "*sợi dây bạc*" (silber cord) trong cơ thể. Có một luồng năng lượng chạy trong sợi dây bạc này (nó nằm song song với cột sống), khi lên đến các trung khu trên đầu, tạo thành "đầu cong của cây trượng" hay là đỉnh đầu của Hỏa Xà.

(Muốn hiểu rõ về luồng năng lượng huyền bí này, xin xem lại bài "**HỎA XÀ**" đăng trên tạp chí Phật Học Viên Giác số 114, tháng 12.1999 - Chủ thích của người dịch).

Tuyến yên khi trở nên đầy ú, có thể tạo ra các kinh nghiệm huyền bí hay tâm linh. Những ai nghiên cứu vấn đề có thể nhận ra là ông Cayce mô tả hiện tượng này phần nào căn cứ vào Thiên Chúa giáo và các nguồn khác.

Cayce cũng mô tả huyền lực ông có được bằng các ngôn từ tương tự. Ông nói khi nằm mê man trên giường, một số năng lượng từ các tuyến sinh dục chạy lên trên. Thần nhân của ông bắt đầu hoạt động trước khi luồng nhân diện này chạy đến tuyến yên và bùng tỏa ánh sáng. Lúc đó ông bắt đầu chẩn đoán.

Những ai muốn triển khai huyền lực đều được ông chỉ cách đánh thức các trung tâm tuyến nội tiết. Nhưng trước hết ông cảnh giác rằng mục đích của việc muốn phát huy khả năng huyền bí phải thanh khiết, không được ích kỷ. Cho nên trong một số trường hợp ông không hướng dẫn họ, vì họ có tham vọng ích kỷ, muốn có thần lực hơn người.

Tuy nhiên đối với ai muốn triển khai năng khiếu để giúp đời, ông đều sẵn sàng hướng dẫn. Chủ yếu là *thiền định* và *cầu nguyện*, đồng thời phải có tinh thần phục vụ, dâng hiến đời mình, có nếp sống kỷ luật, hữu ích. Ông có khuyên nên chú trọng đến sự hít thở, ăn uống, mỗi sáng nên ghi chép cẩn thận các giấc chiêm bao rồi phân tích chúng, vì mộng là cửa ngõ liên lạc với cái siêu thức của mình, nên dùng một số đá quý (nhất là đá lapis lingua, còn có tên là chrysocolla, một hỗn hợp đá azurite và malachite) dán ở trán, bên trên tuyến tùng quả trong lúc thiền định để kích thích tuyến này vì đá đó có khả năng phát xạ.

Mấy đề nghị này đã được con trai của ông Cayce là Hugh Lynn Cayce và William Petersen mang ra trải nghiệm.

Ông William Petersen dùng đá lapis lingua và bộ bài bói toán của Rhine trong thí nghiệm về (đây là một bộ bài 25 lá do giáo sư J.B. Rhine ở Đại học

Duke vẽ ra, dùng cho việc tìm hiểu về thân giao cách cảm). Trong thí nghiệm này một "người gửi tin" sẽ vẽ ra một kinh nghiệm đầy xúc cảm thời thơ ấu, và một "người nhận tin" cố dùng thân giao cách cảm tiếp nhận hình ảnh đó và vẽ lại. Đá lapis lingua được dán lên trên bốn trung tâm tuyến nội tiết của người gửi tin. Thấy có sự gia tăng sáu lần về lại đúng khi có dán đá, so với các trường hợp không dán đá. Trong nhiều thí nghiệm với bộ bài của Rhine, kết quả cũng có gia tăng nếu dùng đá lapis và không gia tăng nếu chẳng dùng đá. William còn cẩn thận kiểm soát để loại trừ yếu tố "tin tưởng", bằng cách khi thì bỏ trong túi dán trên trán một viên đá lapis, khi thì chỉ là một cục đất sét để xem sự gia tăng kết quả là nhờ đá hay do sự tin tưởng là có đá. Dù trong bất cứ trường hợp nào các kết quả trắc nghiệm đều chẳng đưa đến kết luận, dù đôi khi kết quả khá hơn nếu có đá lapis.

Nhưng vấn đề này cần được thí nghiệm, kiểm chứng nhiều hơn nữa. Theo ông Cayce, các đạo sĩ thời xưa đeo một số đá quý ở vài nơi trên thân thể không phải chỉ để trang trí mà còn có dụng đích kích thích, phát triển tối đa năng lực các trung tâm tuyến nội tiết nằm bên trong.

Tháng 8 năm 1950 ông Hugh Lynn Cayce làm cuộc thí nghiệm trong ba tuần lễ ở Virginia Beach, tạm gọi là "Công Trình X", mục đích kiểm chứng những lời khuyên của ông Edgar Cayce về các khả năng tâm linh. Bảy thanh niên tuổi từ 20 đến 31 đều là sinh viên hay sinh viên đã tốt nghiệp, trừ một người. Họ được yêu cầu theo đúng các điều kiện sau đây trong hạn một tháng trước khi vào cuộc thí nghiệm:

- Không uống trà, cà-phê, thức uống có chứa thán khí,
- Không hút thuốc,
- Không ăn nhiều thịt. Chỉ ăn cá và gia cầm một cách điều độ,
- Không uống rượu,
- Không giao hợp hay kích thích tình dục,
- Ngủ nghỉ điều độ
- Đọc một số đoạn trong Thánh Kinh hay các tác phẩm tôn giáo hoặc tâm linh.

Trong ba tuần lễ thí nghiệm, họ họp thành các nhóm thảo luận những vấn đề tâm linh, tâm lý, cầu nguyện, hít thở, thiền định, mỗi ngày làm những cuộc thí nghiệm về thân giao cách cảm với bộ bài tri giác ngoại giác quan của Rhine, ghi

chép các giấc mơ, viết nhật ký quan sát và phân tích tâm trạng của chính mình.

Kết quả rất đáng chú ý. Họ đạt điểm số cao với bộ bài của Rhine, dường như có sự gia tăng các giác mộng báo điềm, có nhiều bằng chứng về sự kích thích các tuyến nội tiết. Trong ba tuần lễ đó, bảy người tham dự ghi nhật ký là có 81 lần cảm giác rõ rệt ở các vùng tuyến nội tiết, trong số đó có 43 vụ ở từng mặt trời và tuyến ức (solar plexus and thymus). Cảm giác nóng được ghi nhận 17 lần, cảm giác chuyển động tối lui xảy ra 11 lần, và chuyển động xoay tròn 4 lần. Nhưng có lẽ thú vị nhất là có 4 người cảm thấy được giải tỏa những bế tắc về tâm lý. Ba trường hợp chỉ là thấy thoải mái, dễ dàng trong việc thảo luận các vấn đề nội tâm. Trường hợp thứ tư là một thanh niên có những cảm giác rất sống động, rõ rệt trong lúc thiền định. Ban đầu thấy trống ngực đập dữ dội tưởng chừng suýt nghẹt thở, rồi cảm thấy nhẹ nhàng như bay bổng, có một luồng năng lượng cuộn cuộn chảy từ dưới lên trên, đột nhiên tràn ngập cả đầu, có cảm giác tỏa rộng ra. Rồi thì tĩnh lặng.

Sau đó anh cảm thấy nỗi oán hận cha mà mấy năm nay anh ôm ấp từ khi mẹ qua đời tan biến hết. Trước kia anh nghĩ rằng tại cha mà mẹ chết nên dù hai cha con sống chung với nhau, anh ít khi trò chuyện. Sau cuộc thí nghiệm, người cha của anh viết cho ông Hugh Lynn Cayce như sau: "Con tôi đã rời khỏi nhà như một kẻ xa lạ, nhưng nay trở về đích thực là một đứa con".

Trường hợp này cho thấy các lời khuyên tổng quát của Cayce là nên thiền định, giữ kỷ luật v.v... không những gia tăng huyền lực trong ta, mà còn có thể giải tỏa các bế tắc tâm lý sâu kín trong lòng. Nhưng thiết nghĩ rất nhiều yếu tố đã góp phần vào.

Nếu phân tích kỹ, không thể nào cho rằng sự thay đổi thái độ chỉ do kinh nghiệm lạ lùng xảy ra trong cơ thể của anh. Còn nhiều thứ nữa đã tác động: anh đã tham dự nhóm chữa trị trong nhiều tuần; anh tự tìm hiểu, thảo luận về các vấn đề tâm linh, tâm lý với các bạn trẻ; những lời giảng, cố vấn của ông Hugh Lynn Cayce, khiến anh hiểu ra rằng sự thù ghét chẳng ích lợi gì, và tội lỗi cần được tha thứ. Tuy nhiên sự thực hiển nhiên (do anh thổ lộ) là lòng oán hận cha rất sâu đậm, nó chỉ được cải oán khi kinh nghiệm lạ lùng xảy ra trong cơ thể anh lúc thiền định. Tựa hồ như hai gọng

kim sắt đang kẹp chặt bỗng mở hoác ra, và đây là lần đầu tiên sau bao nhiêu năm anh cảm thấy thương yêu một cách hết sức tự nhiên.

Các cuộc chẩn đoán bằng thân nhân của ông Cayce cho biết *trong mỗi tế bào của cơ thể đều có Tâm, và các tuyến nội tiết là trọng điểm, là kho chứa Nghiệp*. Trong trường hợp vừa kể mỗi giao tình giữa cha con họ có thể là nghiệp hay không phải nghiệp. Nghĩa là sự oán ghét có thể bắt nguồn từ kiếp sống này chứ không từ kiếp trước. Nhưng dù sao, thái độ và lòng thù hận kết tụ ở vài nơi trong cơ thể. Thiền định, nguyện cầu, thảo luận, kỷ luật v.v... đã phá tan các kết tụ đó. Cuối cùng là một cảm giác rõ rệt liên quan đến các tuyến nội tiết đã hóa giải hết, khiến anh thôi oán hận. Tóm lại ở đây quả có sự ảnh hưởng hỗ tương giữa Hồn và Thân. Thân không chỉ là một công cụ mà còn là hiện thân, là sự cô đọng của hồn, để qua đó có được sự giải phóng, sự cứu rỗi.

Y học cho rằng các tuyến nội tiết dường như định đoạt vóc dáng, cấu trúc cơ thể, nên chắc cũng hợp lý khi kết hợp hình dạng thân thể hiện kiếp với các yếu tố nghiệp báo của tiền kiếp. Và những hiểu biết sâu sắc sau này của chúng ta về các tuyến nội tiết cũng như các tác động của chúng lên tâm tính, xúc cảm bẩm sinh ắt giúp ta thấy rõ hơn rằng toàn bộ nếp sống kiếp này là hậu quả trực tiếp của những nguyên nhân có từ kiếp xưa.

Có lẽ có những kho ký ức ở các tuyến nội tiết. Và cũng có thể là những người bị thôi miên hay bị tác động bởi một kỹ thuật nào đó bỗng nhớ được tiền kiếp, chắc là do sự nhạy cảm của tuyến nội tiết. Đây là chuyện khả hữu, là biển chỉ đường cho cuộc khảo cứu trong tương lai.

Đĩ nhiên khi thoát khỏi sự ám ảnh tâm lý và thái độ tiêu cực (như trường hợp cậu thanh niên vừa nói ở trên) khác nào như được cứu rỗi: Cứu rỗi hiểu theo nghĩa thuần lý hơn là giáo lý. Và theo ông Cayce "sự cứu rỗi" theo nghĩa này, theo nghĩa sự *tự* cứu rỗi tâm linh, là ý nghĩa đích thực Sách Khải Huyền, và các tuyến trong cơ thể chính là vấn đề chủ yếu của Sách Khải Huyền.

Xin xem kỳ tới:

Mục 5.- Sách Khải Huyền

THỨC THỨ TÁM

TS. Lâm Như Tạng

(tiếp theo VG 126)

V. SỰ PHÂN LOẠI CÁC PHÁP, ĐỐI TƯỢNG BIỂU BIỆT CỦA THỨC THỨ TÁM

1/ Ý NGHĨA CHỮ "PHÁP"

Trong Phật Giáo, các yếu tố thành lập vạn hữu vũ trụ được gọi là PHÁP. Do đó mà từ ngữ "nhất thiết pháp" thường được dùng trong ý nghĩa này. Thế nhưng ý nghĩa của chữ "Pháp" là gì? Thông thường các vị luận sư của A Tỳ Đạt Ma đều giải thích là "tự-tính-nhậm-tri", có nghĩa là mỗi "Pháp" có một đặc chất nhất định, không thay đổi. Những nhà nghiên cứu chú thích Duy-thức-thuật -kỳ-nhất- bản, quyển I (Đại chính 43, trang 8, hạ) lại thêm một điều nhận-thức-luận nữa bằng từ ngữ "quĩ-sinh-vật-giải" để định nghĩa chữ "Pháp". Hai từ ngữ trên hợp lại có nghĩa là: "những gì có một đặc chất nhất định để phát khởi một nhận thức thích ứng với cái đó thì gọi là "PHÁP". Nói một cách khác, cái gì có đặc chất nhất định và được nhận thức thì gọi là "PHÁP".

Nói một cách cụ thể hơn là: "khi đem phân tích và giải phẫu cái tổ chức và hoạt động của vạn hữu ta nhận thấy nó có một đặc chất nhất định, do đó vạn hữu được nhận thức". Tuy nhiên đó chỉ là mới đề cập đến vấn đề một cách tổng quát mà thôi. Tiến lên một bước tinh tế hơn làm thế nào để cụ-thể-hóa cái tướng đặc thù của các PHÁP được nhận thức là có một đặc chất nhất định? Đó là vấn đề rất khó khăn. Bởi vì trong mỗi một hiện tượng, dù là thuộc về vật chất hay tâm lý, tất cả các yếu tố cấu thành đều có tương quan với nhau nên không thể nào phân biệt biên giới của chúng một cách rõ ràng hơn.

Ví dụ như những màu sắc xanh, vàng, đỏ... đặc chất của mỗi màu tuy khác nhau nhưng trên thực tế biên giới của chúng rất khó phân biệt được. Hoặc như những hiện tượng tâm lý như cảm tình, mừng, giận, thương, vui v.v... mỗi

mỗi đều có đặc chất riêng, thế nhưng biên giới rõ ràng của chúng thật khó mà phân biệt rõ ràng tưởng tượng.

Chính vì những lý do phức tạp nêu trên nên khi phân loại các PHÁP có rất nhiều điểm bất đồng giữa các phái bộ Phật Giáo.

2/ KHÁI NIỆM VỀ SỰ PHÂN LOẠI

Theo lập trường của Thức-tại-luận, tuy đơn giản nhưng nó đã đưa ra được nguyên lý thỏa đáng về sự phân loại các PHÁP đó là theo luận Bà Sa, quyển 59 (Đại Chính, 27, trang 306) và Câu Xá, quyển I, dưới đây chúng ta thử theo đó mà lược khảo vấn đề phân loại các pháp thử xem sao?

Theo Bà Sa, Câu Xá thì phương pháp phân loại hàm chứa trong câu: "*nhiep tự tính, ly thật tính*"; theo ý nghĩa câu này là xếp chung những yếu tố cùng một tính chất vào một loại, những yếu tố không cùng tính chất vào một loại khác.

Trường hợp những hiện tượng hoạt động của tâm tuy có nhiều loại, nhưng đều phát xuất từ Căn Bản Thức là Thức Thứ Tám, nên thống hợp tất cả những yếu tố hoạt động đó lại mà gọi là "*tâm sở*". Tất cả những hiện tượng vật chất tuy có nhiều nhưng vì đặc chất của chúng là biến hoại và chất ngại nên có thể gom chung thành "*sắc pháp*". Như thế có nghĩa là một mặt thì nhiếp tự loại, nhưng mặt khác là không hòa nhập với tha loại: Tóm lại đó là quy tắc căn bản của sự phân loại này.

Cũng theo Bà-Sa luận thì từ Hữu Bộ trở về sau không hẳn chỉ hạn định trong cách phân loại "Ngũ Vị" (sắc-pháp, tâm-pháp, tâm-sở, tâm-bất-tương-ương-hành-pháp và vô-vi-pháp), từ thời đại Phật Giáo nguyên thủy, phương pháp phân loại vạn hữu như Ngũ-Uẩn, Thập-nhị-xú, Thập-bát-giới, tất cả đều theo phương thức này. Có thể nói cách phân loại "*tam khoa*" này có tham vọng muốn đặt một nền tảng khoa học trong sự phân loại các PHÁP.

Đối với vấn đề THỨC, GI , theo Thuyết Già Bộ thì sự phân loại theo "Tam Khoa" (Uẩn, Xú, Giới) bất luận loại nào, đó chẳng qua là căn cứ vào sự tiện lợi mà thôi, vì thế họ cho rằng hết thấy là giả. Theo Kinh-lượng-bộ thì, sự phân loại Ngũ Uẩn và Thập-nhị-xú là phương tiện (giả), chỉ có phân loại theo Thập-bát-giới mới là chân thực. Thế Thân, luận chủ Câu Xá chủ trương rằng: Thập-nhị-xú là Thập-bát-giới là chân

thực, còn phân loại theo Ngũ Uẩn lại là giả. Đối với Hữu Bộ thì sự phân loại theo Tam Khoa đều là thực cả.

Đúng trên phương diện nghiên cứu học vấn thì tất cả những phương pháp phân loại đều có giá trị nhất định của nó.

3. NHẬN XÉT VỀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN LOẠI

Trong ý nghĩa phân loại các pháp theo phương thức Tướng Nhiếp nói trên các luận gia của các bộ phái đã đi từ chỗ cực đơn giản đến chỗ cực phức tạp theo những phương pháp như sau:

Ngay từ lúc ban đầu, Phật Giáo chia vạn hữu thành hai loại đó là: hữu-vi-pháp và vô-vi-pháp. Phật Giáo nguyên thủy đã dùng cách phân loại này, đặc biệt đứng trên lập trường giá trị đã đề xướng ra hai pháp trên. Về sau A-tỳ-đạt-ma-pháp-yếu-luận cũng dùng cách phân loại này làm tiêu chuẩn. Theo Câu Xá luận, khi giải thích về vạn hữu lúc đầu chia thành hai yếu tố Hữu Lộ và Vô Lộ. Nhưng sau lại chia thành ra Hữu Vi và Vô Vi (Câu Xá luận quyển I). Phương pháp này đã phát xuất từ những khái niệm kể trên.

Luận chủ Câu Xá, Thế Thân, sau đó lại chia tất cả các yếu tố cấu tạo vạn hữu thành Nhất-Uẩn, Nhất-Xú, Nhất-Giới, là ba khoa (Câu-xá-luận quyển I). Trong Sắc Uẩn bao gồm tất cả vật chất, trong Ý Xú gồm tất cả các yếu tố về tinh thần, và trong pháp-giới bao gồm tất cả các pháp bất-tương-ưng, các pháp vô vi và những yếu tố tương đương với tinh thần. Tóm lại theo cách phân loại này vạn hữu được chia thành 3 loại đó là: Vật, Tâm và Vô Vi.

Trong A-tỳ-đạt-ma-pháp-yếu-luận (8, 13) cũng đề cập đến cách phân loại này, theo đó, vạn hữu được chia thành: Danh (tâm), Sắc (vật) và Thi Thiết (không thuộc về Tâm và Vật), ba loại.

Thời đại Phật Giáo nguyên thủy đến A-tỳ-đạt-ma Phật Giáo có thuyết Ngũ Uẩn là phổ cập nhất. Thuyết này chia vạn hữu thành Sắc (vật chất), Thọ (cảm giác, cảm tình), Tư (biểu tượng), Hành (ý chí) và Thức (ngộ tính, thống giác) tất cả năm loại. Trong đó chỉ có một loại thuộc về vật chất đó là Sắc, bốn loại còn lại thuộc về tinh thần.

Còn thuyết "Lục Đại Duyên Khởi" tuy không phổ cập như thuyết Ngũ Uẩn nhưng được sánh giá trị ngang hàng với thuyết Ngũ Uẩn. Thuyết này chia vạn hữu ra làm 6 loại đó là: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Thức. Trái ngược với

thuyết Ngũ Uẩn, thuyết này chỉ có một yếu tố tinh thần đó là Thức, 5 yếu tố còn lại đều thuộc về vật chất. Phương pháp phân loại này đã được nói đến trong A-Hàm Bộ, Đại-giới-kinh (Đại Chính, I, trang 723).

Thuyết Ngũ Uẩn tuy được phổ cập nhưng thiếu phần Vô Vi pháp nên các luận phái đã cho thêm Vô Vi pháp vào để bổ khuyết cho thuyết này được hoàn bị hơn.

Người được coi như có công đầu trong việc thêm Vô Vi pháp vào thuyết Ngũ Uẩn phải kể là Ngô Nhập, Tôn sư của Thế Thân. Trong Nhập-a-tỳ-đạt-ma-luận, Ngô Nhập đã thêm vào Ngũ Uẩn ba pháp Vô Vi là Trạch Diệt vô vi, Phi Trạch Diệt vô vi và Hư Không vô vi. Ngô Nhập muốn chia vạn hữu thành tám cú nghĩa (Thiện thế chi tông hữu Bát cú nghĩa): 1) Sắc, 2) Thọ, 3) Tưởng, 4) Hành, 5) Thức, 6) Hư Không vô vi, 7) Trạch Diệt vô vi, 8) Phi Trạch Diệt vô vi (Nhập-a-tỳ-đạt-ma-luận quyển thượng, Đại Chính 28, trang 980).

Từ nguyên thủy Phật Giáo đến A-Tỳ-Đạt-Ma Phật Giáo tuy có nhiều cách phân loại như thế nhưng chỉ có 3 cách phân loại các Pháp thường được gọi là "Tam Khoa Phân Loại" tức là Ngũ Uẩn, Thập Nhị Xú và Thập Bát Giới được coi là phương thức phân loại tiêu chuẩn mà tất cả các phái bộ Phật Giáo đều công nhận.

4. NHỮNG PHÂN LOẠI TIÊU BIỂU

A/ Mười hai xú

Theo Câu Xá luận quyển I của Thế Thân thì tất cả các yếu tố cấu tạo thành vạn hữu vũ trụ được chia thành 12 loại gọi là Thập Nhị Xú. Đó là:

<u>Lục Căn Xú</u>	<u>Lục Cảnh Xú</u>
Nhãn căn xú	Sắc xú
Nhĩ căn xú	Thanh xú
Tỷ căn xú	Hương xú
Thiệt căn xú	Vị xú
Thân căn xú	Xúc xú
Ý căn xú	Pháp xú

Sự phân loại này dựa vào lục cảm và đối tượng của chúng. Theo như bảng liệt kê trên ngũ căn và đối tượng của chúng đã rõ ràng, nhưng riêng về Ý Căn và đối tượng của nó là Pháp Xú hơi phức tạp nên cần giải thích cho rõ hơn. Ý trong Duy Thức Học là Thức Thứ Sáu đối tượng phân biệt của nó là các pháp. Sở dĩ ở đây gọi là căn vì nó được xem như

là một cơ quan nhận thức phân biệt đối tượng của nó là pháp. Nói chữ Pháp thì tất cả các yếu tố cấu tạo vạn hữu đều gọi là Pháp tuy nhiên ở đây dùng từ Pháp Xú chỉ để chỉ các pháp Vô Vi, "Tâm bất tương ưng hành pháp" và những hiện tượng tinh thần khách quan đối tượng của Ý Căn mà thôi. (Tập A-Hàm quyển 13, Đại Chính 2, trang 91).

Nói về thể thì tất cả Thập Nhị Xú này đều là Pháp cả nhưng tại sao lại lập riêng Pháp Xú là đối tượng của Ý Căn chi vậy? Để giải thích điểm này xin trích dẫn Luận Bà Sa quyển 73 (Đại Chính 27, trang 380) có 11 lý do như sau:

1/ Hữu thí dụ, 2/ Bất cộng danh vô cố, 3/ Sinh tướng, 4/ Tử hữu vi tướng, 5/ Danh, cú, văn, thân duy ư thủ xú nhiếp cố, 6/ Thông sinh chú pháp cố, 7/ Không giải thoát môn, 8/ Trạch diệt niết bàn, 9/ Như thực giải tuệ, diệt duy nhiếp ư thủ xú cố, 10/ Nhiếp đa pháp cố, 11/ Đối ý xú cố.

Theo luận Câu Xá thì có ba lý do đó là: 1/ Vị sai biệt tối thắng, 2/ Nhiếp đa, 3/ Tăng thượng pháp, cố nhất danh Pháp Xú.

Luận sư của các bộ phái cho rằng đây là lối phân loại yếu tố cấu tạo vạn hữu hay nhất và hợp lý nhất.

B/ Mười tám giới

Đây là sự khoáng đại Thập Nhị Xú mà thành lập ra 18 giới này. Tức là 6 Căn cộng với 6 Cảnh và 6 Thức thành ra 18 giới:

Nhãn căn giới	Sắc giới	Nhãn thức giới
Nhĩ căn giới	Thanh giới	Nhĩ thức giới
Tỷ căn giới	Hương giới	Tỷ thức giới
Thiệt căn giới	Vị giới	Thiệt thức giới
Thân căn giới	Xúc giới	Thân thức giới
Ý căn giới	Pháp giới	Ý thức giới

Từ "Pháp Giới" được giải thích là: "chư pháp vị ý dĩ chính đáng, thị danh "Pháp Giới" (Tham khảo luận Bà Sa quyển 71, Đại Chính 27, trang 370).

Giữa Ý Căn Giới và Ý Thức Giới có biên giới rất khó phân biệt nhưng theo sự giải thích của các luận sư thì "Ý Căn Giới" là từ dùng để chỉ Tâm ở phương diện bị động; "Ý Thức Giới" là từ dùng để chỉ sự phán đoán, suy luận... chỉ hành tướng của Tâm và phương diện chủ động.

Như trên đã trình bày có 3 cách phân loại về các yếu tố cấu tạo vũ trụ đó là Ngũ Uẩn, Mười Hai Xú và Mười Tám

Giới còn gọi là Tam Khoa Phân Loại. Đó là cách phân loại cơ bản của tất cả các bộ phái Phật Giáo (tham khảo Bà Sa luận quyển 71, Đại Chính 27, trang 366).

C/ Hai Mươi Hai Căn

Ngoài những phân loại kể trên còn có "Nhị thập nhị căn luận" cũng được các bộ phái luận cứu tường tận. Theo các luận thư như Tỳ Ba Lăng Già, luận bộ Bắc Phương, A Tỳ Đàm luận quyển 5 (Đại Chính 28, trang 560), Bà Sa quyển 143 (Đại Chính 27, trang 729), Câu Xá luận quyển 3 - 7... đều có đề cập đến.

Nhị thập nhị căn (hai mươi hai căn), theo thứ tự trong Câu Xá luận là:

Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, nữ căn, nam căn, mệnh căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn, tín căn, cần căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri đương tri căn, dĩ tri căn và cụ tri căn.

Theo luận Câu Xá và Bà Sa thì sáu căn đầu chỉ rõ chỗ y chỉ của tâm. Hai căn "nam", "nữ" là chỉ rõ sự khác biệt phái tính giữa các loài hữu tình, "mệnh căn" chỉ rõ căn bản của sinh mệnh. Từ căn này tính ngược lên là những yếu tố cấu tạo các loài hữu tình, chỉ rõ những tướng trạng tạp da của những sinh hoạt tình cảm. Những "Căn" còn lại là chỉ rõ những đạo trình tu dưỡng phải trải qua.

Trước tiên là Ngũ Thọ Căn liên hệ đến bản thân của loài hữu tình. Sau đó luận chủ nói đến quá trình tu tịnh để thanh tịnh các căn nên thuyết minh về các căn như Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ. Sau cùng luận chủ thuyết minh về 3 căn vô lậu để thành lập Hai Mươi Hai Căn.

Trong Câu Xá quyển 3 có bài tụng như sau:

"Tâm sở y, thủ biệt, thủ trụ, thủ tạp nhiễm, thủ tư lương, thủ tịnh: do thủ lượng lập căn".

Cũng theo Câu Xá quyển 3, sở dĩ luận chủ thuyết minh ra Hai Mươi Hai Căn là để kiến lập ra nguyên lý "Lưu Chuyển Hoàn Diệt" trong vạn hữu vũ trụ.

Theo Lân Ký trong Tụng Số thì nói đây là luận thuyết của Pháp Tạng Bộ (Phật Giáo Đại Hệ Bản Đệ Nhất, trang 224). Do đó thuyết này cũng có nhiều luận thuyết khác nhau. Tuy nhiên nó vẫn có giá trị nhất định về phương pháp phân loại các Pháp.

D. Ngũ Vi

Khảo sát đến đây ta thấy sự phân loại các Pháp đã đi đến chỗ phức tạp, tuy nhiên các luận gia của các bộ phái vẫn chưa thỏa mãn nên họ muốn đi xa hơn để tìm ra những phân loại hoàn hảo hơn. Trong số đó phải kể là Thế Hữu thuộc Hữu Bộ đã đề thuyết ra thuyết Ngũ Vị.

Thế Hữu đã ra đời và khoảng 500 năm sau Phật nhập diệt, đã chia ra những yếu tố cấu tạo vạn hữu thành ra 5 loại đó là: Sắc, Tâm, Tâm Sở, Tâm Bất Tương Ứng Hành và Vô Vi.

Sau đây xin trích đoạn giải thích về Ngũ Vị nói trên trong chương Biện Ngũ Sự trong Phẩm loại Túc Luận:

"Cổ năm pháp: 1/ Sắc, 2/ Tâm, 3/ Tâm sở, 4/ Tâm bất tương ứng hành, 5/ Vô vi pháp.

Sắc là gì? là tất cả những vật có hình sắc và do bốn đạo tạo thành. Bốn đại là: đất, nước, lửa, gió. Những sắc được hợp tạo là Nhân căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn, Thân căn, Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc và "Vô biểu sắc".

Tâm là gì? Là tâm, ý, thức. Tâm, ý, thức là gì? Là lục-thức-thân, tử là nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Tâm sở pháp là gì? Là những pháp tương ứng với tâm. Pháp đó là gì? Là: thụ, tưởng, tư, xúc, tác ý, dục, thắng giải, niệm, định, tuệ, tín, cần, tầm, tử, phóng dật, thiện căn, bất thiện căn, vô ký căn, nhất thiết kết phược, thù miên, tùy phiền não, triền, chử sở hữu trí, chử sở hữu kiến, chử sở hữu hiện quan... Ngoài ra, tất cả các pháp khác tương ứng với tâm như thế thì đều gọi là Tâm sở Pháp.

Tâm bất tương ứng hành là gì? Là những pháp không tương ứng với tâm. Những pháp đó là gì? Là đắc, vô tưởng định, diệt định, vô tưởng sự, mệnh căn, chủng đồng phận, y đắc, sự đắc, xử đắc, sinh, lão, trụ, vô thường tính, danh thân, cú thân, văn thân. Ngoài ra, tất cả các pháp không tương ứng với tâm đều gọi là tâm bất tương ứng.

Vô vi là gì? Là ba vô vi: hư không, phi trạch diệt, trạch diệt".

(Phẩm loại túc luận quyển I, Đại Chính 26, trang 692).

Đó là đoạn văn tuy rất đơn giản nhưng rất đầy đủ và được xem đó là cách phân loại các Pháp mẫu mực chẳng những cho Hữu Bộ mà cả đến phái Duy Thức của Đại Thừa cũng đã lấy đó làm

mẫu mực trong sự phân loại các Pháp về sau.

Trong những bộ luận của Nam Phương lúc đầu không tìm thấy cách phân loại trên nhưng trong những bộ luận thuộc thời kỳ sau người ta đã tìm thấy sự phân loại như trên. Đó là cách phân loại trong Y-tỳ-đạt-ma-pháp-yếu luận của A Nâu Lô Đà vào khoảng thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 12.

Trong quyển I nói "Pháp có 4 loại" đó là: 1/ Tâm thức, 2/ Tâm sở, 3/ Thô sắc, tế sắc, 4/ Niết Bàn (vô vi). Như thế so với thuyết Ngũ Vị của Thế Hữu thiếu mất "Tâm bất tương ứng hành". Nhưng ở một nơi khác luận này nói đến "Thi thiệt", "khái niệm", "quan niệm. Nếu đem "tâm bất tương ứng hành" và "nhân duyên pháp" của Hữu Bộ mà thu tóm vào "Thi thiệt", "khái niệm" và "quan niệm" của A-tỳ-đạt-ma-pháp-yếu luận ta có thể nhận xét được rằng sự phân loại này hoàn toàn giống với sự phân loại Ngũ Vị của Thế Hữu.

Vấn đề ở đây không phải xét rằng A Nâu Lô Đà có ảnh hưởng Thế Hữu hay không mà phải kể rằng Thế Hữu là người có công đầu trong phương pháp phân loại Ngũ Vị như đã nói trên. Tuy rằng Ngũ Vị đã được định rõ nhưng chưa có con số nhất định của các pháp trong Ngũ Vị đó. Ngay cả trong Phẩm Loại Túc Luận và Đại Tỳ Bà Sa cũng chưa dứt khoát quyết định thu nhiếp những Pháp nào vào trong Ngũ Vị. Định số chủ yếu của Tâm Sở vẫn chưa được quyết định là bao nhiêu món.

Về sau Duy Thức Học Phái đã căn cứ vào luận Bà Sa mà liệt kê 100 pháp vào Ngũ Vị.

Ngộ Nhập trong Nhập A Tỳ Đạt Ma luận tuy bề ngoài không tỏ ra ảnh hưởng phương pháp phân loại Ngũ Vị nhưng bên trong đã cho thấy có ảnh hưởng trong lúc liệt kê các Pháp thành 77 Pháp, tuy thế vẫn chưa có con số nhất định.

Sau đó Câu Xá lại thành lập ra 75 Pháp liệt kê vào trong Ngũ Vị.

E. Bảy Mười Lăm Pháp

Trong Câu Xá luận có phân ra 75 Pháp như sau:

(1) **Vô Vi Pháp có 3:** Hư không vô vi, Trạch diệt vô vi, Phi trạch diệt vô vi.

(2) **Hữu Vi Pháp có 25:** chia làm hai loại: Sắc Pháp có 11 và Tâm bất tương ứng hành có 14 loại.

a) **Sắc Pháp có 11 loại:** Ngũ căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân); Ngũ cảnh

(sắc, thanh, hương, vị, xúc) và nhiều biểu sắc.

b) **Tâm bất tương ứng hành có 14 loại:** đắc, phi đắc, đồng phận, vô tưởng quả, vô tưởng định, diệt tận định, mệnh căn, sinh, trụ, dị, diệt, danh thân, cú thân, văn thân.

(3) **Tâm Pháp có 1:** Tâm vương (Nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạn na thức, a lại da thức).

(4) **Tâm sở hữu Pháp có 46:** chia làm 6 loại:

(a) **Biến đại địa pháp có 10:** Thụ, tưởng, tư, xúc, dục, tuệ, niệm, tác ý, thắng giải, tam ma địa.

(b) **Đại thiên địa pháp có 10:** Tín, cần, xả, tầm, quý, vô tham, vô sân, bất hại, khinh an, bất phóng dật.

(c) **Đại phiền não địa pháp có 6:** Vô minh, phóng dật, giải đãi, bất tín, hôn trầm, trạo cử.

(d) **Đại bất thiên địa pháp có 2:** Vô tâm, vô quý.

(e) **Tiểu phiền não địa pháp có 10:** Phẫn, phú, xan, tật, não, hại, hận, siểm, cuồng, kiêu.

(f) **Bất định địa có 8:** Ác tác, thù miên, tâm, tử, tham, sân, mạn, si.

Nói một cách nghiêm túc thì trong Câu Xá luận vẫn chưa xác định con số của Bất định Pháp, trong Tâm sở Hữu Pháp. Đến Câu Xá Luận Ký của Phổ Quang mới xác định con số của Bất định Pháp là 8. Đó là: Ác tác, thù miên, tâm, tử, tham, sân, mạn, si. Do đó mà 75 Pháp của Hữu Bộ Tôn được thành lập.

Sau cùng là Ngũ Vị với 100 Pháp.

F. Một Trăm Pháp

Từ những phương pháp phân loại các Pháp nói trên về sự thành lập số mục của các Pháp, sau đây là 100 Pháp. Đây là cách phân loại được xem là tận cùng rốt ráo nhất, làm mẫu mực chẳng những cho Duy Thức Tôn mà các Tôn phái khác cũng xem đây là cách phân loại hay và tường tận nhất, tiêu biểu nhất từ đó đến nay.

Trong luận Đại Thừa Trăm Pháp của Thế Thân phân chia 100 Pháp thành 5 loại như sau:

(1) **Tâm Pháp có 8:** Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, Mạn Na thức, A Lại Da Thức.

(2) **Tâm Sở Hữu Pháp có 51**: Phân làm 6 loại:

(a) **Biến Hành có 5**: Xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư.

(b) **Biệt Cảnh có 5**: Dục, thắng giải, niệm, định, huệ.

(c) **Thiền có 11**: Tín, tâm, quý, vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, khinh an, bất phóng dật, hành xả, bất hại.

(d) **Căn Bản Phiền Não có 6**: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến (ác kiến có 5: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ).

(e) **Tùy Phiền Não có 20**: Chia làm 3 loại:

- **Tiểu tùy có 10**: Phẫn, hận, phú, nã, tật, xan, cuống, siểm, hại, kiêu.

- **Trung tùy có 2**: Vô tâm, vô quý.

- **Đại Tùy có 8**: Trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri.

(f) **Bất định có 4**: Hối, miên, tâm, tư.

(3) **Sắc Pháp có 11 món**:

Năm căn: Nhân căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn.

Sáu trần: Sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần, pháp trần.

(4) **Tâm Bất Tương Ứng Hành**

Pháp có 24: đác, mạng căn, chúng đồng phận, di sinh tánh, vô tưởng định, diệt tận định, vô tướng báo, danh thân, cú thân, văn thân, sanh, trụ, lão, vô thường, lưu chuyển, định dị, tương ứng, thế tốc, thú đệ, thời, phương, số, hòa hợp tánh, bất hòa hợp tánh.

(5) **Vô Vi Pháp có 6**: Hư không Vô Vi, Trạch Diệt Vô Vi, Phi Trạch Diệt Vô Vi, Bất Động Diệt Vô Vi, Tưởng Thọ Diệt Vô Vi, Chơn Như Vô Vi.

Những phương pháp phân loại các yếu tố cấu tạo vạn hữu còn gọi các Pháp nêu trên là những phương pháp phân loại tiêu biểu nhất từ nguyên thủy Phật Giáo đến ngày nay. Trong Duy Thức Học chủ trương rằng tất cả Pháp đều do thức biến hiện cả, do đó dù phân loại đến đâu đi chăng nữa thì các pháp cũng không nằm ngoài sự biểu hiện của Căn Bản Thức (Thức Thú Tâm) vậy.

(Còn tiếp)



THƠ - *hahuyenchi*



TRÔI NGOÀI MÊ TÂM

Khuya em ngáp ngán, thở dài
Lòng anh động sóng trôi ngoài mê tâm
Như con nước lớn, nguyệt rằm
Trăm tay bạch tuộc trên thân dật tình

Sáng em gõ cửa tim anh
Ngỏ lời chim sớm, long lanh sương mềm
Em nằm ghé xuống một bên
Một dòng sông trắng chảy nghiêng bán cầu

Trưa ta thanh thản buông câu
Thấy em giã giũa trên đầu cần anh.

Tàn Đồi Nhé Em!

Ngoài trời còn có trời xanh
Trong tình còn có biển tình bao la
Ngoài Ngân Hà có Thiên Hà
Trong ta mềm yếu có ta kiên cường

Nổi dài cơn giận cơn thương
Có nhau địa ngục thiên đường cũng vui
Mặc cho bãi lở sông bồi
Vớ nhau tận nghĩa, tàn đồi nhé em!

"TỰ NGÃ" CỦA MỖI CON NGƯỜI



• Thích Như Điển

Mới đây Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, một kẻ sĩ của Phật Giáo Việt Nam thời hiện tại, có một buổi nói chuyện thân mật với các Tăng trẻ tại chùa Từ Hiếu, trong đó cũng có nhiều Phật Tử đến nghe.

Bài nói chuyện này được đưa trên mạng lưới Internet của Trang Hoa Sen; nên ai cũng có thể vào đó để xem được. Riêng tôi sau khi đọc bài nói chuyện này, tôi đã nói với Đại Chúng chùa Viên Giác rằng: "Đúng Thầy Tuệ Sỹ là một kẻ sĩ thời đại của Phật Giáo Việt Nam". Vì sao vậy? Vì kẻ sĩ - cả ngày xưa lẫn ngày nay đều là những người quân tử, lấy cây trúc làm điển hình, bực trượng phu của Tam giới; hơn thế nữa, là một vị Bồ Tát thị hiện ở giữa cõi đời này.

Thầy phân tích rất rõ ràng, lời nói êm dịu qua cách diễn đạt; nhưng cũng không thiếu những sâu sắc. Đôi khi dí dỏm; nhưng rất chua cay. Riêng tôi thì đã thấm sâu lời Thầy; nên hôm nay mới lấy một số ý chính để viết cho báo Viên Giác kỳ này với nhan đề như bên trên đã chọn lựa.

Ngày xưa cách đây 2000 năm, Ngài Long Thọ là một Đại Luận Sư về Trung Quán và trong hiện tại có Đức Đạt Lai Lạt Ma; ngoài ra cũng có một vài nhà hiền triết Âu Châu đã ảnh hưởng tinh thần của Phật Giáo; nên đã nói rằng: "Thay vì người ta phải tự bực nhưng hai chân của mình để đi trên quả địa cầu này để được êm dịu; nhưng đa phần ai cũng muốn rằng quả địa cầu này phải bực nhưng để đôi chân được êm hơn khi đi đứng chạy nhảy trên ấy". Quả là một

điều nghịch lý mà chúng ta lâu nay vẫn hay nghĩ như vậy. Làm gì có một thế giới trong 3 cõi này mà không có khổ đau để Bồ Tát hành phương tiện? Bồ Tát hay Phật chỉ thành tựu đạo nghiệp khi thực chứng sự khổ đau của chúng sanh mà thôi.

Thầy Tuệ Sỹ đã kể về cái học ngày xưa của Thầy và cách đối xử, tiếp xúc với quý Ông, quý Hòa Thượng lớn và từ đó Thầy nói về tương lai của Phật Giáo Việt Nam; nói về tuổi trẻ ở thời gian sắp tới. Tự chung là Thầy thất vọng. Vì lẽ tuổi trẻ Việt Nam trong hiện tại không có định hướng cho hướng đi của mình, mà việc định hướng tương lai của mỗi người thì không ai có thể dạy trước được điều này cho mình cả. Mỗi người phải tự định hướng cho mình mà thôi. Quý Ông, quý Thầy lớn có thể dạy cho mình nào Kinh, Luật, Luận, nào oai nghi cử chỉ đi đứng nằm ngồi; nhưng quý bậc Tôn Túc ấy không thể dạy cho ta tất cả những gì mà cuộc đời cần đến ta. Do vậy việc định hướng tương lai của mỗi người tự mỗi người phải thành tựu lấy.

Những mảnh bằng mà ta có được nào là Tiến Sĩ, Bác Sĩ, Kỹ Sư, Cao Học, Thạc Sĩ, Phó Tiến Sĩ v.v... tất cả đó chỉ là công lao của sự học tập; chứ nó không nhất thiết phải là định hướng của cuộc đời. Đôi khi nếu không có sự tu tập, ta căn cứ trên tự ngã của mình mà biến nó thành chỗ trường đua danh lợi thì nguy hiểm vô cùng. Dĩ nhiên sự học rất cần thiết. Do đó tôi thường hay nói: "Sự học nó không làm cho con người ta giải thoát được, mà muốn mở cánh cửa giải thoát ấy, người ta không thể thiếu sự tu và sự học được". Đã biết vậy, nhưng cái tri thức và sự hiểu biết kia nó chỉ giới hạn trong một số vấn đề mà thôi. Ví dụ người học về ngôn ngữ thì chỉ biết về phạm vi ngôn ngữ của mình học; chứ không thể biết hết tất cả các ngôn ngữ được. Người học về Triết học cũng chỉ có thể biết tổng quát về triết Đông, Tây kim cổ; chứ không thể biết hết mọi triết thuyết của các triết gia. Người học Y Khoa, Tôn Giáo, Giáo Dục, Phật Giáo v.v... cũng chỉ thế thôi. Vì cái học bao giờ cũng bị giới hạn bởi cái hiểu biết của mình. Đó là chưa nói đến những điều thành kiến, cố chấp do tự ngã của mình xây dựng nên. Do vậy khó có thể nói rằng nhận thức của mình là đúng hay sai. Vì lẽ đúng sai khó phân biệt trong cuộc sống tương đối này. Có thể cái này

đúng trong lúc này mà sai ở nơi khác. "Tất cả các pháp đều không nhất định", Phật đã dạy từ ngàn xưa như thế. Nếu pháp nào mà dùng dùng cái "tự ngã" của mình để phán đoán, thì chắc chắn pháp ấy đứng đắn hơn, công tâm hơn và cao cả hơn. Còn pháp nào mà còn lấy cái ta để đo lường thì chắc chắn rằng pháp ấy tương đối của thế gian; chứ chẳng phải là pháp của xuất thế gian.

Thầy Tuệ Sỹ cũng có nói cho các học Tăng nghe rằng: "Ngày xưa Thầy và Thầy Trí Siêu Lê Mạnh Thát, thông minh như thế đó, học giỏi chẳng ai bằng như thế đó mà mỗi ngày quý Thầy ấy vẫn phải miệt mài trên chiếc ghế từ 10 đến 12 tiếng đồng hồ. Còn chúng ta ngày nay? - Chỉ học đâu đó lờ mờ đôi điều, thế là có cơ hội để đi khoa trường bằng chứng. Nghĩa là vào đảng tai ra đảng miệng như văn Cảnh Sách của Ngài Quy Sơn Linh Hựu đã nói. Cái học ngày nay nó li chi lảm; nó nhiều ngành lắm; nhưng đa phần thì không lo chuyên môn, mà đi lo thị phi của những ngành khác. Không ai rành hơn người sống trong tôn giáo của mình mới có đủ tư cách và bản lĩnh để nói về Tôn Giáo của mình. Trong khi đó có biết bao nhiêu người, kể cả người Tu và Phật Tử cũng như không Phật Tử làm như mình là kẻ hiểu biết lắm - cứ vấn đề nào cũng bàn đến, tán vào, nói vô tội vạ chẳng có một căn cứ và chứng từ nào cả.

Một ông Bác Sĩ chắc chắn không thể rành chuyện nông trang bằng một anh nông dân được. Trừ khi ông ấy trước khi trở thành Bác Sĩ đã là một ông nông dân thì có thể nghe được khi ông ta nói về chuyện nông trang. Trong khi đó có rất nhiều người nông dân không rành chuyện Bác Sĩ; nhưng vẫn cứ dùng tự ngã của mình để nói về chuyên y học như thường. Đúng là cuộc đời này không có định hướng và xã hội của chúng ta đang loạn lên rồi.

Nhìn vào báo chí, truyền hình, quảng cáo, ca nhạc, phim ảnh v.v... của thế kỷ thứ 21 này chúng ta thấy cháng váng. Đôi khi nghe nhức cả tai, mờ cả mắt mà chẳng biết nội dung của bài ca, lời hát đó họ muốn diễn đạt cái gì. Nếu có chỉ là điệu bộ; nhưng điệu bộ bây giờ sao mà nó khác ngày xưa quá. Do vậy đã có nhiều người và nhiều tổ chức muốn trở về nguồn là vậy. Nhưng còn tương lai thì sao đây? Bỏ lại sao dành với vấn đề văn hóa giáo dục và những vấn đề khác?

Mới đây Cơ quan Giáo dục Trung ương của nước Đức đã làm một bảng thống kê về sự học của dân mình. Chỉ số tiến bộ về mọi bộ môn nằm ở điểm ngoài 10 nước tiêu chuẩn. Như thế là thế nào? Nước Đức, Mỹ, Nhật vẫn là những cường quốc kia mà; nhưng tại sao dân của mình vẫn còn ngoại lệ như vậy? Cái gì đã làm cho những giá trị của học đường nó sa sút như thế? Đó là chưa kể những bài học một chiều trong các nước vẫn còn theo chế độ Cộng Sản. Ví dụ Karl Marx sinh trưởng tại Trier; nơi ấy bây giờ họ đã chối từ ông. Trong khi đó có không biết bao nhiêu người Cộng Sản đang treo hình ông để thờ và đánh bóng ông một cách quá lố; trong ấy có Cộng Sản Việt Nam. Thật là một điều lố lăng và sỉ nhục. Những kẻ còn có lương tâm không ai làm việc ấy cả.

Thượng Tọa Tuệ Sỹ có nhắc lại một câu chuyện trong buổi nói chuyện thân mật với chú Tăng chùa Từ Hiếu tại Huế như sau: "Năm 1980, 1981 Ban Tổ Chức của Nhà nước cố tình thuyết phục Cố Hòa Thượng Thích Trí Thủ ra làm việc, với nhiệm vụ gần như là Viện Trưởng Viện Hóa Đạo của trước đó; nhưng Hòa Thượng cố chối từ vì lẽ, trong Hiến Chương Giáo Hội mới có câu: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam là thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc. Mà Hòa Thượng biết chắc là Mặt Trận này là con cò của Đảng Cộng Sản; nên Hòa Thượng không đồng ý. Ngài quan niệm rằng Giáo quyền phải sang trang hoặc nằm trên thế quyền, chứ không thể nằm dưới thế quyền. Điều này các xã hội Âu Mỹ ngày nay đang áp dụng và Hòa Thượng chỉ đồng ý ký vào biên bản khi câu ấy không có nghĩa phụ thuộc nữa. Thế nhưng những con cò, những con thoi liên lạc giữa Giáo Hội và Nhà nước lúc bấy giờ rất sợ thế lực của Nhà nước nên đã đánh tráo. Cuối cùng rồi Ngài cũng đã ra làm việc; nhưng Ngài đã nói với quý Thượng Tọa Tuệ Sỹ và Trí Siêu rằng: "**Tôi chịu nhục để quý Thầy làm việc**". Đây là một câu nói lịch sử mà gần 20 năm sau, khi Hòa Thượng bị bức tử, vì không làm theo lệnh của Nhà nước; nên chúng ta phải trả lại vị trí của vị Đạo Sư ngày nào cho Phật Giáo Việt Nam chứ không nên hiểu lầm như bao lâu nay chúng ta đã có người làm tượng.

Câu nói ấy chứng tỏ Hòa Thượng đã quên đi cái tự ngã của mình và hòa mình vào đại ngã của Dân Tộc và Phật Giáo trong thời kỳ nhiễu nhương ấy. Thế

nhưng vô minh và nghiệp chướng không chùa Hòa Thượng, để rồi Hòa Thượng cũng phải ra đi một cách tức tưởi, mặc dầu Hòa Thượng đã chẳng đau yếu gì. Những kẻ ấy cũng là những kẻ sĩ của Dân Tộc và của Phật Giáo Việt Nam của hôm qua, ngày hôm nay và cho bao đời trong mai hậu nữa. Rồi đây Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa Thượng Quảng độ, Hòa Thượng Đức Nhuận, Thượng Tọa Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Trí Siêu Lê Mạnh Thát, Ni Sư Trí Hải v.v... sẽ là những tấm gương vàng vạc rạn ngời trí tuệ siêu việt của Phật Giáo và quyết không là những người sống trong quê hương mà chẳng làm lợi lạc được cho quê hương.

Một Khuông Việt Thái Sư làm quân sư cho vua Đinh Tiên Hoàng; một Pháp Thuận Quốc Sư làm Cố vấn cho vua Lê Đại Hành; một Vạn Hạnh Thiền Sư làm Thầy cả vua và trăm họ cho Lý Thái Tổ v.v... và v.v... lịch sử cũng còn đó để chứng minh rằng dẫu cho 1.000 năm sau đi nữa lịch sử cũng phải minh danh các bậc Đại Sư này đã bỏ qua tự ngã và hòa mình vào cái đại ngã của dân tộc hay cái vô ngã của Thiên Tông cũng như của Đạo Phật, mà danh thơm ấy, sử xanh còn truyền lại cho đến ngày hôm nay.

Cách đây chừng 5 năm tôi đã viết một bài đăng trên Viên Giác với tiêu đề là "**Bất Lễ Quân Vương, Bất Lễ Phụ Mẫu**", có nhiều người đọc, nhưng đã hoài nghi và nghĩ rằng làm sao người tu sĩ có thể xử sự như thế được và ngày xưa vua chúa có tha tội cho những người xuất gia khi không lễ bái quân vương chẳng?

Hôm nay tôi quay lại tiêu đề này một chút vì nó có liên quan đến tự ngã và vô ngã với tiêu đề bên trên. Nếu quý vị nào hiện có quyển "**Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới Giảng Ký** quyển 2" do Pháp Sư Diễn Bồi người Trung Hoa diễn giảng tại Singapore và Liên Chúng Bồ Tát giới tại Đức, Hòa Lan ấn hành năm 2001 thì xin giở ra trang 862 do Hòa Thượng Thích Trí Minh ở Việt Nam dịch, vào phần B. 2.2.40 - Giới không bình đẳng truyền giới thì sẽ đọc được ngay về nghi vấn bên trên. Đến trang 871 phần đầu được ghi lại như sau:

"Còn người xuất gia, ngay lúc xuất gia đã thực hành như vậy rồi (xem đoạn bên trên) nên khi thọ đại giới, không được thực hành như vậy nữa. Chỉ lấy Đạo làm trọng và phải vâng giữ theo pháp của người xuất gia. Cho nên không

được lễ bái quân vương, cũng không được lễ bái cha mẹ. Vì người xuất gia đã xa lìa tình niệm quyến thuộc, nên đối với lục thân, không được bày tỏ lễ nghi kính trọng". Đó là phần của người xuất gia đối với những người tại gia. Còn người tại gia đối với người xuất gia thì sao?

Xin xem "Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới" dịch ra tiếng Việt của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, trang 25, phần 48 điều giới khinh (nhẹ).

1 - Giới không kính Thầy bạn.

Nếu Phật Tử, lúc sắp lãnh ngôi Quốc Vương, ngôi chuyển Luân Vương, hay sắp lãnh chức quan trước nên thọ giới Bồ Tát. Như thế tất cả quý thần cứu hộ thân vua và thân các quan. Chư Phật đều hoan hỷ.

Đã đắc giới rồi, Phật Tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng Tọa, Hòa Thượng, A Xà Lê, những bậc Đại Đức, đồng học, đồng kiết, đồng hạnh đến nhà, phải đứng dậy tiếp rước lạy chào, hỏi thăm. Mỗi sự đều đúng như pháp và cúng dường, hoặc tự bán thân cho đến quốc thành con cái, cùng bảy báu trăm vật để cung cấp các bậc ấy. Nếu Phật Tử lại sanh lòng kiêu mạn, sân hận, ngu si, không chịu tiếp rước lạy chào, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường, Phật Tử này phạm "khinh cấu tội" .

Phân tích đoạn đầu chúng ta thấy, ngay cả Vua chúa, Quan chức, Phật cũng đã khuyên trong kinh Bồ Tát giới là nên thọ giới Bồ Tát. Để làm gì? Để tu thân và lợi lạc cho cả quốc gia và xã hội.

Đoạn 2 có nghĩa là khi một người đã thọ Bồ Tát giới rồi, bất luận là Vua, Quan, Tể Tướng v.v... khi gặp người xuất gia đều nên tiếp rước lạy chào. Nếu không làm vậy tức phạm vào giới không kính Thầy bạn.

Ở đây có 2 điều được đặt ra - Người xuất gia được kính lễ cũng phải xả bỏ cái tự ngã của mình. Còn người tại gia, dẫu là quan chức lớn đến đâu đi chăng nữa cũng nên xả bỏ cái cố chấp về bản ngã đó để đánh lễ các bậc xuất gia, thì công đức ấy khó gì sánh kịp và chư Phật đều hoan hỷ. Như vậy cả hai đều có lợi lạc khi xả bỏ cái tự ngã của mình. Còn kẻ nào làm mà còn đứng trên bản ngã để hành động thì kẻ ấy dẫu xuất gia hay tại gia cũng đều có lỗi cả.

Ngày xưa là thế. Ngày nay vật đổi sao dời, người tại gia cũng chẳng tu mà người xuất gia cũng có lắm điều xấu hổ.

Vì gió lợi, danh, tiền tài, địa vị cũng đã có đôi phần làm hoen ố cửa Thiền. Phải thành thật nói lên điều ấy. Do vậy mà Thầy Tuệ Sỹ bảo rằng nếu không cho Thầy ở chùa thì Thầy ra gặm cầu Thầy ở. Đối với Thầy ấy ở đâu cũng vậy. Nơi nhà tù cũng là chỗ tu hành. Đã có lần Thầy viết:

**"Phụng thủ ngục tù phạn
Cúng dường tối thắng tôn
Thế gian trường huyết hận
Bình bát lệ vô ngôn"**

Ngồi trong chùa, ở dưới gầm cầu hay ở trong tù cũng chỉ thế thôi. Vì con người ấy đã lấy cái đau của chúng sanh làm cái đau của chính mình. Trong khi đó đa phần chúng sanh khác thường lấy cái khổ của kẻ khác để làm niềm vui của mình thì những hạng người này ở thời buổi nào cũng có; cho dù đó là tại gia hay xuất gia.

Bài nói chuyện của Thầy hôm đó công khai, đã có nhiều người nghe và có lẽ đã đánh thức được lương tâm của thời đại - nhất là lương tâm của những người Tăng sĩ trẻ ở trong nước ngày nay. Một thời đại của áo mao xanh xang, áo giải thoát không mặc mà lo khoác lên mình một chiếc áo của quan trần thế. Để làm gì? - khi mà hỏi về giáo lý cũng chỉ ngần ngừ ra chứ chưa thông chữ Hán, không rành chữ Phạn hoặc Pali thì làm sao còn những ngôn ngữ khác như Anh, Pháp, Đức, Nhật mà kham nổi nữa. Thầy đã đau buồn về thời đại; Thầy đã kể rõ tên từng người Tăng sĩ đã chịu kiếp nhục trước thế quyền, mà thế quyền đó không đáng cho ta cúi đầu vâng phục.

Ngay cả những thời kỳ tự chủ của nước nhà, Phật giáo vẫn đóng một vai trò cao cả. Đó là lãnh đạo quốc gia, cố vấn cho Vua. Còn ngày nay những người lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đều bất tài vô học, làm sao ta là người Tăng sĩ có thể bợ đỡ cho được. Điều ấy đã làm hoen ố lịch sử của Phật Giáo do những nhà sư trá hình cò mồi, nối giáo cho giặc để cho bản thân mình có chức tước, bổng lộc. Nếu là như vậy thì mục đích của người xuất gia đã hỏng rồi. Nhớ lại văn xưa Ngài Quy Sơn Đại Viên Thiền Sư có ghi trong Cảnh Sách rằng:

**"Phù xuất gia giả
Phát túc siêu phàm
Tâm hình dị tục
Thiện long thánh chủng
Chấn nhiếp ma quân"**

**Thượng báo tử ân
Bạt tế tam hữu
Nhuộc bất như thử
Lạm xỉ tăng luân..."**

Phải như vậy mới là mục đích của người xuất gia. Nếu không là vậy uống công ở chùa và uống cơm của đàn na thí chủ.

Tôi đọc và ngẫm nghĩ bài văn trên trong nhiều ngày, cũng đã có đem ra thảo luận trong chúng lý chùa Viên Giác và hôm nay lại viết lên đây một vài trang để cho mọi người cùng đọc nhằm chia sẻ những kinh nghiệm của cuộc sống mà Thầy Tuệ Sỹ là một kẻ sĩ của thời đại; không những chỉ cho Phật Giáo mà cho mọi người và mọi loài.

Còn Thầy Trí Siêu là trí tuệ của Phật Giáo, sau khi đã dày công nghiên cứu trong bao năm tháng đã cho ra các tập sách giá trị với cổ kim thời đại như lịch sử Phật Giáo Việt Nam tập I và II - Minh Châu Hương Hải toàn tập, Chân Nguyên toàn tập, Trần Nhân Tông toàn tập, Nghiên cứu về Thiền Uyển tập anh, Văn Học Sử Phật Giáo v.v... đúng là những bộ óc siêu việt của Phật Giáo Việt Nam và của Dân Tộc Việt Nam trong thời hiện tại.

Trong khi đó ở hải ngoại ngày nay chúng ta đã gặt hái được gì? về Tăng Già lẫn Cư Sĩ? Sau hơn 25 năm có mặt tại xứ người mặc dầu chúng ta đã tạo dựng được nhiều ngôi chùa to Phật lớn đấy, nhưng nhìn chung phải nói là đau buồn. Vì lẽ trong chùa lớn ấy không có nhiều các tâm hồn lớn như Thầy Tuệ Sỹ hay Thầy Trí Siêu. Nhiều nơi đã thi nhau cất chùa, nhưng ít nơi nào để ý kỹ đến vấn đề giáo dục cho Tăng Ni. Nếu có cũng chỉ một vài ba nơi lẻ loi, chưa xứng đáng với vị trí của một Phật Giáo Việt Nam ở nơi các xã hội văn minh Âu Mỹ này.

Ngày nay người Anh, người Úc, người Mỹ, người Đức khao khát giáo lý của Đức Phật như đất hạn trông mưa. Thế nhưng quái ác thay bức tường thành ngôn ngữ và sự hội nhập của chư Tăng Ni còn quá giới hạn, chưa đi vào đời. Chỉ phải chạy theo đời để bắt cho kịp cái trào lưu tiến hóa này đã phải thở dốc rồi. Đó là nói những người có chí; còn đa phần những người gặp khó khăn thủ thách thì chùn chân. Chỉ vì thiếu hướng dẫn và không trang bị cho mình một ý thức trách nhiệm. Chỉ muốn việc gì dễ thì tham gia, Thầy nào dễ thì theo; chứ ít

ai tự kiểm điểm lại mình nên phải làm gì khi mà hoàn cảnh bên trong lẫn bên ngoài đều nhốn nháo lên cả như thế mà của chùa thì vẫn đóng im lìm. Những ai không thích hợp với thời cơ thì sẽ bị đào thải.

Thầy Tuệ Sỹ nói bài đó chắc cũng có lắm kẻ buồn và hôm nay ở hải ngoại tôi trùng tuyên lại việc này chắc cũng có nhiều Thầy, Cô và Phật Tử cho tôi là càn đổ; nhưng nếu tôi không nói thì bên ngoài họ cũng đã nói nhiều rồi. Dĩ nhiên là không hoàn toàn đúng. Vì họ không nằm trong nội bộ; nhưng bệnh thì phải phòng, chứ không phải chờ cho bệnh nặng mới chạy chữa thì lúc ấy trễ lắm rồi.

Còn Phật Tử ở hải ngoại ngày nay ra sao? Đa phần là giới, có tiền bạc, bằng cấp, địa vị trong xã hội ở xứ người; nhưng giới tu học giáo lý của Đức Phật thì thấy còn rất khiêm nhường. Giáo lý của Đức Phật phải ứng dụng vào cuộc sống của gia đình trong sinh hoạt hằng ngày; chứ không phải giáo lý ấy đem cất và thờ cao trên trang hay ở những bàn Phật trang nghiêm đẹp đẽ khác.

Ngày nay ở hải ngoại này tự do ngôn luận đã đi đến chỗ quá lộ, muốn nói ai thì nói, muốn chửi ai thì chửi; ngay cả Tổng Thống, Thủ Tướng, Vua Chúa, Dân Biểu. Chứ Tăng Ni thì họ kể gì. Chuyện không có tạo ra cho có. Chuyện thế này nói thế kia, vạch áo cho người xem lưng. Nhiều khi còn tự đặt chuyện thêm mắm dặm muối vào để tình tiết câu chuyện éo le gay cấn hơn. Có như thế mới có nhiều người đọc, sách bán mới chạy v.v... Không có chuyện nào hấp dẫn cho bằng chuyện ông Thầy, ông Cha lăn nhàn dứ với đàn bà con gái; cũng chẳng có chuyện nào hấp dẫn bằng chuyện tiền bạc hay địa vị danh lợi dưới mắt của người đời. Cứ thế và cứ thế tạo nên ý nghiệp cũng như khẩu nghiệp và văn nghiệp. Những người Phật Tử và không Phật Tử viết như thế nhằm chủ đích gì?

- Dĩ nhiên là hạ uy tín cá nhân của quý Thầy, quý Cô đó.

Làm thế để làm gì?

- Để tự bảo vệ cái ngã của mình. Để chúng tỏ rằng trên đời này không có ai đúng hết. Tất cả đều sai, chỉ có cá nhân người ấy đúng thôi.

Điều ấy để hiểu thôi, đối với người chưa hiểu đạo hoặc cố tình không hiểu thì con bọ hung nó xấu xí như thế, nó nhỏ nhoi như thế; nhưng chắc cái ngã

của nó không nhỏ đâu. Trong ngụ ngôn của Lafontaine đã viết về con ếch và con bò cũng giống như vậy. Con ếch thấy con bò bụng to nên cố gắng ráng sức phùng mang trợn mắt lên để có cái bụng to như con bò. Cuối cùng là bể bụng. Ở đây người tu không có đối tượng. Nếu có chỉ là tham sân si, để họ phải vượt qua và tự tu cho bản thân họ. Còn người Phật Tử lại lấy người tu để làm đòn bẩy để đạp lên và từ đó mới sinh ra những chuyện nghịch đời là:

*"Ngựa đua dưới nước
Thuyền chèo trên non"*

là vậy.

Tu sĩ thì không tròn bổn phận của mình. Cừ sĩ đôi khi xâm phạm và muốn thay thế luôn nhiệm vụ của Tăng sĩ nữa. Điều ấy không những chỉ có Phật Tử Việt Nam thôi đâu, cả Hội Phật Giáo ở Đức này cũng thế. Đúng là thời kỳ pháp nhược ma cường - tăng không ra tăng tục không ra tục. Lỗi ấy tại ai? Câu trả lời thật đơn giản - Tại mỗi người không xả bỏ tự ngã của mình mà thôi. Nếu cả tăng lẫn tục làm bất cứ một điều gì đừng để cái ngã nó chi phối, quả thật việc ấy rất đúng ý Phật, ý Tổ và đúng với chân lý muôn đời. Còn làm bất cứ một vấn đề gì mà để cái ngã nó làm chủ thì xem như việc ấy hỏng. Nói dễ nhưng làm khó lắm đấy! Vậy muốn thực hành chúng ta phải làm sao đây?

Đầu tiên chúng ta thử xem về kết quả cũng như mục đích của một việc làm nhằm để làm gì? Nếu mục đích nhằm để tô vẽ, củng cố tự ngã của mình thì hãy dẹp ngay nó đi. Nếu mục đích làm cho mọi người vui, dẫu cho ta có chịu thiệt thòi đi nữa, thì việc ấy nên làm. Vì kết quả là cho tha nhân chứ không phải cho tự ngã. Nếu mục đích chỉ để làm trò hề cho thiên hạ thì không cần phải suy nghĩ nhiều. Vì ngoài sở thú đã có nhiều chú khỉ diễn trò khỉ rồi. Mọi người đang bu chung quanh để xem đông nghẹt đó.

Tôi viết bài này để vinh danh Thầy Tuệ Sỹ, Thầy Trí Siêu Lê Mạnh Thát; nhưng có lẽ quý Thầy ấy không cần. Tuy nhiên tôi ở vào thế hệ đàn em của quý Thầy ấy nên có bổn phận phải tán dương ngay khi những con người ấy còn sống, chứ không phải đợi đến khi chết rồi mới viết bài khen ngợi. Ngoài ra cũng để tự trách mình là không khéo xử sự ở nhiều vấn đề nên tự ngã đã xen lẫn

NHẤT

TÂM

Mở tung cửa hân hoan nhìn vũ trụ.
Sóng nhấp nhô vùng vẫy toàn đại dương.
Nhạc reo vui hoa nở khắp muôn phương.
Đứng hẳn dậy tắm nắng vàng tươi đẹp.

Cố nung luyện đời mình thành sắt thép.
Oai phong vào trong thế giới quang minh.
Hãy tự cường tự lập ngay chính mình.
Không nô lệ vùng lên mà tiến bước.

Nên cẩn thận đả đo nhìn sau trước.
Không rụt rè sợ hãi, phải hiên ngang.
Những chướng duyên quyết đạp nát phá tan.
Nền đạo pháp cùng nhất tâm xây dựng.

Qui ngưỡng Phật, Chánh Pháp là đất đứng.
Đứng cho êm, đứng vững chắc kiên gan.
Tỏa sáng lên ánh Đạo như nắng vàng.
Đoàn kết lại, chúng ta đoàn kết lại.

Không sợ chết thì tâm vô quái ngại.
Không chấp nê thì vượt thoát sắc không.
Không ngã nhân thì thanh thản cõi lòng.
Không danh lợi tâm an nhiên tự tại.

Quyết đoàn kết, đời không ai địch lại.
Toàn Tăng, Ni, Phật Tử vùng đứng lên.
Chung một lòng thì Đạo nghiệp phải nên.
Hồi hướng nguyện tất cả thành Phật đạo.

• THUYỀN AN



vào và khiến cho nhiều cái ngã khác ở bên cạnh cũng nương vào những sơ hở này mà khai thác. Điều ấy lỗi tại tôi, chứ không phải ở những người khác. Dầu sao đi nữa con đường còn lại của tôi phải đi là hướng đến vấn đề văn hóa giáo dục cho Phật Giáo; cho Tăng Ni cũng như Phật Tử; lúc nào cũng phải ý thức được trách nhiệm của mình để tu thân, học

đạo, dẹp bỏ ngã mạn, thành kiến, để từ đó con đường giác ngộ của Đức Phật càng ngày lại càng rộng mở thênh thang trên lộ trình giải thoát sanh tử ấy.

Viết tại thư phòng Chùa Viên Giác sau một thời sám hối cuối tháng 11 năm Tân Tỵ. •



SEIN UND NICHTSEIN

● THICH NHU DIEN

Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von HANH TAN & HANH GIOI

*

Vorwort

Dieses, bereits mein 29. Buch habe ich am 7. Juni 2000 (Mondkalender: am 6.5. im Jahr des Drachens) begonnen. Das Wetter war an diesem Tage nicht so schön. Es gab viele schwarze Wolken am Himmel. Doch wie üblich sah ich mich, wie übrigens die anderen Klosterinsassen auch, nach dem Morgengebet geistig so gestärkt, daß ich die Kraft der Buddhas und Bodhisattvas in mir fühlte. Also kochte ich mir das Wasser für den Tee und begann, nachdem ich wieder in meinem Zimmer war, mit der Arbeit an diesem Buch, in der Hoffnung, es auch in dieser Klausurzeit fertigstellen zu können. Allerdings ist es stets recht schwierig, das Buch in den letzten Monaten und Tagen des Jahres abzuschließen. Von den 90 Tagen der Klausurzeit waren bereits 20 verstrichen, als ich mit dem Schreiben anfang. Mir blieben also nur noch 70

Tage, und es gab für mich während dieser Zeit, wie stets, noch sehr viel zu erledigen. Mir scheint es nicht wenig, pro Tag ein bis drei Stunden zu schreiben, und dabei 4 bis 5 Seiten zu schaffen. Viele Leser sagen, dass ich alle meine Kräfte bündeln sollte, um ein wertvolles Buch zu schreiben, von dem auch die Nachkommen noch etwas hätten. Doch ich fürchte, daß meine vielseitigen Verpflichtungen und deshalb auch meine eingeschränkten Fähigkeiten mir dazu nicht die Zeit lassen. So kann ich nur das realisieren, was in meinem Vermögen liegt. Bücher mit wissenschaftlichem Anspruch zu schreiben, muss ich wohl auf später verschieben, wenn ich von den derzeitigen Pflichten entbunden bin und dementsprechend mehr Muße habe. Gegenwärtig fehlt mir dazu die Gelegenheit.

Wer von uns wünscht es nicht, dass unser Schaffen von den Menschen herzlich angenommen wird; aber der Inhalt eines Buches unterliegt dem Streit vieler Meinungen. Das Urteil des Lesers hängt von seiner Vorbildung und Grundeinstellung ab. Daher ist es sehr schwer, zu einem für alle befriedigenden Gesamtergebnis zu kommen. Jährlich erscheinen verschiedene Publikationen in den USA, Deutschland oder Frankreich, welche die Bücher nach einer Bestsellerliste bewerten. In derartigen Listen reflektiert sich der Umsatz der Bücher, ihr Verkaufserfolg, aber weniger ihre Qualität. Aber die Literatur hat unabhängig vom Verkaufserfolg ihren eigenen Wert.

Schließlich ist es gar nicht leicht, die Lehre des Buddha in Rede und Text angemessen wiederzugeben. Die Lehre von der Leerheit ist eben nicht leicht den Menschen näher zu bringen. Doch immer wieder habe ich meine Freude daran, wenn jemand einen Satz aus meinem Buch zitiert und darüber diskutiert, oder wenn Leser die Gedichte auswendig lernen und sie vorlesen. Das bedeutet also, dass wenigstens etwas bei den Lesern hängen bleibt. Man kann daraus auch auf den Erfolg des Autors schließen. Neulich rief mich jemand an und erzählte mir, dass er mich im Fernsehen gesehen und ich ihm zugewunken hätte. Ich fragte mit Erstaunen: "Bei welchem Anlass?". Die Antwort war: "Bei der Eröffnungsfeier der EXPO-

Ausstellung in Hannover". Das ist ein Beitrag der Medien, des Einsatzes der Computer. Nachrichten gelangen schnell zu den Menschen. Film- und Presse nutzen jede Gelegenheit, die Neuigkeiten ihren Konsumenten zu übermitteln, unabhängig davon ob sie gut oder schlecht sind.

Es war der 31. Mai 2000. Wir waren zu der Eröffnungsfeier des Tempels von Bhutan auf dem EXPO-Gelände eingeladen. In der ersten Reihe der Ehrengäste saßen folgende sechs Persönlichkeiten (von links nach rechts): der große Meister aus Bhutan (Abt eines großen Dharmazentrums in Paris), der bhutanische Botschafter in der Schweiz, der Außenminister Bhutans, Herr Bergmann (Vertreter des EXPO-Komitees, anschließend meine Person und der Vorsitzende des Organisationskomitees, der die Ausstellung der Nationen unterstützt. Auf diese Einladung eines Repräsentanten des vietnamesischen Buddhismus darf sowohl das vietnamesische Volk als auch der vietnamesische Buddhismus stolz sein. Denn obwohl wir im Exil leben, hat die barmherzige Lehre des Buddha die Menschen einander näher gebracht. So ist es auch zu diesem guten Ereignis gekommen.

Am 6. Juni 2000 gab es in der Gebetshalle des Klosters Vien Giac eine Lehrunterweisung in die Buddhalehre durch den großen tibetischen Meister Khenpo Chödrak Rinpoche aus Indien, dessen Meister der Hochehrwürdige Karmapa ist. Er sprach über das Prajna-Paramita und es kamen sehr viele deutsche Zuhörer. Aus diesem Anlass kamen viele Menschen zu mir und erzählten mir auf chinesisches, deutsch oder englisch, dass sie mich in einer Berichterstattung der „Hannoverschen Allgemeine“ vom 3. Juni wiedererkannt hätten. Eine deutsche Journalistin aus Hannover hatte mich interviewt und wollte sich über den Buddhismus, die Meditation und den Tagesablauf eines buddhistischen Ordinierten informieren. Ich habe deshalb auf alle ihrer Fragen ausführlich geantwortet und sie hat darüber sehr positiv berichtet. Für denselben Bericht wurden auch Dr. Baumann, der an der Universität Bremen unterrichtet, und einige andere Buddhisten interviewt. Es war eine Montagsausgabe, die über ein Wochenende der EXPO-Ausstellung

berichtete. Die „Hannoversche Allgemeine“ hat diesen Bericht auf drei DIN A3 Seiten gedruckt. Es gab sicherlich einige hundert Leser, die den Bericht gelesen hatten. Sie konnten sich auf diesem Wege mehr oder weniger über den Buddhismus informieren. Ein Zuhörer, der zu der Dharma-Unterweisung des Hohehrwürdigen Rinpoche gekommen war, sagte zu mir: "Jeden Tag erfahren immer mehr Menschen etwas über die Pagode und Tempel."

Das ist tatsächlich so. Auch die Zeitschrift „Ursache und Wirkung“ aus Österreich hat eine Mai-Sondergabe anlässlich der EXPO-Ausstellung heraus gegeben. Österreich ist bislang das einzige europäische Land, in dem der Buddhismus seit 1982 als Religionsgemeinschaft öffentlich rechtlich anerkannt ist. Im März 2000 wurde der Buddhismus in Italien ebenfalls als Religion öffentlich anerkannt. Herr Professor Riedl wurde vor dem zweiten Weltkrieg in Hannover geboren, zog danach nach Österreich, wo er an einer Universität unterrichtet und als Herausgeber der Zeitschrift „Ursache und Wirkung“ tätig ist. Er besuchte seine Geburtsstadt und zögerte nicht lange, die Sonderausgabe mit der Überschrift "Die Tempel von Hannover" herauszugeben. Der Titel paßte; denn außer dem Kloster Vien Giac wurde auch über Pagoden und Tempel anderer Traditionen berichtet, so z.B. aus Bhutan, Nepal, Thailand, Laos, Kambodscha, Sri Lanka etc. Doch nach dem Oktober 2000 werden alle diese Tempel an einen anderen Ort verlegt und das Gelände der Messe-AG für andere Ausstellungszwecke zurückgegeben. So ist das Leben. Alles ändert sich, nichts außer der Wahrheit ist ewig,!

In der Mai-Ausgabe der Zeitschrift „Ursache und Wirkung“ hat Professor Riedl mich ebenfalls interviewt und dem Bericht die Überschrift: "Nicht Mode, sondern Medikament", gegeben. Das stimmt, denn wenn die Westler den Weg zum Buddhismus finden, haben sie verschiedene Gründe. In der Hauptsache geht es ihnen um die inneren Ruhe. Ihre innere Unruhe rührt oft aus familiären, gesellschaftlichen oder mentalen Problemen. Viele glauben deshalb, dass die Meditation ihnen helfen wird, ihren normalen Zustand wieder zu

erlangen. Sie finden folglich den Weg zum Buddhismus. Aus diesen Gründen kommen viele Meditationsmeister aus Asien in den Westen, um mit ihren Methoden den Menschen aus ihrer Unruhe zu befreien. Das ist natürlich gut, aber noch längst nicht alles, was den Buddhismus ausmacht. Der Kernpunkt der buddhistischen Lehre betrifft aber die Befreiung aus dem Geburtenkreislauf. Es genügt nicht, nur die Probleme in dieser Samsarawelt zu lösen und die innere Unruhe zu lindern. Wenn Menschen nur bis zu diesem Punkt gehen, bleiben sie der buddhistischen Wahrheit im Grunde fern.



Der Buddhismus wird heute nicht nur in Deutschland sondern allgemein in Europa und Amerika vor allem so verstanden. Genauso wird der Sangha für eine Gemeinschaft von Ordinierten und Laienbuddhisten gehalten. Wegen dieses falschen Glaubens gibt es nicht wenige westliche Ordinierte, die äußerlich Mönch bzw. Nonne sind, geistig und körperlich aber Laien bleiben. In der Sonderausgabe der Zeitschrift „Ursache und Wirkung“ stand ebenfalls ein Artikel über eine österreichische Ordiniertengemeinschaft, in der Mönche und Nonnen zusammenleben. Sie beten, essen und trinken, wenn es ihnen lieb ist. Wenn nicht, dann lassen sie ihrer Sexualität freien Lauf und bringen somit Kinder auf die Welt. Und trotzdem glauben sie noch immer Mönch oder Nonne zu sein. Ein Ordiniertes muss aber ledig

sein und in der Hauslosigkeit leben. Niemand, der eine Familie hat und nicht frei von sexuellen Bedürfnissen lebt, kann daher als Mönch oder Nonne bezeichnet werden.

Buddha teilte seine Anhänger in zwei Gruppen: 1) die Ordinierten. Sie leben in der Hauslosigkeit, halten sich an strenge Regeln. Nur dadurch haben die Laien die Möglichkeit, Zuflucht zu nehmen und den Sangha zu ehren. 2) die Laien. Diese leben in ihren Familien und haben die Aufgabe, die "drei Juwelen" zu unterstützen. Es kann daher keine Sanghagemeinschaft von Ordinierten und Laien geben. Der japanische Sangha stellt allerdings eine Ausnahme dar, für die es historische Gründe gibt. Vor dem Jahre 1868 lebten die japanischen Ordinierten ebenfalls in der Hauslosigkeit. Doch seit der Herrschaft der Meiji-Kaiser wurde Japan restauriert. Den Ordinierten wurde in diesem Zusammenhang eine abweichende Lebensweise aufgezwungen und so leben die japanischen Ordinierten bis heute in dieser abweichenden Tradition. Die Zahl der verheirateten Ordinierten steigt stetig und immer häufiger wird das Amt des Abtes ausschließlich an die nachkommenden Familienangehörigen weiter gegeben.

Ich weiß wirklich nicht, wie der europäische Buddhismus in Zukunft aussehen wird, vor allem wenn die Gründer von dieser Welt ausscheiden. Wenn es nicht die strengen Ordensregeln gibt und die Meister, die nach der Tradition leben, wie wird der Buddhismus sich dann ändern? Selbstverständlich muss er sich den entsprechenden Traditionen, Bräuchen und Sitten anpassen. Eins ist aber sicher, dass es kein Ende des Veränderungsprozesses geben wird. Das Neue existiert nicht, wenn nicht das Alte vorhanden ist.

Der Buddhismus ist heute überall auf der Welt präsent und die Lehre des Buddha ist weit verbreitet. Bis heute hat niemand, wie voreingenommen er auch sein mag, gegen den Buddhismus protestiert. Denn man weiß, dass der Buddhismus eine barmherzige Religion ist; sie lehnt Gewalt und Hass ab und hat Güte und Weisheit als Richtschnur. Deshalb finden viele Menschen den Weg zum Buddhismus. Es gibt viele Leute, darunter namhafte Politiker, Schauspieler, Sänger, Fußballer, Professoren, Doktoren etc.,

die zum Buddhismus gefunden haben. Es ist nicht zu übersehen, dass die Dharma-Unterweisungen namhafter buddhistischer Meister gut besucht werden. Ich muss ehrlich zugeben, dass der Anteil deutscher Intellektueller, der sich für den Buddhismus interessiert, sehr hoch liegt. Die meisten von ihnen sind erfahrene Fachleute in der Buddhismusforschung und Hochschulabsolventen. Wir können bei den Dharmaveranstaltungen beobachten, dass die weniger technisch fortgeschrittenen Völker mehr auf die Eß- und Trinkgewohnheiten Wert legen, während sich die Deutschen mehr auf die "geistige Nahrung" konzentrieren. Sie essen hauptsächlich Schwarzbrot. Ihre Bücherregale sind gefüllt mit Büchern über Religion, Technik und anderen Sachgebieten. Sie scheuen sich nicht etwas mehr Geld für ein wertvolles Buch auszugeben. Hoffentlich werden es die Vietnamesen bald auch tun.

Die Vietnamesen sowie einige Völker aus Asien sind deshalb Buddhisten weil der Buddhismus ihrer Tradition entspricht. Ihre Vorfahren, Ahnen und Eltern sind Buddhisten und so sind auch sie, die Folgegenerationen, Buddhisten geworden. Die Menschen in Europa und Amerika sind dagegen anders. Sie sind überzeugt und haben ein festes Vertrauen in die Religion, die sie sich aussuchen. Für sie ist der Buddhismus eine noch völlig neue Religion. Wahrscheinlich wird der Buddhismus in Europa und Amerika in 1000 bis 2000 Jahre nicht anders sein als in Asien. Wer weiß, ob bis dahin nicht eine andere neue Religion geben wird. Es könnte auch sein, dass sich die neue Religion etwa fünf- oder zehnfach schneller ausbreiten wird als das heutige Internet.

Seit 1984, d.h. seit 15 Jahren, führen wir jährlich die dreimonatige Klausur in unserer Pagode durch. Während der Klausurzeit haben wir abends immer die Niederwerfungen praktiziert. Mit ihnen haben wir die Worte verschiedener Sutren, wie z.B. das Sutra der fünfhundert Buddhanamen, das Sutra der zehntausend Buddhanamen, das Lotussutra und das Nibbana-Sutra, geehrt. Jedes Wort in dem jeweiligen Sutra haben wir mit einer Niederwerfung geehrt. Pro Klausurzeit

machten wir durchschnittlich 15.000 bis 17.000 Niederwerfungen. Während der letzten 15 Jahre haben meine Schüler, die Laienbuddhisten und ich ungefähr 250.000 Niederwerfungen absolviert. Das ist eine Leistung, die sich sehen lassen kann. Von unserer Praxis haben viele Leute erfahren, darunter auch der Hohehrwürdige Thich Huyen Quang, Präsident des Sangha-Komitees der Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche. Im letzten Jahr, anlässlich der Hilfsaktionen für die Opfer der Flutkatastrophen in Vietnam hat der Hohehrwürdige ein Videoband besprochen und dabei die Praxis der Niederwerfung der Ordinierten und Laien in Deutschland gelobt. Es sei eine lobenswerte Praxis voller Verdienste, die selbst viele in der Heimat nicht schaffen. Der Hohehrwürdige hat ebenfalls ein Buch von mir mit dem Titel "Leben und Tod" gelesen und die Bemerkung gemacht, dass Kaiser Khang Hy (vielerorts auch Minh Than Tong genannt) ein vietnamesischer Mönch war; er wurde in China wiedergeboren und wurde Kaiser. Gegen Ende seiner Herrschaft hinterließ jener das folgende Gedicht :



"Mein Körper war der eines Mönchs,

der kam aus An Nam (heute Vietnam) und dort lebte.

Obwohl er bekleidet mit Kaisers Kleidung

sind meine Gedanken, mein Geist gehüllt in das Mönchsgewand."

Einmal sagte der Kaiser, dass das ganze Leben eines Kaisers nicht mit dem halben glücklichen Tag eines Mönches zu vergleichen wäre. Das ist richtig, denn seither haben viele Kaiser ihren Thron verlassen, um Mönch zu werden. Es ist noch nie vorgekommen, dass ein Mönch seinen

Mönchstatus aufgegeben hat, um Kaiser zu werden.

Für die Unwissenden sind die Begierden wie die Talente, Schönheit, Ruhm, Essen und Schlafen wichtig. Sie wollen das Begehrte für sich gewinnen und es besitzen. Doch von all diesen Begierden haben sich die Buddhas und Bodhisattvas losgesagt. Auch einige vietnamesische Kaiser aus der Zeit der Ly-Dynastie wie zB. Kaiser Ly Hue Tong oder aus der Tran-Dynastie wie zB. Kaiser Tran Nhan Tong, haben sich von diesen Begierden getrennt und das Leben eines Mönchs geführt. Kaiser Khang Hy aus China und wahrscheinlich auch der Kaiser Chu Nguyen Chuong, der Gründer der Minh-Dynastie haben den Kaiserthron weniger geschätzt als einen halben Tag im Leben eines Mönchs. Ihre Meinung ist wahrscheinlich sehr richtig und kein bisschen falsch. Deshalb, haben bereits viele Kaiser diesen Schritt schon getan, Mönch zu werden. Dagegen versuchen heute immer noch viele Leute, ihren Begierden zu folgen, Ruhm und Wohlstand zu erlangen und verfangen sich in dem Teufelskreis der Begierde.

Seine Heiligkeit, der Dalai Lama, hat wiederholt gesagt: "Glück kann man nicht im Supermarkt kaufen". Dieser einfache Satz klingt zwar lustig; doch er ist bedeutungsschwer. Wie kann man dauerhaftes Glück erwerben; mit Geld kann man das nicht, denn sonst hätten die Könige es längst erlangt. Doch jeder kann für sich, ob Ordinierte oder Laie, einen ruhigen Geisteszustand haben, wenn er es nur will. Es ist nicht schwer, aber auch nicht leicht. Wer einen starken Willen besitzt, wird es schaffen. Umgekehrt, wer sich gar nicht bemüht und anstrengt, wird für den Rest des Lebens auch gar nichts erreichen und nutzlos sein.

Die Buddhalehre zu praktizieren heißt, sich verbessern, sich vom Schlechten lösen und gegen das eigene Ich kämpfen. Man muss sich von allen Abhängigkeiten frei machen. Mit anderen Worten, man muß selbst Herr seiner selbst werden und gegen den Wiedergeburt-Kreislauf, das Leiden und seinen eigenen unruhigen Geist kämpfen. Ein Buddhismus-Anhänger, der nichts von diesen Zielen versteht, ist kein Buddhist. Er wird kein bisschen Glück haben, geschweige

denn einen halben Tag, so wie Kaiser Khang Hy es gesagt hatte.

Die Hochehrwürdigen Thich Huyen Quang, Thich Quang Do und Ehrwürdige Thich Tue Sy sind tapfere Kämpfer in braunen Mönchskutten gegen die Gewalt, die Gefängnisse und Begierden. Für sie ist der Tod unwichtig. Sie sorgen sich nur um das Leiden der Menschen. Sie haben ihr Leben eingesetzt. Sie wurden verhaftet und eingesperrt. Trotzdem blieb ihr Geist ruhig und frei da sie die Buddhalehre verstanden.

Diejenigen, welche die Gewalt ausüben, Drohungen aussprechen und ihre Macht durch Geld erwerben, werden keinen Erfolg haben. Denn das Recht und die Stärke liegen seit jeher nicht bei denjenigen, welche die Macht haben. Als Beispiel nehmen wir den heiligen Gandhi, der allein und mit bloßen Händen, aber mit ganzem Herzen für das indische Volk, die Unabhängigkeit von den englischen Kolonialisten zurück gewonnen hat. Auch Seine Heiligkeit wird mit seiner Barmherzigkeit und Weisheit, sowie seiner inneren Ruhe die Welt und die Zeit in Bewegung setzen, um die Unabhängigkeit Tibets zurück zu gewinnen. So einfach ist es.

In jedem von uns gibt es das Schlechte und das Gute. Wenn wir das Schlechte in uns erkennen und es aus unserem Geiste filtern, wird es nicht mehr existent sein. Es verschwindet langsam wie die schwarzen Wolken, die von der Sonne oder vom Mond verscheucht werden. Unsere Weisheit ist bereits in jedem von uns vorhanden; sie ist nur durch Unwissenheit, geistige Unreinheiten, Vorurteile, Gier und Lust befleckt und hat keine Gelegenheit aus dem Dämmer zu erwachen. Wenn Jeder von uns mutig ist und seine Aufgabe wahrnimmt, dann wird es auf dieser Welt bald keine Kriege mehr geben und alle Menschen werden glücklich miteinander leben.

Das Wort EXPO ist eine Abkürzung des lateinischen Wortes *eposition* und bedeutet Ausstellung. Dieses Wort wird als englisches Lehnwort überall in Welt gebraucht. Es wurde erwartet, dass in der Zeit vom 1. Juni bis 31. Oktober ungefähr 40 Millionen Menschen die EXPO in Hannover besuchen werden. Es ist das erste Mal in der 100 jährigen EXPO-Geschichte, dass sie in Deutschland stattfindet. Die Weltausstellung gibt es

alle vier Jahre. Das jeweilige Gastgeberland wird unter verschiedenen Bewerbern ausgesucht. In vier Jahren stehen Japan und Korea zur Auswahl.

An der diesjährigen Weltausstellung nahmen 155 Nationen und 18 unabhängige Organisationen teil. Das ist schon ein Erfolg, denn auf dieser Welt gibt es ungefähr 200 Staaten und schon mehr als Zweidrittel davon nehmen an dieser EXPO teil. Da Deutschland wirtschaftlich reich ist, hat es viele andere arme Nationen finanziell unterstützt. Deshalb haben auch sie die Möglichkeit, an der EXPO teilzunehmen. In der Halle 26, die so riesig ist und Platz für einige Flugzeuge vom Typ 747 hätte, hat Deutschland einige Länder aus Asien mit jeweils eine Millionen Mark unterstützt. Zu diesen Ländern gehört auch Vietnam. Doch Vietnam hat das Fördergeld nicht so effektiv eingesetzt wie seine Bruderstaaten Laos und Kambodscha. Alle anderen asiatischen Länder haben den Buddhismus als Motto für ihre Ausstellung gemacht, während Vietnam den Konfuzianismus gewählt hat. Das, obwohl der Buddhismus früher als der Konfuzianismus in Vietnam existierte. Auf der EXPO hat Vietnam einen Schrein aus Hanoi nachbilden lassen. Dieser Schrein stammt aus der Ly-Dynastie (1010-1222). In ihm werden die Grabtafeln von den akademischen Doktoren die als hohe Hofbeamte fungiert haben, aufbewahrt. Doch hätte es während der Ly-Dynastie nicht den Buddhismus gegeben, so hätte Vietnam nicht die Unabhängig von dem Norden erreicht und es hätte außerdem auch keine Schulen gegeben, wo die drei Hauptreligionen unterrichtet wurden, nämlich Buddhismus, Konfuzianismus und Taoismus, so dass die akademischen Doktoren dort ihren Abschluss machen konnten. Die Regierung in Hanoi hat den kulturellen Beitrag des Buddhismus bei ihrer Selbstdarstellung Vietnams auf der EXPO übergangen. Hat Hanoi vielleicht absichtlich die Beiträge des Buddhismus während jener Zeit vergessen?

In der Mitte ihrer Ausstellungsfläche hat Vietnam den Kaiserpalast von Hue nachgebaut. Er steht für die Macht der Nguyen-Dynastie, gegründet von Fürst Nguyen Hoang (Gründer in Phu Xuan im Jahre

1600), die bis zum Ende der Bao Dai Kaiserzeit (1954), also insgesamt 350 Jahre dauerte. Die Nguyen-Dynastie war wirklich langlebig. Sie stellte 9 Fürsten und 13 Kaiser, die hintereinander das Land auf der Grundlage der konfuzianischen Lehre regierten. Der Buddhismus spielte während dieser Zeit nur eine geistige Rolle.

Stellvertretend für Südvietnam wurde der Markt von Saigon nachgebildet. Dort ließen sich vor 300 Jahren die ersten Vietnamesen nieder. Die vietnamesische Geschichte hat also vor 4.000 Jahren in Ho Dong (China) angefangen. Die Vietnamesen haben im Laufe der Zeit nach Süden ausgebreitet. Vietnam hat eine Gesamtfläche, die ungefähr so groß ist wie die von Deutschland. Auch die Zahl der Bevölkerung entspricht der von Deutschland. Doch warum ist Vietnam heute so arm und leidvoll wie kein anderes Land auf der Welt? Obwohl die Vietnamesen von Natur aus friedlich sind, gibt es immer wieder Hassgefühle, die durch Kriege und Streit hervorgerufen worden sind. Aus diesem Grund wird sich das Land nur schlecht entwickeln, solange nicht alle bisherigen Meinungsunterschiede und Vorurteile beseitigt worden sind.

Die EXPO-Gesellschaft hat geplant, dass jeden Tag ca. 260.000 Menschen die EXPO besuchen; doch das Ergebnis war ganz anders; denn in den ersten Tagen kamen nur 150.000 Besucher und danach rutschte die Besucherzahl herab auf 70.000 pro Tag. In den letzten Junitagen stieg die Zahl ein wenig an. Keiner weiß, wie es im Juli und August (Urlaubszeit) aussehen wird. Ich werde im Schlussteil des Buches ausführlich über die EXPO-Situation berichten.

Es war für viele eine große Freude, als Hannover für die diesjährige EXPO nominiert wurde. Die Veranstaltung brachte mehr Arbeitsplätze und die Stadt wurde verschönert. Doch gleichzeitig waren viele traurig, denn sie befürchteten, dass es nicht gut ausgehen würde für die Stadt Hannover, eine Stadt in Norddeutschland. Deshalb kamen mehr als 20.000 Menschen zum Eröffnungstag, um gegen die EXPO zu demonstrieren. Ich persönlich begrüße die Entscheidung der deutschen Bundesregierung, denn nur dadurch hat Deutschland sein Ansehen und seine Stellung in der Welt

gewonnen. Hannover wird zudem auch weltbekannt, und empfängt Menschen aus aller Welt. Der Flughafen wurde vergrößert, die Straßen erneuert, neue Gebäude entstanden etc. All diese Erneuerungen haben Hannovers Ansehen verändert. Doch man weiß nicht, was man mit all den Gebäuden nach der fünfmonatigen EXPO-Ausstellung machen soll. Die vielen Hotels werden danach viele leere Zimmer haben, weil nicht mehr so viele Gäste kommen. So werden auch die Tempel von Bhutan, Nepal und einiger anderer Nationen nach der EXPO an einen anderen Ort verlegt. Die Regierungen dieser Länder wollen nicht, dass ihre Tempel nach der EXPO Museen werden. Sie wünschen, dass die deutsche Regierung oder buddhistische Organisationen sie weiter verwenden. Die Tempel dürfen aber nicht weiterverkauft werden, denn jede Nation hat bereits 1,5 Millionen DM von der deutschen Regierung als Unterstützung bekommen. Keiner weiß, was danach wirklich geschieht? Warten wir es ab. Auf der EXPO haben 45 Nationen ihre eigene Bauwerke auf dem freien Gelände (nicht in der Halle) errichtet, um ihre Kultur zu repräsentieren. Auch diese Bauwerke werden nach der EXPO an einen anderen Ort verlegt. Auch das zeugt uns von der Vergänglichkeit aller Dinge. Es muss nicht immer lange dauern, wie etwa 5 oder 10 Jahre oder noch länger, sondern kann auch nur 5 Monate, wenige Tage, wenige Stunde, Minuten und Sekunden dauern. Nehmen wir ein anderes Beispiel wie z.B. die Naturkatastrophen und Erdbeben. Die Erde entstand vor einigen Milliarden Jahren. Doch wenn ein starker Wind oder ein Erdbeben auftreten, oder ein große Flut kommt, wird vieles auf ihr wieder zerstört. Deshalb hat Buddha immer wieder die Lehren der Vergänglichkeit, des Leidens und der Ich-Losigkeit gepredigt.

Das Gelingen dieses Buch verdankt sich vieler Faktoren, so z.B. dass ich mehr Zeit während der dreimonatigen Klausur habe, um es schreiben zu können. Während dieser Zeit waren alle Ordinierten und Laienbuddhisten sehr beschäftigt. Dass ich die Mahlzeiten zu mir nehmen darf, habe ich jenen Menschen zu verdanken, die das Essen zubereiten, den Tisch decken,

das Geschirr waschen etc. Alle dieser Arbeiten und Tätigkeiten erfordern viel Zeit und Aufwand, die ich ihnen schuldig bin. Ich bin deshalb allen dankbar. Ich möchte alle Verdienste, die ich durch dieses Buch möglicherweise erwerben werde, allen jenen Menschen widmen, die mich direkt bzw. indirekt unterstütz haben.

Ich möchte mich bei allen Leuten, z.B. bei dem Übersetzer, den Leuten, die das Manuskript in den Computer eingegeben haben, den Leute von der Druckerei, die das Buch gedruckt, geschnitten und gebunden haben, bedanken. Zuletzt möchte ich mich auch ganz herzlich beim deutschen Innenministerium, zuständig für Soziales und Kultur, bedanken, denn ohne seine finanzielle Unterstützung hätte dieses Buch nicht herausgegeben werden können. Ihnen allen bin ich dankbar.

Ich habe für dieses 29. Buch den Titel **Sein und Nichtsein** gewählt, was viele Gründe hat. Der Hauptgrund liegt aber darin, den Menschen zu zeigen, dass es im Leben nicht Ewiges gibt und alles dem Veränderungs- sowie Vergänglichkeitsprozess unterliegt. Nur durch Erkenntnis bemüht man sich, die Buddhalehre zu praktizieren. Und dadurch erkennt man den wahren geistigen Zustand, und unterscheidet zwischen Leid und Glück. Es ist wirklich schwer, ein Buch zu schreiben, das den Lesern den Gedanken des abhängigen Entstehens im Leben vermittelt. Jedes Werk hat seine Ziele und Beiträge. Ich hoffe, dass ich durch dieses Buch auch einen kleinen Beitrag leisten kann, um das Transzendente des unendlichen Universums durch die Linsen des Buddhismus, zu spiegeln.

Das Leben entsteht und vergeht. Kaum ward man als Baby geboren, schon ist man Erwachsen und wird alt. Schließlich stirbt man. Die Zeit wartet auf niemanden. Im höchsten Falle lebt man vielleicht 100 Jahre; aber vielleicht auch nur 50 Jahre oder noch weniger. Der einzige Unterschied besteht darin, ob man das erkennt und die restliche Zeit aufwendet, um etwas Gutes und Sinnvolles für die Welt zu tun. Ich falte meine Hände zusammen und bete, dass es Frieden auf dieser Welt gebe und dass alle Lebewesen in diesem Universum einander mit Liebe und Weisheit begegnen und so zusammenleben mögen. Nur dadurch

wird man dauerhaftes Glück in diesem Leben erlangen und eine bessere Wiedergeburt in einer anderen Welt erreichen. Ich danke alle Lebewesen und bete, dass sie bald die Buddha-Weisheit erlangen mögen.

Beendet in der Pagode Vien Giac
Klausurzeit im Jahr des Drachens
BC. 2544
Autor Thich Nhu Dien

(Fortsetzung folgt)



Impressum

**Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger
Verein e.V)**

Die Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der
Bundesrepublik Deutschland

Verlag

c/o Viengiac Pagode,
Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963
E-Mail : bao_vien_giac@web.de
E-Mail : baoviengiac@viengiac.de
Homepage: <http://www.viengiac.net>

Herausgeber :

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirch e.V.

Redaktion :

Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-
Kulturzentrum
in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise :
6 mal jährlich

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.
Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung der
Redaktion erlaubt.

Trang Hoa Phụng

Mụ Lương hay sự tích Cá He

• HỒNG NHIÊN sưu tầm

Ngày xưa, có hai vợ chồng người phú thương trẻ tuổi. Chồng thường dong buồm chạy khắp trong Nam ra Bắc và các nơi xa xôi, chuyên bán hàng đi và mua hàng về.

Một ngày kia, thuyền đã chứa đầy hàng, chồng từ già vợ ra đi. Chàng chưa từng đến Hạ Châu bao giờ nhưng vốn nghe xú này buôn bán dễ dàng nên quyết đi thử một chuyến.

Thuyền đi ra biển suốt năm ngày đêm mới tới thị trấn này. Chàng bảo thủy thủ bỏ neo ở một bến tấp nập nhất, rồi lên bộ tìm nơi nghỉ trọ và tìm mối bán hàng. Nhưng vừa lên bờ, đã thấy một ngôi lầu đồ sộ trên bến. Đang đứng ngẩn ra nhìn thì bỗng cửa lầu mở toang. Chủ nhân là một người đàn bà sang trọng bước ra chào hỏi rất cung kính và cất tiếng mời mọc:

-Chúng tôi nghe nói ngày nay có một thuyền hàng mới cập bến. Chúng tôi mong muốn được làm quen và được giao thiệp lâu dài. Nếu không chê tẻ xá nhỏ hẹp, xin mời lên nghỉ ngơi trong những ngày thuyền đỗ lại đây.

Đang phân vân chưa biết trả lời thế nào thì đã thấy kẻ hầu hạ của chủ nhân, nam có nữ có, người nào cũng ăn mặc lịch sự ra đón. Phú thương bụng bảo dạ: "Ta mới đến chân ướt chân ráo chưa hiểu thế nào, nhưng trông cách cung kính người này có vẻ tốt bụng. Biết đâu chả là sự may mắn cho ta trong chuyến đi này".

Nghĩ vậy, chàng vui vẻ nhận lời và cố sức làm cho chủ nhân biết mình không phải là kẻ ngờ nghệch. Lập tức, bọn người hầu không cần chờ lệnh chủ, tóa ra dọn dẹp láng xăng khắp nơi. Họ làm cho phú thương và một số gia nhân của mình rất đẹp lòng.

Chủ nhân dẫn khách đi thăm nhà. Các phòng bày biện nói lên sự giàu sang quá sức: những cây đèn bằng vàng, những độc bình cổ, những đồ dùng quý giá. Phú thương sờ tay vào một con rùa vàng bày trên một chiếc bàn. Nhân thế, chủ nhân liền giới thiệu kỹ món gia bảo đặc sắc đó của tiền nhân mình.

Đêm hôm ấy, một tiệc lớn bày ra, chủ nhân ăn mặc rất đẹp, chúc chén

mời mọi người. Xong tiệc, họ được mời đi nghỉ ở một buồng có những chiếc giường xinh xắn. Không thấy có điều gì đáng ngờ, phú thương và kẻ tùy tùng nằm xuống, đánh một giấc ngủ ngon lành.

Sáng hôm sau, khi mọi người trở dậy, sự mời mọc lại càng niềm nở. Lại những món ăn ngon lành bưng ra với những câu mời quyến rũ làm cho phú thương không thể từ chối được.

Thế nhưng, khi phú thương cáo từ trở ra, vừa bước về thuyền thì bỗng thấy cả nhà chủ nhân đổ xô tới:

-Thưa các Ngài, chúng tôi vừa mất con rùa vàng mà các Ngài đã biết. Vậy có vị nào cầm nhầm hãy cho xin lại.

Mọi người tưởng như nghe tiếng sét. Song phú thương biết tính nết mấy người tùy tùng của mình vốn chả bao giờ cắp trộm của ai, nên rất vững tâm. Chàng có ngờ đâu, người đàn bà kia chính là người gian xảo, lường gạt nổi tiếng. Bà có một đám thủ hạ rất đông, chuyên môn cướp của bằng cách bẫy người vào tròng một cách bất ngờ và êm thấm. Mỗi lần làm bà thường nhắm vào những khách giàu sang, nhất là những khách ở xa mới tới. Ngón độc của bà đã từng khiến nhiều kẻ mất đứt cả người lẫn của.

Hôm đó mụ Lương, tên người ta thường gán cho mụ, thấy có một thuyền buôn mới tới đây áp những hàng, mà trông chủ nhân chẳng phải là tay thạo đời. Cho nên mụ quyết cho anh chàng vào tròng. Trong lúc phú thương và tùy tùng nghỉ nhà mụ, mụ đã sai một số thủ hạ xuống thuyền giả cách xem hàng. Chúng mang theo con rùa vàng và lén bỏ vào một nơi kín đáo.

Thấy mọi người trở mặt vu khống cho mình ăn cắp và đòi khám thuyền. Phú thương tức giận, nhất định không cho. Khám thuyền thì phải dỡ hàng là một điều tối kỵ khi hàng chưa bán. Cho nên phú thương nói:

- Thưa bà, trừ phi có quan chức xuống đây, chúng tôi không để cho một ai xuống thuyền được.

Mụ Lương vội cho người đi trình quan. Khi bọn nhà quan đến, mụ trình bày việc mất cắp, đổ tội cho người nhà phú thương lấy mang đi và nhất định xin khám thuyền.

Phú thương bày tỏ sự thẳng thắn của mình và gia nhân, rồi nói:

- Nếu khám không có thì bà tính sao?

- Tôi chịu mất nhà và mọi vật ở trong đó. Còn quả có rùa vàng trong thuyền Ngài thì sao?

Phú thương nóng nảy tiếp lời mụ:

- Nếu có, tôi cũng xin mất cả thuyền hàng và người.

Hai bên lập tức ký giấy trước mặt quan.

Cuộc khám xét bắt đầu. Chỉ một chốc sau, bọn lính đã lôi được con rùa vàng ở một nơi kín đáo của chiếc thuyền. Phú thương và gia nhân đồ dẫn cả người. Không còn đường chối cãi, họ đành phải làm theo lời đã ký kết. Thế là cả một thuyền hàng trị giá đến vài trăm vạn quan đều về tay người đàn bà gian xảo.

Phú thương và bọn tùy tùng đều bị sung vào làm nô lệ. Theo như luật pháp Hạ Châu quy định, họ phải làm khổ dịch cho chủ nếu không bị bán và nhất thiết không được rời nơi làm việc.

Từ hôm đó, phú thương làm việc quần quật suốt ngày. Chàng bị cắt giữ việc chăn ngựa. Công việc mệt nhọc đó làm chàng rã rời, tới tả. Chàng buồn một nỗi là mụ Lương bắt mỗi người ở một nơi, không bao giờ được gặp mặt nhau. Cứ như thế sau ba năm trời, chàng bật tin quê nhà. Nhưng chàng cũng dần dần hiểu rõ mưu mô gian xảo và tình hình trong nhà mụ Lương.

Một hôm, đang cho ngựa ăn cỏ ở bờ sông, chàng bỗng gặp một Đạo sĩ ngồi bên vệ đường. Thấy trước mặt Đạo sĩ có bày quả bưởi, chàng lấy làm lạ, lại hỏi mua ăn. Đạo sĩ lắc đầu:

- Bưởi này không bán để ăn đâu.

- Thế là dùng làm gì?

- Nó dùng để nhắn tin tức với tất cả mọi người trên thế gian.

Nghe nói thế, chàng nhớ đến người vợ yêu của mình sau ba năm đằng đẳng không một tin tức. Cho nên chàng xoắn xuýt:

- Ngăn sông cách núi, chẳng biết có để đưa đến nơi không?

Đạo sĩ đáp:

- Hãy viết một bức thư, dùng dao rạch một chỗ ở gần cuống rồi nhét thư vào. Đưa ra trước bến này, khấn to tên và chỗ của người nhà mình muốn nhắn, rồi vút xuống nước rồi nói; "Bớ bưởi, hãy đi cho được việc!" tự khắc nó sẽ vượt sông vượt biển đến tận tay người đó, dù xa bao nhiêu cũng không bị thất lạc.

Tuy không tin lắm nhưng chàng cũng mua lấy quả bưởi để cầu sự may rủi. Chàng viết một bức thư rất dài, kể

tất cả mọi việc xảy ra. Và khi thấy quả bưởi vượt sông trôi về phương Bắc, lòng chàng mới thực tràn trề hy vọng.

Từ ngày người chồng thân yêu đi buôn thắm thoát đã ba cái Tết mà không thấy trở về, vợ phú thương hết sức lo buồn. Cả đoàn người trên thuyền không hiểu sao cũng mất bật, không một tin tức. Có lẽ thuyền đã gặp bão, hoặc đã gặp bọn cướp biển không còn ai sống sót. Nghĩ như thế nên mọi nhà đã thiết bài vị và để tang. Nàng đã rơi không biết bao nhiêu là giọt lệ. Dầu vậy, nàng vẫn không tuyệt vọng, hàng ngày vẫn kiên nhẫn ra ngóng nhìn những cánh buồm ngoài xa tít.

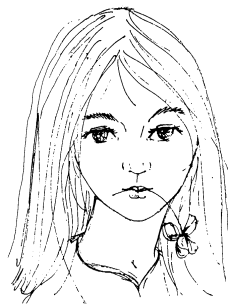
Một hôm như thường lệ, nàng đang đứng trên bến, chợt trông thấy một quả bưởi trôi ngược dòng. Lấy làm lạ, nàng vội chạy xuống bến đứng xem. Thì lạ thay, quả bưởi lại trôi ngay vào bến và lọt vào tay nàng.

Khi đọc những dòng chữ của chồng, nàng mừng rỡ xiết bao. Nàng rất đổi cảm giận trước những mưu mô điên đảo của mục Lương, quyết chí sẽ đến tận nơi cứu chồng và trừng trị người đàn bà gian ác này. Sáng hôm sau, nàng giao nhà cửa con cái cho cha mẹ và xin phép đi tìm chồng. Nàng mang theo một thuyền đầy tơ lụa gấm vóc. Lần này, ngoài số gia nhân và thủy thủ, nàng còn đem theo một người thợ kim hoàn. Lại có hai con chuột nhắt nuôi trong một cái lồng sắt nhỏ.

Thuyền lại rẽ sóng tìm đến Hạ Châu, thả neo đúng vào nơi ba năm trước đây, thuyền chồng nàng đã đỗ. Mục Lương thấy có thuyền hàng nước ngoài cập bến mà chủ nhân lại là đàn bà thì mừng quá, quyết làm một mẻ, không ngần ngại gì nữa. Tấn tuồng cũ lập tức lại được diễn. Cũng chào mời đơn đả, tiệc tùng linh đình, chị em em em rất thân mật. Cũng có người lên đưa rùa vàng xuống thuyền định thực hành kế vu họa. Nhưng lần này, người thợ kim hoàn đã có lệnh của chủ, nấp kín một nơi rình từng cử chỉ của chúng. Chờ cho chúng ra về, anh ta bèn trở hết tài nghệ, thụt bẻ một chốc, rùa vàng chảy ra nước và sau đó hóa thành những thoi vàng nằm gọn dưới đáy hòm. Cho nên, khi mục Lương mời quan tới khám thì mục rất ngạc nhiên, vì lục soát từ mũi chái lái đến mấy lần, vẫn không thấy tăm dạng "con rùa" đâu cả.

Biết là gặp phải tay kinh địch "tương kế tựu kế" mục Lương đành phải thua cuộc, nhưng liền đó lại nảy ra một mẹo khác. Mục bảo vợ người phú thương:

THỎ ĐƯỜNG • Anh-Nguyên



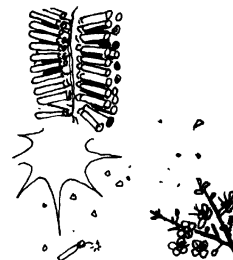
Giấc mộng xuân

*Gió Xuân đêm trước vào phòng,
Nhỏ ngay người đẹp trên dòng Trường-Giang.
Thoáng về trên gối mộng vàng,
Giang-Nam ngàn dặm theo nàng vẫn đi...*

XUÂN Mộng

*Động phòng tạc dạ xuân phong khởi,
Dao úc mỹ nhân trường gian thủy.
Chăm thượng phiến thời xuân mộng trung,
Hành tận giang nam số thiên lý.*

• ĐỖ-Phủ



- Chúng tôi nhận đã mất ngôi nhà lâu này. Nhưng các người phải đánh cuộc với tôi một lần thứ hai. Các người có tin rằng ta có cách bắt hai con mèo đội đèn suốt đêm cho một canh bạc không?

Người vợ phú thương, qua thu chồng, đã biết chuyện hai con mèo đội đèn này rồi, song cũng làm bộ ngạc nhiên:

- Làm gì lại có mèo đội đèn suốt đêm?

- "Vậy thì", mục Lương tiếp, các người có dám đánh cuộc với ta: nếu ta sai khiến được cả hai con mèo đội đèn suốt một đêm thì ngôi nhà lâu kia lại thuộc về chúng ta, ngược bằng không có mèo đội được đèn, hoặc đang nửa chừng bỏ dở, thì ta lại mất thêm một dinh cơ thứ hai cũng ở trong thị trấn này. Có dám không?

Vợ phú thương vui lòng nhận cuộc. Hai bên ký vào giấy và trình quan. Mọi người lại kéo nhau lên lầu nhà mục Lương, vừa đánh bài vừa luôn thể chúng kiến sự việc. Quả nhà mục có hai con mèo rất khôn được luyện tập từ lâu, mỗi con có thể ngồi uồn người suốt đêm không cựa cựa, trên đầu đội một chiếc đèn thấp ba ngọn nến. Cuộc sát phạt bắt đầu và kéo dài đến canh một, canh hai. Hai con mèo vẫn đội đèn, chưa tỏ dấu hiệu gì là mỏi mệt. Nhưng người vợ của phú thương vẫn tỉnh táo. Trước lúc vào cuộc, nàng đã bỏ hai con chuột nhắt vào một cái túi vải. Thế rồi, đến bây giờ nàng mới kín đáo thả chuộc ra. Hai con mèo thoáng thấy chuộc thì lập tức nhảy tới vồ. Hai cây đèn đổ tung tóe giữa chiếu bạc. Thế là một lần nữa, mục Lương cay đắng thua cuộc.

Nhưng mục còn cố gỡ. Mục lại đứng lên, nói:

- Chúng tôi còn rất nhiều ruộng đất, trâu bò, voi ngựa. Chúng tôi còn rất nhiều thuyền buôn ở khắp các bến. Vậy các người dám đánh cuộc, ta sẽ trồng một cây đã chết khô, chỉ trong một đêm xanh tươi trở lại. Nếu làm được như thế, các người phải trả lại tất cả lâu đài, dinh thự của ta cho ta. Nếu không, ta sẽ mất với các người tất cả người cũng như mọi của cải. Có dám không?

Người vợ phú thương, cũng qua thu chồng, đã biết đấy là miếng đất màu nhiệm ở bên tả cây táo sau nhà. Và cũng ngay trong đêm đánh bài, nàng sai gia nhân bí mật lên tới đào đất ấy đổ đi nơi khác, rồi thay vào đó một lớp đất khác. Cho nên nàng nhận cuộc ngay. Phép lạ của mục Lương vì thế lại mất linh nghiệm. Mục tái mặt khi thấy qua một đêm, cây khô chẳng xanh lên tí nào.

Thế là quan chúng nhận ba lần thất bại đều về phía mục và mục phải mất cả của lẫn người cho vợ thương phú thương. Nhờ thế, phú thương và những kẻ tùy tùng được trả lại tự do. Chồng có ngờ đâu có ngày được gặp lại vợ, và có ngờ đâu lại giàu gấp mấy lúc trước. Trong một chuyến chở mục Lương và gia nhân của mục về nước làm nô lệ, mục nhảy xuống biển tự tử vì nghĩ rằng mình không kham được công việc nặng nhọc. Đức Phật cho mục hóa thành "cá He". Người ta nói vì mục xót của nên lúc nào cũng cứ ngoi lên lặn xuống mãi. Nòi giống cá He sau này vẫn mang thói quen đó./-

Chuyện chàng NHẠC DƯƠNG TỬ

Theo Hậu Hán Thư, vợ Nhạc Dương Tử là người hiền có đức tánh tốt, người thời đó gọi là "Kiết phụ".

Một hôm Dương Tử đi đường lượm được hũ vàng của người làm rơi, tỏ vẻ mừng lắm đem về khoe với vợ, nhưng chợt húng vì bị vợ trách móc rằng:

- Thiếp trộm nghe: người quân tử không uống nước suối đạo Tuyên (1), người liêm sĩ không nhận của ta lai (2) nay chàng lượm của rơi ngoài đường, được lợi mà ô uế như vậy có tốt không?

Dương Tử nghe vợ trách phải, nên sanh lòng hổ thẹn lại vui vẻ nhận lẽ phải, không tham tiếc của lạ vàng, bèn đem vất ngoài đồng không màng đến. Rồi Dương Tử già từ vợ đi học xa, được một năm lại về thăm nhà, vợ quý xuống hỏi:

- Chàng về có việc gì chăng?

Dương Tử nói:

- Ta đi lâu về thăm nhà chứ không có việc gì.

Người vợ liền cầm dao đến khung cửi đang dệt cắt chỉ đi mà nói rằng:

- Lụa đang dệt đây là nhờ lúc nuôi tằm ươm tơ kéo chỉ, mắc lên khung cửi nếu đánh đứt đi một sợi thì đứt đến hàng tấc, lần đến hàng thước, như vậy là bỏ hỏng không bao giờ chấp lại được, thì công phu từ trước đến nay bị hỏng đi cả. Chàng đi học là để trở nên một người giỏi, nay đang học mà bỏ về thì có khác gì tằm lụa đang dệt mà bị cắt đi.

Dương Tử nghe nói cảm động lắm, bèn trở đi học luôn bảy năm thành tài mới về nhà. Vợ Dương Tử ở nhà vừa làm việc để kiếm tiền gửi cho chồng ăn học lại vừa nuôi dưỡng mẹ chồng.

Nhạc Dương Tử nhờ có người vợ hiền ngoan lại kham nhẫn cho chồng ăn học đường xa, còn hiếu với mẹ chồng nên sau được vinh hiển, hạnh phúc.

Nhạc Dương Tử biết nhẫn nghe lời vợ, không chút tự ái lại chăm lo học hành, vợ lại kham nhẫn lo cho chồng, thế nên tròn thủy tròn chung.

Chữ "*nhẫn*" thể hiện được ở đâu là tốt đẹp và vinh hạnh ở đó, bao gồm cả sự an thọ thủy chung trong tình chồng vợ.

(1) Đạo tuyên: Ý không uống trộm nước suối Tuyên.

(2) Của mồi lợi.

CHUYỆN TAM CỔ MAO LƯ

Sau khi nghe được danh hiệu của Gia Cát Khổng Minh, Lưu Bị cùng hai em kết nghĩa là Quan Công và Trương Phi, đem ít quân tùy tùng thẳng đến Ngọa Long Càng cầu Khổng Minh. Nhưng hai phen đi như vậy đến nơi đều không gặp Khổng Minh, Lưu Bị buồn bã ra về, mặc dầu đang mùa đông lạnh buốt.

Trở về Tân Dã, hết Đông sang Xuân, Lưu Bị liền cho người bói quẻ chọn ngày giờ tốt, chay tịnh luôn ba hôm, tắm gội nước hương, thay khăn sửa áo, đi Ngọa Long Càng lần thứ ba. Quan Công và Trương Phi không bằng lòng và khuyên anh không nên đi cho nhục công, vì chắc Khổng Minh hư danh không có thực học cho nên cố ý lánh mặt. Lại hỏi:

- Vì sao trưởng huynh lại cảm mộ Khổng Minh thái quá?

Lưu Bị đáp:

- Em nói thế không phải. Ngày xưa, Tề Hoàn Công muốn gặp một gã nhà quê ở Đông Quách mà phải đi đến năm lần mới gặp, hà tất ngày nay ta muốn yết kiến bậc Đại Hiền như Khổng Minh lại sợ nhục nhân sao?

Trương Phi nóng quá, thấy hai lần lặn lội sương tuyết nên bực mình, nay lại nghe Lưu Bị đề cao Khổng Minh thái quá, uất ức không nhịn được liền nói:

- Quả anh làm rồi, một tên dân cày có gì mà anh gọi là bậc Đại Hiền. Lần này anh khời phải đi đâu cho nhục thân, chỉ cần một sợi dây thừng đến trói cổ hẳn lòi về đây được ngay.

Lưu Bị nói:

- Em ăn nói thế à? Em há chẳng nhớ vua Văn Vương nhà Châu đi cầu Khương Thượng Tử Nha sao? Đến bậc Hoàng Đế mà còn kính hiền như thế, sao em lại hồ đồ vô lễ vậy? Lần này nếu sợ cục nhục ta không khiến em đi nữa, ta với Văn Trường đi cùng xong.

Trương Phi lặng thinh không trả lời, nhưng vẫn theo Lưu Bị đến Ngọa Long Càng.

May mắn lần thứ ba, Lưu Bị gặp được Khổng Minh nơi Thảo Lư, nhưng nghe tin Ngọa Long Càng tiên sinh chưa thức, Lưu Bị lại nhẫn bảo tiểu đồng đừng làm mất giấc ngủ của tiên sinh. Lại sợ hai em nổi nóng, Lưu Bị bảo ra ngoài cổng đợi. Đợi hồi lâu mà chưa thức, thấy thế Trương Phi toan dùng lửa đốt Thảo Lư; Quan Công khuyên can mới thôi. Lưu Bị thấy Khổng Minh cự mình thì mừng thầm chắc tiên sinh sắp thức giấc, nhưng Khổng Minh lại quay mình vào trong ngủ nữa. Chờ mãi thật lâu, Khổng Minh mới thức giấc ngâm thơ vang lên:

Đại mộng thủy miên giấc?

Bình sinh ngũ tự tri

Thảo đường xuân thị túc

Song ngoại nhứt trì trì.

Dịch:

Mộng lớn ai tình giấc?

Bình sinh mình ta biết

No giấc bình mờ mắt

Ngoài song xế tà tà

Ngâm dứt Khổng Minh hỏi tiểu đồng:

- Có tục khách nào đến viếng không?

Tiểu đồng thưa:

- Có Lưu Hoàng Thúc đến đợi ở đây đã lâu lắm rồi.

Khổng Minh liền quở tiểu đồng rằng:

- Sao không báo ngay mà đợi đến giờ!

Để ta vào thay áo đã.

Nói xong Khổng Minh vào trong độ nửa giờ mới khăn áo chỉnh tề ra tiếp Lưu Bị.

Nhìn thấy Khổng Minh vóc người cao lớn, mặt đẹp, mắt sáng như sao, đầu đội khăn vuông, mình mặc áo lông hạc, cốt cách thần tiên, dáng vẻ đường bệ, lấy làm kính trọng, liền vái dài nói:

- Đứa cháu hèn của nhà Hán, một ngu phu ở Trác Quận, nghe đại danh của Tiên sinh từ lâu như sấm vang, nhưng hai lần trước đến không may đều chẳng được gặp Tiên sinh, lại có ghi tên hèn gọi lại văn kỹ, không biết dạng Tiên sinh chiếu cố đến chưa?

Khổng Minh nghiêng mình đáp lễ nói:

- Một kẻ quê mùa ở Nam Vương, nay được tướng quân hạ cố thật cùng hổ thẹn.

Khổng Minh từ chối ba phen viện cố là mình tài hèn đức mỏng, lại ít tuổi, không thể đảm đương trọng trách của quốc gia, kém xa Tư Mã Đức Tháo và Từ Nguyên Trực.

Lưu Bị thiết tha yêu cầu Khổng Minh đem tài an bang tế thế ra giúp một phen há để mai một tài trí nơi suối hoang rừng vắng hay sao?

Khổng Minh thấy Lưu Bị quá ân cần, cục chẳng đã mới ra phò Lưu Huyền Đức, sau dựng nên nghiệp đế chia ba thiên hạ thời Tam Quốc.

Đó là: "*An tho khổ nhẫn trị dân*"

(Tham khảo từ sách "*Nhân*" của Hòa Thượng Thích Nhựt Long).

"*Thiên tử nhân chi quốc vô hại*", Làm vua mà nhân nước không hại, nói cách khác, người cầm đầu vận mạng đất nước biết nhẫn thì nước không bị hại, nhất là cần phải có đủ tư cách và đức tính cần kiệm liêm chính, mở rộng cho nhân dân mọi mặt sinh hoạt, tôn trọng nhân quyền, không độc tài đảng trị, a dua bè phái xua nịnh. Biết sửa đổi trái, sai, quí dụng kẻ hiền tài v.v... mới mong được an bang tế thế lâu dài.

Viết chuyện về chữ "*NHÂN*" cho
GDPTVN/DQ

• Thiện-Cần Phạm-Hồng-Sáu

CUỘC ĐÒI ĐỨC PHẬT BẰNG TRANH

(tiếp theo & hết)

Lời thuật : **Đặng - quốc - Đan (9 tuổi)**

và :Đặng - Hoài - Hường (14 tuổi)

Minh họa :Hà - thị - Hoài - Linh (11 tuổi)

Nội dung: Giác Nguyên Đặng-Quốc-Quân

Tóm tắt bài trước (Viên Giác Số 126: Sinh tại một vương quốc Ấn-độ, Thái tử Tất-Đạt-Đa đã sống tuổi trẻ trong vui thú cung vàng điện ngọc. Song, thấu rõ sự đau khổ của kiếp người, Thái-tử quyết tìm một đường lối chấm dứt sự đau khổ đó. Thái-tử đã từ bỏ đời sống vương giả, vợ và con mới sinh, và bắt đầu một cuộc đời tu sĩ khổ hạnh.

Vie du Bouddha

(suite et fin)

Racontée et illustrée :HA thi Hoài Linh, 11 ans.

Corrections: Giác Nguyên Đặng Quốc Quân, et feu Huỳnh Thanh Long

Résumé de la publication antérieure (Viên Giác N 126): Né dans une famille royale en Inde, le prince Siddharta a passé sa jeunesse dans les palais du plaisir. Mais, s'étant aperçu des misères de la vie humaine, il a décidé de chercher un remède à la souffrance. Il quitta la vie princière, sa femme et son enfant nouveau né et commença une vie d'ascète.



15 Bài hát chỉ con đường đúng.

Một ngày nọ, lúc Tất-đạt-Đa đang ngồi thiền, có ba cô thiếu nữ đến, vừa hát vừa múa, vừa đánh đàn. Bài hát nói: "Đừng có

căng dây đàn quá sức, nó sẽ đứt; đừng có để dây đàn lỏng quá, mình sẽ không nghe được tiếng đàn. Mình phải căng mấy cái dây ấy cho đúng, để có thể nghe được một khúc nhạc hay. Tất-đạt-đà hiểu rằng bài hát đó đúng cho con người: đừng có chiều chuộng cái thân mình quá, cũng đừng có hành hạ cái thân mình quá. Vậy ông bắt đầu đi tắm trong suối kẻ bên, và ăn uống trở lại.

15 La voie du juste milieu

Un jour, pendant que Siddharta méditait, des jeunes femmes vinrent chanter tout en dansant et en jouant de la lyre. Leur chanson disait: "Il ne faut pas trop tendre les cordes de la lyre, car elles se casseraient. Il ne faut pas les laisser trop peu tendues, car il n'en sortirait aucun son. Il faut les tendre juste assez pour avoir une belle musique." Siddharta comprit qu'il en est de même pour le corps: il ne faut ni trop le gêner, ni trop le torturer. Il commença par se laver dans la rivière voisine puis à prendre des aliments nourrissants bien que simple.



16 Một thiếu phụ dâng bát cơm sữa.

Một hôm nọ, Tất-đạt-Đa thấy một thiếu phụ tên là Sujata mang đến một bát cơm sữa để dâng cho Ông. Bà ấy có vái các vị thần

cầu cho sanh một đứa con, và nay bà muốn cảm tạ vị thần ấy. Lúc bà thấy Tất-đạt-đà ở gốc cây, bà muốn cảm ơn Ông, vì bà ấy tưởng Tất-đạt-đà là ông thần cây. Bà dâng một bát cơm sữa. Tất-đạt-đà cảm ơn bà, nhưng nói cho bà biết là mình không phải là một ông thần cây. Tất-đạt-đà chỉ là một người thường thôi đang tìm Chân lý. Năm người bạn đạo của Tất-đạt-đà (tôi nay vẫn tu với Ông) bèn bỏ đi chỗ khác, vì lầm tưởng rằng Tất-đạt-đà đã ngừng bỏ sự tu hành.

16 L'offrande du bol de riz au lait

Un jour, Siddharta vit venir à lui une jeune femme, Sujata, qui voulait lui offrir un bol de soupe de riz au lait. Cette dernière avait prié les génies de lui accorder la naissance d'un enfant. Elle venait d'avoir un bébé. Elle voulait en remercier les génies. En voyant Siddharta au pied de l'arbre, elle crut que c'était le génie de l'arbre. C'est pour cela qu'elle voulut lui offrir le bol de soupe de riz au lait. Siddharta accepta avec plaisir, tout en lui expliquant qu'il n'était pas un génie, mais un simple être humain qui cherche la Vérité. Ses cinq amis ascètes le quittèrent, croyant qu'il avait renoncé à la viesainte.



17 Mara phá Tất-đạt-đà.

Mara (Ma-vương) không muốn là Tất-đạt-đà đạt được Chân lý, vì sợ rằng lúc Ông tìm được rồi, thì mọi người sẽ tu theo Tất-đạt-đà và sẽ không

còn dưới quyền của Ma-Vương.

Lúc đầu Mara hóa phép ra sấm sét và bão, tàn phá hết mọi vật chung quanh, nhưng Tất-đạt-đà và cây bồ-đề vẫn yên lành nhờ hào quang bao quanh.

Mara gọi các con quỷ nhỏ; mấy con đó bắn trên Tất-đạt-đà những mũi tên tẩm thuốc độc. Lúc mấy mũi tên sắp đụng Tất-đạt-đà, thì nó biến thành hoa sen. Mara hóa phép ra thành mấy bà đẹp để mấy bà ấy quyến rũ Tất-đạt-đà, nhưng không được. Lúc cuối cùng Mara hóa phép ra bà vợ và con của Tất-đạt-đà. Nhưng Tất-đạt-đà cứ ngồi thiền hoài. Mara chịu thua trốn đi mất. Ông thua rồi.

17 La lutte contre Mara

Mara, qui est le Roi des génies du Mal pour les gens de l'Inde, voulait empêcher Siddharta de trouver la Vérité; car si ce dernier la trouvait, tout le monde suivrait Siddharta, et non lui-même (c'est à dire le Mal).

début, Mara fit apparaître des foudres et des tempêtes qui détruisirent tous les alentours sauf Siddharta et son arbre. Son aura le protégeait. Alors Mara décida d'envoyer ses fils, les démons. Ces derniers tirèrent sur Siddharta des

flèches empoisonnées de haine; mais dès que ces dernières touchèrent l'aura, elles se transformèrent en pétales de lotus.

lors, Mara fit apparaître de belles filles pour séduire Siddharta; mais en vain.

Enfin, Mara fit apparaître l'image de l'épouse de Siddharta et de son fils. Rien ne réussit. Mara se retira, vaincu.



18 Tất-đạt-đa tỉnh giấc

Tất-đạt-đa ở lại một mình. Tất-đạt-đa tiếp tục ngồi thiền. Một buổi tối Tất-đạt-đa thấy mình ở trong đời khác, trong

người khác. Tất-đạt-đa suy ra là mình có thể sống nhiều kiếp. Tất-đạt-đa kiểm tra tại sao mình bị khổ sở và làm sao mình có thể ngừng đau khổ. Nếu mình làm việc thiện, mọi người trả mình việc thiện. Nếu mình làm việc ác, mọi người trả mình việc ác. Con người thường tìm hạnh-phúc trong dục lạc, nhưng chỉ kiếm được thất vọng mà thôi. Chỉ có một cách để kiếm sự sung sướng: đó là làm việc thiện cho người khác, nể người khác, và giúp đỡ người khác. Nay Tất-đạt-đa đã giác-ngộ rồi, Tất-đạt-đa đã thành Phật.

18 L'Eveil

Siddharta resta donc seul. Il continua méditer. Au cours de la nuit, tout à coup, il se vit dans d'autres vies, dans d'autres personnages. C'était ses vies antérieures. Il se remémora tous les efforts qu'il avait accomplis pour chercher la Vérité.

Il découvrit enfin les causes de la Souffrance, les moyens pour y mettre un terme. Si l'on fait du bien, on nous rend du bien; si l'on fait du mal, on nous rend du mal. Les gens courent après le plaisir, mais ne trouvent que des déceptions

La seule façon de trouver le bonheur pour soi, c'est de faire le bonheur des autres, de les aimer, les respecter, les servir. Maintenant il est devenu complètement éveillé; il est devenu un Bouddha.



19 Bài pháp đầu tiên

Bấy giờ đức Phật không biết có thể dạy đạo cho ai được. Ngài nghĩ tới nhiều người lám; Cuối cùng, Ngài nhớ đến năm ông tu-sĩ bạn xưa của Ngài. Năm ông đó còn đang tìm sự thật ở một khu rừng kế bên. Ngài đến khu rừng đó và giải thích cho năm ông bạn là Ngài đã tìm được sự thật rồi, và đã thành một ông Phật rồi. Ngài chỉ cách làm sao mình có thể dứt bỏ được sự đau khổ và có thể vui vẻ được thật sự. Năm ông đó trở thành năm ông đệ tử đầu tiên của Phật.

19- Les premiers disciples

Maintenant, Siddharta se demanda à qui enseigner le premier. Il pensa à plusieurs personnes; finalement il choisit les cinq ascètes ses anciens amis, qui cherchaient la Vérité dans le Parc aux Daims. Siddharta s'y rendit; une fois arrivé, il expliqua à se s cinq amis qu'il avait trouvé enfin la Vérité, et qu'il est devenu un Bouddha. Il leur montra le chemin du bonheur véritable; il leur enseigna les quatre nobles vérités: la Vérité de la Souffrance, la Vérité des causes de la Souffrance, la Vérité de la fin de la Souffrance, enfin la Vérité du chemin vers la fin de la Souffrance. Les cinq hommes devinrent les premiers disciples du Bouddha.



20 Nỗi khổ của bà Gô-ta-mi

Một ngày nọ, Đức Phật gặp một bà tên là Gôtami. Bà ấy mới mất đứa con trai, và không muốn chôn con của bà. Bà hỏi Phật làm sao để cho con bà sống lại. Đức Phật nói là có thể giúp bà được, nhưng bà phải đem đến Phật một hạt cải (mù tạc), nhưng hạt cải đó phải thuộc một nhà trong đó không có ai chết cả. Bà Gôtami đi tìm hỏi khắp nơi, nhưng trong nhà nào cũng đã có một người chết... Bà suy ra là người nào cũng phải chết, người nào một ngày kia cũng phải xa lìa những kẻ thân yêu và phải chết. Đó là sự tự-nhiên của cuộc đời. Bà ấy bèn chôn xác đứa con, rồi đến xin làm đệ-tử của Đức Phật

20 Le chagrin de Gotami

Un jour, une femme nommée Gotami vint à la rencontre du Bouddha.. Celle-ci venait de perdre son fils. Elle ne voulait pas l'enterrer, mais demanda au Bouddha de lui rendre la vie. Le Bouddha lui dit: "Je peux t'aider, mais il faut d'abord que tu m'apportes une graine de moutarde ; mais elle doit provenir d'une maison où personne n'est mort." Gotami alla de maison en maison. Des graines de moutarde, on en trouvait; mais dans chaque maison, il y avait toujours quelqu'un de mort. Gotami comprit que tout le monde doit mourir, que tout le monde doit , un jour ou un autre se séparer d'un être cher, que cela fait partie de la vie. Alors, elle enterra son enfant et devint un disciple du Bouddha.



21 Cải thiện một tên cướp sát nhân.

Một tên cướp tên là Angulimalo muốn được sinh lên cõi Trời. Tên đó nghe thấy người ta bảo muốn sinh lên cõi Trời mình phải giết một trăm người, cắt một lông tay những người đó để làm một dây chuyền. Tên đó đã giết được 99 người rồi. Lúc thấy Đức Phật, tên đó liền chạy theo để giết. Đức Phật vẫn đi chậm rãi như thường mà tên cướp không sao bắt kịp. Angulimalo ngừng chạy và hét lên để Phật ngừng lại. Phật trả

lời: "Ta đã ngừng từ lâu rồi... Chính ông phải ngừng lại!". Angulimalo không hiểu. Phật giải thích: "Ta đã ngừng làm các việc ác đến người khác từ lâu... còn ông vẫn còn làm việc ác". Angulimalo hiểu giết người cầu lên cõi trời là sai; hán từ bỏ mọi việc ác và xin làm đệ-tử của Phật.

21 La conversion d'un brigand

Un homme nommé Angulimalo voulait aller au Ciel. Il avait entendu dire que pour cela, il fallait tuer cent personnes et chaque fois prendre une phalange pour faire un collier. Il avait déjà tué quatre vingt dix neuf personnes; Dès qu'il vit le Bouddha, il le poursuivit en courant pour le tuer. Le Bouddha marchait, mais Angulimalo n'arrivait pas à le rattraper. Alors Angulimalo s'arrêta et lui cria d'en faire autant. Le Bouddha lui répondit : "Je me suis arrêté depuis longtemps. C'est toi qui dois t'arrêter!" Comme Angulimalo était très étonné, le Bouddha lui expliqua: " Je me suis arrêté de faire du mal aux autres; toi tu continues à le faire!" Angulimalo finit par se repentir de ses cruautés et devint un disciple du Bouddha.



22 Đúc Phật về thăm gia-đình

Phật đã nhận được nhiều thú của vua cha Suddhodana. Phật dẫn theo nhiều đệ-tử về thăm gia-đình mình. Lúc đầu

vua cha tức giận lắm vì thấy con của mình, một vị Hoàng tử, đi ăn xin nơi những nhà thường dân, lại mặc những quần áo người nghèo hèn. Phật giải thích cho vua cha nghe đó là thường lệ của những nhà tu "khất sĩ" đã từ bỏ mọi giàu sang phú quý. Lúc Phật đã giải thích hết cho vua cha nghe, vua hiểu và xin làm một đệ tử của Phật. Kế tiếp, Phật đi thăm bà vợ xưa là bà Yasodhara. Bà quỳ xuống chân Phật và xin làm đệ-tử của Ngài. Con của Phật là Rahula đến thăm cha và cũng xin làm đệ-tử của Phật luôn.

22 - Le retour au Palais royal

Ayant reçu plusieurs messages du Roi Suddhodana, le Bouddha, suivi de nombreux disciples, rendit visite à sa famille. Son père, au début, fut très fâché de voir son fils mendier dans sa propre ville, portant des habits de pauvres. Puis, grâce aux explications de son fils, il comprit tout, et devint un de ses disciples. Ensuite, dès que le Bouddha alla voir son ancienne épouse Yashodara; celle-ci s'agenouilla à ses pieds, devint aussi son disciple. Rahula alla voir son père et devint également son disciple



23 Từ-bi đối với thú vật

Một hôm, Phật thấy một đàn cừu đi nhanh quá, nên có một con cừu con không theo kịp. Phật bẻ con cừu con trên tay và đi theo đàn cừu. Người chăn

cừu giải thích cho Phật nghe là mấy con thú ấy được dẫn đến

các ông Bà-la-môn của vua Tần-Bà-Sa-La (Bimbisara), và sẽ bị giết để cúng thần. Phật giải thích với ông vua và các vị Bà-la-môn khuyên đừng giết thú vật. Chúng sẽ đau khổ, và mình thêm tội lỗi trong kiếp tương lai. Về sau, vua Tần-Bà-Sa-La xin làm đệ-tử Phật, và cấm giết các thú để cúng thần.

23 Etre bon envers les animaux

Un jour, le Bouddha vit un troupeau de moutons qui avançait tellement vite qu'un petit agneau n'arrivait pas à le suivre. Le Bouddha prit l'agneau dans ses bras, et suivit le troupeau. Il apprit après, de la part du berger, que les animaux devaient être amenés chez les prêtres brahmanes du Roi Bimbisara, pour être sacrifiés aux dieux.

Le Bouddha expliqua au Roi et aux prêtres que cela ne fait que causer de la souffrance, et par là des conséquences néfastes pour leur vie future. Le roi Bimbisara devint un disciple du Bouddha et interdita le sacrifice des animaux aux dieux



24 Lấy thiện trả ác (mối thù của Đê-bà-đạt-Đa)

Đê-bà-

đạt-đa, em họ của Phật, ganh-tị Phật lắm. Thấy những người kính thương Phật mà không tôn-trọng mình, ông ấy có ý muốn giết Ngài. Lần đầu, Đê-bà sai một người cầm gươm đi giết Ngài. Người đó thấy Phật đang ngồi thiền, vẻ từ-bi quá, không dám giết Ngài, và đặt thanh kiếm dưới chân Phật, rồi quỳ lạy Ngài. Phật bảo ông ấy chạy trốn cùng với mẹ ông ta, càng xa Đê-bà càng tốt.

Lần thứ nhì, Phật đang ngồi thiền dưới chân một ngọn đồi; Đê-bà liền-kết với con vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara), xô một tảng đá rất to từ ngọn núi xuống. Nhưng tảng đá chỉ lăn gần bên Phật, một mảnh vụn văng trúng chân Ngài và Ngài chỉ bị thương nhẹ mà thôi.

Lần thứ ba, Đê-bà cho một con voi dữ uống rượu say rồi thả về phía Phật. Nhưng con voi này được Phật rải lông từ-bi, trở thành hiền, bèn quỳ xuống hôn chân Ngài.

Tuy Đê-bà đối xử không tốt với Phật, nhưng lúc Đê-bà bị bệnh nặng, Phật vẫn đến săn sóc Đê-bà như con mình.

24 Rendre le bien pour le mal (La haine de Devadatta)

Devadatta, cousin du Bouddha, était très jaloux: tout le monde aimait et respectait le Bouddha, et lui, on l'ignorait. Devadatta décida de tuer son cousin.

Au début, il envoya un homme chargé de tuer le Bouddha. Mais quand l'homme vit le Bouddha qui méditait tranquillement, il n'osa pas le tuer; il déposa l'épée et s'agenouilla devant le Maître. Ce dernier lui recommanda de s'enfuir avec sa mère loin de Devadatta, pour éviter des représailles.

Une autre fois, le Bouddha méditait au pied d'une colline. Devadatta, avec la complicité du fils du roi Bimbisara, roula sur le Bouddha une énorme pierre du haut de la colline. Par miracle, quand la pierre allait

atteindre le Bouddha, elle se fendit en deux, ne lui causant qu'une légère blessure.

Une autre fois, le Bouddha se promenait avec ses disciples; deux conjurés lancèrent sur lui un éléphant enivré à l'alcool. Ils espéraient que l'animal piétinât le Bouddha. A la vue de l'animal enragé, les disciples du Bouddha s'enfuirent, sauf Ananda, son fidèle compagnon. Mais le Bouddha n'avait pas peur. Il était si calme et si bienveillant que l'éléphant s'agenouilla à ses pieds.

Malgré ces trois tentatives de meurtre, quand Devadatta tomba malade, le Bouddha lui rendit visite, et le soigna jusqu'à la guérison, avec autant d'attention qu'il l'aurait fait pour son propre fils.



25 Những lời dạy cuối cùng của Đức Phật

Lúc Phật vào khoảng tám mươi tuổi, thì sức khỏe kém hẳn, biết mình sắp từ trần rồi. Phật muốn sống những ngày chót của mình

tại nơi mình đã lớn lên, tức là thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu). Cùng với các đệ-tử, Phật ngừng lại tại một làng nhỏ Câu-thi-na (Kusinagar), vì có một ông già tên là Thuần-dà (Cunda) mời Phật tới. Sau khi ăn nấm, Phật thấy trong người khó chịu. Phật bảo các đệ-tử loan báo là Phật sắp từ trần. Phật bảo An-nan-dà (Ananda) mắc một cái võng giữa hai cây Sala, trong một khu rừng.

Hàng trăm đệ-tử đến thăm Phật. Vài người chưa đắc đạo thì khóc thê-thảm. An-nan-dà khóc nhiều nhất. Các người đó sợ mất một vị thầy chỉ dẫn. Phật nói với họ một lần chót: "Nếu các con suy ngẫm kỹ lưỡng những lời chỉ dẫn của ta, thì các con không cần sự có mặt của ta nữa. Các con hãy tự thấp đức lên mà đi. Pháp và Luật sẽ là thầy của các con. Hãy cố gắng lên!". Phật thien một lúc khá lâu rồi từ trần (nhập Niết-bàn).

25 Les derniers conseils

Vers les quatre-vingts ans, le Bouddha sentit sa santé décliner. Il voulut passer ses derniers jours là où il avait grandi, c'est à dire à Kapilavastu. Avec ses disciples, il s'arrêta au petit village de Kushinagar, sur l'invitation d'un saint homme, Cunda. Après le repas de champignons offert par ce dernier, il se sentit mal. Il fit annoncer par ses disciples la nouvelle qu'il allait quitter le monde. Il demanda à Ananda de pendre pour lui un hamac entre deux arbres sala dans la forêt. Des centaines de disciples, moines et laïcs, affluèrent au tour de lui.

Certains qui n'ont pas atteint l'éveil, surtout Ananda, pleurèrent amèrement. Ils avaient peur de perdre un guide. Le Bouddha leur parla pour la dernière fois: "Si vous avez bien médité mon enseignement, vous n'aurez pas besoin de moi. Allumez votre propre flambeau. La Loi (Dhamma) et la Discipline seront vos maîtres. Efforcez vous!" La Bouddha entra dans la méditation profonde et s'éteignit (Parinibbana)



26 Đám tang của Đức Phật

Được tin Phật từ trần, cả hàng ngàn người tới, đem hoa và hương tới. Nhiều người khóc lám. Máy vị đệ-tử chánh của

Phật, như A-nan-dà (Ananda) và A-na-luật (Anuradha) sửa soạn đám tang của Phật cho trọng thể. Người ta rước thi hài (xác) của Phật tới chùa của dân Malla để hỏa táng (đốt). Nhiều ông vua tới dự đám tang. Máy ông ấy tranh nhau xá-lợi của Phật. Máy sao, có một ông rất biết điều nói lên như sau: "Hết cả đời, Phật dạy cho chúng mình diệt sự đau khổ, đừng tham lam, đừng hờn giận, thương yêu và giúp ích mọi người, mọi loài. Giờ lúc này, Phật từ trần, thì máy ông lại cãi nhau !...". Cuối cùng, máy ông vua chịu chia đều xá-lợi Phật, đem phần mình về nước mình, và mười tháp được xây lên để cúng Phật.

26 Crémation et reliques

La nouvelle de la mort du Bouddha se répandit très vite. Des milliers de gens affluèrent, apportant des offrandes de fleurs et d'encens. Beaucoup s'effondrèrent en larmes. Les principaux disciples du Bouddha, Ananda et Anuradha remirent de l'ordre et organisèrent la cérémonie funèbre dans la solennité. On porta le corps du Bouddha en procession jusqu'au temple du peuple Malla, pour la crémation.

De nombreux rois y assistèrent. Ils se disputèrent les cendres du Bouddha. Heureusement une voix sage s'éleva: " Pendant toute sa vie, le Bouddha nous appris à vaincre la Souffrance par la cessation de l'avidité et de la haine. Il nous a enseigné la bienveillance et l'amour envers tous les êtres vivants. Et voici, qu' après son départ, vous vous querellez! "Finalement, les cendres furent réparties entre les rois; dix stupas (monuments funéraires) furent érigés pour conserver les reliques en vue de l'adoration.



27 Lời dạy của Đức Phật là cho hết mọi người không phân giai cấp.

Thời Đức Phật còn tại thế, các giai-cấp hết sức phân chia. Có giai cấp hoàng tộc quân quyền, có giai-cấp thầy tu Bà-la-môn (Brahmanes), có giai-cấp thương-gia, và thợ-thuyền; cuối cùng có giai cấp tiện-dân, cùng khổ không được đụng đến (Intouchables); một tiện dân không có quyền múc nước nơi một giếng dành cho các giai-cấp khác.

Tuy vậy, Đức Phật tiếp nhận trong hàng ngũ tu-sĩ của Ngài (Tăng đoàn) cả các bậc quý phái như vua Tần-bà-sa-la (Bimbisara) và các vị quan của vua (hình 1), lẫn tiện-dân như Sunita, người gánh phân (hình 2); cả những tu-sĩ Bà-la-môn như Ca-diếp (Kacçapa) thờ lửa (hình 3), lẫn người trước làm gái đi như Ambapali (hình 4). Điều quan trọng là đã tu tâm, có đức tin và đạo-hạnh.

27 L'enseignement ouvert à tous

Du temps du Bouddha, les castes étaient très séparées. Il y avait la caste des aristocrates guerriers, la caste des religieux Brahmanes, la caste des commerçants et artisans? Enfin les hors - castes ou Intouchables. Un Intouchable n'avait pas même le droit de puiser de l'eau dans un puits réservé aux autres castes.

Mais le Bouddha acceptait dans la communauté des moines (la Sangha) aussi bien des aristocrates comme le roi Bimbisara et ses princes (fig. 1) que des Intouchables comme l'éboueur Upali (fig. 2) ; aussi bien des religieux Brahmanes comme Kassapa, adorateur du Feu (Fig. 3) que des gens du monde comme la courtisane Ambapali (Fig. 4). Ce qui importait, c'était essentiellement la dévotion et la bonne conduite.



28 Những lời dạy của Đức Phật truyền bá khắp thế giới

Sau khi Phật nhập diệt, các đệ tử của Phật họp nhau lại để ghi chép

lại những lời Phật dạy trong kinh sách. Lời Phật dạy được lưu truyền khắp Ấn-Độ, rồi truyền khắp Á-châu: Trung-Hoa, Tây-Tạng, Nhật-Bản, Việt-Nam, Lào, Cao-Miên, Miến-Điện, Tích-Lan, vân vân...

Cuối cùng, trong thế-kỷ thứ 19 và 20, lời Phật dạy lan qua khắp thế-giới: Âu-châu, Mỹ-châu, Úc-châu, Phi-châu...

Tất cả mọi người đều có thể theo lời Phật dạy, dù là nòi giống nào hay tin đạo nào: những điều dạy chính cốt là: Làm lành lánh dữ, Thanh lọc tâm ý, Khoan dung và Thường yêu mọi loài.

28- Les enseignements se répandent dans le monde entier.

Après la mort du Bouddha, ses disciples se réunirent plusieurs fois (en conciles), pour mettre sous forme écrite ses enseignements. Ces derniers se répandirent d'abord dans l'Inde, puis dans presque toute l'Asie: Ceylan, Birmanie, Chine, Tibet, Mongolie, Japon, Vietnam, Laos, Cambodge, etc Enfin, aux dix-neuvième et vingtième siècle, ils se répandent dans d'autres continents: Europe, Amérique, Australie, Afrique.

Les recommandations du Bouddha comme la purification de soi par la méditation, la tolérance, la compassion envers tous les êtres vivants, sont valables pour tous les hommes, quelque soient leur croyance et leur origine.

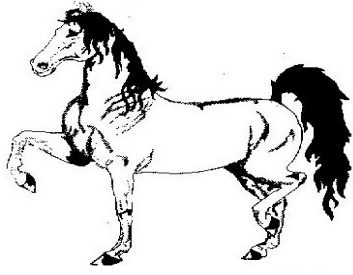
Cuộc đời Đức Phật bằng tranh (Mục Lục) 1-14 : xem V.G số xuân 126 ; 15-28 ở đây

- 1 Một giấc mê lạ lùng .
- 2 Sinh ra hoàng tử.
- 3 Tu-sĩ A-tu-đà đến thăm Hoàng-tử.
- 4 Con thiên nga trúng tên.

- 5 Một cuộc thi tài
- 6 Cuộc thi bắn cung tên
- 7 Cuộc thi kiếm
- 8 Cuộc thi cưỡi ngựa
- 9 Những lâu đài vui tươi
- 10 Hoàng-tử đi dạo ngoài thành
- 11 Tất-đạt-đa rời bỏ lâu-đài đi tu
- 12 Cuộc đi tìm đạo bắt đầu
- 13 Năm ông tu-sĩ
- 14 Một đời sống khổ hạnh
- 15 Bài hát chỉ con đường đúng
- 16 Một bà thiếu-phụ dâng bát cơm sữa
- 17 Ma ra phá Tất-đạt-đa
- 18 Tất-đạt-đa tỉnh-giác
- 19 Thời thuyết pháp đầu tiên
- 20 Nội khổ của bà Gô-ta-mi
- 21 Cải thiện một tên cướp sát nhân
- 22 Đức Phật đi về thăm gia-đình
- 23 Tử-bi đối với thú vật
- 24 Lấy thiện cải ác
- 25 Những lời dạy cuối cùng của Đức Phật
- 26 Đám tang của Đức Phật
- 27 Lời Phật dạy là cho hết mọi người, không phân giai cấp.
- 28 Những lời Phật dạy truyền bá khắp thế-giới.

Vie du Bouddha (Table des matières) (1-14 voir VienGiac 126 ; 15-28:ici)

- 1- Un rêve étrange
- 2 - Le nouveau né
- 3 - La visite d'Asita
- 4 - Le tournoi
- 5 - L'épreuve de tir à l'arc
- 6 - L'épreuve de tir à l'arc
- 7 - l'épreuve de l'épée
- 8-- L'épreuve de l'équitation
- 9 - Les palais du plaisir
- 10 - Les sorties
- 11 - Le grand départ
- 12 - Le début du voyage
- 13 - Les cinq moines
- 14 - Une vie de privations
- 15 -La voie du juste milieu
- 16 - L'offrande du bol de riz au lait
- 17 - La lutte contre Mara
- 18 - L'éveil
- 19 - Les premiers disciples
- 20 - Le chagrin de Gotami
- 21 - La conversion d'un brigand
- 22 - Le retour au palais royal
- 23 - Etre bon envers les animaux
- 24 - Rendre le bien pour le mal
- 25 - Les derniers conseils
- 26 - Crémation et reliques
- 27 - L' enseignement ouvert à tous
- 28 - Les enseignements se répandent dans le monde entier



NĂM NGỌ NÓI CHUYỆN NGỰA

• **Hương-Giang Thái-Văn-Kiểm**

Từ quốc nội ra tới hải ngoại, toàn dân Việt chúng ta hoan hỉ chào đón năm Nhâm Ngọ 2002 mà biểu hiệu là CON NGỰA, một giống vật rất cần thiết cho loài người từ thượng cổ... Cỡi con tuấn mã, chúng ta hãy phóng vào không gian và thời gian để tìm hiểu những sự việc có liên hệ với giống ngựa và loài người trong Lịch đại, Lịch sử, Văn chương, Mỹ thuật, Phong tục và Truyền thuyết của Á Đông nói chung và Việt Nam nói riêng.

I. KHÁI LƯỢC VỀ LỊCH ĐẠI

Chúng ta biết rằng việc thiết lập Lịch đại gắn liền với khoa Thiên văn và khoa Địa lý. Theo các nhà khảo cổ đã nghiên cứu kỹ những vòng tròn và hoa văn trên mặt trống đồng Hoàng Hạ (liên tỉnh Hà Sơn Bình) thì Tổ tiên chúng ta, cách đây khoảng 3.000 năm, đã tỏ ra khá tinh thông về khoa Thiên văn, và các nhà viết sử quyết đoán rằng người Việt xưa đã biết đặt ra Lịch Nghề Nông, tức là Nông Lịch. Đây là hai bài ca dao về Nông Lịch:

Tháng giêng là tiết gió bay,

*Tháng hai gió mát trăng bay vào
dền.*

Tháng ba gió đưa nước lên,

*Tháng tư gió đánh cho mềm ngọn
cây...*

hay là:

Tháng giêng là nắng hơi hơi,

Tháng hai là nắng giữa trời nắng ra.

Thứ nhất là nắng tháng ba,

*Tháng tư có nắng nhưng mà nắng
non.*

Tháng năm nắng đẹp nắng dòn,

*Tháng sáu có nắng bóng tròn thì
mưa...*

Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên thì nước Việt xưa đã có Lịch độc lập với Trung Quốc: "Thời Tam Đại (Hạ Thương Chu), đất Hồ, đất Việt không theo lịch Trung Quốc". Đời Hạ khởi đầu năm 2205 cho tới 1766

trước Tây lịch, đời Thương 1766-1100 và đời Chu 1100-256 trước Tây lịch.

Sử ta cho biết thêm rằng: Thời nhà Trần, có người tên Đặng Lộ, quê quán huyện Sơn Minh (Ứng Hòa, liên tỉnh Hà Sơn Bình) đã chế ra một dụng cụ xét nghiệm khí tượng, gọi là Lung Linh Nghi; còn có quan Tư Đồ Trần Nguyên Hân (ông ngoại Nguyễn Trãi) là một nhà Thiên văn, rất giỏi về Lịch pháp. Ông có soạn quyển Bách Thế Thông Khảo ghi rõ những ngày nhật thực, nguyệt thực, thời tiết trong năm, vị trí các ngôi sao từ những thế kỷ trước Tây lịch đến thế kỷ XIV là thời đại của ông.

Xem sách Văn Đoàn Loại Ngữ của Lê Quý Đôn, chúng ta cũng biết họ Lê rất tinh thông thiên văn và địa lý, không những của Á Đông mà cả Tây phương nữa, nhờ những sách vở mà ông đã mua được trong thời gian đi sứ sang Trung Quốc (1760-1764), trong đó có bộ Bách Khoa Uyên Giám Loại Hàm của nhà Minh, và nhiều sách về Thiên, Địa, Toán Tây Phương do các giáo sĩ dòng Tên phiên soạn ra Hán ngữ, ví dụ như Giáo sĩ Ferdinandus Verbiets (Nam Hoài Nhân) đã soạn ra Khôn Dư Đồ Thuyết nói rõ về hình thể của vũ trụ, Giáo sĩ Joannes Adam Scall von Bell (Thang Nhược Vọng) tinh thông môn Lịch toán, đã từng làm Khâm Thiên Giám cho vua nhà Thanh và đã soạn ra hai quyển Lịch Pháp Tây Truyền và Tân Pháp Biểu Dị. Ngoài ra Giáo sĩ Giulios Aleni (Ngải Nho Lược), người Ý Đại Lợi, đến Trung Quốc vào cuối nhà Minh, có soạn các sách Chúc Phương Ngoại Kỳ và Tây Học Phát Phàm.

Sở dĩ nước ta đã chọn dùng lịch Trung Quốc là do cuộc đô hộ hơn 1.000 năm, rồi mãi về sau, tuy được độc lập 1.000 năm nữa, nhưng vẫn còn ảnh hưởng chính trị và văn hóa của Trung Quốc, cũng như Cao Ly, Nhật Bản, Mãn Châu...

Trở về nước ta, chúng ta tìm thấy trong quyển Hoàng Việt Giáp Tý Niên Biểu của cụ Nguyễn Bá Trác, ấn hành năm Khải Định thập niên, tam nguyệt nhựt, 1925, thì trong những năm Canh Ngọ có liên hệ Sử Việt là:

- **Canh Ngọ 1191 trước Tây lịch**

Việt Nam: Đời Hồng Bàng năm 1689

Trung Quốc: Vua Đế Ất, nhà Ân, nguyên niên (con vua Thái Đinh), ở ngôi được 37 năm, triệu ông Chu Công Quý Lịch làm Mục Sư.

- **Canh Ngọ 111 trước Tây lịch**

Nam Việt: Triệu Vệ Dương Vương, nguyên niên; tên là Kiến Đức, con trưởng Triệu Minh Vương, ở ngôi được một năm, nhà Hán sai Lộ Bác Đức giết đi. Đời nhà Triệu đến đây là dứt và nước trở thành chư hầu từ đó. Nhà Hán đặt ra 9 quận và quan Thứ Sử, quan Thái Thú.

Trung Quốc: Hán Vũ Đế, nguyên Đinh, năm 6.

Chúng ta chỉ ghi trích hai năm Canh Ngọ chính yếu đó mà thôi và nhấn mạnh rằng:

1) Sứ mạng họ Hồng Bàng có tính cách thần bí, thần thoại, cũng giống như nữ thần Amataratsu, nữ thần Mặt Trời là thủy tổ của dân Nhật Bản, còn họ Hồng Bàng là thủy tổ của dân Lạc Việt, kết tụ Nam Phương với Bắc Phương. Câu đối ở đền Hùng (Phú Thọ) trên núi Hi Cương, Nghĩa Lĩnh còn lưu lại cho hậu thế hai câu tuyệt vời như sau:

*Thái thủy khai cơ, tú cổ sơn hà qui
bản tịch,*

*Đăng cao vọng viễn, quần phong la
liệt tự nhi tôn.*

dịch là:

*Mở lối đắp nền, bốn mặt non sông
qui một mối,*

*Lên cao nhìn rộng, nghìn trùng đồi
núi tựa đàn con.*

2) Sứ mạng nhà Triệu là củng cố tộc Việt phương Bắc, vốn ở vùng Triết Giang, còn Sở thì ở dọc theo Trường Giang, Ngô thì ở hai bên sông Hoài, tức là vùng Tô Châu. Họ Triệu đầu tiên đã đặt quốc hiệu Nam Việt, chống với nhà Hán, duy trì nòi giống Bách Việt, cho nên nhiều sử gia vẫn ghi họ Triệu vào Sử Việt. Hiện nay, ở Quảng Châu, nơi cố đô Nam Việt là Phiên Ngung (các

bản đồ xưa của Tây phương ghi là Banjul), còn có Viện Bảo Tàng họ Triệu, trong đó có triển lãm cung tên của Thục An Dương Vương ngày xưa. Nếu bảo rằng họ Triệu không phải là Việt thì họ Thục cũng thế thôi, cả hai đều thuộc hệ chủng Bách Việt phương Bắc. Chỉ có tộc Lạc, tộc Mường mới thật sự là những sắc dân chiếm cứ xa xưa nhất vùng châu thổ, lưu vực và đồi núi sông Hồng Hà, sông Mã, sông Cả và sông Chu.

Thật sự tộc Việt từ phương Bắc tràn xuống nhập với tộc Lạc, sinh ra giống nòi Lạc Việt, Lạc trước Việt sau, chứ không bao giờ nói Việt Lạc. Đó là sự dung hợp giữa Bắc và Nam, giữa người Kinh và người Thượng, phù hợp với truyền thống và truyền thuyết dân tộc ta.

Chúng ta biết rằng Âm lịch khai dựng từ năm 2.637 trước Tây lịch, vào năm 61 đời Hoàng Đế bên Tàu. Như vậy Âm lịch xuất hiện cách đây 2.637 cộng với 2.002 vị chi 4.639 năm. Năm nay 2002 Nhâm Ngọ thuộc vào vận niên lúc giáp (thời gian 60 năm) thứ 78. Vận niên này đã khởi đầu năm 1984 và sẽ chấm dứt vào cuối năm 2043, con cháu chúng ta phải chờ 60 năm nữa mới thấy trở lại năm Nhâm-Ngọ 2062. Tuy nói là Âm lịch nhưng cũng phải dung hòa và thích ứng với sự tuần hoàn của mặt trời bằng cách thêm vào một tháng nhuận (mois intercalaire) mỗi hai ba năm một lần, cho phù hợp bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông. Vì thế mà gọi là Âm Dương Hợp Lịch (calendrier luni-solaire).

Theo truyền thuyết, vua Phục Hi (4480-4365 trước TL) thấy con Long Mã xuất hiện nơi sông Hoàng Hà, mình rồng đầu ngựa, đội một bức họa đồ gọi là Hà Đồ, bèn luận ra Thái Cực và Âm Dương, rồi soạn ra Kinh Dịch, mở đầu khoa Lý Số Học, quy định 8 Quái (tức Bát Quái), 64 Quẻ, 384 Hào, nhằm xét đoán sự chuyển vận và biến hóa của vạn vật trong Vũ Trụ.

Theo Khâm Định Việt Sử của Quốc Sử Quán đời nhà Nguyễn thì vào năm 2361 trước TL, dưới thời vua Nghiêu (Đào Đường thị), sứ giả nước Việt Thường ở phía nam Giao Chỉ (?), đem cống vua Nghiêu một con rùa lớn, đường kính 3 xích (1m20), trên lưng có chạm Khoa Đầu Văn (chữ giống con nòng nọc -têtard) ghi lại những biến cố lớn lao từ lúc khai thiên lập địa. Vua Nghiêu truyền chép lại những kỷ văn nói trên, làm thành một quyển lịch, gọi là Quy

Lịch (Lịch Rùa), calendrier de la Torture, mà sau này sẽ còn xuất hiện trong lịch sử nước ta, đời An Dương Vương xây Loa Thành.

II. NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA GIỐNG NGỰA

Từ ngàn xưa, loài người đã chinh phục được giống ngựa, từ nơi sơn lâm đem về nuôi dưỡng thành một phụ vật, một gia súc mà họ xem như là một chinh phục đẹp nhất (*la plus belle conquête de l'homme*). Từ đó, ngựa đã giúp người trong mọi công tác xê dịch, vận tải và chiến chinh. Bao nhiêu chiến công oanh liệt đều có voi ngựa tham gia, may mắn thì cùng với chiến sĩ ca khúc khải hoàn, rủi ro thì đành phơi thây nơi chiến địa, chia xẻ gian truân, cùng chung số phận:

*Hơi gió lạnh người râu mặt dạn,
Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon.*

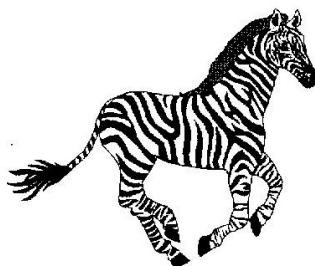
*Ôm yên gối trống đã chồn,
Nằm vùng cát trắng, ngủ còn rêu xanh.*

Đoàn Thị Điểm (Chinh Phụ Ngâm)

Theo thần thoại Hy Lạp thì ngày xưa, tại vùng *Thessalie*, nơi biển *Égée*, có giống vật kỳ lạ thân ngựa mặt người gọi là *Centaure*, hay là *Hippocentaure*. Lại còn một giống ngựa kỳ lạ nữa có hai cánh để bay gọi là *Pégase* (phi mã), phát sinh từ dòng máu của thần *Méduse* mà hiệp sĩ *Persée* đã sát hại. *Pégase* có biệt tài, chỉ đá một cái mà làm sao suối *Hippocrène* phun nước ra, cho nên về sau người Tây phương tôn thờ *Pégase* như thần Mỹ Cảm trong thi ca.

Tại Phi Châu, đặc biệt ở xứ *Zaire*, có một giống ngựa gọi là *Okapi* có nhiều sọc ngang phía sau lưng. Mười bốn năm trước chính phủ *Zaire* có tặng cho chính phủ Pháp một cặp *Okapi* để trưng bày nơi *Zoo de Vincennes*.

Lại còn một giống nữa sinh sản tại Châu Phi, gọi là *Zèbre*, cao lớn và vằn



vện đầy mình. Lại thêm một giống nữa

cao nghều gọi là *Girafe* mà người Việt gọi *con cao cổ cao cẳng*, viết tắt là C-5 cho dễ nhớ, và liên tưởng một danh từ kép hài hước là *Có Cờ có cổ cò*, viết tắt



là C-5 bis!

Ngoài những con vật kỳ lạ trên kia, còn có giống hà mã (*hippopotame*) dị hình dị tướng, hụp lặn cả ngày nơi sông lớn, to bằng con tây ngừ, tê giác (*rhinocéros*) nhưng rất hiền lành. Còn ngoài biển thì có giống hải mã (*hippocampe*) chuyên môn bơi đứng; người ta bắt về phơi khô dùng làm thuốc trắng dương bổ thận trong cả hai ngành Đông Y lẫn Tây Dược.

Trên đất liền chúng ta tìm thấy rất nhiều giống ngựa, được phân biệt theo màu sắc của lông: lông trắng gọi là ngựa kim, hay bạch mã; màu cỏ đồng thì gọi là ngựa tía; màu đen thì gọi là ngựa ô (các giống vật cũng màu đen nhưng ta không gọi là ô, hoặc chó đen mà gọi là chó mực, mèo mun, gà quạ... cũng như trong một lãnh vực khác ta sẽ gọi là nếp than, tóc huyền, mắt lọ nghẹ, Hà Thủ Ô, Hà Ô Lội, ông Tây cột nhà cháy...).

Giống ngựa được đánh giá với 3 yếu tố: sức lực, dẻo dai và tốc độ. Sức lực rất cần cho sự chuyển vận đồ vật nặng, tốc độ rất cần cho việc chinh chiến, cho bưu trạm thời xưa, còn dẻo dai rất cần trên đường dài đất rộng.

Tùy theo tốc độ, người ta nói ngựa rảo, ngựa bon, ngựa tể, ngựa phi, ngựa sai. Các nhà soạn từ điển định nghĩa như sau:

Theo Giáo sĩ de Rhodes (*Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum*, từ điển Việt Bồ La, Roma 1651) thì Tể ngựa, chạy ngựa: *equitando currere*. Giáo sĩ Taberd, giám mục, đã

từng ở Lái Thiêu, tác giả *Dictionarium Annamatico-Latinum* (Serempore, India, 1838) giải thích Ngựa tể: *Equi cursus*. Paulus Huỳnh Tịnh Của, trong *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* (Sàigòn 1896) ghi rằng Ngựa tể: ngựa chạy mau mà đều bốn chân, ngựa riết: ngựa chạy riết, phi báo: chạy đi báo, báo việc gấp. Eugène Gouin trong *Dictionnaire Vietnamien Chinois Français*, Sàigòn 1957 giải thích ngựa tể: *cheval au galop*, ngựa phi: *cheval au grand galop*. Riêng Petrus Trương Vĩnh Ký trong *Dictionnaire Français Annamite* (Sàigòn 1884) thì *galoper* là chạy sai, *trotter* là chạy kiệu, *trottinger* là chạy lúp xúp.

III. NGỰA TRONG LỊCH SỬ TRUNG HOA

Trong lịch sử Trung Quốc, có hai con ngựa trứ danh là con Ô Chùy của Hạng Võ và con Xích Thổ của Quan Công, cả hai con đều là thiên lý mã, suốt ngày vượt cả ngàn dặm mà không mỏi mệt.

Lúc thiếu thời, Hạng Võ không chịu học chữ, thường bị chú Hạng Lương la rầy. Hạng Võ cãi rằng: *Học dù biết viết tên họ là đủ rồi, không nên học nhảm nhí chỉ đánh được một người, nên học cái chi có thể đánh được một vạn người!* Thế là Hạng Lương ra công dạy cháu binh pháp và thập bát ban võ nghệ. Lần hồi hai chú cháu dấy quân khởi nghĩa, tụ tập được tám nghìn quân tinh nhuệ chống Tần giúp Sở. Sở Hoài Vương phong Hạng Võ làm Thượng tướng.

Hạng Võ đem quân đánh tan quân Tần chín trận, thanh thế quân Sở át cả quân các nước chư hầu. Hạng Võ bèn thống quản tất cả quân chư hầu, tự xưng Tây Sở Bá Vương, chia đôi thiên hạ, làm Vương các chư hầu, cùng Hán Vương Lưu Bang tranh thiên hạ.

Hán Vương cùng hẹn với Hàn Tín và Bành Việt hiệp sức đánh Sở Bá Vương, lúc đó đóng quân ở trong thành Cai Hạ, binh hao lương hết. Quân Hán và quân chư hầu bỏ vây mấy vòng. Đang đêm, Sở Bá Vương nghe quân Hán ở bốn mặt đều ca hát giọng Sở, kinh hoàng nói: *Hán đã lấy được Sở rồi chăng? Sao mà người Sở đông thế?* Rồi phốc lên ngựa Ô Chùy, đang đêm phá vỡ vòng vây xông ra phía Nam, phi ngựa chạy cùng 800 tráng sĩ. Đến khi bị sa vào đồng lầy, quân Hán đuổi kịp, Sở Bá Vương bèn đem quân đi tới Đông thành, lúc đó chỉ

còn 28 kỵ binh. Sở Bá Vương muốn vượt sông Ô Giang thì được người đình trưởng cầm thuyền đợi, bảo rằng: *Giang Đông tuy nhỏ, đất hàng ngàn dặm, dân vài mươi vạn, cũng đủ làm vương, xin Đại vương mau mau vượt sông*. Sở Bá Vương cười mà rằng: *Trời hại ta, ta vượt qua sông mà làm gì! Và chàng Tịch này (tên Hạng Võ) cùng 8000 con em Giang Đông vượt Trường Giang đi về hưởng Tây nay không còn lấy một người trở về, dù cho các bậc cha anh ở Giang Đông thương ta, cho ta làm vương, ta còn mặt mũi nào mà thấy họ lại nữa? Dù họ không nói, Tịch này há chẳng then trong lòng sao? Ta biết ông là bậc trưởng giả, ta cuội con ngựa này đi đến đâu cũng vô địch, thường một ngày đi ngàn dặm, ta không nỗ giết, xin biểu ông!*

Sau đó Sở Bá Vương cho quân xuống ngựa, đi bộ cảm khí giới ngăn để tiếp chiến. Một mình Hạng Võ giết mấy trăm quân Hán, thân bị hơn mười vết thương, quay lại thấy kỵ binh của Hán là Lữ Mã Đổng, bèn nói: *Ông có phải cố nhân của ta đó không? Ta nghe nói Hán mua đầu ta ngàn vàng, phong ấp vạn hộ. Ta làm ơn cho nhà người đây! Rồi Hạng Vương tự cắt cổ chết, hồn lìa khỏi xác, tìm gặp Ngu Cơ bên kia thế giới. Rồi từ đó, trên bến Ô Giang:*

Vẫn âm thần trong cõi tối mông mênh,

Địch Trường Lương như ngậm

ngùi kẻ lẻ,

Nghẹn lời thương chiếc vong hồn

quanh quẽ

Liều theo mây bạt gời kiếp lênh đênh!

Phạm Huy Thông (Tiếng Địch Sông Ô)

Nói tới Quan Công tất nhiên phải nhắc tới con Xích Thổ, nguyên trước là của Lã Bố. Xích Thổ là con ngựa *chủng*, chỉ chịu phục vụ những trang tuấn kiệt, bạt sơn cử đỉnh. Đồi Hậu Hán có Đổng Trác và con nuôi là Lã Bố tác yêu tác quái trong triều ngoài quận. Quan Từ Đồi Vương Doãn bèn dùng mỹ nhân kế ly gián hai cha con. Trong phủ Vương Doãn có con hát tên là Điêu Thuyền được kén vào phủ học múa hát từ nhỏ. Điêu Thuyền tuổi mới mười sáu, tài sắc vẹn toàn, được Doãn thương yêu như con đẻ. Với sự thỏa thuận của Điêu Thuyền, Doãn dùng kế liên hoàn hợp với

mỹ nhân kế đem Điêu Thuyền gả cho Lã Bố, sau lại đem dâng cho Đổng Trác. Điêu Thuyền ở giữa tùy tiện lập kế ly gián hai bố con. Bố cho là Đổng Trác cướp vợ mình, Trác nghi Bố ghẹo vợ yêu của hắn, rứt cuộc Bố giết Trác rồi đánh nhau với Tào Tháo, bị dư đảng của Trác kéo quân vào thành đánh bại. Lã Bố chạy sang ở nhờ Viên Thuật, rồi lại thờ Viên Thiệu. Mãi về sau, Lã Bố bị Tào Tháo bắt thất cổ chết. Thế là con Xích Thổ qua tay Tào Tháo, để rồi Tào Tháo sẽ trao tặng Quan Công, tự Văn Trường.

Trong tuồng hát bộ *Huê Dung Đạo*, ta hãy nghe Tào Tháo kể lễ phân trần với Quan Công, làm cho Quan Công mũi lòng tha chết, thả lỏng cho ra về thông thả:

-... *Tháo cảm tài đức Quán Hầu. Từ thuở Quán Hầu thất thủ Hạ Bì về ở chung cùng Tào Tháo... Lâu năm chẳng có may được gặp Quán Hầu, chỗ Tháo vẫn nhỏ. Nhờ thuở nọ ở chung một nhà, chẳng có phân cách như nay, đây với đó...*

Quan Công giết mình:

- *Tào Thừa Tướng hãy đứng dậy!*

Tào Tháo đứng dậy tiếp tục phân trần:

- *Đội ơn Quán Hầu, ... Vậ Tháo nhỏ thuở nọ Quán Hầu buồn rầu vì bất tín Lưu Hoàng Thúc, Tháo rõ nỗi lòng của Quán Hầu nên mỗi bầy ba ngày tiệc nhỏ, bầy ngày tiệc lớn (tam nhật tiểu yến, thất nhật đại yến). Tháo chọn gái đẹp để sớm chiều châu chực Quán Hầu, Tháo lại tặng cho Quán Hầu con Xích Thổ ngày đi ngàn dặm, rồi bầy cho Quán Hầu lên ngựa để Tháo biểu vàng, xuống ngựa cho Tháo tặng bạc (thuởng mã đề kim, hạ mã đề ngân), là có ý khuây dạ Quán Hầu đó thôi, chỗ Tháo dư biết Quán Hầu có kể chi đến tui sắc tiền tài như phạm phu tục tử. Tháo trọng đãi Quán Hầu chủ còn lo sợ chung quanh Tháo chủ tướng ganh hiềm rồi sợ sót thiếu lễ cùng Quán Hầu, Tháo mới thừa lúc Quán Hầu sát Nhan Lương, tru Văn Xú mà mau xin Vua ban cho Quán Hầu chức Hôn Thọ Đình Hầu, chỗ Tháo dư biết Quán Hầu cũng không màng chi chức tước... Mà quả thật, Quán Hầu vừa nghe tin Lưu Hoàng Thúc ở Hà Bắc thì Quán Hầu vào tử tạ Tháo để trở về cùng anh. Tháo chẳng tìm được mưu kế chi mà cảm Quán Hầu lại choặng. Tháo*

phải ba phen lánh mặt, nào có ngờ Quan Hầu đã quyết định là kíp thi hành. Quan Hầu treo án giữa nhà rồi để một bức thư bọc gấm trả chúc Đình Hầu lại cho Tháo, kể mau chân lên Xích Thố, phò nhị tẩu thẳng ra quan ải. Tháo hết sức tiếc chẳng được gần với Quan Hầu nhưng cũng hết sức khen người trung nghĩa. Chủ tướng của Tháo ai ai cũng cảm phục. Việc lỡ rồi, Tháo chẳng biết liệu làm sao mà chữa lỗi, Tháo thấy tiết đồng lạnh lẽo, Tháo mới lật đặt lên ngựa theo cho kíp mà tặng Quan Hầu một cái cảm bào, Quan Hầu ngỡ việc cử người trên ngựa đưa Thanh Long Đao vách lấy... Chẳng qua là Tháo thành thật tặng chút lễ vật đưa Quan Hầu về phò chúa cũ... Đến khi Quan Hầu ra đến quan ải, tướng của Tháo vì phận sự phải ngăn đường, Quan Hầu cứ lướt qua năm ải, chém sáu tướng (quá ngũ quan, trăm lục tướng). Tháo cũng hiểu là vì Tháo chưa kịp truyền lệnh mở ải cho Quan Hầu đi gấp nên tuy mếm tiếc chủ tướng Tháo cũng dần lòng. Chẳng những dần lòng thôi, Tháo lại sai Trương Liêu đích thân bay ngựa đến kíp giờ truyền lệnh cho Hạ Hầu Đôn để cho Quan Hầu qua khỏi vòng binh... Từ đó nhân này, Tháo không may gặp được Quan Hầu mà kể nguồn ngọn cho Quan Hầu nghe, cho Quan Hầu hiểu rõ hành vi của Tháo thuở nọ, đặng có khỏi phụ lòng Tháo. Nhưng những việc đó là việc ngày xưa... Chớ nay... nay Tháo chỉ là tướng giặc nạp mình... tùy ý Quan Hầu tha giết.

Quan Công (tuồng như giặt mình, rồi im lặng hồi lâu, Châu Thướng dòm Ngai không nháy mắt) hô lớn:

- Ta cũng nhớ ngày xưa, vậy Tào Thùai Tuồng cử thẳng đường trở về hưởng Bác.

Với ngựa Xích Thố, với Thanh Long Đao, Quan Vân Trường đã tung hoành bốn cõi. Nhưng về sau, trải qua nhiều biến cố, Quan Vân Trường đã bị Lữ Mông gài bẫy, dùng câu liêm móc chân Xích Thố, người ngựa đều nhào lặn, bị bắt trói ngay tại trận. Thế là xong một cuộc đời được xem là:

Vạn cổ trung can huyền nhứt nguyệt, Nhứt xang nghĩa khí quán càn khôn.

IV. NGỰA TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Chúng ta trở về nước Việt để thấy là không thiếu những con ngựa phi thường trong Quốc sử, phần nhiều đã được thành thánh hóa vì công trạng hiển hách từ thời lập quốc cho tới mãi về sau, trong những thời kỳ dựng nước và giữ nước.

Con ngựa phi thường nhất là con ngựa sắt của Thánh Gióng, tức Phù Đổng Thiên Vương. Tuồng nên nhắc lại:

Đời Hùng Vương thứ IV, có đám giặc Ân bên Tàu rất là hùng mạnh sang phá phách. Trong nước không ai đánh nổi, Vua mới sai người đi rao khắp nước để tìm người tài giỏi đánh giặc giúp nước phò vua. Bấy giờ ở làng Phù Đổng (bộ Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh) có đứa trẻ xin đi đánh giặc. Sứ giả về tâu, vua lấy làm lạ cho đòi vào chầu. Đứa trẻ ấy xin vua đúc cho một con ngựa sắt và một chiếc roi dài, cũng bằng sắt. Khi ngựa và roi đúc xong thì đứa trẻ, sau khi ăn mấy nong cơm liền vươn vai một cái, người biến thành cao lớn mấy trượng, vạm vỡ khác thường, xông nhảy lên mình ngựa, cầm côn sắt phi thẳng ra chiến trường.

Nơi chiến trường, người ngựa xông pha kịch liệt: người hoay cón, ngựa phun lửa, tà xông hữu đột, giết được vô



số quân thù. Đánh quá mạnh đến nỗi cón gãy, Gióng phải hươi tay nhổ tre già mà đánh tiếp cho tới khi giặc Ân tan tành mới chịu ngừng chiến.

Phá được giặc Ân rồi Gióng phóng ngựa lên núi Sóc Sơn biến mất. Vua Hùng nhỏ ớn, truyền lập đền thờ ở làng Phù Đổng, thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.

Về sau vua phong là Phù Đổng Thiên Vương, năm nào đến ngày mồng 8 tháng Tư cũng có hội hè vui về.

Sự tích và chiến công của Thánh Gióng cho phép ta ước đoán con ngựa sắt có thể là một loại chiến xa bằng sắt phun lửa (char d'assaut lance-flammes), đánh dấu thời kỳ dân Lạc đã nắm được kỹ thuật đúc thép, kế tiếp thời kỳ đồng thau tương đối dễ dàng hơn.

Ngày nay vẫn còn đền thờ do Thời Lương đời Tấn dựng lên, khi người này được vua Tàu cử sang cai trị nước ta. Đền thờ này xây trên núi Trâu Sơn, huyện Tiên Du (Bắc Ninh) nơi tướng giặc Ân đóng quân. Còn khu rừng bị ngựa phun lửa mang tên là Làng Cháy. Lại còn những bụi tre đàng ngà ở Vũ Ninh (Võ Giang) có màu sắc óng ánh, ấy là màu lửa xém. Chưa kể những ao hồ liên tiếp từ Kim Anh, Đa Phúc đến Sóc Sơn, nơi Thánh Gióng "lên trời", là những vết chân ngựa sắt của vị dũng tướng ấy. Trong đền có hai câu đối của nhà thơ Nguyễn Du (1765-1820):

Thiên giáng thánh nhân bình Bắc địch,

Địa lưu thần tích trấn Nam bang.

(Trời sinh người thánh bình giặc Bắc,

Đất giữ vết thần trấn nước Nam)

Nhà thơ Cao Bá Quát (?-1854) viếng đền cũng có làm bài thơ chữ Hán rất hay như sau:

**Tam tài tiềm long thế vị trí,
Nhất triêu phẫn khởi đại thi vi.
Kim tiền phá lỗ thanh thiên chấn,
Thiết mã đằng không cố tích kỳ.
Việt điện càn khôn lưu vĩ tích,
Ân giao thảo mộc thúc dư uy.
Chí kim tử vũ tùng phong động,
Do tuồng đường niên đức thẳng quy.**

Tạm dịch nôm là:
Con rồng ẩn náu ba năm, đời không ai biết,
Nhưng một sớm mai vùng dậy, làm nên nghiệp phi thường.
Chiếc roi vàng phá giặc ngoại xâm chấn động cả trời xanh,
Con ngựa sắt bay lên không, còn để lại dấu vết kỳ lạ.

*Công lao lớn của người còn lưu lại mãi
đất Việt này,
Cây cỏ đất Ân còn khiếp cái uy phong
thừa của Người.
Đến nay ở nơi đền miếu thờ Người, mỗi
khi gió thông reo,
Tuông như năm nào Người thắng trận
trở về quê cũ.
Mấy lời thầy dạy tiến trình chẳng sai.
Trong cơn bĩ cực thời lai,
Giữ mình cho vẹn việc ai chỗ sòn.*

Đại ý nói rằng số Lục Vân Tiên tốt lắm, có sao Tử vi chiếu rạng, nhưng thời vận chưa tới, lại đi thi vào năm xung khắc, chắc gặp việc chẳng lành. Theo âm lịch thì - như ta đã biết - mỗi năm được tượng trưng bằng một con vật. Ngựa là tượng trưng của năm Ngọ, Thỏ là năm Mão, Gà là năm Dậu, Chuột là năm Tí. Theo thuật số thì bốn con vật này xung khắc với nhau trong các năm tuổi, như đã được quy định trong câu: Tí Ngọ Mão Dậu tứ hành xung, đồng thời cũng ngụ ý là Vân Tiên tuổi Ngọ, cái tuổi có nhiều vận hạn, đến năm Mão học



thành tài để lập công danh nhưng năm Dậu gặp tai nạn, phải chờ đến năm Tí mới thành công trọn vẹn.

Ngoài ra, nếu đối chiếu với tiểu sử của cụ Đồ Chiểu, ta sẽ thấy cụ có ý tứ tự thuật thân thế mình khi nêu lên bốn năm xung khắc: cụ sinh năm Nhâm Ngọ (1882), thi đỗ năm Mão (Thỏ - không phải Mèo như ta nhầm tưởng), đúng là năm Quý Mão (1843) và bị mù lòa - vì khóc thương mẹ mất - trong năm Kỷ Dậu (1849), đành bỏ việc thi cử giữa đường để kịp về Gia Định cư tang.

Nói về những năm trong âm lịch, chúng ta liên tưởng đến sấm ký của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1492-1587), trong đó chúng ta có thể trích ra rất nhiều câu có nhắc tới con ngựa và năm ngựa:

**Bao giờ ngựa đá sang sông,
Thì dân Vinh lại quân công cả
làng!**

...
**Lâm Giang nổi sóng mù thao cát,
Hùng địa tràn dâng hóa nước đầy.
Một ngựa một yên ai sùng bái?
Nhấn con nhà Vinh báo cho hay.**

...
**Ngựa đã gác yên không người cưỡi,
Đê không ăn lộc ngánh về Tây.**

...
**Mão Thìn Tí Ngọ bất yên,
Đội tam tứ ngũ lai niên cũng gần.
Hoành sơn nhất dải,
Vạn đại dung thân.
Đến thời thiên hạ vô quân,
Làm vua chẳng dễ, làm dân cũng
lành.**

...
**Cửu cửu càn khôn dĩ định,
Thanh minh thời tiết hoa tàn.
Trực đảo dương đầu mã vĩ,
Hồ bình bát vạn nhập Trường An.**

...
**Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh,
Can qua xú xú khởi đao binh,
Mã đề dương cước anh hùng tận,
Thân dậu niên lai kiến thái bình.**

...
Chúng ta trích dẫn sấm ký Trạng Trình mà không giải thích vì không đủ thẩm quyền trong ngành khoa học huyền bí, và lại cụ Trạng nhà ta cũng đã có lời nhắn nhủ:

**Cớ Tạo hóa phép màu khôn tỏ,
Cuộc tàn rồi mới rõ thấp cao!**

Tuy nhiên trong sấm ký Trạng Trình có hai câu *Hoành sơn nhất dải, Vạn đại dung thân* đã được người đương thời lưu truyền như là lời căn dặn của Trạng Trình với sứ giả của Nguyễn Hoàng nên vào lập nghiệp ở Nam Hà.

Sau khi được vua Lê chúa Trịnh cử vào Nam trấn đất Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng (1524-1613), tức là Chúa Tiên, vâng lệnh vua Lê Thế Tông và chúa Trịnh Tùng đi ra Thanh Hóa năm 1593 để bàn việc nước. Nhân dịp này, Nguyễn

Hoàng đi tham quan Thái Phó Nguyễn Hữu Liêu và được cho xem bài văn thi Hội của Đào Duy Từ, văn hay quán chúng nhưng vì tư tưởng cải cách chính trị hơi trái ý Trịnh Tùng, lại thêm Duy Từ là con nhà hát tuồng nên bị xóa tên nơi bảng hổ, cách mất chức Á Nguyễn và đoạt lại mũ áo. Trọng nhân tài, Nguyễn Hoàng vì hành đến nhà trợ giúp đồ tiền bạc cho Duy Từ thang thuốc và mời vào Nam giúp mình.

Một hôm Nguyễn Hoàng đến chơi lúc Duy Từ vừa khỏi bệnh. Hai vị cùng làm một bài thơ liên ngâm vịnh bức tranh Lưu Quan Trưởng đội tuyết vào Long Trung tìm Gia Cát Lượng.

-Nguyễn Hoàng đọc trước:
**Vó ngựa sườn non đá chập chùng,
Cầu hiền lặn lội biết bao công.**

-Đào Duy Từ tiếp:
**Đem câu phò Hán ra dò ý,
Lấy nghĩa tôn Lưu để uôm lòng.**

-Nguyễn Hoàng tiếp:
**Lãnh thổ đoán chia ba xứ sở,
Biên thù vạch sẵn một dòng sông.**

-Đào Duy Từ kết:
**Vì chẳng không có lời Nguyễn
Trực,
Thì biết đâu mà đón Ngựa Long.**

Nguyễn Hoàng e lộ cỏ mùi, không dám đón Duy Từ vào Nam ngay, bèn ân cần dặn bảo: "Lão phu về trước đáp sẵn đàn bái Tuồng, chờ đợi tiên sinh. Lão phu nay đã 70, nếu thất lộc cũng trời dạy con cái phải đón tiên sinh về để nghe lời dạy bảo". Mãi về sau, tôi đời con Nguyễn Hoàng là Phúc Nguyên, tức chúa Sãi, mới có cuộc "minh quân lương tế tao phùng".

Vó ngựa sẽ đưa ta vào thi phẩm tuyệt tác của Nguyễn Du là Đoạn Trường Tân Thanh, tưởng thuật cuộc đời éo le bảy nổi ba chìm của nàng Kiều, đánh dấu bởi những câu thơ sau đây:

**Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như
nêm.**

...
**Đề huề lưng túi gió trăng,
Sau chân theo một vài thằng con
con.**

*Tuyệt in sắc ngựa câu giòn,
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.*

...

*Lâu mai vừa rúc cầu sương
Mã Sinh giục già vội vàng ra đi,
Đoạn trường thay lúc phân kỳ!
Vó câu khấp khểnh bánh xe gặp
ghènh.*

...

*Nàng rằng: Muôn sự ôn người,
Thế nào xin quyết một bài cho
xong.*

*Rằng: Ta có ngựa truy phong
Có tên dưới trường vốn dòng kiện
phi.*

*Thừa cơ lên bước ra đi,
Ba mươi sáu chước, chước gì là
hơn?*

Trong Tú Nghệ tao nhã của người Á Đông có cảm kỹ thi họa (đàn, cờ, thơ, vẽ), trong đó có kỹ thuật đánh cờ tương đương với chiến thuật đánh giặc. Sự điều động quân binh, sĩ tốt đều phải theo đúng kỷ luật, được ấn định trong châm ngôn Mã nhựt, Tượng điền, Xe liền, Pháo cách:

- Ngựa đi theo đường xuyên chữ Nhựt

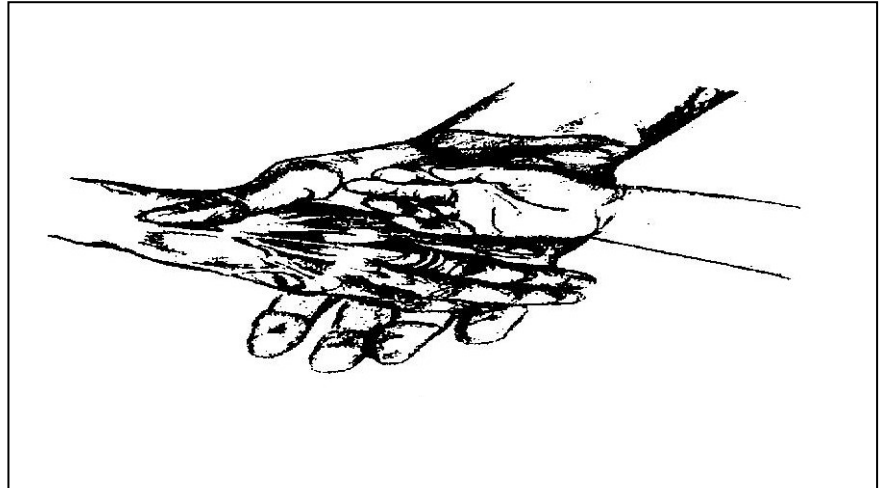
- Voi đi theo đường xuyên chữ Điền

- Xe đi thẳng một đường

- Pháo đi cầu vòng, vượt chướng ngại vật

Ngoài *Tú Nghệ* ra còn có *Lục Nghệ* (sáu nghề, sáu môn tao nhã) là Lê (nghỉ lễ), Nhạc (ca nhạc), Xạ (bắn cung tên), Ngự (đánh xe, cưỡi ngựa), Thư (sách vở, văn chương), Số (toán số, bói dịch). Sáu môn này trang trí cho cuộc đời được thêm hào hoa, tốt đẹp, nhằm dẫn tới *mã đáo thành công* (ngựa hay thì chóng tới đích), và trên đường dài ngàn dặm mới biết được sức ngựa dẻo dai (trường đồ trí mã lực) như được ghi rõ trong bài thơ tú tuyệt sáng ngời ý nghĩa của Thi hữu Vân Hòa đã có nhà ý gởi tặng kẻ sĩ trong mùa Hè vừa qua:

*Mãi bước rời ra cũng tới Hè,
Trường đồ tuần mã ngàn chi xe,
Được trắng mài kiếm quên năm
tháng,
Thế sự phù vân coi rẻ re!
(Collyoure, Pháp)*



Tôn giáo của Bạn
Tôn giáo của tôi
Tuy khác xa nguồn gốc, thống truyền đường lối
Nhưng gần nhau tìm về cõi vĩnh phúc, giải thoát cứu rỗi.

Tôi ca ngợi Tôn giáo của Bạn
Bạn thâm phục Tôn giáo của tôi
Đẹp như lời cầu chúc nắm tay nhau
Vững như nhịp cầu nối kết tình thương Huỳnh đệ
lắm vẻ vang rạng ngời Quê hương Dân tộc.

THƯỢNG TỌA THÍCH NHƯ ĐIỀN

SH HÀ ĐẬU ĐỒNG

釋如典 尚座

SH Hà Đậu Đồng

Tuy sống trên đất người thanh kỳ mỹ lệ mà người dân Việt mỗi bận Đông qua Xuân tới vẫn cảm thấy ray rứt trong lòng, thương về quê cũ mà hình ảnh xa mờ còn gói ghém trong ca dao miền Nam:

*Ròng châu ngoài Huế,
Ngựa tể Đồng Nai,
Sông trong chảy lộn sông ngoài,
Thương người xứ lạ lạc loài tôi đây,
Tôi đây thì ở lại đây,
Bao giờ bén rễ cây xanh thì về?!*

Bài ca dao này diễn tả tình thương nồng thắm gắn bó đồng bào nước Việt

yêu thương, khiến chúng ta, Việt kiều Hải ngoại, ngâm ngùi nhớ lại câu hát bi hùng trong Kim Thạch Kỳ Duyên của Bùi Hữu Nghĩa /1807-1872):

*Trường đồ mã sấu vân thiên lý,
Cổ quốc sơn hà nguyệt nhất luân
(Đường dài ngựa phóng mây ngàn
dặm,
Nước cũ trăng tròn rọi núi sông!)*

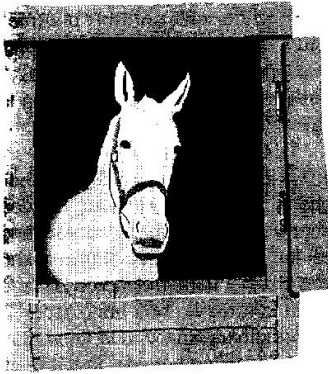
Paris (Chiêu Anh Các)
Nguyễn Đán Nhâm-Ngọ 2002
Huỳnh-Giang Thái-Văn-Kiểm

QUY MÃ

-

MÃ QUY

• **Phiếm: Phù Vân**
(*năm Ngọ nói chuyện chương dân gian Việt Nam*)



Đang cả lơ phát phở giữa chợ trời, Tu Đạt giật mình khi nghe tiếng gọi ới ở sau lưng:

- Nè anh Tư! Anh Tư đi đâu vậy? Chờ chút coi!

Thấy không thể làm ngơ được nữa, Tu Đạt đành dừng lại. Khi thấy Ba Thất thất thểu đến gần, Tu Đạt nhân nhó:

- Làm gì mà kêu réo inh ỏi vậy! Anh Ba cũng đi chợ Tết sao?

Ba Thất cười huề vốn:

- Anh em mình là dân lang bạt kỳ hồ không bến đậu, nay quán này mai quán khác, chấp ráo hăm bà lần hủ tiếu... hết đồ Việt, đồ Tàu rồi đến đồ Đức. Có món nào mà anh em mình tha đâu. Mà anh Tư, năm nay Tết con chi vậy?

- Tết con ngựa. Ngựa là mã!

Ba Thất cười:

- Trời đất ơi, anh Tư cũng hán rộng một cây. Mình kiếm một quán nào chui vô nói chuyện bù khú cho đỡ buồn đi anh Tư!

Sau khi an vị ở một quán nhậu, gọi bia và đồ nhắm Tư Đạt hỏi:

- Nay anh Ba, nghe anh hỏi đến năm con ngựa, nên tôi hỏi lại anh, anh còn nhớ giai thoại "*Quy Mã, Mã Quy*" ở Việt Nam hay không? Tôi nhớ hồi đó anh còn ở lại Sài Gòn thì phải?

Ba Thất trầm ngâm suy nghĩ, sau khi đã cạn ly mới từ tốn nói:

- Chẳng có giai thoại gì cả, "*quy mã, mã quy*" chỉ là loại dân gian truyền khẩu để nói lên lòng mong ước của người dân dưới chế độ vô sản chuyên chế, sống

một cuộc đời quá nghèo đói trong những năm cộng sản Bắc Việt chiếm miền Nam Việt Nam. Quy mã là *qua Mỹ*, mã quy là *Mỹ qua*. Đây chỉ là một hình thức nói lái, nhưng lại nói đúng theo nguyện vọng của dân chúng, mong được qua Mỹ để tìm tự do hay là Mỹ qua để tiêu diệt Việt Cộng, chứ chẳng có ý nghĩa gì ráo về năm ngựa, "ngựa về, về ngựa" thì nghe chẳng ra cái thống chế gì cả!

- Thế nhưng "*Quy Mã, Mã Quy*" bây giờ đều thành sự thực mà đất nước ta nào có thay đổi gì đâu! A, anh Ba, anh còn nhớ câu sấm của Trạng Trình, hình như là "*Mã đề, Dưỡng cuộc anh hùng tận, Thân Dậu niên lai kiến thái bình*" thì phải và anh luận như thế nào về tình hình chính trị nước ta?

- Luận quái gì nổi! Hết Ngọ đến Mùi, sau năm con ngựa thì đến năm con dê tính theo cái vòng lẩn quẩn của 12 con giáp. Đã mấy lần 12 Ngọ-Mùi rồi đến Thân-Dậu sau cái vụ đổi đời, đất nước ta tạm coi là có "*kiến thái bình*" và đã có nhiều tên gian hùng "*dầu trâu, mặt ngựa*" hạ bệ thanh toán lẫn nhau hay đã theo ông theo cha mồ ma cộng sản xuống châu Diêm Chúa mà con Rồng cháu Tiên của chúng ta nào có khảm khà được chút nào đâu! Mà anh biết tại sao không?

- Ôi, có muôn vàn lý do để "nhà nước ta" đổ thừa. Trước đây thì cho rằng vì tàn dư của Mỹ Ngụy, vì vết thương chiến tranh còn lở lóai. Bây giờ thì tranh quyền, tranh ăn nên chúng phải lập phe lập phái dung dưỡng một đám tay sai bộ hạ. Đám này tình nguyện "*làm thân trâu ngựa*" hay là "*làm thân khuyến mã*" cho bọn chop bu củng cố địa vị... Nhưng ví von bọn này với trâu và ngựa, tôi e rằng mình cũng làm buồn lòng hai con vật trung thành vì đã hạ chúng xuống bằng hạng người không có lương tri và không còn nhân tính đó, bởi vì trâu và ngựa là giống vật rất trung tín với chủ. Trong "Tự Tình Khúc" của Cao Bá Nhạ có câu "*Giải được lòng khuyến mã là vinh*". Chúng ta nên nhớ rằng, Cao Bá Nhạ là một văn tài lỗi lạc, con của Cao Bá Đạt, gọi Cao Bá Quát bằng chú. Sau khi Cao Bá Quát nổi lên chống lại nhà Nguyễn năm 1854 ở Mỹ Lương, rồi bị giết, nên giòng họ Cao cũng bị họa tru di tam tộc. Cao Bá Nhạ trốn thoát, cuối cùng cũng bị bắt, nhưng nhưng ông vẫn luôn giữ gìn học thuyết Khổng Mạnh:

*Quân ân thần khả báo
Phụ nghiệp tử năng thù*

cho nên ông không dám nói lên mối thù nhà, mà chỉ viết "tự tình khúc" để tỏ lòng thành xin nhà vua ân xá cho mình và giải oan cho giòng họ.

Trong Nhị Độ Mai cũng có câu "*Đem lòng khuyến mã đền nghì bế sống*". "Nhị Độ Mai" có nghĩa là hoa mai nở hai lần. Đây là truyện trước tác từ cuốn "Trung hiếu tiết nghĩa nhị độ mai" của Trung Hoa nhằm khuyên người ta nên theo đúng luân thường đạo lý của Thánh hiền, giữ gìn tam cương ngũ thường, nêu gương trung, hiếu, tiết, nghĩa. Người lương thiện dù trải qua bao hung hiểm cũng sẽ được Trời Phật chứng giám. Kẻ ác đức gian tà chỉ được đắc ý một thời, kết cuộc cũng bị tru diệt theo lẽ báo ứng của Tạo hóa.

Trong truyện Kiều cũng có câu:
*Tái sinh chưa dứt hưởng thề
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai*

Mai, lan, cúc, trúc là bốn thứ cây quý vì có những đặc tính riêng được yêu trọng về khí tiết, tư cách nên người đời dùng làm biểu tượng cho tình bè bạn và nghĩa vợ chồng...

- Anh ca tình trâu ngựa quá cỡ thợ mộc như vậy, nhưng tại sao trong ca dao tục ngữ chúng ta lại có câu "*ngưu tầm ngưu, mã tầm mã*"? Hẳn câu này có hàm ý bất thiện, chỉ dành cho đám côn đồ du thủ du thực âm mưu lập bè kết đảng để phá làng phá xóm mà thôi!

- Nhưng anh Tư cũng đừng quên rằng, những gia súc cũng giúp ích cho người không ít. Vì vậy mới có truyện "Lục Súc Tranh Công", tức là sáu con vật nuôi trong nhà tranh nhau kể công trạng của mình. Trâu thì cho rằng đã giúp cho người cày sâu cuốc bẫm mới sinh ra thóc gạo, ngô khoai. Chó thì có công coi nhà, giữ trộm. Dê có công trong việc lễ lạc, tế thần. Gà cho rằng có công gáy sáng, coi giò biết được rủi may. Lợn có công trong việc quan, hôn, tang, tế. Riêng ngựa thì có công đem chủ đi quán về quê, đánh đông dẹp bắc nên đã từng dẫn mặt đàn em:

...
*, này này ta bảo chúng bay
Đổ mặt ai dài bằng mặt ngựa
Tuy rằng thú cũng hai giống thú
Thú như tao ai dám phen lê*

Tao đã từng đi quán về quê
Đã bao phen đánh đồng đẹp bác

...

Với công trạng đầy mình như thế,
nên ngựa có lý do để tự hào mình đã:

...

Mọi gối khuôn phò xã tắc
Mòn lưng cúi đội Vương, Công
Ngày ngày châu chực sân rồng
Bữa bữa dựa kê loan giá...

Không phải là không có lý do để
ngựa ca ngợi chiến công oanh liệt của
mình, một khi con *chiến mã* đã cùng với
chủ tướng "*một mình, một ngựa*" tả xung
hữu đột giải thoát vòng vây ở chốn sa
trường để ca khúc khải hoàn "*mã đáo
thành công*" hay phải âm thầm "*da ngựa
bọc thây*" ngoài chiến địa. Người với
ngựa như hình với bóng, chia sẻ gian
trần, cùng chung số phận. Chỉ có
những kiện tướng mới có thể "*dày công
hãn mã*" đổ mồ hôi trên lưng ngựa. Có
thể ta mới cảm nhận được nỗi buồn
"*ngựa nản chân bon*" của bà Đoàn Thị
Điểm trong Chinh Phụ Ngâm:

...

Hỏi gió lạnh, người rầu mặt dạn
Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon
Ôm yên gối trống đã chồn

Nằm vùng cát trắng, ngủ còn rêu
xanh.

Nhưng dù dưới hoàn cảnh nào,
chúng ta cũng không thể không còn
nghe âm vang tiếng hát "*ngựa phi ngoài
xa trống kêu dồn. Quan với quân lên
đường...*" trong ca khúc Hòn Vọng Phu
của nhạc sĩ Lê Thương hay "*ngựa phi
ngoài xa thật mau...*" trong bản "*Vó Câu
Muôn Dặm*" hình như của Đoàn Chuẩn
và Từ Linh thì phải?

- Mà *vó câu* là thế nào hở anh Tư,
hắn phải có điển tích gì đó? Tôi còn
nghe người ta nhắc tới *bóng câu* nữa.
Anh Tư làm ơn làm phúc cho biết luôn.
Này, mà "dzô" một tí cho thâm giọng
đá!

- Dzô thì dzô! *Vó câu, vó ngựa Long
câu*. Vó là bàn chân có móng của loài
thú. Câu là con ngựa, ngựa tơ khoảng 2
tuổi rất mạnh và chạy rất mau. Ngựa
Long câu là giống ngựa chạy rất nhanh.
Tương truyền ngày xưa người ta hay bắt
ngựa giỏi buộc vào trong rừng núi ở Quý
Châu bên Tàu, cho rông xuống giao hợp
để lấy giống ngựa hay, đặt tên là Long
câu. Vó câu, nghĩa rộng, diễn tả tiếng
ngựa qua nhanh trên đường xa vạn lý.

Trong Nhị Độ Mai có câu:

Đường xa dong ruổi vó câu

Trong Kiều cũng có câu:

*Tuyết in sắc ngựa câu giòn
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.*

hoặc:

*Đoạn trường thay lúc phân kỳ
Vó câu khắp khênh, bánh xe gặp
ghềnh*

Còn *bóng câu* hay *câu ảnh* là bóng
con ngựa chạy nhanh. Trong Tống Sử có
câu "*Nhân sinh như bạch câu quá khích*"
nghĩa là "*đời người như bóng con ngựa
trắng chạy qua lỗ hở*". Ý nói đời người
qua mau và quá ngắn ngủi. Trong bài
phú: "Mẹ ơi con muốn lấy chồng" cũng
có câu:

*Tin én đưa thoi, thắp thoáng bóng
câu chi ruổi
Khúc hoàng loạt tiếng, băng khuâng
hồn buồm chi mở.*

hoặc:

*Cuộc đời ngoảnh lại như không
Bạch câu quá khích chỗ mong đợi
chờ*

Anh Ba ơi, anh còn nhớ tác giả bài
phú đó là của ai không?

-Giờ chơi hoài anh Tư! Anh không
biết thì tôi cũng đành quẹo chấu luôn!
Nhưng tôi còn nhớ câu ca dao:

*Mẹ ơi, con muốn lấy chồng
Con ơi, mẹ cũng một lòng như con!*

Đúng là "hồ mẩu sinh hồ nữ"!

- Thôi anh Ba ơi, "thức lâu mới biết
đêm dài" hoặc "*đường dài mới biết ngựa
hay*". Con gái muốn lấy chồng là một
đại hạnh, bởi mình đã gả được quả bom
nổ chậm ra khỏi nhà rồi. Bằng không,
khi nghe con gái thách thức "con mà ở
giá cho mẹ nuôi ăn một nghĩ!" thì chắc
chắn bà mẹ sẽ tá hỏa tam tinh lên. Mà
thôi, đời người ngắn ngủi *như bóng câu
qua cửa sổ* như vậy thì cũng xin anh
đừng trách cứ người khác làm chi. Được
như ngày xưa, kẻ sĩ chọn khoa cử làm
con đường tiến thân. Khi thi đậu Trạng

Nguyên, được vua ban cho cò biển về
nhà. Người trong làng từng bùng ra
nghênh đón quan Trạng một cách trọng
thể. Người ta gọi đó là "vinh quy bá tử"
tức là đem công danh vinh hiển về vang
về cho tông môn giòng họ và làng xóm.
Lúc đó thì không thể thiếu cảnh "*ngựa
chàng đi trước, vồng nàng theo sau*"!

Mà biết đâu do phúc ếm bẫy đời,
quan Trạng lại chưa lập bề gia thất nên
được nhà vua gả công chúa cho và tấn
phong thành "*phò mã*"!

- Mà nói như anh thì "*phò mã*" là
người giúp ngựa. Vậy quan Trạng là "*mã
phu*" là "*người giữ ngựa*" hay "*nài ngựa*"
và công chúa là con ngựa long câu hay
sao?

Tư Đạt cười ha ha:

- Nếu chúng ta còn ở trong thời kỳ
phong kiến, mà anh ăn nói loạng quạng
phạm húy chẳng sợ trời trăng gì cả thì
chắc chắn cái đầu anh không còn chỗ
đội nón và nhà vua đã ra lệnh tru di tam
tộc họ nhà anh rồi đó! Thật ra từ thời
vua Hán Vũ Đế, trị vì từ năm 140 trước
Công nguyên đã đặt ra chức quan "*phò
mã đô úy*" để làm phụ tá trưởng xa,
nhưng đến triều Ngụy thời Tam Quốc,
Hà Yến cháu của đại tướng quân nhà
Hán lấy công chúa làm chức phò mã đô
úy. Sau có Đổ Dự lấy công chúa An
Lục, con của vua Tuyên Đế (Tư Mã Ý),
lãnh chức *phò mã tuyên úy*. Rồi từ thời
Nguy Tấn trở đi, ai lấy con gái vua đều
được lãnh chức *phò mã đô úy*, gọi tắt là
phò mã...

Bạch Cư Dị, Tống Duyệt châu Thôi
đại phu phò mã phó trấn, có câu:

*Thích lý khoa vi hiền phò mã
Nho gia nhận tác hảo thi nhân*

*Họ ngoại khoe là phò mã giỏi
Nhà nho nhận lấy nhà thơ hay*

- Thôi tôi không ham làm rể vua đâu
anh ơi! Sau "vinh quy bá tử" có thể xảy
ra cảnh "vinh thân phi gia" không anh
Tư?

- Sung sướng lấy thân mình, no ấm
cho gia đình mình thì điều đó ai lại
không muốn. Nhìn chung thì đời nào
cũng vậy. Khi một kẻ được làm quan thì
bản thân được sung sướng, vợ con anh
em trong gia đình đều được hưởng nhờ.
Đây là bốn chữ dùng để nói đến sự sung
sướng của kẻ may mắn được làm quan

vinh hiển. Còn những kẻ chỉ biết "vinh thân phi da" thì chẳng làm được việc gì ích quốc lợi dân mà chỉ làm cho đất nước ngày càng kiệt quệ, dân chúng càng thêm nghèo đói khổ cùng! Hạng người này dù có khoa bảng thì cũng trót huốt, kể như không!

Nhưng cảnh ngựa chàng đi trước, vòng nàng theo lại khác với cảnh "ngựa xe như nước" trong ngày thanh minh tảo mộ:

...

Thanh minh trong tiết tháng ba

Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh

Gần xa nô nức yến anh

Ngựa xe như nước, áo quần như nen.

- Tôi còn nghe người ta nói "áo quần như nôm" nữa. Vậy áo quần như *nen* hay như *nôm* đó anh?

- Câu "áo quần như nen" vì ở Hà Tĩnh có giống cây nen mọc trên núi, chen chúc nhau, từ xa trông lại giống như đầu người. "Áo quần như nôm" do câu "chật như nôm cối". "Ngựa xe như nước, áo quần như nôm" phát xuất từ trong Hán Thư "xa như lưu thủy, mã như du long, y quan tác lộ" có nghĩa là xe như nước chảy, ngựa như cỏ dong, quần áo chặt đường.

Cái cảnh ngựa xe này cũng hoàn toàn khác với "đoàn nhân mã" hay "đoàn người ngựa" của Sở Khanh khi lập mưu dụ dỗ Kiều trốn khỏi thanh lâu. Kiều trong cơn hoạn nạn nên cũng cam đành:

Cùng liều nhắm mắt đưa chân

Thử xem con tạo xoay vần đến đâu

Cùng nhau lên bước xuống lầu

Song song ngựa trước, ngựa sau một đoàn.

Để rồi, sau khi liễu chán hoa chê, Sở Khanh lại tìm cách "quất ngựa truy phong". Thế mà trước đó không lâu, anh chàng họ Sở đã đường mật hứa hẹn:

Rằng: Ta có ngựa truy phong

Có tên dưới trướng vốn dòng kiên nghị!

Trong cơn đau khổ tuyệt vọng như vậy Kiều mới nhớ lại "dấu xe ngựa" còn mập mờ khi định mệnh đã cho Kiều gặp hôn Đạm Tiên:

Buồng không lạnh ngắt như tờ

Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh

- Té ra thì cái danh từ sở Khanh và quất ngựa truy phong mà người ta thường lưu ý cho các "cô con gái rươi" của mình là để tránh mấy tay chuyên môn lường gạt ái tình "chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao!", rồi chạy làng, ăn quyết như cụ Tú Xương đã viết:

Cao lâu thường ăn quyết

Thổ đi lại chơi lường!

- Thôi đừng nói chuyện chơi bởi nữa cha anh ơi. Coi bộ anh không sợ cái môn sida, cái bệnh aids hay cái chứng "thượng mã phong" hay sao? Gặp những chứng này thì một cầm canh là cái chắc, từ chết đến bị thương mà thôi! Người ta thường cho rằng, "anh hùng chết ở sa trường, anh hùng chết bởi chiếu giường mới kinh!". Ấu đó cũng vì cái tật ham *thượng mã* hay *lên ngựa* lia chia mà thôi!

- Ê anh Tú đừng méo mó nghề nghiệp đấy nghe. Lên ngựa cũng có nhiều cách. Nhớ lúc nàng Kiều phải lòng Kim Trọng, mà theo cụ Tiên Điền tả chân thì Kim Trọng cũng đẹp trai "trông đi ngựa lắm", nhưng Kim Trọng lại còn khôn khéo áp dụng câu châm ngôn "đẹp trai không bằng chai mật" nên được lọt vào mắt xanh của nàng Kiều. Thế cho nên khi chàng Kim đã lên lưng con *tuấn mã* thì Kiều vẫn còn băng khuâng:

Bóng tà như giục cơn buồn

Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo

Người ta lên ngựa thực tình đó nghe! Nhưng Kiều còn một lần chờ Thúc Sinh "lên ngựa" rồi mới chia tay:

Người lên ngựa, kẻ chia bào

Rừng phong như đã nhuộm màu quan san.

và xin anh nhớ cho rằng, ở xứ này "lên ngựa" hay "cỡi ngựa" cũng phải có bằng cấp đó nha! Anh thường đọc báo thấy người ta quảng cáo hà rầm về các "trường dạy cỡi ngựa" (Reitschule). Không học "cỡi ngựa" thì còn khuya anh mới *thượng mã* hay *hạ mã* được. Lớ xớ thì sẽ bị "ngựa đá" cho mà chết! Tuy nhiên anh em mình chỉ là những người "thăng ruột ngựa" có gì nói nấy nên để mịch lòng, lại thêm bản tính ham mê "cá

ngựa", nên thường hay lui tới tới trường đua không phải chỉ để coi "đua ngựa" mà còn cầu mong được một lần "ngựa về ngựa" là trở thành triệu phú, chứ đâu như hôm nay chúng ta còn quờ quạng ngồi đây làm công cho hãng AOK...

- Mà AOK là hãng gì đó anh Ba?

- Là hãng "Án Ô Không" chứ không phải AOK viết tắt của mấy chữ Allgemeine Ortskrankenkasse tức là hãng bảo hiểm sức khỏe của nhà nước đâu! Mà anh đã từng coi phim *cao bồi cỡi ngựa*, nếu không học cách "lên ngựa", "té ngựa" hay "ngã ngựa" thì đừng hòng được tuyển làm tài tử xi nê! Người ta thường quan niệm rằng, người "anh hùng mã thượng" thì "không đánh người ngã ngựa", nhưng đó chỉ là truyền thống cinéma của Tây hay thuộc hành vi "quân tử Tàu" của dân tộc Á Đông mà thôi! Chú thường những tên tiểu nhân khi ngã ngựa thường có những chiêu "hồi mã thượng" giết người rất hiểm độc...

Tú Đạt cười:

- Anh Ba nói đúng đó, đừng nên coi thường kẻ khác, lỡ "mó nhằm dái ngựa" - nhất là loại "ngựa non háu đá" hay gặp "ngựa chửi" thì không sớm thì muộn cũng bị ngựa đá, xui xẻo thành hai năm mười theo xe thổ mộ về an giấc ngàn thu ở chốn nghĩa trang, chú đừng hòng được xênh xang áo mào ngồi chễm chệ trên xe "song mã" có kẻ đón người đưa! Chẳng phải ai cũng như cụ Uy Viễn Tướng Công Nguyễn Công Trứ ngày xưa, một thời công hầu khanh tướng, khi lên voi khi xuống chó mà vẫn dung hòa được hai triết lý hành động và hưởng nhàn:

Ngất ngưỡng bò vàng mà lạc ngựa

Lấy miếng mo che miệng thế gian

- Nhưng anh Tú ơi, tôi vẫn thường nghe những bậc sĩ phu hay nho sĩ thường cho rằng, một lời khi đã nói ra thì dẫu xe bốn ngựa cũng không đuổi theo kịp nghĩa là không bao giờ thay đổi ý kiến "Nhất ngôn ký xuất, Tứ mã nan truy" phải không anh?

- Đúng vậy, bốn con ngựa kéo thì sức mạnh vô song. Thế cho nên ngày xưa dưới thời quân chủ chuyên chế, hình phạt dành cho những kẻ phản loạn là "voi giày, ngựa trướng" hay "tứ mã phanh thây". Anh cứ thử tưởng tượng xem, cái thân người nhỏ nhắn như vậy mà để cho bàn chân voi đạp lên nếu

không bày nhầy thì cũng nát như tương. Còn cái thân đàn bà liễu yếu đào tơ như thế mà lại để cho ngựa nó... nó hăm hiếp bề hội đồng thì thì nếu không sụm bà chề thì tan tác một đời huê! Riêng vụ tú mã phân thân thì trông dã man tàn tạt quá đỗi. Tội nhân bị cột hai tay, hai chân vào bốn con ngựa, rồi a lê hấp quát cho ngựa chạy bốn hướng, anh thủ tướng tượng xem có đúng là phanh thây hay không?

- Thôi anh ơi, bỏ những chuyện kinh khủng đó đi! Hãy nói chuyện ngựa có dính thêm một chút văn chương nữa nghe cho đã con ráy!

- Thế anh Ba đã nghe chuyện "ngựa hươu" chưa?

- Đó có nghĩa là chuyện không tưởng hả anh!

- Đầu đuôi cũng do câu nói "*chi hươu ví mã*" có nghĩa là chỉ hươu là ngựa. Đây là chuyện đời nhà Tần bên Tàu. Nguyên Triệu Cao ý mình có công lập Hồ Hợi lên làm vua, tức là Tần Nhị Thế, nên chuyên quyền làm bậy. Tất cả các quan trong triều phải hòa theo một phe với Triệu Cao. Người nào cố tình chống lại sẽ bị y tìm cách hăm hại. Một hôm Triệu Cao đem dâng cho vua Tần Nhị Thế một con hươu mà bảo đó là con ngựa. Vua Tần bảo: "*Thừa Tướng làm rồi, đây là con hươu chứ đâu phải là con ngựa!*". Nhà vua hỏi các quan trong triều, chỉ có vài người còn giữ lòng trung với vua nói đó là con hươu, còn đa số các quan lại khác thì cúi mặt làm thinh. Triệu Cao muốn thị uy với vua, liền hỏi lớn giữa điện: hươu hay ngựa. Các quan đều sợ hãi đáp đó là ngựa! Chỉ hươu ví mã, lấy thiệt làm giả, lấy giả làm thiệt biểu thị cho hạng người điêu ngoa, trá trỏ, gian trá không lường được. Trong "Tự Tình Khúc" của Cao Bá Nhạ có câu: "*Ngựa hươu thay đổi như chơi*".

Thế nhưng ngựa hay hươu, đúng hay sai cũng chưa khẳng định được chớ giả, rủi may. Anh Ba đã nghe chuyện "*Ngựa tái ông*" chưa? Theo sách Hoài Nam Tử, trong chương Thiên nhân gian thì có câu "*tái ông thất mã, yên chi vi phúc*" có nghĩa là ông già ở biên ải mất ngựa, làm sao biết được họa phúc. Do câu chuyện một hôm con ngựa của ông già ở vùng quan tái sống chuồng đi mất không về. Bà con đến chia buồn với ông. Ông bảo: "Biết đâu là phúc đó!". Mấy hôm sau con ngựa lại trở về, dẫn theo một con ngựa cái đẹp mã lắm. Bà con lại đến mừng. Ông bảo: "Biết đâu là họa đấy!"

Đúng vậy, thấy ngựa đẹp con ông lên cỡi, chẳng may bị té gãy chân. Bà con lại đến chia buồn. Ông nói: "Biết đâu là phúc đến đó!". Quả nhiên, gặp lúc rợ Hồ đem quân tràn sang biên giới, triều đình ra lệnh tuyển mộ binh lính. Con ông vì bị khuyết tật nên được miễn thi hành nghĩa vụ. Thế "cho nên có khi điều phúc đức lại mang vạ đến, có khi vạ lại mang phúc đến, biến hóa không cùng, sâu không đo lường được":

Cổ phúc chi vi họa

Họa chi vi phúc

Hóa bất khả cực

Thâm bất khả chắc

Thế mới biết họa phúc vô lường. Có khi họa xảy đến liên miên làm cho ta điêu đứng khổ sở, nhưng cũng có khi phúc lộc mang đến dồn dập không ngừng. Nhưng thường là "*họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai*" tai vạ không đến một mình mà đến liên tiếp, còn vận may không đến hai lần!

Cụ Huỳnh Thúc Kháng viết:

Kìa tỵ tán chẳng qua là tiền biệt

Ngựa tái ông họa phúc biết về đâu!

- Anh Tư ơi, chuyện tái ông thất mã mang chở tư tưởng vô thường vi diệu của Phật Giáo: có đấy, không đấy- "sắc sắc không không" phải không anh! Chú ở nước mình không có giai thoại về ngựa hả anh?

- Có. Lu bù lắm chú! Tôi chỉ xin kể anh nghe hai loại "*ngựa sắt*" (*thiết mã*) và "*ngựa đá*" (*thạch mã*). Đời vua Hùng Vương thứ sáu, nước Ân ở phía bắc mưu toan xâm lấn và đánh chiếm nước ta. Thế giặc mạnh như vũ bão. Chúng đi đến đâu nhà tan của nát đến đó. Lúc bấy giờ ở làng Phù Đổng thuộc tỉnh Bắc Ninh có một người đàn bà đã ngoài sáu mươi tuổi, cách mấy năm trước, ra đồng trông thấy một vết chân người to lớn. Lấy làm lạ, bà ta liền đặt chân vào úm thử, bỗng nhiên thấy tâm hồn giao động. Về nhà thọ thai, sinh ra đứa con trai đặt tên là Gióng. Tuy đã được ba tuổi nhưng Gióng không biết bò, biết lật và cũng không biết nói một tiếng nào. Nhưng lạ thay khi sứ giả của vua Hùng Vương đi qua đấy, Gióng liền ngồi lên, rồi cất tiếng yêu cầu mời sứ giả đến. Bà mẹ vô cùng kinh ngạc, nhưng cũng chiều ý con đi mời sứ giả đến. Gióng bảo sứ giả về

tâu vua cho đúc một con ngựa sắt và một cây roi sắt để đuổi giặc. Khi sứ giả mang ngựa sắt và roi sắt đến, Gióng liền đứng lên, vươn vai thành một người to lớn nhảy lên mình ngựa thúc ngựa sắt như một "*thiên lý mã*" chạy nhanh như sấm sét, miệng phun lửa chạy ra chiến trường. Giặc Ân trông thấy Gióng như một thiên thần xông pha ngang dọc. Gióng đi đến đâu thì ngựa phun lửa đốt cháy giặc Ân đến đó. Các tướng Ân bị Gióng chém chết ngã rạp như chuối. Đẹp xong giặc Ân, Gióng phi ngựa lên núi Sóc, rồi cả người lẫn ngựa bay bổng lên trời. Nhớ công ơn của Gióng đã trừ giặc cứu nước, vua Hùng Vương phong chức Phù Đổng Thiên Vương tức là Thánh Gióng...

Khi đến viếng đền thờ Thánh Gióng trên núi Trâu, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh Cao Bá Quát có làm bài thơ tức cảnh, trong đó có câu diễn tả "chiếc roi vàng phá giặc ngoại xâm chấn động trời xanh, con ngựa sắt bay lên không còn để lại vết tích lạ kỳ":

...

Kim tiền phá lỗ thanh thiên chấn

Thiết mã đằng không cổ tích kỳ.

- Còn chuyện ngựa đá thì sao? Thôi kể nốt đi rồi chúng ta còn làm thêm một châu nữa chú!

- Từ từ anh Ba ơi, chuyện đâu còn đó. Tánh anh nóng nảy như thế cho nên mới làm hư bột hư đường hết trơn hết trọi! Này dzô đi! Ly này, ly nữa, nữa ly rồi cứ thế mà lai rai! A, mà tôi nói đến đâu rồi anh Ba? Đến chuyện "*ngựa đá*" là *thạch mã*, chú không phải chuyện bị ngựa đá cho học xì dầu đâu! Tương truyền, hồi quân Mông Cổ tràn sang xâm lấn nước ta. Hùng Đạo Vương phải một trận thư hùng tại Bạch Đằng Giang đánh đuổi quân Mông Cổ tan tành không còn manh giáp. Khi tan trận, vua Trần Nhân Tôn thấy chân ngựa đá ở trước lăng tẩm đều dính bùn, nên Ngài đoán là nhờ linh hồn của tiên đế cỡi ngựa đá theo giúp để đánh đuổi giặc. Ngài ngựa mặt lên trời cảm tạ và nói:

Xã tác lưỡng hồi lao thạch mã,

Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

tức là:

Xã tác hai phen bon ngựa đá

Non sông ngàn thuở vững âu vàng.

Về ngựa đá còn chuyện Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm cũng đã tiên tri cho dân làng Vinh Lại cũng là quê hương của ông:

*Bao giờ ngựa đá sang sông
Thì dân Vinh Lại quận công cả làng.*

Vì thiên cơ bất khả lậu, nên ông chỉ yêu cầu dân làng đắp một con ngựa đá đặt ở một bên bờ sông và ông khắc vào mình ngựa hai câu sấm nói trên. Lâu ngày đất bồi cát lở hai bên bờ sông, thành ra trông con ngựa đá giống như đang lội sang sông thật. Dân chúng đọc được hai câu sấm và thấy ngựa đá dần dần sang sông, nên rất vui mừng và chờ ngày hồng phúc đến cho dân làng. Sau đó, vua Lê Chiêu Thống lánh nạn Tây Sơn qua làng Vinh Lại, dân chúng đều một lòng ủng hộ vua Lê chống lại Tây Sơn. Vua Lê liền phong tước hầu cho người thủ lãnh. Nghe được tin đó, dân làng đều đến xin vua. Sợ dân làng làm phản theo Tây Sơn, nên vua Lê Chiêu Thống bèn ra lệnh phong tước hầu cho cả làng. Đó anh Ba thấy không, cụ Trạng Trình nhà ta cũng đoán đúng phong phúc, có thua gì nhà tiên tri Nostradamus của Pháp đâu!

Nè, anh Ba, anh là "dân xứ Thần Kinh", nơi phát xuất công hầu khanh tướng, nhưng nói thiệt anh đừng buồn, chú qua đây tôi thấy anh cũng chẳng khác gì tên "phó thường dân Nam Bộ" như tôi cả! Răng rứa hí?

-Anh Tư ơi, không phải ai ở xứ sông Hương núi Ngự cũng là con vua, cháu chúa cả! Một khi đã tan hàng rã ngũ hay nôm na bình dân mà nói là đã chạy làng rồi thì cuộc đời tối thui như đêm ba mươi! Anh Nam, tôi Trung, lưu lạc nơi này, lai rai ba sọi để nhớ nhưng da diết những câu ca dao :

*Ròng châu ngoài Huế
Ngựa tế Đờng Nai
Sông trong chảy lộn sông ngoài
Thường người xứ lạ lạc loài tôi đây
Tôi đây thì ở lại đây
Bao giờ bén rễ xanh cây thì về!*

Anh Tư nè, tôi thương miền Nam chất phát thật thà của anh cũng chỉ vì câu "bao giờ bén rễ xanh cây thì về"! Câu nói giản đơn nhưng đã dung chứa tất cả bao dung độ lượng để dành chấp nhận con người xứ lạ vào trong tộc họ của mình.

Thiệt tình mà nói nhe anh Tư. Anh với tôi tuy không cắt máu ăn thề kết nghĩa vườn đào làm đệ huynh như ba anh em Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi, nhưng chắc chắn rằng chẳng ai có thể dễ dàng đem... bia rượu ra mua chuộc để chia rẽ tình cảm của anh em mình được. Không nhiều thì ít chúng mình cũng học được chút đỉnh tín, nghĩa, trung, dũng của Quan Công dù trong thời kỳ hoạn nạn phải nương mình dưới trướng của Tào Tháo để chờ trông tin tức của Lưu Bị. Tào Tháo biết Quan Công là người tài giỏi, nên đã hết mình trọng đãi nhằm mua chuộc Quan Công nên đã "tam nhật tiểu yến, thất nhật đại yến" cứ ba ngày mở tiệc nhỏ, bảy ngày khao tiệc lớn. Rồi mỗi lần Quan Công đi đâu thì Tào Tháo lại tìm cách: "thượng mã đề kim, hạ mã đề ngân" nghĩa là mỗi lần Quan Công "lên ngựa thì được biếu vàng, xuống ngựa lại được tặng bạc". Nhưng vàng bạc không quý bằng tình bằng hữu, nghĩa anh em, nên khi nghe tin người anh kết nghĩa đang ở Hà Bắc, Quan Công vội vàng xin cáo biệt Tào Tháo để đến sum hiệp với Lưu Bị ngay...

Tư Đạt trầm ngâm, ly bia giờ lên nửa vơi mà anh ta hình như chỉ nhìn vào khoảng hư không xa vơi vơi. Lâu lắm Tư Đạt mới thì thầm, giọng ngậm ngùi:

- Anh Ba à, cảm ơn anh đã coi tôi như bạn hữu thân thiết. Nhưng thực tình anh em chúng ta không thể che giấu nỗi buồn nhớ nhưng về quê hương- nhất là những ngày cuối năm lạnh lùng cô đơn ở xứ người. Càng nhận càng buồn thêm, "một con ngựa đau, cả tàu quên ăn cỏ", lại thêm tình huống của chúng ta cũng chẳng khác chi cảnh "chim Việt, ngựa Hồ"...

- Là "Việt điếu, Hồ mã" phải không anh? Anh có thể nói thêm chi tiết một chút nữa cho rõ hơn được không?

Tư Đạt xoay chiếc ly trong tay:

- Trong Đường thi có câu "Hồ mã tế bắc phong, Việt điếu sào nam chi" có nghĩa là ngựa Hồ hí gió bắc, chim Việt đậu cành nam. Do điển, rợ Hồ ở phương bắc Trung Hoa đem dâng cho Hán Võ Đế một con ngựa rất hay. Nhưng từ khi sang Trung Hoa, được nuôi ở vườn Thượng Lâm thì ngựa bỏ ăn trông rất buồn thảm. Khi có gió bắc thổi thì ngựa hí vang lên. Ngày thường vẫn đứng ủ rũ trong chuồng...

Cũng như vào thời Hùng Vương nước ta có đem triều cống cho vua Thành Vương nhà Châu bên Tàu một

đôi chim bạch trĩ rất đẹp. Chim bạch trĩ này chỉ lựa những nhánh cây nào day về hướng nam mới đậu. Vì vậy câu "Ngựa Hồ, chim Việt" hay "chim Việt, ngựa Hồ" được dùng để tỏ lòng luyến nhớ cố hương, nhớ non nước cũ, cũng chẳng khác chi tấm thân ly xứ của chúng ta hiện tại luôn luôn nhớ về quê hương. Thật đúng là:

*Chim Việt, ngựa Hồ lơ lảo đảo
Hương Tàn, yến Tạ lạc loài mô?*

Ngoài ra trong bài thơ liên hoàn điều Phan Liêm tức Phan Công Tông, con trai của cụ Phan Thanh Giản đã nổi lên kháng Pháp vào năm 1868 và tử trận tại Giồng Gạch thuộc quận Ba Tri, Nguyễn Đình Chiểu có nhắc lại tích ngựa Hồ, chim Việt như sau:

*Tinh thần hai chủ sủng pha tuyết
Khí phách ngàn thu rỏ núi non
Nhỏ chuyện ngựa Hồ, chim Việt cũ
Lòng đây tưởng đó mắt như còn!*

Quê cha, đất tổ tha thiết đến như vậy, thế mà mới đây tác giả cuốn "Tổ Quốc Ân Năn" mang danh là kẻ khoa bảng, sống phè phỡn trên xứ người không những đã chối bỏ cội nguồn dân tộc Việt Nam mà còn hạch sách vấn tội tổ tiên, anh hùng liệt nữ. Con người như vậy có khi cũng chẳng sánh bằng hai loài "ngựa Hồ, chim Việt"! Buồn thay! Ngẫm lại lời người xưa trong Chính Khí Ca "Ngưu ký đồng nhất tạo, Kê thế phụng hoàng thực" trâu với ngựa cùng ở một tàu, gà với phụng cùng đậu một nơi. Trong cuộc thế hỗn mang, giữa cuộc đời ô trược hỗn loạn xà bần này người quân tử và kẻ tiểu nhân chung đụng với nhau thật khó phân biệt!

Ngoài kia tuyết rơi. Nỗi buồn hoang mang trong tiềm thức chợt về mỗi độ vào xuân. Ba Thất và Tư Đạt dặt díu nhau ra khỏi quán khi trời đã nhá nhem. Hai chiếc bóng xiêu vẹo khập khểnh trong màn tuyết trông chẳng khác gì "ngựa cúp hàm thiếc", nhưng tiếng hát "Lý Ngựa Ô" trong quán vẫn còn reo reo "ngựa ô anh khớp, anh khớp con ngựa ô..." và hầu như còn hện hò nhẩn gỏi "anh đưa nàng đi dinh, đưa nàng... đi dinh...!". Chẳng biết dinh thự của Ba Thất và Tư Đạt tọa lạc nơi nào trong cuộc đời phiêu bạt tha phương này...

(Đầu xuân Nhâm Ngọ, 2002)

Ngày Xuân kể chuyện Phong Thủy

NHỮNG ĐỊA LINH CỦA VIỆT NAM và VẤN ĐỀ

TRẤN YẾM trong PHONG THỦY

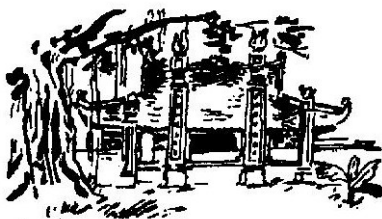
• ĐOÀN VĂN THÔNG

Việt Nam là vùng đất mà theo các nhà Phong Thủy Việt Nam và người Tàu cổ xưa cũng như tài liệu sách vở của Việt Nam và cả Trung Hoa đều cho biết rằng Đất Việt là nơi có nhiều Khí thiêng sông núi tụ hội. Vì thế suốt từ Nam quan tới mũi Cà Mau có rất nhiều vùng đất được xem là Linh Địa, Long Tàn Hồ Phục, Long Mạch, vượng Khí tốt lành. Ví dụ như vùng Tam Đảo, Ba Vì, hay Trường Long bảo vệ đất Việt là rừng Trường Sơn. Đất Việt còn có những địa linh khác như Vịnh Hạ Long, sông Tô Lịch, dãy Hoành Sơn, Ngũ Hành Sơn, Thất Sơn, Biên Hòa, Đà Lạt, Huế, Bạch Mã, Lăng Cô, Đèo Hải Vân, núi Túy Vân, Long Mạch nơi Tiền Giang và Hậu giang. Nhiều Long Mạch quý còn ẩn tàng chưa lộ diện và ít người phát hiện chắc chắn còn khuất dưới vùng đất càng tiến về gần mũi Cà Mau nơi mà đất phù sa, bùn và nước thường che lấp. Nếu kể ra các vùng đất quý thì quá nhiều nhưng sự quan sát, nghiên cứu, gìn giữ, bảo vệ, phát huy những vùng đất quý giá ấy về mặt Phong Thủy thì hiếm thấy triều đại nào, chánh phủ nào của nước Việt Nam quan tâm. Trong khi đó thì suốt chiều dài lịch sử của đất nước và dân tộc, kể từ khi đất Giao Châu còn non trẻ bán khai tới khi trở thành nước Việt Nam ngày nay, nhiều quốc gia đã và đang dòm ngó và tận dụng mọi khả năng để chiếm lĩnh những vùng đất quý ấy và nếu không được thì lại sử dụng luôn cả phương thức mà từ ngàn xưa đã dùng là trấn yểm, triệt phá. Đất nước Nam đã trải qua bao phen bị trấn yểm triệt phá như thế rồi...

Bài viết dưới đây chỉ nói lên một vài sự kiện để người dân Việt thấy rõ những điều mà xưa nay mình như kẻ bàng quan.

• NGƯỜI TÀU VÀ VẤN ĐỀ TRẤN YẾM

Nước Tàu thời cổ đại đã có những nhà Phong Thủy nổi danh, một số quan sát đất đai nơi chốn trong nước để tìm long điểm huyết, một số vượt biên cương nước Tàu xuôi về Nam để tìm kiếm đất tốt, những nơi Long Tàn Hồ Phục và khi tiến về đất Giao Chỉ họ không khỏi kinh ngạc khi thấy vùng đất này có những đặc điểm hết sức tốt lành về mặt Phong Thủy, nếu không kịp thời triệt phá đi thì tương lai nơi



những đất này sẽ kết tụ linh khí hun đúc nên những anh tài hào kiệt, những siêu nhân ngoại hạng có khả năng khuynh loát gồm thiên hạ. Khi đó chưa chắc các triều đại Trung Hoa được hưng thịnh lâu dài. Tin này tức thì được đệ trình lên vua chúa Trung Hoa thời đó và một âm mưu nhằm triệt phá, trấn yểm các vùng đất tốt về Phong Thủy tại nước Nam được triều đình Trung Hoa âm thầm phát động. Nhiều nhà Phong Thủy tài ba đã được vua Tàu lệnh cho qua đất Việt tìm các vùng đất, các huyết vị, Long Mạch tốt lành hầu trấn yểm hay triệt phá đi.

• MÃ VIỆN: NGƯỜI ĐẦU TIÊN TRẤN YẾM ĐẤT GIAO CHÂU

Mã Viện là một danh tướng của Trung Hoa thời nhà Hán. Năm 70 tuổi, Mã Viện vẫn còn đem quân chinh phạt khắp nơi. Khi hay tin đất Giao Chỉ có cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng, vua

Hán liền sai Mã Viện đem quân qua đánh dẹp. Trên đường tiến quân, Mã Viện có dịp quan sát đất đai Giao Chỉ và không khỏi kinh ngạc vì Vương Khí và Linh Khí nơi đây quá sung mãn. Là một tướng lãnh giàu kinh nghiệm lại thêm tinh thông về Phong Thủy nên khi dẹp yên được cuộc nổi dậy của hai Bà Trưng, Mã Viện bắt tay vào việc thành lập một chế độ cai trị khắt khe để kim hãm dân Giao Chỉ không cho có cơ hội nổi dậy lần nữa. Mã Viện du hành khắp nơi từ Giao Chỉ tới Cửu Chân để quan sát và thấy dân Giao Chỉ có chí khí, can đảm, khó khuất phục, lại thêm nhiều nơi trên đất Giao Chỉ có những Địa Linh, những Long Mạch, những vùng đất tốt về Phong Thủy sẽ hun đúc những nhân tài xuất chúng, những anh hùng hào kiệt và cả những bậc đế vương lừng lẫy mai sau- đó là những nhân tố quan trọng giúp dân Giao Chỉ chống lại nhà Hán ở phương Bắc. Biết vậy nên Mã Viện đã nghĩ tới việc trấn yểm đất Giao Chỉ và chỉ có cách đó mới có thể khiến cho dân tộc này không thể nổi lên chống lại Hán triều mà thôi. Thời đó việc đúc chế đồng rất phát triển tại Trung Hoa và Giao Chỉ nên Mã Viện sai đúc một trụ đồng lớn cắm xuống đất Giao Châu. Trên cột đồng có ghi dòng chữ như một lời nguyện khứng khiếp "**Đồng Trụ chiết, Giao Chỉ diệt!**" Có nghĩa là khi nào cột đồng trụ này gãy thì dân tộc Giao Chỉ sẽ bị tận diệt. Một số bô lão người Giao Chỉ thời đó đã ngầm chỉ cho dân chúng mỗi khi có lò đất, mảnh vỡ chén bát, ông vôi thì đem bỏ nơi gốc trụ đồng ấy. Chẳng bao lâu, cột đồng trụ bị phủ lấp dưới các vật phế thải ấy và không còn hiện hữu trước mắt dân Giao Chỉ nữa.

• CAO BIÊN TRẤN YẾM ĐẤT VIỆT

Trong thời kỳ đất Giao Châu bị Bắc thuộc lần thứ ba, vua nhà Đường Trung Hoa cử Cao Biền, một tướng lãnh tài ba, một nhà Phong Thủy giàu kinh nghiệm, một nhà chính trị đồng thời còn là một Đạo Sĩ lừng danh qua nước Nam giữ chức Tiết Độ Sứ. Sứ mệnh chính của họ Cao là chấn chỉnh lại việc cai trị đất Giao Châu, đồng thời tìm kiếm các Địa Linh, các Long Mạch và ra tay trấn yểm, trừ khử một

số vùng đất tốt, phát vượng về mặt Phong Thủy tại nước Nam mà xưa kia Mã Viện đã phát hiện để không cho nước Nam có được nhân tài, anh hùng hào kiệt, những bậc đế vương lừng lẫy thế gian xuất hiện trong tương lai.

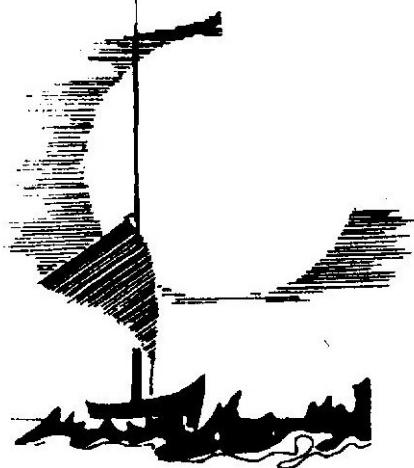
• TRẤN YẾM, TRIỆT PHÁ VÙNG TAM ĐẢO

Trong bước vân du, Nam tiến đầu tiên, Cao Biền sau khi vượt các rặng núi ở phương Bắc là đã thấy ngay những nơi Long Tàn Hồ Phục ở vùng đất Bắc của nước Nam, khiến ông phải kinh ngạc vì khí thiêng sông núi như hiển hiện nơi vùng Tam Đảo, nơi mà các dãy núi từ miền Hoa Nam Trung Hoa đều cùng phủ phục quy tụ về để châu hầu. Đây là nơi chụm đầu của các dãy núi hình cánh cung của vùng Đồng bằng Bắc bộ. Nơi đây hiển hiện 3 ngọn núi nhô cao như những ngọn thiên sơn nơi Thiên đình vì mây thường phủ ở dưới chân mà người xưa coi đó như là Khí thiêng phát tỏa. Núi Ba Vì với ba ngọn núi lớn là Núi Ông, Núi Bà và Núi Tản Viên khí thiêng thường tỏa ra bao phủ 3 ngọn núi. Với Phong Thủy quá ư tốt lành hưng thịnh ngay nơi chốn địa đầu giáp giới Trung Hoa mà đã như thế rồi thì làm sao mà Bắc Triều lại có thể khống chế, bắt nước Nam phải bái phục triều cống? Nếu không kịp thời triệt hạ, trấn yếm các vùng đất đầy ấp Long Tàn Hồ Phục của nước Nam thì trong tương lai, chính Trung Hoa sẽ phải hạ mình châu hầu tiểu quốc An Nam dù cho là vào hàng nghìn năm sau đi nữa thì cũng không thể chấp nhận. Cao Biền không thể để yên vùng đất nguy hiểm, tai hại này của nước Nam nên quyết ra tay yếm Long Mạch, quyết làm cho vùng đất đó bị tuyệt khí hay trở thành vùng đất đầy tử khí. Khi ngược nhìn ngọn núi Tản Viên thấy khí thế mạnh mẽ ngút trời nên Cao Biền quyết ra tay trừ khử trước. Tuy nhiên, công việc trấn yếm về Phong Thủy nơi đây của Cao Biền kéo dài rất lâu vì khí thiêng của núi Tản tỏa ra quá mãnh liệt. Hơn nữa, lúc bấy giờ tại nước Nam cũng có những vị Đại Sư tinh thông về Phong Thủy biết được hành động xấu xa của Cao Biền nên lên kế hoạch triệt phá tất cả những công trình trấn yếm của Cao Biền. Do đó mà Cao Biền không thể nào trấn yếm,

phá tan được Linh khí của Núi Tản. Cao Biền cũng lưu ý tới dãy Núi Ba Vì, cũng ra tay trấn yếm nhưng không hoàn toàn triệt hạ được Khí tốt nơi này.

• TRẤN YẾM 19 ĐỊA ĐIỂM Ở LƯU VỰC SÔNG TÔ LỊCH

Khi gặp sông Tô Lịch, một chi lưu của sông Hồng, Cao Biền với đầu óc tinh thông Phong Thủy đã thấy ngay đây cũng là nơi Sinh Khí và Linh Khí tỏa khắp cùng dòng sông khiến hai bên lưu vực sông này không sớm thì muộn sẽ phát sinh những anh hùng hào kiệt lẫy lừng mà Trung Hoa khó có người sánh kịp (lịch sử, văn học Việt Nam đã



từng cho biết những nhân vật long danh nơi đây như Hoàng Tử Chân, Từ Vinh, Từ Đạo Hạnh, Đặng Trần Côn, Thân Siêu, Chu văn An, Phạm Tu, Ngô Thời Nhậm, Ngô Thời Nhu v.v...). Biết vậy nên Cao Biền đã hết lòng tận dụng kiến thức Phong thủy của mình trấn yếm sông này. Biết việc trấn yếm sẽ phải lâu dài cẩn thận nên Cao Biền sai đắp một kinh thành ở phía Tây sông Lư Giang, nơi dòng sông Tô Lịch uốn quanh. Kinh thành ấy chính là Đại La Thành. Khi thành đang xây cất, Cao Biền nóng lòng ra tay, trước tiên Cao Biền sai quân lính đào, xẻ, lấp, phá một số đoạn nơi sông Đầm và các ao hồ liên hệ. Tính ra có tới 19 địa điểm thuộc Khí Thiêng đất Việt bị Cao Biền triệt phá. May nhờ lúc bấy giờ có Sư Chân Như thông hiểu Phong Thủy đã kêu gọi dân chúng tìm cách lấp lại các nơi bị đào xẻ triệt hạ đồng thời còn đem một Cây Miên trồng ngay nơi chùa Minh Châu để trấn ngay những nơi bị xẻ đứt.

• TRẤN YẾM DÂN NAM VÀ QUÂN NAM CHIẾU

Trong thời gian này dân nước Nam liên kết cùng với người Nam Chiếu nổi lên chống lại quân Cao Biền nên Cao Biền đã phải mất một thời gian mới dẹp yên. Để ngăn sự nổi dậy tái diễn, Cao Biền đã ra lệnh quân dân ra sức đúc 80.000 ngọn tháp bằng đất đem nung xong chôn xuống tại vô số địa điểm để trấn yếm, chế ngự dân Nam. Theo tài liệu của nhà nghiên cứu Phạm Khắc Ngữ thì các ngọn tháp bằng đất nung này đã được khai quật tại nhiều nơi ở miền Bắc Việt Nam. Tháp cao từ 30 tới 40 centimet.

• TRẤN YẾM SÔNG TÔ LỊCH

Riêng sông Tô Lịch thì Cao Biền tận dụng Hành Kim để trấn yếm. Bốn thứ kim loại được dùng là Vàng, Bạc, Sắt, Đồng. Sau khi luyện chú suốt 3 ngày đêm, Cao Biền bí mật đem chôn hai bên bờ sông Tô Lịch. Nhưng lạ lùng thay, khuya hôm đó bỗng nhiên trời nổi cơn giông tố sấm sét giáng xuống làm tiêu hủy hay vung vãi khắp nơi số lượng kim loại mới chôn. Thất bại lần này, Cao Biền lại tiếp tục công việc trấn yếm Phong Thủy sâu xa hơn bằng cách kết hợp với phép phù thủy mà Cao Biền ta rất thành thạo. Ông trộn vô số cây kim với các hạt đậu ủ kín rồi chôn xuống 2 bên bờ sông Tô Lịch để: “Ủ Đậu Thành Binh và gươm đao do kim biến thành”. Kế đó thấp nhang dọc hai bờ sông. Luyện phép Phong Thủy như vậy ròng rã trong 100 ngày đêm không ngơi nghỉ. Nhưng khi đào cát lên Cao Biền vô cùng kinh ngạc vì tất cả đều không như ý của ông ta. Thất bại lần này, Cao Biền không còn dám tiếp tục trấn yếm sông Tô Lịch nữa.

• TRẤN YẾM LONG MẠCH SÔNG TRÀ KHÚC - QUẢNG NGÃI

Sau khi tìm phá các địa linh ở miền Bắc nước Nam, Cao Biền chiêu dụ dân quân tiến về phương Nam vừa khai phá đất đai vừa tìm nơi nào có Long Mạch, địa linh để trấn yếm. Một ngày kia, Cao Biền bị chặn lại bởi dãy núi trải dài của địa phận Quảng Ngãi ngày nay và thấy nơi đây là hình ảnh của

Thanh Long hí thủy, Rõng xanh uốn mình xuống nước nô giỡn và uống nước. Mộng lớn của Cao Biền là sẽ làm Vua phương Nam nên không thể để nơi đây có Long Mạch tốt lành để phát sinh bậc đế vương phương Nam tước đoạt ngôi vị mình. Vì thế Cao Biền đã ra tay trừ khử bằng cách ra lệnh cho quân lính và dân trong vùng ngày đêm cấp kỳ đào đất xẻ núi làm cho núi non thuộc phần đầu rồng bị tách rời khỏi phần cổ rồng. Từ đó nước sông Trà Khúc nơi đầu rồng chú xuống bỗng nhiên trở thành màu đỏ ối. Dân chúng thời đó gọi là máu rồng. Bấy giờ trong dân gian loan truyền câu thơ sau đây:

*Cao Biền xưa, vốn thiệt con rồng,
Vi Vương không đặng, trảm Long sông
Trà*

Cao Biền trải qua một thời gian dài lùng sục trấn yểm các vùng đất phát vượng ở Trời Nam nhưng phần lớn đều không thành lại thêm có ý đồ làm vua đất Việt nên tin tức tới tai vua Tàu, tức thì Cao Biền triệu hồi về kinh xét xử vì tội không hoàn thành sứ mệnh đã được giao. Cuối cùng, Cao Biền bị chém đầu.

• TƯỚNG HOÀNG PHÚC THAY THẾ CAO BIÊN TRẤN YỂM ĐẤT VIỆT

Đến đời vua Minh Đế (Trung Hoa) vì lo sợ nước Nam phát vượng có ngày đánh lại nước Tàu nên đã sai tướng Hoàng Phúc đi cùng với tướng Trương Phụ, Mộc Thạnh đem quân sang nước Việt mượn cơ phò Trần diệt Hồ, sau đó tướng Hoàng Phúc là người tài ba lỗi lạc về Phong Thủy không thua gì Cao Biền sẽ ở lại tiếp tục trấn yểm các Linh Địa tại Việt Nam, nhất là những nơi trước đây Cao Biền thất bại trong việc triệt phá. Trong một trận tiến công của quân Việt, tướng Hoàng Phúc bị bắt cùng với các dụng cụ và tài liệu trấn yểm về Phong Thủy. Quân Việt còn tịch thu một cuốn sách rất giá trị gọi là Địa lý Kiểu tự ghi chép các địa linh nổi tiếng của nước Việt do Cao Biền ghi chú và mô tả.

• MẠC CỬU TRẤN YỂM LINH ĐỊA Ở HÀ TIÊN

Về sau, vua Tàu lại sai Mạc Cửu, một nhân vật tinh thông Phong Thủy đi sâu về miền Nam đất Việt để khảo sát và tìm thêm những vùng đất đầy Linh Khí, phát vượng hầu kịp thời triệt phá, trấn yểm. Khi tới vùng Núi Cấm, thấy sanh Khí tỏa ra nơi đây mạnh mẽ nên Mạc Cửu sợ nơi đây sau này sẽ phát sinh Thánh Chúa nên ra tay trấn yểm bằng cách bí mật chôn các tấm đá có khắc các thứ bùa trấn yểm Phong Thủy vào trên đỉnh và dưới chân Núi Cấm. Về sau có Ông Đạo Lập (tức Phạm Thái Chung), đệ tử của Đức Phật Thầy Tây An phát hiện. Trên tấm đá tuy chữ đã mờ nhưng người ta vẫn đọc biết được tấm đá trấn yểm được đặt vào mùa thu tháng 8 năm Càn Long nhà Thanh thứ 57 (Hoàng Thanh Càn Long, Ngũ thất niên, trọng Thu, Cốc đán).

Tính theo Dương lịch là năm 1792. Thật ra thì sau ngày trấn yểm lên vùng



đất Hà Tiên khoảng 60 năm thì chính Đức Phật Thầy Tây An đã căn dặn Đức cố Quận Thành hãy dùng 4 cây Thẻ trồng quanh Thất Sơn để trấn yểm những gì mà Mạc Cửu đã làm trước đó. Hiện nay tấm đá bùa của Mạc Cửu và cây Thẻ của Phật Thầy Tây An vẫn còn lưu giữ tại Láng Linh Châu Đốc.

• THỰC DÂN PHÁP CŨNG TẬN DỤNG VIỆC TRẤN YỂM NƯỚC NAM

Điều này khi đề cập tới có lẽ nhiều độc giả sẽ cho là chuyện không có; tuy nhiên trên thực tế và qua sử liệu và chứng cứ rõ ràng thì đây là vấn đề có thật. Người Tây phương thường tin vào khoa học nhưng đôi khi có những tục lệ hay những việc làm dù có vẻ mơ hồ mê tín nhưng nếu kết quả đem lại có lợi cho họ thì họ vẫn hỗ trợ để tiến

hành nhất là ngay tại những vùng đất mà họ chiếm đóng.

Thật ra người Pháp khi xâm chiếm Việt Nam cũng đã tiếp thu được một số kiến thức và kinh nghiệm về Phong Thủy cung cấp từ chính những người thực dân Pháp như Jean Dupuy, Jacques O'Friell, nhất là La Brestèche viên chức Pháp làm việc tại Thương điểm Pháp ở Quảng Đông. Những kinh nghiệm và hiểu biết về Phong Thủy ấy trước đó còn được Marco Polo, thương gia người Ý thường qua lại Trung Hoa mua bán trao đổi hàng hóa và lấy về các thứ lụa quý nhấc nhở với sự tin tưởng. Thời Chúa Nguyễn Minh Vương còn có Thomas Bowyear, một thương gia già dặn người Anh viết sách, dịch sách Tàu và đã lưu ý người Pháp là nên tìm hiểu bộ môn Phong Thủy của người Tàu vì đó là một nguyên lý lạ lùng huyền bí nhưng rất đặc dụng.

Trong khi thực dân Pháp có những nhân vật đề cao Phong Thủy thì lại phụ họa thêm bởi những người Việt Nam tối mắt vì lợi danh, đã cam lòng làm tay sai cho thực dân, chỉ cho họ những gì cần làm để có thể thống trị Việt Nam dễ dàng bằng phương thức trấn yểm trong Phong Thủy mà ngày xưa Cao Biền đã thực hiện.

Các tài liệu lịch sử, sách vở báo chí và nhất là các nhà Phong Thủy ngày xưa cho biết là khi quân Pháp xâm chiếm Việt Nam thì nhiều sự khai phá, các công trình xây dựng của thực dân Pháp trên đất Việt đã làm cho vô số các địa linh, các vùng đất phát vượng đầy sanh Khí bị tàn lụi, triệt phá một cách oan uổng. Để đặt nền đô hộ lên dân Việt được lâu dài bền vững, người Pháp cũng không loại trừ cả việc nhờ các nhà Phong Thủy người Tàu và một số người Việt Nam hiểu biết về Phong Thủy nhưng bán rẻ lương tâm chỉ cho người Pháp triệt phá hay trấn yểm những Linh Địa của Việt Nam bằng những phương thức khôn khéo không ai ngờ. Ví dụ như vào năm 1889 họ lấy danh nghĩa là mở mang phát triển cho xứ Bắc Kỳ nên phải lấp sông Tô Lịch (một Địa Linh quan trọng của Việt Nam) từ cửa Hà Khẩu tới Thụy Khê để mở phố chợ như Hàng Cá, Hàng Buồm, Hàng Đường. Khi quân Pháp

chiếm xong Hà Nội liền bắt tay vào việc phá hủy thành Thăng Long. Chính các sách địa dư của Pháp viết về Việt Nam cũng có nhắc tới thành Thăng Long được xây trên vùng đất gọi là Địa Linh, nhưng tại sao thực dân Pháp phải triệt phá? Công việc triệt phá phải mất tới 3 năm từ 1894 tới 1897. Sự phá thành Thăng Long thời đó đã làm đau lòng biết bao nhà Phong Thủy chân chính của Việt Nam khi thấy khí thiêng nơi đây tàn tạ. Chùa Một Cột là hình ảnh Hoa Sen vương cao tỏa đầy sinh khí nên khi quân Pháp rút khỏi Hà Nội năm 1954 đã ngâm đặt mìn giết sập ngôi chùa nhưng may mắn là ngôi chùa vẫn đứng vững. Tại Khánh Hòa Nha Trang, là vùng đất thiêng của Thiên Y A Na, vùng đất được xem là lý tưởng về khí hậu và đời sống yên bình. Chính Bác sĩ Yersin sống ở đây đã từng phát biểu: “Nha Trang là Đất Thiêng”; còn nhà văn Quách Tấn thì ghi: “Cuộc đất Nha Trang là một đại cuộc: Tứ thủy triều quy, tứ thú tụ...”. Tuy nhiên giải đất quý hiếm này đã một thời bị thực dân Pháp lấy cớ tạo lập bến cảng nên mở đường từ Chụt xuống khiến một dãy núi có tên là Cảnh Long Sơn giống một tiểu long trườn mình ra biển uống nước nơi đồi sau Hải Học Viện Nha Trang bị xẻ dọc khiến đầu rồng lia khỏi cổ rồng, Long Mạch lộ diện bị đứt đoạn. Không hiểu vì vô tình hay hữu ý hoặc có kẻ tâm bày dâng công cho thực dân Pháp làm mất Linh Khí của Nha Trang mà ngay trên đầu rồng nơi Cầu Đá người Pháp đã cho xây những Dinh thự của người Pháp và Lầu Bảo Đại để nghỉ mát, tiệc tùng ăn chơi, nhẩy nhót làm ô uế đầu Rồng. Nha Trang còn có một Linh Địa ở vùng Núi Một, xưa gọi là Hoa Sơn. Núi có dạng Con Rùa vàng cực quý (một trong tứ thú của đất Nha Trang) nhưng về sau mình rùa bị xẻ ngang làm con đường có tên là Phước Hải nên Linh Quy bị hủy rất oan uổng.

• NGƯỜI NHẬT TRẤN YẾM ĐẤT HỘ AN

Khi quân đội Nhật xâm nhập vào Việt Nam, một số nhà Phong Thủy Nhật thấy Hội An là nơi hội tụ các thương thuyền các nước nhưng nơi đây lại thường hay bị những cơn lụt bất ngờ gây thiệt hại không lường. Người Nhật

có quyền lợi nhiều ở đây nên các nhà Phong Thủy Nhật đã dùng 4 cây gươm trấn yểm, đâm sâu xuống vùng đất mà họ cho là có những “Con Cù” ẩn bên dưới. Về sau một nhà Phong Thủy người Nhật khác thấy thỉnh thoảng vẫn còn hiện tượng nước xoáy nên đã xây một cây cầu (người Hội An gọi là Cầu Nhật Bản) bắt qua nơi đã trấn yểm, đồng thời đặt 4 con vật (2 con Chó và 2 Con Khỉ) để trấn yểm ở 4 nơi.

• NGƯỜI ĐÀI LOAN TRẤN YẾM ĐẤT ĐÀ LẠT

Trong năm 1994, tại Việt Nam, dân chúng ở Đà Lạt đã bàn tán xôn xao về vấn đề người Đài Loan ra sức tìm kiếm Long Mạch tại Đà Lạt để trấn yểm. Cần biết thêm hiện nay trên thế giới, Đài Loan là đảo quốc có nhiều nhà Phong Thủy tài ba nhất thế giới, hơn hẳn cả Trung Quốc. Phát giác đầu tiên về việc trấn yểm này là khu vực hồ Tuyên Lâm ở Đà Lạt. Theo báo Lao Động, cơ quan thông tin của nhà nước Cộng Sản Việt Nam cho biết là 3 người Đài Loan tên là Chan Chu Minh, Su Chim, Chan Tế Xuân đã ra tay thực hiện việc trấn yểm quanh hồ này. Mục đích của việc trấn yểm này là gì? Có hai giả thuyết:

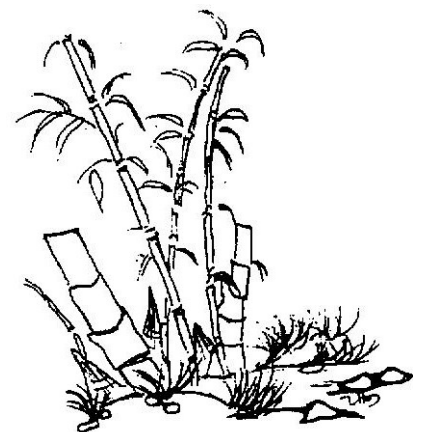
Hoặc có tập đoàn tài phiệt Đài Loan nào đó muốn khuynh loát vùng đất này để khuếch trương xây cất cơ sở làm ăn riêng. Vì thế họ dùng các trấn yểm để bước đầu dân chúng nơi đây lo sợ đời đi.

Hoặc sâu sắc bí mật hơn là chính người Trung Quốc muốn tiếp tục trấn yểm đất Việt như thời xưa cũ nhưng nay lại nhờ những nhà Phong Thủy tinh thông từ Đài Loan để tạo hỏa mù.

Những điều vừa trình bày khá chi tiết trên chắc chắn sẽ làm cho một số độc giả phê phán là mơ hồ vô lý và trừu tượng, nếu không nói là mê tín huyền hoặc. Tuy nhiên cũng không thiếu những độc giả thường có tư tưởng vượt xa khỏi ranh giới của khoa học thực nghiệm làm đề tài suy gẫm còn các độc giả trung dung thì có thể mua vui lúc trà dư tửu hậu.

Để kết luận, kết luận này thì chỉ dựa vào ý tưởng của nhà Phong Thủy, đó là: Nước Việt Nam trải qua một thời gian dài, biết bao lần bị Bắc thuộc nặng nề và biết bao lần bị những nhà Phong Thủy tài ba lỗi lạc Bắc phương quan sát tìm hiểu phân tích từng giải đất đai, từng rặng núi, từng khúc sông và vịnh biển để trấn yểm, triệt phá. Tin hay không về kết quả của những triệt phá trong quá khứ là tùy mọi người; nhưng điều mà ai cũng đều thấy rõ là đất nước ta giàu, dân ta bất khuất kiên cường, thông minh, chịu khó nhưng tại sao mãi mãi chịu cảnh lâm than, bị họa xâm lăng của biết bao ngoại bang? Trong khi các nước xung quanh ta vươn lên, phát triển thì Việt Nam vẫn còn tối tăm, cơ hàn nghèo khổ? Cái Ải Nam Quan là “con mắt Biên cương của Việt Nam”, được xây dựng từ lâu đời trên phần đất đầy khí thiêng, nơi các núi đều châu hầu quy tụ về nước Nam thì nay lại trở thành của người Tàu với tên mới là Mục Quan Ái.

(2001 USA)



TÙ TRANH GÀ TRANH LỘN DÁN NHÀ TRONG DỊP TẾT

• Hiếu Đệ



Người Việt chúng ta mặc dầu sống ở nước ngoài cứ mỗi lần nghe Tết đến vẫn còn nhớ đến Ông Đồ già qua những câu thơ của Vũ Đình Liên:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy Ông Đồ già
Bày mực tàu giấy bản
Bên phố đông người qua...*

Ở trong nước nền văn hóa Ông Đồ đã lùi vào dĩ vãng cũng có gần thế kỷ rồi. Hình ảnh đó chỉ còn lơ mơ trong kỷ niệm Hoài Hương. Kể cả những bức Tranh Gà Tranh Lợn người ta dán trên tường làm đẹp ba ngày Tết, màu sắc đó cũng đã phai rồi. Thế mà năm tôi đi tù cải tạo về vẫn còn thấy trong dịp Tết năm 1985 mấy cửa hàng sách báo của Nhà nước cũng còn đang bày bán loại tranh này để đồng bào treo Tết. Dĩ nhiên chẳng còn ai để ý tới nó nữa nhất là sau Nghị Quyết của đảng công bố về việc đổi mới, công nhận 5 thành phần kinh tế: cá thể, tư nhân, đầu tư, ngoại quốc, hợp tác xã quốc doanh. Loại Tranh Gà

Tranh Lợn nền nghệ thuật dân gian chuyên làm minh họa cho nghị quyết của đảng bị vất vào xọt rác.

Ngoài phố Lê Lợi và Nguyễn Huệ mặc dầu Nhà nước không công nhận thành phần buôn chui và bán lậu nhưng trong Chợ Tết Bến Thành họ vẫn bày bán các loại lịch khỏa thân Pinup nhập cảng lậu từ Thái Lan, Cam Bốt bán chạy như tôm tươi. Có điều họ bán giá cao, chỉ có cán bộ và viên chức mới có tiền mua chứ đám cải tạo chúng tôi chỉ coi ké một chút thôi. Bọn cán bộ còn tán dương đó là hình ảnh của các thanh nữ nhà nghèo đứng trên lập trường giai cấp họ cần phải mua về để ủng hộ gà nhà.

Tôi còn thấy ở các hiệu sách quốc doanh họ bán đây quyển Hình Tượng Dân Gian in ở Liên Xô, Hồ Chí Minh ra chỉ thị Viện trường Trần Văn Cẩn viết bài tựa đề cao loại Tranh Gà Tranh Lợn, Tranh Dân Gian làng Hồ lên hàng văn hóa nhà nước.

Tại sao người ta gọi là Tranh Làng Hồ? Có người bảo làng Hồ là làng của những người làm thợ mã dán hình con rối, con nộm đốt trong dịp tế lễ. Có người bảo là loại tranh này xuất xứ ở làng Sen Hồ tỉnh Bắc Giang, quanh năm họ làm ruộng gặt hái xong vào tháng 10 họ khởi sự làm tranh Tết để đem ra chợ bán. Loại tranh Tết in bằng mộc bản trên giấy dó và tô màu bằng tay. Bản gỗ được khắc sẵn từ đời ông bà tổ tiên nhiều đời trước, mỗi năm họ cứ vẽ lên giấy và sản xuất hàng loạt.

Theo truyền thuyết của số làng chuyên in tranh mộc bản thì thủy tổ nghề in ở xứ ta là Lương Như Hộc, người làng Hồng Liễu, huyện Trường Tôn, phủ Hạ Hồng, nay là làng Thanh Liễu, huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương, đỗ Tiến sĩ năm thứ 3 niên hiệu Đại Bảo nhà Lê 1442. Đi sứ sang Tàu và học được nghề in đem về truyền lại trong nước. Hiện nay là làng Đông Hồ, xã Tu Hồ huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, một làng chuyên in tranh mộc bản, còn thờ ông Thành Hoàng và các phường thợ in họ tôn thờ ông làm tổ của nghề thợ in. Thật ra nghề thợ in cũng xuất thân từ bên Tàu. Về nội dung các tranh Thần Tài, Thành Hoàng, Thổ Địa các tranh tôn giáo như Phật, Khổng, Lão cũng sao chép lại của Tàu. Mai tới sau này Cộng Sản miền Bắc mở rộng ở Việt Nam cũng mang ảnh hưởng của Liên Xô và Trung Quốc từ chính trị đến văn hóa xã hội

cũng cóp nhặt y hệt như đường lối của các nước đàn anh, đề cao thành phần chuyên chính vô sản, giai cấp công, nông, binh lãnh đạo văn hóa xã hội làm đảo lộn mọi trật tự xã hội theo chính sách Mác-Lênin.

Để hiểu qua nền văn hóa dân gian của Cộng Sản Hà Nội, chúng ta cũng nên nhìn qua nước láng giềng của Việt Nam là Trung Quốc để thấy rõ thêm. Sau khi Mao Trạch Đông lên nắm chính quyền ở Trung Quốc họ đề cao giai cấp nông dân lên trên cả đám trí thức.

Trong nước, áp dụng chính sách giai cấp, tiêu diệt trí, phú, địa, hào và phong kiến tư sản. Đặt nặng thứ văn hóa làng xã của giai cấp nông dân lên làm tiêu chuẩn của nghệ thuật. Thứ Tranh mộc bản và Tranh Trổ giấy được đề cao. Những hình ảnh tôn giáo bị xếp vào loại mê tín dị đoan phải đánh đổ, thay vào đó là những anh hùng lao động và những chiến sĩ cộng sản. Họ gọi là sứ mạng mới của văn hóa xã hội chủ nghĩa sẽ đưa nông dân đến chỗ phồn vinh giàu có. Ví dụ như bức tranh dân quê dâng hoa trái lên Mao chủ tịch ca ngợi sự giải phóng của đảng tạo nên sự được mùa. Tiêu chuẩn đó đóng khung cho một nền thẩm mỹ mới. Kỹ thuật làm tranh không cần luật xa gần của hội họa, có khi vẽ sai cả cơ thể học nhưng được họ gọi là Hội Họa Mới, Hội Họa Cách Mạng. Họ đem loại tranh Tết của nông dân lên thành phố bắt đám thị dân phải theo tiêu chuẩn đó và hạ thấp kỹ thuật vẽ tranh sơn dầu xuống hàng thứ yếu. Họ còn cho sơn dầu là một thứ nghệ thuật tư sản không có tác dụng lớn trong tuyên truyền cho đảng và thần thánh hóa nghệ thuật nông dân. Mở lớn các xưởng in tranh dân gian đưa nghệ thuật nông dân vào thương mại.

Chủ nghĩa Mao đề cao nghệ thuật phục vụ nhân sinh đánh đổ chế độ tư sản nghệ thuật vị nghệ thuật. Lên án tranh trừu tượng và biểu tượng là đòi trụ không thể tồn tại chỉ có hiện thực và lạc quan chủ nghĩa mới thực sự xây dựng văn hóa xã hội, kéo cổ các ngành nghệ thuật xuống tầm mức làng xã. Xu hướng đó được thịnh hành sau giai đoạn tiếp quản chính trị thời 1949 đặt thành ý thức hệ của nghệ thuật, như vậy nghệ thuật nhà quê lãnh đạo nghệ thuật thành phố. Các trường Mỹ thuật và Trang trí phải lập chương trình dạy theo lối mỹ thuật nhà quê thì được gọi là cách mạng.

Về phía Âm nhạc và Kịch nghệ năm 1950 họ có đưa ra 2 tác phẩm Hồng Đăng và Bạch Mao Nữ. vở Hồng Đăng đề cao chiến sĩ cộng sản; vở Bạch Mao Nữ đúng đầu phong trào Cải Cách Ruộng Đất 1952 diễn tả gia đình bần nông bị địa chủ bóc lột đến mang nợ phải gả bán cô con gái cho địa chủ. Nhưng đứa con trai của địa chủ là một thằng cùi khiến đứa con gái bỏ trốn chạy vào rừng đến đổi thành con khỉ lông trắng. Vở kịch này được dựng thành phim đem chiếu ở Bắc Việt. Nông dân sau khi xem vở kịch lăn đùng ra khóc kể, tức tối có người công phần lấy súng bắn vào màn ảnh đến rách toạc. Xong rồi đâm ngực bức đầu bức tóc kể khổ. Kể rằng tôi thuở trước bị bóc lột quá cỡ thế này thế nọ. Kể khổ hết mức quay ra tố khổ là phải tiêu diệt trả thù ông này bà nọ đã bóc lột tôi đến thân tàn ma dại nay phải tiêu diệt sạch bọn họ để tiến lên chủ nghĩa xã hội v.v...

Trong thời Cải Cách Ruộng Đất nông dân xem cuốn Hồng Thư Mao Chuẩn là cẩm nang của đời sống, đốt bỏ các quyển lý thuyết Khổng, Lão và kinh Phật. Phụ nữ Trung Hoa làm Tranh Trổ trên giấy hình Mao chủ tịch là hoa hướng dương. Kiểu như Tố Hữu làm thơ ca ngợi mặt trời chân lý chiếu qua tim. Hình ảnh hạnh phúc của người nông dân mơ ước chỉ là máy cày máy kéo và được trúng mùa. Ngày xưa họ dán trước hiên nhà mấy vị thần giữ của hình hai ông tướng thân sâu uất luy nay họ dán tranh mộc bản hình mấy anh hùng lao động có bàn tay vàng sản xuất đạt tiêu chuẩn cao.

Trung Quốc sau cái chết của Mao Trạch Đông, Giang Thanh và lũ bốn người, giấc mơ của người nông dân vẫn chỉ là ác mộng, rồi cuộc họ vẫn nghèo xơ nghèo xác. Người nông dân không có công ăn việc làm phải kéo nhau ra thành phố. Chỉ có đám thị dân là khấm khá đôi chút. Mặc dầu đã trải qua nhiều đợt đổi mới từ Đặng Tiểu Bình đến Giang Trạch Dân và sau này chẳng biết đến kẻ nào đây nữa. Năm 1985 các nhà nghiên cứu thuộc Đại Học Harvard - Hoa Kỳ, đi tìm lại những tài liệu về nền nghệ thuật dân gian của người nông dân Trung Quốc, họ cho biết là nền văn hóa này đã chết từ lâu rồi nhất là người nông dân họ thấy mình bị lường gạt quá mức. Họ chán ghét và xóa sạch cả rồi chỉ còn lại

loại Tranh Thêu và Tranh Trổ giấy để trang trí cho những dịp lễ lạc và đám cưới trong làng. Tranh tuyên truyền và ca ngợi Mao chủ tịch và đảng không còn nữa. Điềm qua nền văn hóa dân gian của Trung Quốc ta cũng thấy được loại hình tượng dân gian và tranh Tết Việt Nam cũng đi chung xuống như nhau.

Trong khi đó ở các nước Tây phương và Hoa Kỳ, nền mỹ thuật mới họ cũng xuống đường ca ngợi những thành quả của khoa học kỹ thuật tân tiến lên nền sản xuất lớn. Nhất là những sản phẩm tiêu dùng phục vụ đời sống con người. Năm 1924, Hoạ sĩ Fernand Leger còn nói: Ở thế kỷ 18 người xưa trình bày những bức tĩnh vật về những thực phẩm ở nhà bếp: con cá, con cua, quả táo, chùm nho thì nay tại sao hoạ sĩ chúng ta lại không vẽ những sản phẩm ở máy của hàng Shopping như vậy có phải hiện đại hơn không? Cùng năm đó ông vẽ bức Cốc Bia, Davis và Germald sáng tác bức dao cạo râu Gillette và bức bột giặt Odol. Những năm sau đệ nhị thế chiến các sinh hoạt đô thị ở Mỹ đầy màu sắc lung lẫy. Những cửa hàng Shopping, những trạm xăng, trạm hàng không, trạm xe điện hầm, biển quảng cáo và những ánh đèn neon rực rỡ hoa màu. Truyền thanh truyền hình phim ảnh bùng lên loại nhạc trẻ vui nhộn những nhạc điệu man dại của người da đen. Hoạ sĩ Davis còn nói: Tất cả mọi ngành nghệ thuật đều phải theo kịp thời đại thì mới đứng vững nếu lạc hậu sẽ bị loại bỏ đàng sau không dung thứ. Phong cách tạo hình của bức dao cạo Gillette và bức bột giặt Odol làm thay đổi cả quan niệm sáng tác. Chỉ vài năm sau những bức tranh này được chọn vào Viện Bảo Tàng. Mỹ thuật công nghiệp của nước Mỹ đánh dấu giai đoạn lịch sử tạo hình đi vào nền sản xuất công nghiệp. Bắt đầu từ đó nghệ thuật đề cao các mặt hàng tiêu dùng bắt một nhịp cầu nối liền giữa nền sản xuất và tiêu thụ. Các nhà bình luận cho rằng đó là nền nghệ thuật hiện thực tư bản đối đầu với hiện thực xã hội chủ nghĩa, họ tiến một bước rất mới từ hội hoạ lập thể bước vào nghệ thuật Pop Art một thủ mỹ thuật dân gian của những nghệ sĩ đô thị phục vụ quần chúng. Từ đó người ta còn lập ra các Trường Mỹ Thuật Công Nghiệp (L'Enseignement Designe) chứng chỉ tốt nghiệp của một Designer được ngang bằng một Kỹ sư trong xí nghiệp. Các nhà bình luận còn cho rằng các nhà mỹ thuật công nghiệp

là những chiến sĩ tiên phong của nền sản xuất lớn của nước Mỹ. Ngược lại bên cạnh sự phát triển công nghiệp thường kéo theo những cuộc chiến tranh trên thế giới.

Bước vào thập niên 50 nền điện ảnh phim nhựa phát triển đến cao điểm kéo theo phong trào nhạc trẻ, các nhạc cụ bằng điện tử làm nảy sinh ra những thiên tài âm nhạc rất mới lạ chọc thủng vào bức màn sắt, bức màn tre của phía xã hội chủ nghĩa. Hoạ sĩ Andy Warhol và Roy Lichtenstein tung ra một loại hình tượng dân gian lấy từ các băng truyện bằng hình ở các báo hàng ngày của Mỹ áp dụng kỹ thuật in lưới bằng sơn dầu lên khung vải (Silkscreened) khiến người xem rất chú ý. Riêng Andy Warhol rút kinh nghiệm trên nghệ thuật quảng cáo đưa ra một loạt chân dung những nhân vật nổi tiếng trong thời đại như Marilyn Monroe, Elvis Presley, Elizabeth Taylor, Jackie Kennedy. Những hình ảnh nóng bỏng khai thác trong các tạp chí chính trị thời sự vừa xảy ra như vụ tự tử của tài tử Marilyn Monroe năm 1962, vụ mưu sát Tổng Thống Kennedy, cái chết của hung thủ Oswa. Những hình ảnh rất gần gũi của tất cả mọi người không thể quên được. Nghệ thuật dân gian Pop Art để khai thác nhiếp ảnh và kỹ thuật in ấn (Silkscreened) cũng giống như nhạc Pop khai thác nhạc cụ điện tử và ánh sáng sân khấu. Họ hưởng thụ một cách rất phong phú của khoa học kỹ thuật trong thời Kennedy 1960/63 họ xếp hình ảnh đầy bức tranh đủ loại như tấm biển dán thông cáo. Trong giai đoạn này uy thế của Tổng Thống Kennedy mỗi lúc một lên cao xóa bỏ chế độ quốc gia ở Việt Nam của Tổng Thống Ngô Đình Diệm để phát triển chiến tranh lạnh chặn đứng nước láng giềng phương Bắc bành trướng vào miền Nam. Cuộc chiến tranh kéo dài làm tiêu tiềm lực kinh tế nước Mỹ cho đến năm 1973. Trong khi đó nền chính trị trong nước đang lộn xộn. Cuộc bạo động của người da đen nổi dậy trên nhiều thành phố đòi bình đẳng chủng tộc. Năm 1965 nội vụ bắt đầu từ thành phố Los Angeles lan rộng đến hàng trăm đô thị 1967-68. Tổng Thống Johnson rút lui, Richard Nixon được đắc cử với chiêu bài đòi rút quân ở chiến trường Việt Nam về nước. Nhưng cuối cùng Nixon lại mở rộng đánh bom ra Bắc Việt, đưa quân lên đường qua nam Lào. Một mặt xóa bỏ chế độ Trung Lập của Sihanouk ở Campuchia để cắt đứt

hậu cần của Bắc Việt. Vốn chỉ có một mà đánh đến hai đến ba mặt rõ là một ván bài nguy hiểm. Như vậy chiếc xe thì phải có cái thắng. Từ trong Lương Viện nảy ra một phong trào thanh niên phản chiến chống việc đưa thanh niên Mỹ ra nước ngoài lao vào cuộc chiến tiêu hao tài nguyên đất nước, họ lên án vai trò can thiệp quốc tế của Mỹ một trò nguy hiểm (US dange sous international power game). Các nghệ sĩ trẻ phong trào nghệ thuật Pop nhảy vào địa hạt chính trị. Fahlström thi sĩ gốc người Brazil sống ở Thụy Sĩ đứng ra vận động thanh niên Âu Châu biểu tình can thiệp chặn đứng sự cân bằng của chiến tranh lạnh đưa ra nhiều buổi thuyết trình, trình diễn nhiều vở kịch và những đại hội nhạc trẻ. Vind Fahlström hướng dẫn phong trào thay cho anh Andy Warhol bị Valeire Solanis bắn trọng thương năm 1968. Phong trào phản chiến chống Mỹ ở Âu Châu mở rộng đến cả hai phía ở nước Đức. Trong khi đó Gerhard Richter và Sigmar Polke lưu bày phiên bản tranh của nhóm mỹ thuật Pop sang các quốc gia Âu Châu và lưu diễn những Tốp Nhạc Trẻ. Phát động phong trào văn nghệ hiện thực tư bản nhằm chống lại hiện thực vô sản ở phía bên kia bức màn sắt. Cũng trong giai đoạn này tờ Tạp chí Playboy lại có dịp phát hành rộng rãi sang Âu Châu một tờ báo có vẻ sang trọng nhất, hình ảnh những cô gái trẻ tuổi ăn mặc kiểu con thỏ Bunnie cũng bắt đầu xuất hiện ở các chốn ăn chơi khắp Âu Châu. Mỹ thuật Pop Art góp phần làm xói mòn đến xô ngã bức tường ô nhục Bá Linh trong tuổi trẻ ở Đức.

Ngày nay ngành mỹ thuật gian gian trên thế giới cũng đã tiến xa lắm rồi, chỉ có nước Việt Nam ta còn giậm chân tại chỗ thôi. Tôi có anh bạn họa sĩ làm việc cho đoàn múa rối nước của Hà Nội, Tết năm rồi tôi có gởi về chi anh hai cuốn Video Toy Story 1 và 2. Anh ta xem xong rồi cho biết ý kiến: Anh muốn đẹp phéng cái nghệ thuật múa rối này cho rồi thế mà lãnh đạo nhà nước củ tưởng múa rối kiểu Việt Nam là bậc nhất, họ còn đem giao lưu văn hóa với nước ngoài vẫn chưa biết hổ thẹn, có lẽ vì họ đã đóng cửa bức màn tre của họ đã quá lâu đời đừng nói chi đến đem Tranh Gà Tranh Lợn dán nhà trong dịp Tết theo lời khuyên của Hồ chủ tịch và để tỏ lòng yêu nông dân và yêu xã hội chủ nghĩa nông nân.●

• Tù Anh



1. *Em về theo lượm đất trời
Vội niềm hoài cổ, nhẹ đời chia xa
Cho anh gởi nỗi nhỏ nhà
Biết đâu thêm chút mặn mà men Xuân!
Còn riêng đâu bể trầm luân
Anh mang theo gót phong trần tha phương
Nói nào oan khuất còn vương
Thấp giùm anh một nén hương, tạ đời!
Nói nào ân nghĩa chưa vơi
Vái giùm anh một lần thôi, tạ người!
Rồi em, rạng rỡ môi cười
Rồi Xuân, mai cũng vàng tươi sắc màu.*

*Một mai, rằng lại mai sau
Bao nhiêu chuyển hóa cỏ cầu trả vay!*

2. *Này em, khi trở lại đây
Mang cho anh những tháng ngày bỏ quên
Tình quê theo ngọn triều lên
Chơi vơi cuối bãi, lênh đênh giữa dòng
Hồn quê vương vất đầu sông
Vớt cho anh chút mặn nồng yêu thương
Hứng cho anh giọt sương vương
Anh soi vào cõi vô thường thế nhân
Để còn nhớ những ân cần
Để còn mong một đôi lần về thăm!
Hay là lỡ cuộc trăm năm
Lòng vòng tay đợi, xa tầm mắt trông?*

*Thế thôi, hun hút hủ không
Gọi hồn Xuân, giữa mùa đông xứ người!*

VẬN MỆNH CHÚNG TA

trong năm

Mộc Mã

Nhâm-Ngọ

(Feb 12.2002 - Jan 31.2003)

• Ngô Quốc Phong



Thường thường khi năm hết Tết đến, trong thời gian chuẩn bị đón mừng năm mới, hầu như ai trong chúng ta, nhất là những người ly hương và những người chưa có cuộc sống ổn định, cũng thắc mắc là năm mới thuận lợi nhiều ít thế nào cho mình về những phương diện khác nhau: công danh sự nghiệp, tiền bạc, gia đạo, sức khỏe v.v... Theo nhu cầu riêng của từng cá nhân, người thì cần phú, người cần quý, có người cầu danh vọng, người cầu gia đạo an vui hạnh phúc..., nhưng chắc chắn ai trong chúng ta cũng ý thức được rằng sức khỏe là vàng, và đều mong ước có sức khỏe tốt, không bị đau yếu bệnh hoạn. Người giàu nứt đổ vỡ vách mà cứ ra vào nhà thương như đi chợ, nay mổ, mai xẻ, người thì quyền cao chức trọng mà năm ngày thì lại ba tật, ăn không ngon ngủ chẳng yên, thì giàu sang quyền quý chắc chắn không phải là nguồn hạnh phúc chính yếu. Khi phải chọn lựa một trong hai điều sau đây: giàu có nhưng quanh năm đau yếu quặt quẹo, và nghèo nhưng kháng kiện vô bệnh tật, thì chắc chắn chúng ta sẽ không do dự mà chọn ngay điều thứ hai. Tại sao? Lẽ dễ hiểu là ai

cũng biết ngọc ngà châu báu không mua được sức khỏe, trong khi một người khỏe mạnh có thể cần cù làm việc để tạo phú quý cho mình được.

Như vậy, thắc mắc thông thường của chúng ta là *năm mới Nhâm-Ngọ có ảnh hưởng tới sức khỏe, và vận mệnh của chúng ta như thế nào*. Căn cứ vào *sự tương sinh, tương hòa, tương khắc của ngũ hành*, tức là ngũ tạng trong cơ thể con người (Tâm=Hỏa, Can=Mộc, Tì=Thổ, Phế=Kim, Thận=Thủy), và *Ám-Dương tiêu trường* (được trình bày nhiều lần trong những bài giải luận trước đây), ta có thể phân tích như sau:

Vì Nhâm-Ngọ là Dương-Liêu Mộc (dương), nên sẽ gây ảnh hưởng *thuận lợi hoặc bất thuận lợi* cho các hành khác như thế nào? Ta cùng nhau duyệt qua từng hành khác nhau ở những đoạn dưới đây:

1. Kim mệnh

Những người mệnh Kim mà gặp năm Mộc là ở thế khắc xuất và cho ta thấy chủ đề của người mệnh Kim trong năm nay (năm dương Mộc) là suy nhược, gặp trở ngại, chậm trễ. Về phương diện sức khỏe, nên đặc biệt thận trọng đến bộ phận hô hấp gồm sự khó hoặc nghẹt thở, dị ứng (allergy) về thở, cảm phổi, yếu phổi, ho lâu khỏi. Ngoài ra, bộ phận tiêu hóa, nhất là gan và mật, cũng có thể là nguồn gây rắc rối, thí dụ như mẩn ngứa, sỏi lác, bệnh ngoài da, viêm gan, mật sưng/tắc, ung thư gan... Nên tiên liệu có thể gặp trở ngại, chậm trễ, trì hoãn trong các dự tính, kế hoạch. Công danh sự nghiệp thăng tiến chậm chạp và gặp cản trở, khó khăn, nhiều ưu tư lo nghĩ về gia đình, tiền bạc vào khó, ra dễ, thu ít hơn chi. Nếu mức thu hoạch có khả quan, thì cũng vẫn còn ít hơn muôn vàn nỗ lực, công sức đổ ra... Tuy nhiên, những dữ kiện quan trọng còn lại nhưng không được cứu xét trong phạm vi bài này là giờ, ngày và tháng sinh của những người mệnh Kim có thể tạo ra được những yếu tố thuận lợi hơn khả dĩ tăng tốt hơn lên và giảm xấu xuống hơn nữa và tạo nhẹ nhàng, dễ chịu hầu giảm thiểu những bất thuận lợi về hành. Những người mệnh Âm Kim chịu nhiều ảnh hưởng của dương Mộc năm nay, tính từ năm 1924 đến hiện tại (2002) gồm những tuổi Ất Sửu (1925, 1985), Quý Dậu (1933, 1993), Tân Tỵ (1941, 2001), Ất Mùi (1955), Quý Mão (1963) và Tân Hợi (1971). Còn Dương Kim bị tác dụng nhẹ

hơn của Dương Mộc năm nay là những tuổi sau: Giáp Tý (1924, 1984), Nhâm Thân (1932, 1992), Canh Thìn (1940, 2000), Giáp Ngọ (1954), Nhâm Dần (1962), Canh Tuất (1970).

Về họa cần lưu tâm:

- Họa về thị phi, khẩu thiệt, bất hòa trong và ngoài gia đình, bị lợi dụng, lừa gạt (tiền bạc, tình cảm);

- Họa bị chấn động cơ thể gồm té ngã có thương tích, bị vật gì bay rơi rớt va mạnh vào người, bị đánh đập, va chạm xe cộ, giải phẫu.

2. Mộc mệnh

Mệnh Mộc lại gặp năm Mộc là ở thế tương hòa về hành. Như vậy chủ đề là tăng gia, bành trướng, phát triển về những phương diện khác nhau như công danh sự nghiệp, kế hoạch, toan tính, gia đình thêm người do cưới hỏi, sinh nở, nhận con nuôi/con đỡ đầu, thêm người đến ở chung nhà, thêm cộng sự viên hoặc thêm cổ đông chung góp vốn làm ăn. Nói một cách khác, cái gì có sẵn nay nói rộng, phát triển hơn lên. Có thể có những vui mừng mới, sinh ý hưng long, vượng khí gia tăng. Tuy nhiên, nên chú trọng tới sức khỏe, vì sẽ có thể có những phiền phức từ nhẹ tới mức nghiêm trọng tại bộ phận tiêu hóa gồm lá lách, bao tử, nhẹ có thể là bệnh tiểu đường mới phát, lở loét bao tử. Cũng cần chú ý tới gan và mật, từ đó phát sinh ra những bệnh nhẹ như mẩn ngứa sỏi lác ngoài da, viêm gan loại A, sưng/nghẹt đường dẫn mật, sạn túi mật, và ở mức nguy hiểm như viêm gan loại B/C/D, ung thư gan, mật.

Những người mệnh Âm Mộc được ảnh hưởng thuận lợi nhiều hơn người Dương Mộc, và là những người sinh trong những năm tính từ 1924 đến nay: Kỷ Tỵ (1929, 1989), Quý Mùi (1943, Tân Mão (1951), Kỷ Hợi (1959), Quý Sửu (1973) và Tân Dậu (1921, 1981). Tuổi Dương Mộc được ít ảnh hưởng thuận lợi hơn Dương-liêu Mộc của năm Nhâm-Ngọ gồm Mậu Thìn (1928, 1988), Nhâm Ngọ (1942), Canh Dần (1950), Mậu Tuất (1958), Nhâm Tỵ (1972), và Canh Thân (1920, 1980).

Vì ở thế tương hòa với hành của năm nay, nên những người mệnh Mộc có thể vui trong ý nghĩ là năm nay sẽ có những dễ dàng, nhẹ nhàng, thuận lợi cho sự khuếch trương, gia tăng, phát triển về những lãnh vực khác nhau: tình cảm, sự nghiệp, gia đình, con cái, lợi tức đầu tư, hay nói một cách nôm na là thêm người thêm của, thêm phần khởi trong

năm nay. Ngoài ra, nếu có muốn biết thêm chi tiết là lợi cho những ai trong gia đình, tốt về phương diện gì v.v..., thì ta lại cần phải biết niên hạn của mỗi tuổi đóng tại cung số nào, với những cát tinh phù trợ nhiều/ít về phương diện gì, hoặc các hung tinh thuộc loại nào phá cách tốt và gây những thiệt hại gì, những ngôi sao đóng tại chính cung và từ tam phương chiếu về lành/dữ ra sao. Vì vậy nên chỉ khi nào có *thêm* những dữ kiện cần thiết là *tháng, ngày, giờ sinh và nơi sinh*, ta mới có thể biết được những chi tiết tỉ mỉ, và lúc đó sự chính xác cũng tăng gia lên rất nhiều.

3. Thủy mệnh

Những người mệnh Thủy gặp năm Mộc (Thủy sinh/ dưỡng Mộc, và Thủy bị sinh xuất) là thấy rõ ràng chủ đề của mình trong năm mới Nhâm-Ngọ là bị thiệt thòi, tiêu hao, suy nhược. Bởi vậy, người mệnh Thủy cần gia tăng sự thận trọng trong mọi công việc, dự tính, ngõ hầu giảm thiểu được những khiếm khuyết, thiệt thòi, hao hụt. Cần lưu tâm nhiều đến sức khỏe, nhất là những phiền nhiễu, rắc rối từ bộ phận bài tiết nước tiểu, thận bàng quang, và những trục trặc về bộ phận tiêu hóa nói chung gồm bệnh phát sinh từ tụy tạng (lá lách) và bao tử. Những người Âm Thủy chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi hơn người Dương Thủy gồm những tuổi: Đinh Sửu (1937, 1997), Ất Dậu (1945), Quý Tỵ (1953), Đinh Mùi (1967) Ất Mão (1975), và Quý Hợi (1923, 1983). Những tuổi Dương Thủy gồm: Bính Tý (1936, 1996), Giáp Thân (1944), Nhâm Thìn (1952), Bính Ngọ (1966), Giáp Dần (1974), và Nhâm Tuất (1922, 1982). Những nét suy hao, thiệt thòi của người mệnh Thủy trong năm Nhâm-Ngọ được hiểu là có thể ứng về những phương diện sau:

- Gia đình bị ly tán, chia phôi hoặc vì bất hòa hoặc vì công việc làm ăn phải xê dịch, hay con cái đi học, đi làm xa.

- Sức khỏe suy yếu, bệnh tật do bộ phận bài tiết nước tiểu, nhất là thận và bàng quang, từ mức chữa được như nhiễm trùng đường tiểu, bàng quang, thận có sạn, nước tiểu trong máu, cần lọc máu (dialysis)... tới mức nguy cơ hơn như thận không làm việc (kidney failure), ung thư thận. Những bệnh do tụy tạng và bao tử từ nhẹ như bệnh tiểu đường mới phát, loét bao tử..., tới nặng như bệnh tiểu đường bộc phát mạnh với những hậu quả nguy hiểm, thủng bao tử, ung thư bao tử.

- Về đường công danh sự nghiệp thấy có nét trắc trở, bất ổn, nhiều lo âu về thu hoạch tài chính, tiền bạc thất thoát: thu ít hơn chi.

- Về họa, bị bòn rút, lừa gạt, nếu không cũng bị hiểu lầm là dối trá, lừa gạt người, tai nạn xe cộ. Tóm lại, sự tốt có tới cũng ít hơn mức kỳ vọng, mà sự xấu lại xấu hơn mức tiên liệu.

4. Hỏa mệnh

Những người mệnh Hỏa gặp năm Mộc (Mộc sinh Hỏa và Hỏa được sinh nhập) là thấy rõ ràng chủ đề của mình trong năm Nhâm-Ngọ là bền vững, cường thịnh, phát triển. Công danh tiền bạc thăng tiến và vững chắc hơn nhờ có quý nhân phù trợ, được hưởng nhiều nhẹ nhàng dễ chịu hơn về tài lộc. Những kế hoạch, toan tính mới sẽ gặp may lành, suông sẻ dễ để đạt thắng lợi. Tuy sức khỏe tổng quát là tốt, nhưng cũng nên thận trọng về cơ phận hô hấp và bệnh về ruột trường (colon).

Được ảnh hưởng thuận lợi về hành từ Dương Mộc của năm nay là những tuổi Âm Hỏa gồm: Đinh Mão (1927, 1987), Ất Hợi (1935, 1995), Kỷ Sửu (1949), Đinh Dậu (1857), Ất Tỵ (1965), và Kỷ Mùi (1979). Những tuổi Dương Hỏa được ít thuận lợi hơn Âm Hỏa gồm: Bính Dần (1926, 1986), Giáp Tuất (1934, 1994), Mậu Tý (1948), Bính Thân (1956), Giáp Thìn (1964), và Mậu Ngọ (1978).

Vì không có những chi tiết cần thiết khác là tháng, ngày, giờ và nơi sinh của những tuổi trên nên khó mà khẳng định được rằng những điều tốt lành, thuận lợi thuộc khía cạnh nào, và ứng cho những ai trong gia đình. Tuy nhiên, những người mệnh Hỏa, nhất là Âm Hỏa, sẽ cảm thấy vui thích, phấn khởi vì được sinh nhập từ Dương Mộc của năm nay, nghĩa là mệnh được vượng, nên những may lành tốt đẹp trong năm mới Nhâm-Ngọ có thể là sức khỏe tốt hơn, gia đạo an bình, hạnh phúc, công danh vững mạnh, tiền bạc hanh thông tích tụ, tùy theo niên hạn đi tới cung số nào, được những sao tốt làm lợi về những phương diện gì. Vì được lợi về ngũ hành như thế, những người mệnh Hỏa sẽ được thêm ít nhiều thuận lợi và giảm bớt phần nào những bất lợi trong năm mới 2002 này.

Mặc dầu được hưởng lợi từ Dương Mộc của Mộc Mã Nhâm-Ngọ, những người mệnh Hỏa, nhất là Âm Hỏa, vẫn phải lưu tâm tới những "cái lằng nhằng

nó quấy ta" về bệnh họa trong năm 2002, gồm:

- Những trục trặc liên quan đến bộ phận hô hấp, dị ứng về hô hấp và ruột trường, nhẹ hay nghiêm trọng tùy theo từng lá số cá nhân với những sao cứu giải nhiều, ít ra sao.

- Tiến triển tình cảm vẫn vững vàng tuy có biến chuyển nhỏ hoặc chậm trễ.

- Bị than phiền trách oán, cò bót công môn, tranh chấp liên quan đến xe cộ.

- Họa về phỏng vì lửa điện tại nhà ở hoặc tại nơi làm việc.

5. Thổ mệnh

Hành bị thiệt thòi bất lợi hơn cả vì Dương Mộc của Mộc Mã Nhâm-Ngọ là hành Thổ, mà Âm Thổ chịu nhiều bất thuận lợi hơn Dương Thổ, và gồm những tuổi: Tân Mùi (1931, 1991), Kỷ Mão (1939), Đinh Hợi (1947), Tân Sửu (1961), Kỷ Dậu (1969), Đinh Tỵ (1977). Dương Thổ là những tuổi: Canh Ngọ (1930, 1990), Mậu Dần (1938), Bính Tuất (1946), Canh Tý (1960), Mậu Thân (1968), và Bính Thìn (1976).

Sự bất lợi vì bị khắc nhập thường cũng là sự suy nhược về sức khỏe, trắc trở về công danh, sự nghiệp có nét suy thoái tới mức bế tắc. Do đó, tiền bạc cũng túng hụt, nhiều lo âu, buồn phiền, gia đạo kém an vui, giao dịch ít hanh thông, bệnh họa dễ tới, có thân nhân gần đau nặng/ bị giải phẫu, trong dòng họ có tang chế. Cần thận trọng về mọi phương diện để giảm thiểu phần nào những nét không vui, và mức rủi ro, tổn thất có thể là trầm trọng.

Về bệnh họa nên lưu tâm:

- Bộ phận tiêu hóa nói chung có thể gây bệnh từ nhẹ tới mức nghiêm trọng, nhất là từ tụy tạng (lá lách), bao tử với những rắc rối chúng gây ra như bệnh tiểu đường và hậu quả của bệnh này là máu không xuống dưới chân được nên phải cắt bỏ những phần sẽ bị ung thối, và stroke trên não, loét/ung thư bao tử.

- Bộ phận hô hấp với những trục trặc tại mũi, thanh quản, phổi: ho lâu khỏi, cảm phổi, sưng phổi, hen suyễn, emphysema, lao phổi, ung thư phổi, và những dị ứng (allergy) về hô hấp từ nhẹ tới mức nguy hiểm, bệnh về ruột trường.

- Tim và động mạch (cardio-vascular), ruột non, dễ gây rắc rối, nặng nhẹ tùy theo từng lá số cá nhân.

- Từ tuổi ngũ tuần, nam giới có thể bị phiền lụy vì nhiếp hộ tuyến (prostate), nữ giới về bộ phận sinh sản.

Ngoài ra, nếu luận về khía cạnh thiên khác, địa xung, ta thấy Ngựa Gỗ Nhâm-Ngọ còn gây nhiều bất lợi cho tuổi Bính Tý, vì tuổi này và năm Nhâm-Ngọ, khác nhau cả Can lẫn Chi: Nhâm khác Bính, và Ngọ xung Tý (nghĩa là bị thiên khác, địa xung). Ngoài ra, Mộc của Nhâm-Ngọ còn hút nước từ Thủy của Bính Tý. Do đó, tuổi Bính Tý càng nên nhớ đến những phần bất lợi mà mình phải gánh chịu, để gia tăng sự thận trọng về sức khỏe, và kỹ càng trong những kế hoạch, toan tính trừ liệu, khả dĩ giảm thiểu được phần nào những bất lợi, thiệt thòi khó khăn về mọi phương diện

Vì chỉ lấy có một yếu tố là hành Mộc của năm nay để suy luận với ngũ hành của bản mệnh chúng ta, qua luật tương sinh/ tương hòa/ tương khắc về ngũ hành, và Âm Dương tiêu trưởng về sức thu hút và xua đẩy của chúng, ngũ tạng tượng trưng cho ngũ hành trong cơ thể con người, nên người viết không thể luận tỉ mỉ vận mệnh cá nhân của từng tuổi. Để có thể đi vào chi tiết mong muốn, nhà nghiên cứu âm dương lý số nào cũng phải cần đến **năm yếu tố căn bản**, đánh dấu sự "vào đời" hay "nhập thế" của một cá nhân. Đó là *năm, tháng, ngày, giờ sinh và nơi sinh*.

Chúng tôi, toàn thể văn phòng Tử Vi & Địa Lý Phong Thủy Dương Trạch, xin kính chúc quý độc giả, thân hữu, thân chủ, học viên cũ/mới và bảo quyến:

***một năm Nhâm-Ngọ
khang an, vạn phúc,
lộc thọ song toàn.***

Ngô Quốc Phong
14515 Cardinal Creek Ct
Houston, Texas 77062
(281) 488-7550



Tôi có may mắn được sinh ra trong một gia đình sùng kính đạo Phật. Niềm hạnh phúc đó được kiểm nghiệm qua tuổi thơ rất êm đềm, an lạc. Ba mẹ thương yêu nhau, tôn trọng nhau. Anh chị em kính trên nhường dưới, đùm bọc lẫn nhau. Không khí ấy càng lớn lên tôi hiểu ra, phần lớn bởi vì ba mẹ tôi đã thấm nhuần lời Phật dạy mà bảo ban con cái. Ra ngoài xã hội, cùng với những gia đình tin yêu đạo Phật, tôi được hòa nhập vào một đại gia đình "Đĩ hòa vi quý". Đó là mái ấm Gia Đình Phật Tử Cấp Cô độc. Qua lịch sử tôi được biết thêm rằng thời vua Trần Nhân Tôn, Người đã sớm nhường ngôi vua Trần Anh Tôn lên làm Thái Thượng Hoàng, để rồi xuất gia vào cửa Phật. Đó là Người nghiệm rằng chỉ có giáo lý nhà Phật mới ít nhiều giúp cho dân mình bớt đi lòng tham, ngăn được việc nhiễu loạn cướp bóc, hầu giúp cho đất nước Việt mình thái bình, ấm no. Thật đức độ thay người xưa và thật nhiệm màu thay lời Phật dạy. Điều đó nói lên rằng xưa nay ít nhiều Phật Giáo đã đóng góp cho việc trị nước, an dân của cả một dân tộc.

Thế nhưng, biến cố 1975 đã làm đảo lộn tất cả. Chính sách độc tài và chủ nghĩa vô thần của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam đã chặn đứng niềm tin tôn giáo của cả thế hệ. Cũng vì muốn làm đũa con yêu tố quốc mình, mặc dù bị lừa dối, bưng bít thông tin, tôi và biết bao người khác vẫn ngoan ngoãn học hành, làm việc. Thậm chí chẳng dám để tôn giáo mình theo trong lý lịch, hướng chỉ việc đến chùa chiền vì sợ liên lụy gia đình, bè bạn. Thế nhưng dẫu có ngây thơ chính trị, dù bị ngăn cấm lừa dối, mọi người Việt Nam trong nước vẫn thấy nhà cầm quyền Cộng Sản rất sợ trước sức mạnh tôn giáo.

Hàng năm, chúng vẫn gặp ác mộng khi mùa Xuân về, hay vào các ngày lễ Tôn Giáo lớn. Những ngày ấy, hàng ngàn Phật Tử, tín đồ kéo đến chùa chiền, nhà thờ. Chúng đã âm thầm, bố ráp, giới nghiêm, lôi kéo lượng người đến chùa, nhà thờ bằng cách tổ chức Văn Nghệ,

NIỀM TIN

dùng tới các lớp học vào dịp lễ Phật Đản, Vu Lan, Giáng Sinh. Nhưng sự kiện đấu tranh tự do tôn giáo của Tăng, Ni, Phật Tử, Cha Cố bị bôi nhọ trên báo chí, đồng hóa những người đáng kính bằng hình ảnh những người vô đạo đức, phản bội dân tộc. Nhưng theo tôi, thâm độc nhất vẫn là vấn đề bóp méo lòng tin tôn giáo của nhân dân bằng những lời lẽ lý giải mọi hiện tượng thiên nhiên xã hội bằng chủ nghĩa vô thần. Mà hậu quả dưới áp lực khủng bố kín đáo cộng với sự tụt hậu kinh tế thấy rõ. Thanh niên Việt Nam hiện giờ, lớp trí thức thì chỉ lo học hành xong tìm việc làm ổn định, kiếm tiền, mong làm giàu hưởng thụ. Họ rất thờ ơ vấn đề đất nước và con người xung quanh. Lúc nào cũng nơm nớp lo sợ mình lỗ mồm lỗ miệng. Còn tầng lớp thanh niên sa cơ, vô học thì đắm đuối vào ăn chơi, sa đọa, xi-ke ma-túy kéo theo biết bao nhiêu tệ nạn xã hội khó kể xiết.

Cơ duyên lành giúp tôi trong những ngày lưu lạc xứ người, tôi được đến Chùa Viên Giác. Không khí tu học và những lời thuyết pháp của Thầy Viên Giác đã thức tỉnh cho tôi niềm tin mà tôi đã từng quên. Đời người vô thường nhưng con người vẫn đắm mê, say loạn để mãi đau khổ, thế giới tương tàn. Theo quy luật nhân quả nhà Phật, một chế độ lừa mị nhân dân, gieo rắc đau khổ của cả dân tộc một cách tàn nhẫn. Phủ nhận lòng tin vào Đấng Đại Giác đến một ngày nào đó sẽ chịu hậu quả khác nghiệt. Nhân dân sẽ quên đi tập đoàn cầm quyền như một vết hoen ố trong lịch sử tự do, dân chủ, nhân quyền trong đó có niềm tin tôn giáo là sinh lộ cho nhân loại, văn minh hiện đại.

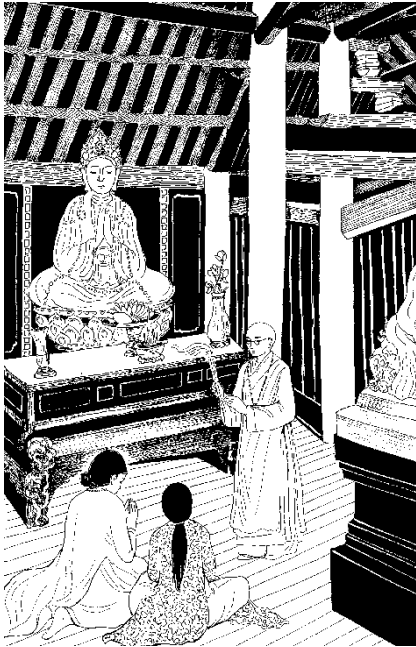
Việc đấu tranh cho tôn giáo hiện nay trong và ngoài nước trả tự do cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng độ và Linh mục Nguyễn Văn Lý đang rằm rộ ở khắp nơi. Đó cũng là đề tài thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế.

Cho nên chúng ta hy vọng rằng sớm muộn gì Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền trong đó có Tôn Giáo sẽ đến với Dân Tộc Việt Nam.

• Phạm Tuấn Hoàng

LỜI KHẨN ĐÊM GIAO THỪA

• Ngô Minh Hằng



Trường chúng tôi dạy là một ngôi trường Tiểu Học không lớn, có tất cả 10 lớp buổi sáng và 10 lớp buổi chiều. Sau tháng Tư năm 1975 trường được điều hành bởi một chị Hiệu Trưởng còn trẻ cỡ tuổi chúng tôi và một chị Hiệu Phó lớn hơn chúng tôi chừng 10 tuổi. Chị Hiệu Phó này rất độc ác và là hung thần của chúng tôi nên chúng tôi thường nói riêng với nhau, gọi lên chị ta là bà Phù Thủy.

Ngày từ tuần lễ đầu chị về trường, chúng tôi nhiều người đã không thích chị. Chị là người miền Nam. Tôi có nghe người ta nói người miền Nam hiền lành, thật thà và nhân hậu. Nhưng chị Hiệu Phó này thì ngược lại. Chị cao, thân hình lép và lỏng chỏng. Chị có gương mặt dài, hơi gầy, xương xẩu và một màu da thâm xám. Mắt chị sâu hoắm và nhanh như mắt điều hâu. Chị ghê gớm, hiểm ác như con sói. Chị theo dõi chúng tôi từng giờ, từng phút. Những lúc học trò ra chơi, chị luôn luôn đi dạo ở hành lang, dòm vào từng lớp xem cô nào đến lớp nào và ai hay nói chuyện với ai. Nhất là ở những cô giáo có chồng tù cải tạo thì chị ghét ngay ra mặt và luôn tìm lúc bất ngờ, làm cho luống cuống, khó xử trước mặt mọi người. Chị kiểm soát giáo án gắt gao, thấy chữ nào bề được là chị bề

ra làm nhiều mảnh vụn theo sự suy diễn một chiều của chị để làm chúng tôi lo sợ. Chị dự giờ liên tục và hay bối mớ để hỏi những câu hóc búa về tư tưởng chính trị thật bất ngờ.

Chúng tôi, phần lớn là giáo viên lưu nhiệm từ chế độ cũ nên ai cũng ngán và sợ chị bởi vì chị rất có uy quyền. Đôi khi chúng tôi có cảm tưởng uy quyền của chị đã lấn át cả chị Hiệu Trưởng từ ngoài Bắc được bổ nhiệm vào. Chị có chồng nằm vùng chức Huyện Ủy. Mười mấy năm trong nghề giáo, chị đã cùng chồng nằm vùng.. *Chữ Nằm Vùng* được chúng tôi hiểu theo nhiều kiểu. Theo kiểu xã hội chủ nghĩa mà chúng tôi được cán bộ vừa tốt nghiệp bình dân học vụ giảng giải trong những buổi học tập chính trị thì những gia đình như gia đình chị là một mẫu gia đình có công lớn với cách mạng vì chị đã hy sinh nhiều công sức và tiền của trong thời gian đánh Mỹ cứu nước. Nhưng theo kiểu *Ngụy* của chúng tôi thì chị là người phản bội lại cái chế độ đã cho chị cơm no, ấm áo, cái chế độ đã cho chị được sống bình yên, có cơ hội ăn học để chị thành Hiệu Phó của cái xã hội chủ nghĩa hôm nay. Để có được cho chị và chồng chị những ngày yên lành vui sống đó, tài sản của chị được nguyên vẹn và giàu có hơn lên đó thì ở những phần đất nào trên quê hương máu những người chiến sĩ đã đổ, những mảnh đời còn xanh đã bị bom đạn cướp đi mà chị không hề biết ơn và đau xót. Nghĩa là, chị đã ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản. Chị đã phản bội lại nguồn ơn đó bằng việc nuôi dưỡng, giấu giếm, cung cấp tin tức của miền Nam và tiếp tế tiền bạc, thuốc men cho những người theo Việt Cộng ở bưng.

Chị giàu. Rất giàu nên chị không bao giờ biết được những khó khăn về vật chất mà người dân của chế độ cũ như chúng tôi đang nhận chịu sau khi miền Nam được chị và các đồng chí của chị giúp công giải phóng.

Chị là giai cấp thống trị nên chị không hiểu được những nỗi đau tinh thần của người bị trị. Chị đứng vào hàng ngũ của kẻ "chiến thắng" nên chị không biết thế nào là nỗi đau khổ của người bị bức bách đầu hàng. Chị vui mừng trước tai họa của đất nước nên chị không có tâm trạng đau thương của hận vong quốc. Chị không biết thế nào là giọt

nước mắt tủi nhục xót xa của người vợ đi thăm chồng tù cải tạo.

Chị lại không có con, vì thế, chị không bao giờ biết thông cảm và tội nghiệp cho chúng tôi, những người mẹ trẻ có con nhỏ, nuôi con một mình và còn nuôi chồng tù cải tạo trong một tình huống rất cô đơn và cực kỳ khó khăn của cả hai mặt tinh thần và vật chất. Bởi vậy, cô nào có con đau, xin nghỉ để săn sóc con là khốn khổ với chị. Chị bảo là tác trách, không làm tròn và không coi trọng chức năng của người "kỹ sư tâm hồn". Chị tìm mọi cách từ chối và ngậm hãm dọa để chúng tôi hiểu là sự việc có thể sẽ được báo cáo lên Phòng Giáo Dục và như vậy có nghĩa là chúng tôi sẽ có thể không được vào biên chế. Lúc đó, hai chữ "BIÊN CH" với chúng tôi như liều thần dược, như lá bùa hộ mạng mà những người vợ *Ngụy* như chúng tôi cần hai chữ đó như cái phao của kẻ bị đắm tàu. Không được vào biên chế đồng nghĩa với có thể bị cho nghỉ việc và tương lai là đi kinh tế mới. Bọn giáo viên chúng tôi, phần lớn có con nhỏ và không biết làm ruộng nên ai nấy thấy ba chữ KINH T M I đều kinh hoàng sợ hãi. Vì thế, ngoài việc phải gặp chị có chuyện cần, các giáo viên đều tránh chị. Tôi cũng ở trong trường hợp đó và có lần giáo viên đi học tập chính trị, con tôi đau, không có ai coi sóc, tôi phải ẵm thằng con đang sốt nóng đi theo. Chị nhìn tôi cười đắc ý khi thấy gương mặt thiếu não, hốc hác của tôi, bồng đứa con đang đau, đặt nằm trên một bàn học trống trong phòng rồi vội vã ngồi vào bàn hội thảo. Cuối cùng, chị và chúng tôi là hai thế giới mà không bao giờ có thể gần gũi và thông cảm được nhau.

Chung đụng và gặp gỡ nhau dưới mái trường hằng ngày, chúng tôi vẫn phải gượng gạo chào hỏi chị nhưng nếu vô tình gặp phải chị trong những buổi sinh hoạt khác như đám cưới, đám hỏi của đồng nghiệp hay tất niên chẳng hạn, chúng tôi thường ngồi túm lại với nhau và chị ngồi trợ trợ một mình. Thấy thế, chị càng căm chúng tôi.

Một lần Tất Niên, nếu tôi không nhớ lầm thì vào năm 1978, Ban Giám Hiệu bảo chúng tôi góp tiền chung nấu một nồi bún măng giò heo để làm tiệc. Nhà trường dưới chế độ XHCN thật là ưu việt và sáng tạo, vì thế, khi có tiệc, giáo viên chúng tôi mỗi người phải tự đem một cái tô, một đôi đũa, một cái muỗng theo

mà... ăn tiệc! Mai, một cô giáo mới về trường, chiều hôm ấy cô đến nhà tôi chơi để sau đó cùng đi dự "tiệc" cho vui. Cô còn trẻ lắm, bố chết, mẹ bị tê liệt, nhà đông em nên cuộc sống lại càng thêm eo hẹp. Sau khi tôi khóa cửa lại, dặn dò bày con xong, cô vừa đi bên cạnh tôi vừa giơ cái túi vải trong tầm mắt, nhìn tôi cười như mếu:

- Chị ạ, em phải đem theo cái tô lớn để ăn được nhiều!

Tôi nghe, cảm thấy buồn tê tái. Thương cô và cũng thương tôi ghê lắm nhưng tôi không hỏi cái tô lớn cỡ nào. Đến khi nhập tiệc, mỗi người cầm tô của mình ra chỗ nồi bún, múc một tô, bỏ thêm chút ớt rồi tìm chỗ ngồi vừa ăn vừa trò chuyện cho đúng nghĩa một buổi tiệc. Cô bung tô bún đến ngồi bên tôi, mới cho vào miệng được gắp bún thứ hai thì giọng nói của chị Hiệu Phó reo lên như bắt được vàng phía sau lưng:

- Ô, coi kìa, cái tô của cô Mai gì mà bị quá trời quá đất!

Chúng tôi không ai bảo ai, đều nhìn về phía Mai. Mai ngưng ăn, tô bún trên tay bất động. Mặt Mai đỏ gay rồi chuyển sang màu tái. Mai nhìn xuống tô bún, ánh mắt lóe lên một nỗi đau thương. Tôi quay nghiêng người lại, ngược nhìn vào gương mặt người vừa thốt ra lời đó. Nhìn cặp môi mỏng của chị cười cười và nét mặt hân hoan tự mãn tôi có cảm nghĩ rằng chị phải vui lắm vì vừa nói được một câu mà chị cho là đầy tính đạo đức cách mạng. Bỗng nhiên, tôi thấy thật là tội nghiệp cho bề ngoài sang trọng của chị: mái tóc vừa được cắt uốn gọn ghê, bộ quần áo may bằng vải đắt tiền và đôi bông hột xoàn to như hai hạt bắp lấp lánh trên tai. Tôi vốn chậm chạp ứng phó, không biết phải nói gì cho Mai bớt ngượng thì may quá, thầy Tài lên tiếng:

-Đáng lẽ tất cả mọi người phải đem theo một cái tô to như thế để ăn mới đúng. Tôi sẽ ăn hai tô. Bún nấu ngon quá các cô ơi...

Tuy có câu nói đỡ đòn của thầy Tài nhưng không khí buổi tiệc Tất Niên của nhà trường XHCN hôm ấy vẫn không thể ưu việt được thêm.. Chúng tôi yên lặng ăn cho xong và cùng đi về sớm hơn dự định.

Qua Tết, chúng tôi lại đến trường tiếp tục công việc "trồng người", cái việc trồng tia lạ lùng có những bài tập đọc không đúng sự thật. Nói trắng ra, chúng

tôi phải làm bốn phần của người giáo viên nhân dân trong nhà trường cách mạng, người kỹ sư tâm hồn là nhồi nhét vào đầu óc trong lành của những em bé Việt Nam những huyền thoại và những câu chuyện phong thần.

Thế mà 17 năm sau tôi lại gặp chị Hiệu Phó của nhà trường XHCN tại Hoa Kỳ, xứ sở của đế quốc Mỹ, kẻ thù số một của bọn chị. Gặp tôi, chị còn ngỡ ngợ nhưng tôi thì nhận ra ngay đôi môi mỏng, gương mặt xương, hơi gầy và dài. Duy chỉ có cặp mắt hoắm sâu độc ác là thất thần khác với khi xưa.

Cứ mỗi cuối năm, Cộng Đồng Việt Nam Tỵ Nạn Cộng Sản ở tiểu bang chúng tôi lại tổ chức Tết để giữ tập tục cổ truyền, li-xì cho các em thiếu nhi đồng thời tạo cơ hội cho đồng hương họp mặt. Tôi đã gặp lại chị trong ngày đó. Chị đi với một gia đình tôi quen, anh chị Khang. Khi chị Khang và tôi chào nhau thì chị Hiệu Phó của XHCN giương đôi mắt dò dẫm, thất thần nhìn tôi ngỡ ngợ, e dè:

- Có phải... cô là... cô Phương không? ... cô Phương xưa dạy ở trường Tân Bình phải không?

Tôi nhìn chị mỉm cười:

- Thưa đúng. Chào chị Hiệu Phó. Không ngờ lại gặp chị ở đây.

Chị Khang ngạc nhiên:

- Ủa, thế ra hai bà quen nhau à?

Tôi lại cười:

- Không dám. Nói quen thì phạm đạo đức cách mạng của Nhà nước ta mất thôi. Khi xưa, tôi làm việc dưới quyền chị Hiệu Phó đấy. Ngày ấy, có nhiều kỷ niệm lắm. Kỷ niệm nào cũng rất khó quên.

Hiểu ý, chị Hiệu Phó thở dài, nhìn xuống như lẩn tránh ánh mắt của tôi, giọng chị thật buồn:

- Tất cả đã hết rồi. Tha lỗi cho tôi, cô Phương.

Nghe chị nói, dù không hiểu rõ câu "tất cả đã hết rồi" ý nghĩa ra sao nhưng tôi cảm được sự ân hận trong giọng nói như nghẹn ngào của chị và tôi không hỏi gì thêm.

Hôm sau chị Khang điện thoại cho tôi và hỏi:

- Ngày xưa, bà làm việc chung với bà Thanh hả?

- Vâng.

- Gia đình cách mạng đấy. Giàu và ghê gớm bất nhân lắm. Nhưng nay thì sáng mắt ra rồi.

Rồi không đợi tôi hỏi, chị Khang nói luôn một mạch:

- Tên Tư Công, chồng bà ấy, giàu có lắm nhưng lại rất bạc ác tham lam. Hắn ta được bọn đàn anh XHCN của hán phong cho chức Giám Đốc một cơ sở tư sởi gì đó nhưng mục đích là để cho hắn có điều kiện thụt két, tham nhũng, ăn cắp tài sản Nhà nước chia nhau. Nhưng hắn xử sự không đẹp với đồng bọn sao đó nên bị đàn em nó tố. Khi hắn ta bị tù và sắp đến ngày ra tòa lấy cung thì lại bị bọn đàn anh chơi đố. Bọn này sợ hắn ta khai thật thì chết cả lũ nên vội đưa hắn ra tế thần bằng một phiên tòa đặc biệt, kết quả là hắn bị án tử hình. Bà thấy bọn Việt Cộng ghê không. Khi không còn dùng hắn được nữa, bọn nó giết hắn bịt miệng, bà ạ.

- Bởi vậy bọn mình mới phải rời bỏ quê hương mà đi chứ. Nhưng làm sao bà Thanh sang đây được chị?

- Thì sau khi chồng bị tử hình, tài sản tù bao lâu bị bọn Cộng Sản tịch thu sạch hết, bà ta hết yêu XHCN nữa mà lại thù đến xương đến tủy. Bà ta làm đơn tính tố bọn đàn anh kia thì đơn viết vừa xong, chưa kịp gửi đi, bà đã bị bắt bỏ tù. Trong tù, uất ức quá, bà ta bị điên. Thấy bà điên, bọn nó thả ra. Gia đình bà lo thuốc men chạy chữa mãi mới tỉnh. Tỉnh xong, bà vượt biên.

- Bà Thanh quen hay bà con với chị?

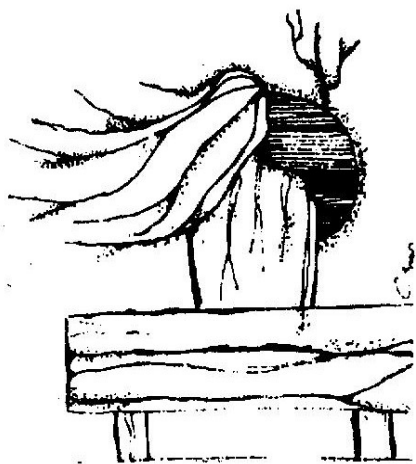
- Bà là bạn học cũ của bà chị mình. Tết, thấy bà một mình tội nghiệp quá, bà chị mình đón về ăn Tết.

Tôi chúc gia đình chị Khang có một năm mới bình an và gác máy điện thoại. Lòng không vui không buồn, tôi nghĩ đến Mai và những tháng năm kinh hoàng khốn khổ mà chúng tôi đã trải qua trong ngôi trường XHCN của chị Thanh. Tôi nghĩ đến buổi tiệc Tất Niên và tô bún của Mai. Tôi thương Mai quá. Cũng như mẹ con tôi, Mai đi tìm tự do nhưng bến bờ lại xa tầm tay với. Mong ước của Mai đã bị hải tặc Thái Lan vùi sâu trong lòng biển.

Tết năm ấy cúng Giao Thừa, sau khi lễ Tổ Tiên, tôi đã thủ thỉ với Mai:

- Mai ơi, em có linh thiêng thì chắc em đã biết chuyện bà Thanh phù thủy rồi chứ. Bà ấy đã và đang trả giá một cách đau đớn cho sự nghiệp cách mạng của bà ta. Mong em tha thứ cho bà ấy. Cầu xin linh hồn em được bình an và siêu thoát.●

Giã Biệt Quỳnh Giao



• Phù Vân

(để chiêu niệm về Quỳnh Giao
nhân ngày Tiểu Tường, 13.01.2002)

Tâm Hòa Hoàng Ngọc Quỳnh Giao

"Tôi về giữa giấc mê hoang, nhập cơn
Tử Thúc hồn mang tình người". Tôi
không là Tử Thúc, để một lần giã biệt
Giáng Tiên ở chốn nước nhược non bằng
trở về trần thế, ngỡ ngàng thấy mình
hoàn toàn xa lạ với cảnh cũ người xưa.
Tôi cũng không chìm đắm trong giấc mơ
hoang để chẳng còn phân biệt được dặm
dài thời gian giữa thực và hư. Thế nhưng
đã một năm, kể từ ngày tôi nhận được
cáo phó do chị Hoàng Ngọc Ấn báo tin
Hoàng Ngọc Quỳnh Giao đã trở về với
cát bụi. Ngày đó, tôi vẫn tưởng mình
như còn ở trong một giấc mơ không
thực. "Người Thơ Áo Trắng" đã vĩnh
viễn ra đi! Giáng Tiên lỡ làm gãy một
đóa hoa trong ngày hội hoa mẫu đơn mà
bị đọa, còn Quỳnh Giao kiếp trước chắc
cũng vương vấn nợ với hoa quỳnh nên
phải cùng chung thân phận sớm nở tối
tàn? Hỡi ôi, 48 tuổi trần, tuổi của dần

thân vào sứ mệnh "lương y như từ mẫu"
để giúp đời, cứu người; mà sao Quỳnh
Giao lại cam đành bó tay trước cơn bệnh
nghiệt ngã dành riêng cho thân phận
mình?

Thế rồi đã một năm. Quê hương lại vào
xuân, nhưng xú người đang độ giữa
đông. Năm trước có tuyết rơi không nhỉ?
Tôi chỉ còn nhớ lòng mình chìm ngập
trong nỗi xót xa quận thất. Nỗi buồn
lạnh buốt với cô đơn thể thiết. Những
trần bão của đời mất đi thì ta còn có thể
sắm lại được, còn những thân quý của
người mất đi thì vĩnh viễn sẽ là nỗi nhớ
như rêu phong bám đầy trong tiềm thức,
như "Lời Gọi Chân Mây":

...
*Lá rơi vàng nẻo nhỏ mong
Sương sa trắng dẫm rêu phong muôn
trùng*

Có những đơn điệu nào được gọi tên
trong những bài ca hủ ảo? Có những lá
vàng nào ngập ngừng rơi trên ngọn
chiều đang xuống? Gió cuối ngàn quay
quất lạnh, mưa trở giắc âm thầm gọi tên.
Người đã vội vàng ra đi không lời từ
biệt. Chim trên ngàn còn cố tìm nhánh
đậu trong sương, sao Quỳnh Giao lại bỏ
tuổi thanh xuân muốn làm "Như Cánh
Hạc Vàng" vỗ cánh bay xa trong vùng
trời vô tận?

*Như cánh hạc vàng ta vỗ cánh
Ngàn năm mây trắng biết về đâu?*

Quỳnh Giao ơi, bây giờ nước non ngàn
dặm biệt. Ngu ngơ nửa đời, ngồi lật
trang kinh, lòng tôi bồi hồi nhớ đến
người em kết duyên văn nghệ. Tôi làm
được gì cho em để xóa nỗi trầm luân:

*Mai kia... chạnh nhỏ câu thơ
Qua cầu nước chảy... bốn bề vọng âm...*

Ôi Tiểu Quỳnh, em như trái đất quay tìm
nắng sớm mà thời gian với bốn mùa hạ
đỏ, xuân xanh, thu vàng, đông giá đầu
có đủ những lửa ấm trong đời để chữa
lành hết những cơn bệnh của thế gian.
Mà em có biết đâu, em cũng đã lỡ mang
cơn bệnh lụy phiền nửa đời chối bỏ
tương lai. Thế nhưng, với em dù "một
phút giây mà nghìn thu đây sắc" như
"Quỳnh Hoa" đang độ mãn khai:

*Đóa quỳnh hoa giữa đêm khuya một
thoáng*

Điểm nụ cười hủ ảo vởi trần gian

...

*Đêm khai hội thắp trời sao lấp lánh
Thoảng mở màng e thẹn sáng vàng
trắng.*

Rồi biết ai hiu hắt nhớ, ai lạng lẽ chờ?
Những luyến tiếc ngậm ngùi, những
tháng ngày buồn bã kiếm tìm dáng dấp
kỷ niệm mù xa hay đã ngoài tầm tay với,
nên những lời sầu trong tình khúc
"Riêng Mãi Nơi Đây" của em vẫn còn
khắc khoải trong tôi, bởi:

*"Em vẫn thầm mở người sẽ đến bên em
trong một chiều nắng thu vàng và người
sẽ nói cho em những lời yêu nồng nàn
trọn đời em với người tình đôi ta đẹp
mãi. Theo dấu thời gian lòng vẫn cứ mê
say cung nhạc chiều mỗi thu về điều nệ
tiếng hát em lâng lâng những lời ca thì
thầm gọi người trong gió chiều em chợt
khóc lần đầu. Người em yêu nhỏ hồi này
những cánh thư xanh. Đây đây ánh trăng
vàng thương nhỏ nào nguôi Tình yêu
như chiếc lá ngàn gió cuốn bay chơi vơi
giữa dòng đời. Riêng em mãi nơi này
ngậm ngùi đợi chờ hình bóng người mờ.
Em vẫn ngồi đây nhìn nắng ấm bên song
hóng điệu buồn lá thu vàng mà người
vẫn mãi nơi xa xăm đâu lời người yêu
ngày nào nghẹn ngào em nhớ người
trong nhạc khúc tình sầu".*

Tôi chợt nghe niềm đau của kỷ niệm xa
vời khi tôi vừa mới già từ khung trời Đại
Học khấn gói vào đời thì chợt nghe tin
người tình vĩnh viễn đi vào lòng đất. Xe
đò bị mìn. Mìn chống chiến xa được
"người anh em bên kia giới tuyến" chôn
trên quốc lộ. Chiếc xe đò định mệnh đã
trở thành chiếc xe tang... Từ đó tôi
thường thấy lòng mất cay mỗi lần nghe
âm vang tiếng hát Thái Thanh tí tẻ "nếu
một mai em sẽ qua đời" của Phạm Duy
trong vũ trường Tự Do ngày nào. Ôi làm
sao quên, ngậm ngùi nước mắt "... nếu
một đêm em bước qua thềm, mang nặng
hồn mềm, em trở mình trên nhân duyên.
Nếu nửa đêm trăng gió đã lên, bão mùa
êm, chăn gối ghi tên, bia mộ đường
quên! Nếu một mai, không còn ai đứng
bên kia đời trông vởi vởi! Không còn ai!
Đâu còn ai trong ngày mai. Có dư
hương người cũng là giáng giới mà thôi!
Nếu về sau em có qua cầu, không chẳng
vì sầu, thường chẳng còn đâu mà nói
chuyện quên nhau... Nếu vì sao quay gót

*cuốn mau, dấu chân sâu in vết không
lâu. Chẳng nợ gì nhau!..."*

Chẳng nợ gì nhau hay có nợ gì nhau mà sao trong cảm tác "Dạ Quỳnh Hương", Quỳnh Giao vẫn còn vương vấn hơi hương của một loài hoa định mệnh nghe như lời thì thầm ngọt ngào xuyên suốt trái tim, vời vợi trong không gian trùng điệp mê thương:

*Em ỏi hương thơm một đóa quỳnh
Cùng em hương vương không gian.*

Ơi tâm liễu ngộ, phóng ngoại tha hóa như cái pháp danh Tâm Hòa của em vẫn luôn nặng lòng với tha nhân. Có một nơi để về, để nương tựa, để gởi gắm niềm an tạ của dư hương ngày cũ hay ít ra cũng gởi tay níu lại được những nỗi buồn đong chín. Từ đó ta chợt thấy niềm vui ở một góc đời buồn hiu, thấy dễ thương khi mưa về lầy lội khó ưa! Nhưng còn niềm tin? Phải chăng đó là nguồn thơ mượt mà nhưng gấm, là cội tử sinh, là nẻo vô thường? Nhưng dấu gì đi nữa, lòng thế nhân cũng nhen nhóm mỗi cảm hoài "Vàng Hương Mộng Ngọc":

...
*Uởm lòng ngà ngọc hồn nhân thế
Chạm nét vô thường ánh tử sinh
Lai láng nguồn thơ vàng gấm vóc
Mở màng trắng nước sáng lung linh.*

Mà thôi, như thi sĩ Đông Hồ đã tự tình khi nhận được "một thoáng hương quỳnh để tạ nhau" của Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội:

...
*Tuyết sương đã trải màu vô dạng
Giấy mực chỉ cho gợn bất bình
Nước mắt gột tan sầu vạn cổ
Đuốc hoa bùng tỏ lửa ba sinh*

Bởi "tài hoa thân thế phù du lấm", nên có khi ta cần "bám vào từng giọt sắc không, lắng nghe giọt mật hòa cùng giọt kính" để sớm thoát vòng điên đảo mê lầm, bỏ mê về ngộ, bỏ vọng về chơn. Qua điện đàn thường xuyên, tôi nghĩ Quỳnh Giao đã tìm được những giọt nhiệm màu sắc-không trong kính điện Phật Đà; biết được trong ta viên dung những giọt lệ nụ cười và thấy được tâm an lạc trong cõi vô vọng của thế gian... Thế nhưng, đôi vẫn cơn mộng tưởng. Quỳnh Giao ơi, xin chiêu niệm về em trong trầm tư mặc tưởng, xin hướng nguyện về em trên vùng trắng vô lượng

và xin hoài niệm về em bằng những giọt nắng hồng lung linh trong trái tim. Hình như có âm vang của tiếng đàn u linh từ mùa xuân tuổi thơ "Vân Thoáng Hương Quỳnh" xa vời nhắc nhở:

...
*Giấc mộng nghìn thu hồn giấy mới
Dáng yêu một thoáng ánh dương đầu
Đêm xuân cung ngọc trắng mười sáu
Dạo phim tỏ vàng dệt bóng cầu.*



Giấc mộng nào nghìn thu? Hồn ai chết lịm vào hương giấy mới? Có chăng là hoài bão của lứa tuổi trắng tròn thường gởi gắm lòng mình trong tiếng đàn dưới ánh trăng với những giấc mộng mị liễu trai. Thế nhưng nào ai không ước mơ giữ lại chiêm bao được một ngày để miên trường mặc niệm với nỗi đau hạnh phúc, nỗi mừng chia xa. Nơi đây tồn đọng những mâu thuẫn nội tại để mai sau ta làm quen với những ngang trái lỡ làng, mà vết nắng cũ, dấu thời gian thường là những hệ lụy mang ta bay bổng trong sa mù hay thả ta chờ vơ giữa rêu phong mờ mịt sương loang. Quỳnh Giao hẳn cũng có tâm trạng nhớ nhung như tôi khi một mình trong ngòi giữa công viên nhìn lá vàng bay, lòng vời vợi "Gởi Người Phương Xa":

*Nhớ nhau sương trắng bốn bề
Vàng rơi mấy lá... vổ về bóng rêu.*

rời "Nhớ Người Xa":

*Nhớ mong vàng cánh lá rơi
Rêu xanh đọng biếc sương trời long lanh.*

Thế thôi đành dở đành nhau. Tôi dở đành người. Tình đã ảm đem hong ngoài nắng ảm, tình đã phai đem chuốt ngọc tỏ

hồng. Phải không em, trong vũng lầy sâu kín của tâm hồn có bóng dáng ai tiềm phục, nên riêng em chỉ tỏ "Nỗi Lòng":

*Riêng ta ôm mối tình này
Ước mong nồng giấc mộng đầy dáng ai!*

Ngày qua tháng lại, chiều đi đêm tối vẫn chập chờn nỗi chờ mong hiu hắt theo tiếng hát, niềm nhớ thương xiêu đổ theo dòng nhạc và phút giây giao hưởng lạc loài theo những vần thơ thể lương dân vật tâm hồn, trong "Quả Sinh Nhật":

*Gửi ai tiếng hát lạc loài
Biển Đông đến tận non Đoài tìm trăng
Gửi ai dòng nhạc lời dâng
Vần thơ gọi nhỏ cung đàn tri giao
Gửi ai màu áo hoa đào
Mùa đông viễn xứ trời sao ngập hồn
Gửi ai tiếng vọng vô ngôn
Xa xôi chạnh nhớ cũng ngần ấy thôi!*

Tôi quen Quỳnh Giao qua duyên văn nghệ, qua nghiệp văn chương trong lần phát hành tập thơ "Ngoài Xa Dấu Chân Mây" của tôi vào năm 1994, nhưng tôi chưa bao giờ tìm hiểu những hình tượng trong thơ của Quỳnh Giao- có thể là những dáng đáp ẩn dụ, những sắc màu thời gian từ tuổi thanh xuân còn tồn đọng trong tâm tưởng thi nhân. Có thể là hơi hướm hay mùi đất nồng ải được mang về từ những núi đồi hay nương rẫy xa xôi nào đó? Cũng có thể là nét hoang dại của một bóng hình nào đó mỗi sớm mang theo sa mù trên nếp áo phong sương hay đắm ướt màu mưa trên mái tóc bông bành... Thế rồi môi cười, ánh mắt đã trở thành nỗi mắt nổi còn làm bận lòng người trên hai ngã đường "Nghìn Trùng Xa Cách":

...
*Ừ thôi mà thế cũng hay
Đời như giấc mộng tình say lạ gì
Đội chờ nhau nữa mà chi
Nhìn nhau chẳng thấy hẹn thề được chẳng
Từ đây hai ngã đường trắng
Từ đây bật tiếng yêu thương sát cầm.*

Thì thôi cách biệt nghìn trùng! Người đã ra đi, nên em cảm thấy thiếu cái không gian mệnh mông, thiếu nụ cười nồng ấm. Người đã đi không một lời từ biệt, lạnh lùng lãng quên mùi hương nhu trên mái tóc người thương. Còn lại gì trong em, một dòng sông bát ngát trắng sao

vẫn lặng lẽ trôi. Ai đã sang sông cùng người? Ai đã cho nhau lứa tuổi trinh nguyên? Thôi đành "Giã Biệt Người Xưa". Hỡi ơi:

*Chưa đi nghìn tiếng bồi hồi
Đến khi cất bước một lời cũng không
Riêng đây trọn cả tấm lòng
Trinh nguyên thuở ấy sang sông cùng người.*

Dù ý tình nói trên được diễn đạt từ "biệt cố nhân" của Trương Dực, nhưng Quỳnh Giao còn xác minh thêm lòng mong đợi qua "Khúc Nhạc Tương Tư":

...
*Trăm năm gió cuốn mây trôi
Ngàn năm đàn vẫn chưa nguôi đợi chờ.*

hoặc là "Lời Cuối Cho Nhau":

*Xa người nghìn núi nghìn sông
Xa người xa cả biển đông mịt mù
Hỡi người xa dấu muôn trùng
Xa nhau xin giữ tấm lòng cho nhau*
...
*Lỡ mai sau... lúc bạc đầu
Gặp nhau mà chẳng nhìn nhau ngỡ ngàng
Lỡ mai... so lại phím đàn
Vọng hồn sông núi tình cầm xôn xao.*

Niềm thương vừa chín tới thì đã muôn trùng dâu biển, nên thơ em thăng thốt cất lên giữa cuộc sống xa quê có dấu chân hoài niệm thao thức vượt qua bờ nhân ngã, có tiếng chim kêu lạnh buổi hoàng hôn. Mà em có biết không hoàng hôn bên này cuộc lũ là triều dương bên kia cuộc đời nên tiếng hát "Hoài Cảm" của em ngày nào chơi với trên cồn cát ấm, nay chỉ còn vang vọng tiếng sóng âm thầm vỗ mãi một âm quen:

*Hai tay ôm nỗi quạnh hiu
Lặng nghe muôn dấu cô liêu điệu tàn
Gió mưa trần trở cung đàn
Buồn như thác đổ quyện hàng lệ rơi
Chơi với... tiếng hát chơi với
Nhặt nhòa tâm sự lạc nơi quê người
Còn vương chưa xót giọng cười
Mỗi môn hiu hắt một trời nhớ thương
Tìm trong dĩ vãng mùi hương
Chợt nghe trống vắng hử không bốn bề.*

và trở thành "Dạ Khúc":

...
Còn chẳng một thoáng mong manh

Buồn vui giấc mộng cũng đành thế thôi!

Thế đã một năm, đóa quỳnh hoa đã tàn. Nhớ về người em văn nghệ phận bạc, gói gắm chút vấn vương mà nghe sương khói muôn trùng. Bài thơ cho ngày sinh nhật của Quỳnh Giao "Nhật Nguyệt Quỳnh Ca" đã không còn rộn rã hương nồng mà trở nên hư vọng. Trăm năm, em ơi tâm trần lóng sạch, ý thức lắng yên và em chẳng còn bao giờ muộn phiền chạy theo trần cảnh, chẳng còn bao giờ vọng tưởng chạy theo hư ảo. Ta mãi "ru em nỗi nhỏ không cùng":

*Mùng em thêm một tuổi đời
Hồn tôi giáng mộng về trời yêu thương
Gửi em một chút vấn vương
Mênh mông nhạc thoảng khói sương
muôn trùng
Ru em nỗi nhỏ không cùng
Về trên môi mắt uôm lòng chờ mong
Chờ em trong cõi huyền không
Mong em rộn rã hương nồng tình tôi
Trăm năm muôn kiếp em ơi
Vẫn yêu vẫn mãi vọng lời quỳnh ca.*

Vậy "tình do tâm ta sinh ra. Có khi tình mất mà tâm còn vọng động... Nếu bảo tình là đoạn nỗi, thì tâm nào đã bình yên? Vậy đến khi tâm bình an: tình đó có không? Tâm đó cũng Không"! Nỗi ưu tư đó bây giờ trong cõi hư vô hửn Quỳnh Giao đã thấy lời lý giải và thấm nhuần tâm Phật nhu nhuyễn...

Quỳnh Giao, em đã ra đi nhưng thần thức không tan hoại. Em vẫn trong cõi thanh thoi chim hót hoa cười, ánh thể Như Lai. Em đã thênh thang chơn như thiệt tướng như nước chảy mây trôi. Thế cho nên em vẫn hiện hữu với những tháng ngày bình yên bên con "... với tất cả yêu thương dành riêng cho con yêu dấu: Ngọc Quỳnh Giao, vì nếu không có con, đời đã chẳng nên thơ và tiếng cười vui của con mỗi ngày chính là âm hưởng của dòng nhạc bất tận ru con tròn giấc ngủ nồng mỗi đêm".

Có cảnh nào âu yếm dễ thương bằng khi hai mẹ con thì thầm trong "Tháng Bảy, Tạp Thi cho Quỳnh Giao":

*Con bảo mẹ làm thơ
Mẹ lác đầu khê nói
Bác sĩ mà làm thơ
Có chẳng là mộng mơ*
...

*Có một đêm con bảo
Thường mẹ suốt đời Giao
Mẹ ơi mình đi dạo
Hôm nay trời đầy sao!*

*Trên trời có triệu nghìn sao
Dưới trần mẹ có Quỳnh Giao quấn mình
Lạ chưa như bóng với hình
Bạn bè cười bảo tội mình dễ thương!*

*Dù cho con có chường
Suốt đời mẹ vẫn thương
Vì đời mẹ vắng bé
Là hạnh phúc phai hương!*

Thôi giã biệt Quỳnh Giao- người thơ áo trắng! Phải chăng, nửa đời chưa tròn nguyện ước, nên vẫn hằng mong:

*Kiếp sau nếu lại làm người
Nguyện làm Y sĩ suốt đời yêu thơ
Kiếp sau thơ nhạc se tờ
Trăm năm muôn kiếp ước mơ cùng người.*

Năm nay tuyết về buổi giá phủ kín không gian. Những phiến tuyết bay bay ngoài song cửa gợi nhớ những vần thơ ân cần trong "**Vàng Hương Mộng Ngọc**"(*) của Quỳnh Giao. Tôi đã từ chối cái hẹn đi xem hoa quỳnh nở tại nhà một người bạn. Chậu hoa được mang từ Việt Nam mà anh đã hết sức trân quý và chăm chút từ mấy năm nay. Tôi biết mình sẽ khó giữ được lòng thanh thản, khó giữ đúng phong thái của một tao nhân mặc khách "khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên". Lòng tôi sẽ không tránh khỏi giao động về sự ra đi biền biệt nhân gian của Quỳnh; sẽ không tránh khỏi xót thương về một người em văn nghệ rất gần nhưng chưa một lần hội ngộ. Thắp một nén hương, lòng ngậm ngùi hồi hướng. Trong tôi, đêm nay có đóa quỳnh mãn khai, nhưng hương thơm vẫn còn ngào ngạt...

* Phù Vân
(Tháng 01.2002)

(*) Vàng Hương Mộng Ngọc tuyển tập thi-nhạc của Hoàng Ngọc Quỳnh Giao xuất bản năm 1998 tại Bruxelles / Vương Quốc Bỉ.





*Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ ?*

Vũ Đình Liên

Vào một buổi đầu Xuân năm ấy, khi bắt gặp mùa hoa đang nở rộ, cây mận cổ nơi ngõ giếng lối rẽ vào nhà ông Lương đã đơm hoa tỏa trắng cả một góc vườn, bất giác Cụ Củ làng Tào Sơn đã cảm khái đọc lên hai câu thơ của đỗ Mục:

Tá vấn "hữu gia" hà xứ thị?

Mục đồng dao chỉ Hạnh Hoa Thôn.

Cụ đã mạn phép người xưa sửa lại hai chữ "tữu gia" thành "hữu gia" cho hợp tình hợp cảnh để tặng người bạn cố tri mà bấy lâu tình giao hảo nghĩa thi văn đối cảnh xuân tươi càng thêm đậm đà khởi sắc.

Từ đó nghiêm nhiên Cụ Củ đã gọi làng Nhân Xá là "Thôn Hạnh Hoa"! một nơi vừa có bạn thơ lại cũng có tay nghề cất rượu ngon có tiếng trong vùng. Anh Hìm Thản đã mấy đời chuyên nấu rượu tại làng Nhân Xá. Bà Lương thường đưa gạo nếp để anh cất riêng cho loại rượu đặc biệt mà lúc nào bà cũng trữ sẵn mấy vò đãi khách.

Tinh tuổi thì Cụ Củ làng Tào Sơn hơn ông Lương quá một con giáp nên

Hạnh Hoa Thôn

• **Vân Nường LNC**

ông vẫn coi Cụ nhưng bậc trưởng thượng, lúc nào cũng cung kính: một điều Cụ Củ, hai điều Cụ Củ. Phần Cụ cũng rất khiêm nhường, thân mật trong cách xưng hô, nhưng trong thâm tâm mặc nhiên họ đã coi nhau như đôi bạn tâm đắc thâm giao.

Thường thường chờ khi những vụ chiêm hay vụ mùa nhà ông Lương đã vãn, Cụ Củ mới xuống làng Nhân chơi mấy ngày. Bà Lương lại lo cơm gà cá gỏi, chuyên rượu vào be. Trên tấm phản gỗ lim nhẵn bóng kê giữa gian nhà học, đôi bạn vong niên ung dung ngồi xếp bằng quanh mâm cơm thịnh soạn đã xấp sẵn vài be rượu đây, một coi trà, một chiếc bát cổ men sứ xanh màu ngọc bích có vẽ tích "Khương Tử Nha buông câu chờ thời", một bó dóm tre chẻ mỏng phơi khô để cạnh chiếc đèn "Hoa Kỳ" ngọn lửa vụn nhỏ như con đom đóm. Ông Lương luôn tiếp rượu vào chung, tiếp món ăn vào bát... chủ khách tạc thù. Khi rượu đã ngà ngà thì tú thơ càng nảy nở. Thịnh thoảng Cụ Củ lại cất tiếng ngâm lên những vần thơ đắc ý hay tranh luận về vài chữ chưa chính, không cân đối... Cứ thế mà mê mãi cho tới mãn canh.

*

Khi Cụ Củ ngỏ lời xin cô gái út của ông bà Lương cho cậu cháu đích tôn, ông Lương vui vẻ nhận lời ngay. Bà Lương còn e ngại, lấy có con trai làng Tào Sơn vốn nổi tiếng ăn chơi không chí thú làm ăn, nhưng thực ra trong thâm tâm bà chê nhà Cụ Củ nghèo, chỉ được cái danh khoa bảng. Tuy nhiên câu "tòng phu" vốn là điều tâm niệm trong suốt cuộc đời làm vợ cho nên tuy không bằng lòng bà cũng chẳng dám nói ra.

Có lần ông em rể đưa hơi:

- Có kẻ xấu bảo Cụ Củ Tào Sơn lợi dụng cậu Trăn để bòn của nhà Bác đấy!

Ông Lương chỉ cười xòa:

- Ô... thì có của chẳng cho con thì cho ai? Ai muốn nói đông nói tây gì ông cũng mặc kệ. Cốt gả con nơi tu

nhân tích đức, nền nếp nho phong, còn của thì trời cho ai nấy hưởng.

Thực tình thì gia đình Cụ Củ Tào Sơn vốn đậm bạc, đôn chiếc. Cụ đậu Cử Nhân vào khoa thi cuối cùng của triều đình Nguyễn Phước tại trường thi Thanh Hóa (1918). Ấy may mà có trường thi ngay tỉnh nhà, chủ giá phải vào Kinh đô Huế hay lận lợi ra tận thành Thăng Long Hà Nội để dự thí chắc hẳn Cụ không có điều kiện tài chính theo đuổi lộ trình. Dù đã mang danh "Ông Cử", nhưng số Cụ lận đận vì tiếp đó người con trai độc nhất bị bạo bệnh mất, bỏ lại đứa cháu mồ côi chưa đầy ba tuổi. Cách một năm sau đến lần bà Cử ra đi. Thật là họa vô đơn chí! Cụ chán ngán chẳng màng gì tới công danh, gây sự nghiệp, quyết định ngồi nhà chăm nom dìu dắt đứa cháu mồ côi và lũ trẻ trong làng dăm ba chữ Thánh Hiền. Hai ông cháu hủ hỉ với nhau trong cảnh đơn chiếc, chấp nhận nếp sống thanh bần đậm bạc, bạn cùng vài pho sách quý tìm gặp lại những hào khí, sáng khoái của các bậc hiền triết cổ xưa. Việc nhà, ruộng, vườn Cụ giao phó cho người con dâu lo liệu.

Thế rồi vì những vần thơ tiêu dao đã nêu duyên gặp gỡ giữa Cụ Củ và ông Lương, một nhà giàu nhất nhì trong vùng và đã từng là học trò của Cụ Tú làng Cầu Đông phủ Tỉnh Gia. Sẵn gia tài súc tích từ xưa với những đồng lúa thẳng cánh cò bay, thêm được người vợ đảm đang thu vén nên suốt đời ông Lương chỉ ngồi hưởng nhàn. Có mấy cậu con trai, ông theo thời thế cho ra học chữ Quốc Ngữ ngoài tỉnh. Nhà còn cô gái út, Cô Thuần cũng giống mẹ, giúp bà Lương trông coi việc ruộng nương rất đắc lực. Cụ Củ tinh mắt, nhận xét thấy nên đã cầu hôn cho cháu.

*

Từ độ kết giao với ông Lương, con đường dài 5, 6 cây số dẫn tới làng Nhân Xá đã trở thành quen thuộc với Cụ Củ Tào Sơn. Cụ hay khởi hành vào buổi sớm mai. Khi mặt trời lên chùng nửa cây sào người ta đã thấy Cụ lững thững ra đi với chiếc quạt thước trên tay. Cảnh vật thật tĩnh lặng, bầu trời trong mát với những cụm mây xanh pha hồng điểm trắng lững lờ qua ánh sáng lấp lánh của buổi bình minh. Người và cảnh vật như hòa hợp một vẻ

thanh tao, nhàn nhã vào những tiết xuân ấm áp hoặc những buổi tinh sương mùa hạ chưa nhiễm oi nồng. Cụ Cử thích nhất vào những buổi xế chiều từ nhà ông Lương trở về làng Tào Sơn. Ngày còn kéo dài với những giải nắng giăng trên nền trời bao la như màu lụa mực của tơ tằm sống chưa giải nước vo gạo, thấp thoáng một vài bóng chim đang bay về tổ tạo thêm vẻ linh hoạt giữa cảnh thiên nhiên... Những lúc ấy hình như trời đất, cỏ cây cũng có thi hứng để phụ họa với Cụ sáng tác nên những vần thơ đẹp.

Không biết Cây Sồi lạc lõng từ khu rừng nào về đứng chơ vơ nơi ngã ba đường ở vùng này tự bao giờ. Lợi dụng cây cao bóng cả bà Lành đã dựng một quán nước sơ sài dưới tầng cây làm chỗ nghỉ chân cho khách bộ hành giữa đồng không mông quạnh. Ngang khung cửa liếp treo lủng lẳng nải chuối, vài đòn bánh nếp, bánh tẻ, trên chiếc bàn tre bày mấy lọ kẹo lạc, chè lam, một phễu đựng mười phong thuốc lào nhân hiệu ngoài tỉnh màu đỏ son lờ lợt, một hàng dâm chiếc bát đàn úp song song, thêm một chiếc cày bằng tre già lâu ngày lên màu bóng loáng...

Đã từ lâu Cụ Cử là khách quen của quán Cây Sồi. Một sáng tinh mơ vừa thoáng bóng Cụ đi qua, bà Lành đã đơn dả mời chào: Mời Cụ Cử ghé sơi bát nước đã! Bà nhanh nhẩu lật chiếc bát đàn, vừa mở nắp chiếc ấm lớn ù 2, 3 chiếc vỉ buồm vừa cất tiếng: Chè nhà cháu mới nấu đang nóng hôi hổi. Ý hẳn Cụ lại xuống làng Nhân thăm ông Lương phải không ạ?

Cụ Cử tùm tùm gạt đầu, khề đưa chiếc quạt phủ bụi nơi chõng tre trước khi ngồi xuống thưởng thức bát chè tươi bốc khói nghi ngút, nước vàng óng như mật ong. Cụ vừa nhấp từng ngụm vừa khen: Chè bà quán nấu lúc nào cũng ngon.

Bà Lành được khen cười toe toét khoe hàm răng cái mã đỏ lòm vì miếng trầu đang nhai trong miệng: Thi có khi nào Cụ thấy chè nhà cháu nấu dở đâu!

Cụ Cử nhồm dậy toan nhặt khẩu trầu bày trên chiếc đĩa, bà Lành vội cản: Ấy, để cháu bỏ quả cau mới Cụ

xơi. Bà với tay ngắt một quả nơi buồng cau treo trên vách, chia ra phân búa: Cụ thấy không, bao giờ nhà cháu cũng kén loại cau "dáng trái đào, vỏ mã lụa" như thế này, nhiều màu ăn lại ngọt, chứ cháu ghét nhất loại cau tụt màu vỏ xâm tối xỉ xỉ, ăn chát nghẹn nghét ấy Cụ ạ! Rồi bà thoản thoắt róc vỏ, dẫn chũm, bỏ làm năm miếng. Bà quay ra sau nhổ toẹt bãi cốt trầu xuống nền đất, vừa xóc năm miếng cau hạt đỏ tươi, màu trắng trong lòng bàn tay vừa reo lên: A! quả cau lòng tôm Cụ ơi! ngon quá! Hôm nay Cụ Cử đi chơi chắc hên lắm đấy.

Trước tính nét bộp chộp, ồn ào của bà Lành làm Cụ Cử cũng vui vẻ bật cười theo. Sau khi trả tiền trầu nước, chào mọi người Cụ rời quán, xóc chiếc quạt thước che ánh nắng mặt trời lúc này đã lên cao tiếp tục lên đường. Bà Lành nhìn theo nói với mọi người: Cụ Cử làng Tào Sơn đấy, lúc này Cụ có vẻ yếu, chú hồi năm ngoài thấy Cụ còn khỏe khỏe à! Bà quên là mọi người quanh vùng ai còn lạ gì Cụ Cử Tào Sơn? Chẳng qua bà muốn khoe Cụ Cử là khách hàng quen của tôi đấy.

*

Khi về làm dâu nhà họ Tống, cô Thuần mới 17 tuổi cùng tuổi với cậu Trần khiến Cụ Cử vui vẻ nói: "Vợ chồng cùng tuổi, ngồi duỗi mà ăn". Cô Thuần vốn khôn ngoan sắc sảo, vừa lấy chồng được ít ngày về thăm bố mẹ, cô đã ôm mặt khóc: "Nhà gì mà trống trơn à mẹ ơi! thiếu đủ thứ!". Người làng bảo cô khóc ra ruộng, vì sau đó ông bà Lương đã cho tiền tậu hai mẫu thượng đẳng điền. Xong cô lại thút thít khóc, vì có ruộng mà không có trâu để cày. Thế là họ bảo cô lại khóc ra trâu.

Những ngày có phiên chợ Hải Quang kề bên làng Nhân Xá, cô Thuần luôn về thăm bố mẹ với đôi quang gánh hai thúng nan tre hạng trung đầy vỉ buồm kín đáo, cô ghé chợ mua ít thịt nòn, cá tươi làm quà biếu bố mẹ. Xế chiều về thì gánh hai thúng gạo đầy. Người làng lại đồn: "Thường khi có cả vác tiền đồng vùi bên dưới", vì họ nhận thấy khi cô quảy gánh đi thì nhẹ hều mà lúc về sao thấy nặng trĩu. Có lẽ cô nghĩ chả bòn của bố mẹ thì bòn của ai?

Qua mấy năm có trâu có ruộng, cậu Trần đã là tay đác lực giúp vợ công việc đồng áng, cộng thêm việc cô Thuần gánh đi thì nhẹ, gánh về thì nặng... đều đặn như con thoi, cần cù như con ong cái kiến tha lâu đầy tổ. Chẳng bao lâu hai vợ chồng đã dựng được ngôi nhà ngói kang trang đón ông nội và mẹ về ở chung và cũng là lúc Cụ Cử trọng tuổi, không còn khỏe mạnh để đi thăm ông bạn vong niên như thường lệ. Duy còn lại mối giao tình qua vắn thơ xướng họa nay đều do vợ chồng cô Thuần liên lạc đổi trao, kèm theo những chai rượu ngon mà bà Lương thường gửi biếu.

Qua hai lần sanh hai bé gái, mãi khi vợ cậu Trần sanh lần thứ ba được thành cu Trọng thì Tết năm ấy trên vách về phía hữu gian nhà thờ, nơi Cụ Cử thường ngồi đọc sách, người ta thấy xuất hiện một khuôn giấy hồng điều điểm kim nhũ với bốn chữ đại tự "TÚ ĐẠI ĐỒNG ĐƯỜNG" viết bằng mực tàu đen nhánh, do tay Cụ Cử viết theo lối chữ thảo, nét chữ mềm mại bay bướm rất mực tài hoa.

Chiều chiều bên án sách hai ông cháu thường ngồi nhâm nhi ba chén rượu, giở sách bình ngâm những bài từ bài phú của các bậc danh sĩ nho gia thời trước. Văng vẳng dưới nhà ngang tiếng xay lúa giã gạo hòa với tiếng nô đùa của hai đứa cháu nội, hoặc thỉnh thoảng có tiếng thành cu Trọng khóc thét lên đòi mẹ cho bú. Trước cảnh gia đình ấm cúng của đứa cháu đích tôn, Cụ Cử chợt nhớ đã đọc đâu đó một câu của tiền nhân: "Gia Hữu Tam Thanh Lạc" (trong nhà có ba tiếng vui: tiếng vui giã gạo, tiếng đọc sách và tiếng trẻ thơ) Cụ nghe lòng hồ hởi, triu mến hướng về thôn Hạnh Hoa nơi cũng đã cung cấp cho Cụ ba điều hoan lạc: một người bạn văn chương tri kỷ, một loại rượu ngon tuyệt vời và nhất là một cô cháu dâu đã dựng nên cơ nghiệp cho dòng họ Tống đất Tào Sơn.

• Văn-Nương Lê-Ngọc-Chấn

(*) Câu thơ của Đỗ Mục:
Tả vấn tìu gia hà xú thị?
Mục đồng dao chi Hạnh Hoa thôn.
Tạm dịch:
Hỏi thăm quán rượu nơi nào?
Mục đồng tay chỉ lối vào thôn Hoa.

Thưởng tiếc

NHƯ PHONG LÊ VĂN TIẾN

• Tâm Việt



Nhà báo **Như Phong Lê Văn Tiến** mất vào ngày Thứ Ba vừa qua, 18 tháng 12, lúc 9g30 tối tại bệnh viện Fairfax ở bang Virginia, Hoa Kỳ. Ông ra đi để lại nhiều thương tiếc nơi các bạn bè và nhất là các đồng nghiệp mà không ít người tự xem là đàn em của ông trong ngành báo tự do...

Sinh ngày 1 tháng 2 năm 1923 tại Hà Nội, ông Lê Văn Tiến đã đi vào làng báo từ rất sớm khi còn là Sinh viên ở Đại Học Hà Nội.

Những ngày sôi động dẫn đến Cách Mạng năm 45 mà ở trong nước quen gọi là Cách Mạng Mùa Thu hay Cách Mạng Tháng Tám đã sớm làm cho anh sinh viên Lê Văn Tiến say sưa đi vào ngành viết báo, một sự nghiệp rất mới mẻ đối với thanh niên thời bấy giờ, và lấy bút hiệu là Như Phong. Ta không nên nhầm lẫn nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến này với một nhà lý luận văn học ở miền Bắc cũng có tên là Như Phong mà tên thật là Nguyễn Đình Thạc, một người lớn tuổi hơn, cũng có hồi làm báo nhưng chủ yếu là viết truyện ngắn và phê bình văn học.

Bắt đầu viết cho những tờ báo như Việt Nam Thời Báo và Tuần Báo Ngày Nay, ông chả mấy lúc trở nên một cây viết chuyên nghiệp và có uy tín về các đảng phái Việt Nam, nhất là trong thời tranh tối tranh sáng đấu tranh chống Pháp, chống Nhật và sau đó bị Việt Minh sát hại. Những kinh nghiệm này của ông, do ông biết quá nhiều, đã đưa ông vào nhà tù cộng sản ở Hỏa Lò từ năm 1946 cùng với nhiều phần tử Quốc Gia mà sau đó đã bị thủ tiêu, song cũng nhờ những kinh

nhệm đó mà về sau, vào thập niên 60 ông đã viết nên bộ tiểu thuyết *Khói Sóng* được rất nhiều người say sưa hâm mộ.

Nhưng cũng kinh nghiệm này đưa ông đến quyết định không làm chính trị, nhất là chính trị đảng phái, mà chỉ chú tâm vào ngành báo để giúp cho người dân hiểu biết hơn về đất nước và thế giới, ngõ hầu nâng cao dân trí trong một thời đại mà có rất nhiều biến cố xảy ra trên thế giới cũng như ở nước nhà. Một ý hướng tưởng đơn giản mà lại vẫn đem nhiều nguy nan sóng gió đến cho cá nhân ông.

Sau khi di cư vào Nam năm 1954, ông cùng một số bạn sáng lập tờ *Tự Do* mà có lúc được coi là uy tín rất lớn ở miền Nam, một tờ báo độc lập trong một nền dân chủ hazy còn non yếu là nền *Đệ Nhất Cộng Hòa* dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, vào một thời mà luật báo chí còn rất khắt khe với cái kéo kiểm duyệt đôi khi cắt trắng từng mảng một trong tờ báo. Mặc dầu vậy, lập trường đứng đắn của tờ *Tự Do* đã thu hút được nhiều tài năng nổi danh một thời như Giáo sư kinh tế học ở Thụy Sĩ về, viết dưới bút hiệu *Từ Chung*. Chính những bài sắc bén của *Từ Chung* đã dẫn ông đến cái chết do đặc công của cộng sản bắn ở ngay cửa tòa soạn tờ báo.

Mặc dầu vậy, ông Như Phong Lê Văn Tiến cũng không sòn lòng. Ông vẫn mạnh dạn tiến tới và những bài độc lập của tờ *Tự Do*, phản đối chính sách của nhà Ngô đối với Phật Giáo miền Trung, lại đưa ông Chủ nhiệm vào tù một thời gian ngắn ngủi nữa. Người ta phải thả ông ra vì đến giai đoạn này, nghĩa là đầu thập niên 60, thì ông Như Phong Lê Văn Tiến đã trở thành một tên tuổi lớn trên diễn đàn báo chí thế giới. Những bài ông viết về giai cấp trí thức ở miền Bắc và phong trào Nhân Văn Giai Phẩm đã được đăng ở những báo nghiên cứu hàng đầu như *The China Quarterly* ở Anh hay *The Forum World Features*. Viết những bài nghiên cứu này, ông đã được sự tiếp tay tận tình của Gs Patrick J. Honey, một chuyên viên thượng thặng của người Anh về Việt Nam, Giám đốc Ban Việt Ngữ ở BBC và cũng là người dịch cho một số bài của ông.

Tình bạn của ông P. J. Honey mà thường được gọi thân mật là "Paddy Honey" sẽ là một tình bạn lâu bền mà ông Như Phong Lê Văn Tiến giữ được đến cuối đời. Sự trung hậu của ông Như Phong với bạn bè cũng là một đặc tính của con người thật nho nhã dù như rất sắc bén nơi ông. Ông có những tình yêu lớn song ông cũng rất phân minh trong sự yêu ghét. Là một nhà báo trung thực, ông không bao giờ chấp nhận được sự giả dối và ông dành cho những người bề cong ngòai bút của mình để nịnh bợ hay phục vụ một đảng phái hay người khác một sự khinh bỉ không che giấu. Nhưng cũng vì thế mà ông lại được sự kính nể mà người đời gần như chỉ dành cho một con người thánh thiện.

Sau ngày 30.4 năm 1975, ông bị chính quyền Cộng Sản bắt vì cho là gián điệp. Dù như bạn bè quốc tế lên tiếng và nhiều tổ chức quốc tế về nhân quyền can thiệp cho ông, ông vẫn bị giam giữ 12 năm từ 1976 đến 1988. Thời gian này, ông dùng yoga để luyện cho thân thể vẫn giữ được sự cường tráng và thỉnh thoảng lại nhịn ăn, lần lâu nhất tới 47 ngày, làm cho những người cai tù Cộng Sản rất lo lắng. Thả ra được 2 năm, ông lại bị bắt lại vì bị nghi ngờ là có chân trong tổ chức *Diễn Đàn Tự Do* của Gs Đoàn Viết Hoạt. Cộng Sản giữ ông thêm hai năm nữa để tổng cộng, ông bị 14 năm tù mà không hề bao giờ được đưa ra xét xử.

Cuối cùng, chính quyền ở quê nhà cũng đành phải thả ông ra dưới áp lực bền bỉ của nhiều quốc gia và những tổ chức như Amnesty International, Hội Ân Xá Quốc Tế, và Human Rights Watch Asia, tức Tổ Chức theo dõi về Nhân Quyền ở Á Châu. Chính tổ chức sau này vào năm 1993 đã tặng ông giải thưởng về *Tự Do Phát Biểu Tư Tưởng*, một giải thưởng cao quý không riêng gì đối với quá trình đấu tranh cá nhân của ông mà còn vì ông tiếp tục tranh đấu cho những tù nhân của lương tâm khác ở Việt Nam.

Về mặt nhân quyền, ông không ngừng tranh đấu cho bạn bè ông và những thành phần dân chủ ở trong nước ngay cả sau khi được rời Việt Nam để sang định cư ở Hoa Kỳ. Đặt chân đến Mỹ, ông được mời cộng tác ngay tức khắc với những tờ như *Asian*

Wall Street Journal, tức Tờ Phố Uôn ấn bản Châu Á, và International Herald Tribune ấn bản ở Paris. Ông đã có nhiều bài đặc sắc tiên đoán hay phân tích nhiều biến chuyển quan trọng ở trong nước.

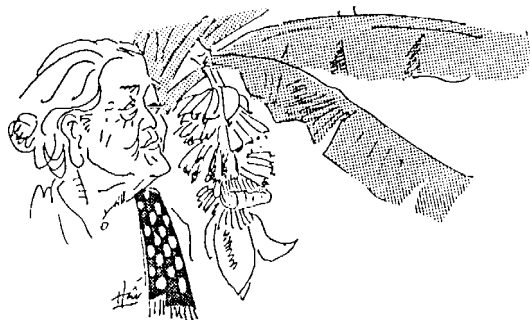
Từ năm 1997, ông cũng đã nhận lời cộng tác với Đài Á Châu Tự Do cho đến ngày ông nằm xuống. Trong thời gian này, ông đã có nhiều bài nhận định hay phân tích sâu sắc về tình hình trong nước, cũng như phối hợp một số chương trình đặc biệt về lịch sử Việt Nam hiện đại, như loạt bài về Khởi Nghĩa Yên Bái và cái gọi là Xô Viết Nghệ Tĩnh năm 1930-31, hoặc loạt bài về Cách Mạng Việt Nam năm 1945 nhìn từ mọi khía cạnh, Quốc Gia cũng như Cộng Sản, trong Nam cũng như ngoài Bắc. Sự hiểu biết của ông về phong trào Cộng Sản Việt Nam đã giúp cho Đài có những nhận định mà thính giả cho là vô cùng chính xác. Sở dĩ vậy là vì, sau năm 1975, ông đã có dịp ra Hà Nội gặp nhiều người có công lao với phong trào CSVN như các ông Lê Giảng, Trần độ, Hoàng Minh Chính, Lê Hồng Hà v.v... để bổ túc thêm sự hiểu biết do nghiên cứu lâu năm đem lại.

Trong đời tư, nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến thích rất nhiều thú, đặc biệt hoa lan và nước trà. Song về đường tình cảm, ông chọn ở độc thân để khỏi liên lụy đến người. Ngược lại, là bạn của nhà văn Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, sau khi Hoàng Đạo sang Trung Quốc, ông đã ở lại săn sóc chu đáo cho những người con của bạn cũng như một lòng giúp đỡ bà Long sau khi Hoàng Đạo mất. Những năm cuối đời, ông được cái may mắn là có sự trông nom của một người nghĩa-nữ để khi ra đi được an ủi là có sự thương mến của mọi người. Ông nằm xuống, ở tuổi 78, để lại nhiều tác phẩm dở dang chứng tỏ là ở quá tuổi "thất thập cổ lai hy" ông vẫn đầy lạc quan và tin rằng ông sẽ có đủ thời giờ hoàn tất.

Nguyen Huynh Mai
P.O. Box 3048
Santa Fe Springs, CA 90670
Fax: (562) 946-4015
<http://hoahao.org>
<http://huynhmai.com>
hoahao@hoahao.org

Tâm Tư ngày giỗ mẹ

(Kính dâng Hương Hồn Từ Mẫu. Tặng những bạn đồng tâm cảnh)



Mẹ ơi đời lạnh vô cùng
Tim con lộp lộp trùng trùng giá băng
Đường về còn tối mây giăng
Núi sông vẫn những cách ngăn đọa dày

Mông Năm sắp giỗ Mẹ đây
Nghĩ ôn dưỡng dục cao dày mà thưởng
Đốt diêm, thắp một tuần hưởng
Lòng con cùng gió muôn phương mở về

Cỏ sàu, cỏ chẵn đường đi
Rêu xanh có phủ tên ghi mộ phần?
Tám bia hản đã phong trần
Như hồn con với những vần thơ say?

Từ khi mất Mẹ đến nay
Sầu thương kia đủ héo gầy ước mở
Cố ngăn cho lệ thôi mờ
Con đưa kỷ niệm vào thơ chiêu hồn

Mông Năm này nữa là tròn
Băm lăm năm chẵn lòng con ngâm ngùi...
Băm lăm năm chẳng niềm vui
Xót xa mất Mẹ, đau vùi mất Quê!!!

Nhưng con tin có ngày về
Mẹ ơi, lấp lánh kiếm thềm dưới trăng...

•Ngô Minh Hằng

TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM QUA CÁC THỜI ĐẠI

• Phan Hùng Nhón

Lời nói đầu: Còn nhỏ vào năm 1954, sau khi đất nước Việt Nam bị chia đôi ở vĩ tuyến 17, một số bộ tộc Thái, Thổ, Mán, Mường di cư vào miền Nam. Trong thời gian đầu đến miền đất lạ, họ thiếu thốn đủ thứ nên được chính quyền Ngô Đình Diệm tận tình giúp đỡ, từ nơi ăn, chốn ở cho đến đồ gia dụng hay áo quần. Những những áo quần này là những áo quần của người Kinh được may sẵn trước thường thấy bán ở các chợ. Thời gian không lâu sau đó những người di cư này bỏ hẳn những tập quán cũ của họ. Ví dụ như người Mán gốc Quảng Yên vào Nam được định cư ở tỉnh Lâm Đồng đã bỏ dần những y phục thô rất công phu của họ để dùng những áo quần của người Kinh bán sẵn ở chợ và như thế chỉ vài thế hệ sau đó cháu chắt của họ chắc khó nhớ lại những trang phục đặc thù của bộ tộc họ.

Cùng với lịch sử lâu đời của đất nước, trang phục của dân tộc Việt Nam cũng có một quá trình hình thành, phát triển lâu đời cùng được biến đổi theo các biến thiên của lịch sử hoặc tiếp xúc giao lưu văn hóa. Cũng theo thời gian nhiều phong tục cũ cũng mai một đi, chính nhiều người Việt Nam ngày nay cũng không biết được tiền nhân họ cách đây độ trăm năm thôi, ăn mặc như thế nào. Và ngay những y phục cách đây độ năm sáu mươi năm thôi, như nón quai thao, những đôi guốc bằng gốc tre, những đôi dép cườm cũng đã tuyệt tằm. Ngày nay có ai muốn nghiên cứu về trang phục Việt Nam xưa tất phải gặp lắm khó khăn, vì không có tài liệu nào từ xưa lưu lại. Khác với nhiều nước ngoài, nhiều nơi ở Thụy Điển, khách viếng thăm còn được chiêm ngưỡng tại các Viện Bảo Tàng những bộ quần áo xưa hàng ngàn năm. Việc nghiên cứu về trang phục Việt Nam cũng rất cần thiết để giúp người đời nay tìm hiểu được nếp sống vật chất và tinh thần của tiền nhân mình ngày xưa, nhất là từ nếp sống văn hóa có thể tìm ra nguồn gốc chính xác của dân tộc. Vì vậy người viết bài này cũng mạo muội cố sưu tầm tìm hiểu hòng cố gắng tạo lại một số hình tượng của trang phục Việt Nam qua các thời đại. Tuy nhiên một cá nhân dù có thiện chí đến đâu cũng không thể thu thập đầy đủ được tất cả những tài liệu cần thiết.

TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TRƯỚC THỜI KỶ LẬP QUỐC

Không rõ Trần Thế Pháp, tác giả sách Lĩnh Nam Chích Quái đã căn cứ vào đâu mà viết rằng vào thời Hùng Vương, người Việt Nam xưa thường kết lá cây hoặc dùng vỏ cây làm vật che thân. Nhưng thực tế có thể không đúng như vậy! Trên những di vật khảo cổ khai quật được và đã qui định thuộc các thời kỳ văn hóa Phùng Nguyên (khoảng 4000 +/- 100 năm trước đây) hoặc Đông Sơn (khoảng 2400 +/- năm trước đây) có những cán dao có tạc hình người với y phục giản dị. Trên những trống đồng Ngọc Lũ và Hoàng Hạ có những hình chạm cảnh người nhảy múa, giã gạo hoặc chèo thuyền với y phục như lông chim.

Truyền thuyết dân gian từ xưa lưu lại cũng từng cho biết việc mẹ Âu Cơ từng đưa nửa số con của mình rời Phong Châu lên miền Hạ Hòa để bày cho con cái trồng cây lương thực,

trồng lúa, trồng dâu, trồng dâu nuôi tằm. Trồng dâu là để tạo ra vải. Trồng dâu nuôi tằm là để có tơ để dệt lụa. Tuy nhiên vải hay lụa còn rất thô sơ.



(Hình khắc hay chạm trên các cán dao và trống đồng).

TRANG PHỤC THỜI HÙNG VƯƠNG

Truyền thuyết cũng như sử liệu từng cho biết vào đầu thời đại Hùng Vương, đàn ông thường đóng khố. Khố là những tấm vải hẹp và dài thường được thắt vòng quanh bụng rồi từ đó thắt vòng xuống háng, đuôi khố ở phía sau để dài xuống chấm mông. Mùa nắng ấm thường cởi trần, nhưng về mùa đông có mặc thêm áo theo lối chui đầu. Đầu thường cắt tóc ngắn để tiện đi rừng, lội nước hay làm ruộng.

Phụ nữ thường mặc áo ngắn đến bụng, có xẻ ngực bó sát vào thân. Phía trong có mặc yếm kín ngực với cổ yếm tròn sát cổ. Vào cuối thời đại Hùng Vương, áo cánh ngắn, cổ vuông hở một phần vai và ngực hoặc kín ngực nhưng hở một phần vai và lưng. Thường là loại áo chui đầu hoặc nếu lại cài khuy thì chỉ cài khuy bên trái. Thắt lưng có ba hàng chấn trang trí cách đều nhau quấn quanh bụng làm cho thân hình thon tròn. Đầu và cuối thắt lưng bỏ xuống phía trước và phía sau người. Thường mặc váy bó sát vào thân. Có hai loại váy: váy kín tức là váy chui hình ống và loại váy mở là tấm vải quấn vào thân mình.

Trước đây vào thế kỷ 14 và 15 khi bắt đầu viết sử nhiều sử gia vì không có sử liệu từ xưa lưu lại hoặc còn chịu nặng ảnh hưởng của Hán Nho đã tạo dựng nguồn gốc dân tộc Việt Nam sang lưu vực sông Dương Tử để cố tô điểm cho nguồn gốc các vua chúa Việt Nam cũng về vang chẳng kém gì nguồn gốc thần thánh của các vua thời Tam Đại ở Trung Hoa. Nhưng ngày nay việc nghiên cứu nghiêm chỉnh các truyền thuyết cùng những khám phá mới của các ngành khảo cổ, dân tộc học cùng ngôn ngữ học đã chứng minh rằng dân tộc Việt Nam có cội nguồn tại chỗ. Cho nên chúng ta không lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy trang phục diễn tả trên đây của Tổ Tiên khác hẳn trang phục của các bộ tộc cùng thời ở Trung Hoa thời xưa.

TRANG PHỤC THỜI BẮC THUỘC

Sau khi cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại, nhà Đông Hán tái lập ách thống trị. Tướng Mã Viện cho đẩy mạnh chính sách nô dịch bóc lột và đồng hóa. Mã Viện cho áp dụng một chính sách nô dịch về tư tưởng cùng văn hóa. Từ chữ viết, tiếng nói, trang phục đều phải thay đổi theo Hán. Dân Việt Nam phải thay đổi phong tục, ăn mặc theo lối Hán. Người Việt Nam thời đó không còn được cắt tóc ngắn. Phụ nữ phải mặc áo ngắn quần dài. Nói chung dưới thời Bắc thuộc, phần lớn dân chúng Việt Nam đều ăn mặc theo lối Hán, trừ những làng mạc xa đô thị hoặc những vùng thoát khỏi vòng kiểm soát của bè lũ xâm lăng là còn có thể tiếp tục sử dụng được y phục đặc thù của dân tộc. Thêm vào đó một số dân chúng Việt Nam thời đó đã lẩn tránh lên rừng để khỏi bị đồng hóa nên còn lưu giữ được áo quần theo cổ truyền. Ngày nay những người này được gọi là người Mường (có nghĩa là người làng).

TRANG PHỤC THỜI NƯỚC NHÀ ĐƯỢC TỰ CHỦ

Sau hơn ngàn năm Bắc thuộc, nước nhà mới được tự chủ. Nhờ đó nền kinh tế mới phát triển. Vào thời này người Việt Nam đã sản xuất được đủ loại gấm, vóc, lụa, vải với màu sắc và họa tiết đặc sắc. Tuy vậy trang phục của phần đông nhân dân không có thay đổi gì nhiều. Các loại khố, áo cánh, váy vẫn không khác gì thời Hùng Vương bao nhiêu, nhưng lại thêm phần thắm mỹ.

I) THỜI NHÀ LÝ (1009-1127)

Cùng với việc phục hưng đất nước cùng củng cố chính quyền, đến thời này cũng đã bắt đầu có những quy định về cung cách trang phục của vua quan.

Năm 1029 vua Lý Thái Tông quy định mũ áo cho triều thần. Các quan văn võ lúc tham dự triều chính phải mặc triều phục được may bằng gấm vóc sản xuất ở trong nước. Các quan từ ngũ phẩm trở lên được mặc áo bào bằng gấm, các quan từ cửu phẩm trở lên thì mặc áo bào bằng vóc.

Năm 1059 vua Lý Thánh Tông quy định các quan vào chầu phải mang tất, đi hia, đội mũ phác đầu, mặc áo bào màu tía, cầm hốt ngà và mang thắt đai da.

II) THỜI NHÀ TRẦN (1225-1400)

Đến thời nhà Trần, vua đứng đầu triều đình gồm chín phẩm cấp quan văn võ. Từ đây trang phục lại được phân chia đẳng cấp, tầng lớp. Quan văn đội mũ chũm đĩnh màu đen, tụng quan mũ toàn hoa màu xanh. Nhưng đến năm 1395 lại có quy định mới về triều phục. Áo của các quan văn võ: Nhất phẩm thì màu tía, Nhị phẩm thì màu đại hồng, Tam phẩm màu đào hồng, Tứ phẩm và Ngũ phẩm màu lục, Thập phẩm màu biếc và Cửu phẩm màu xanh. Các quan đều mặc áo bào và cầm hốt.

Tùy theo hoàn cảnh gia đình, dân chúng thường mặc áo bằng lụa hoặc vải màu đen, quần mai lá sam. Phụ nữ tuy cũng mặc áo đen nhưng có khác là áo trắng ở trong thò dài ra và cổ áo thì rộng 4 tấc.

Đến thời Minh thuộc, phụ nữ lại bị cấm mặc váy và phải mặc quần và áo ngắn.

THỜI HẬU LÊ (1428-1796)

(Hình: Phụ nữ cuối đời Hậu Lê) →

Vào thời này giới vua chúa quan lại chịu nặng ảnh hưởng của Hán Nho nên thường hay may mặc theo lối Trung Hoa. Tuy vậy triều đình nhà Hậu Lê rất quan tâm đến vấn đề trang phục. Năm 1488, vua Lê Nhân Tông quy định cấm dân chúng không được dùng áo hoặc khăn đội đầu màu vàng, mang giày hoặc đi hài hoặc đồ dùng có hình rồng phượng.

Năm 1664, quy định kích thước tay áo dân chúng phải hẹp hơn kích thước tay áo giới quan lại. Đàn ông thời này thường búi tóc, mặc áo màu thâm hoặc xanh đậm. Phụ nữ thường mặc yếm cổ xây, cánh tay để trần cùng mặc váy ngắn để tiện lao động. Ở kinh thành cũng có một số mặc quần. Đến năm Cảnh Trị thứ ba đời Hậu Lê, vua Lê



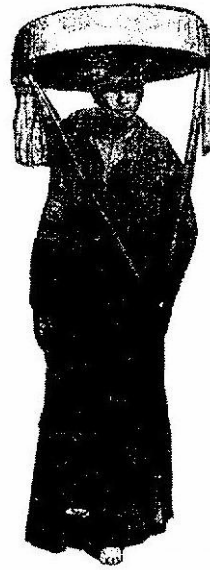
Huyền Tôn ra chiếu cấm phụ nữ không được may áo có thắt lưng và mặc quần có hai ống mà chỉ được mặc váy.

Vào thời này phụ nữ ra đường thường mặc thêm áo dài ở bên ngoài.

Nói tóm lại thời Hậu Lê có rất nhiều quy định nghiêm ngặt về lễ nhạc và trang phục.

Vua thường mặc áo lông cổn, đầu đội mũ miện. Vào những ngày đại triều thì mặc áo bào màu vàng, đội mũ phác đầu có hai cánh trở lên trời cùng mang đai ngọc. Vào những dịp thường triều vua mặc áo bào màu xanh huyền và đội mũ tam sơn. Hoàng Tử (người sẽ được nối ngôi vua) thì mặc áo màu xanh. Chúa Trịnh chỉ được dùng sắc tía. Vương Thế Tử (người con được nối ngôi chúa) thì mặc áo đỏ.

THỜI TÂY SƠN (1788-1802)



Hiện chưa thấy được vết tích hoặc thư liệu gì về trang phục của thời đại Tây Sơn. Nhưng qua những bức chạm trở còn lưu lại ở một số đình làng đã có thấy xuất hiện từ thời này hoặc từ thời Trịnh - Nguyễn phân tranh loại quần lá tọa, tức là loại quần may rộng ống buông dài tới mu bàn chân.

Về áo thì thấy có nói đến một loại áo mà gần nửa thế kỷ về sau được gọi là áo 5 thân. Loại áo này có thân trong cụt chỉ đủ che phần ngực. Hai vạt áo, trước và sau đều bằng nhau và buông xuống đến 2/3 hoặc đến giữa ống chân. Hai tà được xẻ ngang thắt lưng. Thân trước có khuy cài sang nách phải.

Ở thôn quê chiếc áo xưa kiểu chui đầu đã biến đổi thành loại áo xẻ ngực, lúc mặc thì buộc hai vạt trước lại.

THỜI NHÀ NGUYỄN (từ năm 1802)

Trong thời gian khởi đầu với hoàn cảnh kinh tế cùng xã hội mới, trang phục đã có nhiều phát triển và hoàn thiện theo bình diện truyền thống, theo sự hướng dẫn của một cơ quan công quyền là bộ Lễ. Năm 1806 vua Gia Long ban chiếu quy định phẩm phục đại triều và thường triều cho các hàng quan lại văn võ. Trang phục của quan lại triều đình thường sao theo lối trang phục của triều đình Trung Hoa.



(Hình ông Phan Thanh Giản)

Phẩm phục của quan lại triều đình đều được quy định bằng những Đạo Dụ. Các quan văn đội mũ cánh chuồn đầu tròn. Các quan võ đội mũ cánh chuồn đầu vuông. Họ mặc áo cấm bào bằng vóc rất dài tay thụng, lưng có hai cánh diều đâm ra phía sau và một chiếc đai thật rộng nạm châu báu. Màu sắc áo các quan khác nhau tùy theo đẳng cấp, có thêu rồng phượng rực rỡ.

Phía dưới hai ông quần đều được nhét vào đôi hia lớn cao ngang bắp chân.

Đến thời kỳ thực dân Pháp chiếm Đông Dương, vào cuối thời Nguyễn, do ảnh hưởng giao thoa văn hóa Âu Á trang phục triều đình không còn giữ được sắc thái đặc thù vì gặp nhiều pha tạp yếu tố Âu Á về hình dáng hay họa tiết. Nhất là vào thời vua



(Hình: Vua Khải Định và Hoàng tử Vinh Thụy)

Khải Định. Vào những ngày đại lễ hoặc trong những dịp xuất ngoại, thường thấy nhà vua mặc áo dài đến đầu gối, cổ đứng, cài khuy giữa, bó lấy người bằng một thắt lưng to và một dải vải vắt chéo thân người. Áo thêu rồng mây, sóng nước. Cổ tay gài nút chèn lại. Hai vai đeo gù. Chân đi giày ghê da đen bóng có hình rồng. Hồng đeo kiếm Tây phương với vỏ kiếm có chạm hoa lá.



(Một quan văn)



(Một Công Chúa)

Riêng về trang phục của quần chúng đã đạt đến sự phong phú đa dạng. Cương vực đất nước được mở rộng xuống phía Nam rồi tùy theo địa lý, khí hậu mỗi nơi đã dần dần hình thành phong cách ăn mặc theo từng địa phương Bắc, Trung Nam.

Ở Bắc Phần và Bắc Trung Phần, khi lao động phụ nữ thường mặc áo cánh ngắn cổ tròn, tà mở thường không cài nút trước ngực nhưng bên trong là tấm yếm tơ tằm. Thường mặc váy ngắn đến ống chân, quần thắt lưng bằng vải màu với một hay vài vòng ngoài cặp váy. Mùa lạnh mặc thêm một áo cánh bằng vải thô. Đi ra chốn công cộng hoặc vào những ngày hội lễ họ thường mặc áo dài loại *bốn thân* (tứ thân), có hai vạt trước đều nhau buông thả xuống, không cài nút mà thắt vạt trước bụng. Khi mặc áo này, người phụ nữ thường mang yếm cổ xây. Những người khá giả hay mặc áo *năm thân*, vạt cái dính sáu khuy đồng cài xuống tận nơi xẻ nách. Vào những ngày lễ hội, giới phụ nữ thượng lưu thường mặc bộ áo *mớ ba mớ bảy* là những bộ áo dài ba chiếc mà ngoài cùng là chiếc áo tứ thân bằng the màu thâm hoặc màu tam giang; hai chiếc bên trong màu mỡ gà và màu cánh sen hoặc màu vàng chanh hay màu hồ thủy. Cổ áo tròn, vạt áo thẳng, vôi tay áo bó lại. Người mặc áo mớ ba mớ bảy chỉ cài nút cạnh sườn còn từ nách lên đến cổ thì lật chéo để lộ ba màu áo ra ngoài. Bên trong hết là chiếc áo cánh trắng không cài nút cổ để lộ yếm màu tươi thắm. Phụ nữ miền Bắc khi sử dụng chiếc áo mớ ba mớ bảy thường mặc loại váy lười trai bảy bức bằng lanh hay sồi dài chấm gót. Dải thắt lưng thường bằng vải sồi hoặc lụa màu hồng đào hay hoa lý. Các cô gái thường vấn khăn nhiều tím hay nhung đen với đường ngôi chính giữa. Bên cạnh vành khăn tròn thả buông rủ nhóm tóc đen vuốt đuôi gà.

Ở chốn cung đình ở Huế, các Hoàng Hậu hoặc các Công Chúa có thể có những bộ áo gồm có khi cả hơn mười chiếc áo như thế bằng tơ lụa gấm vóc.

Vào thời Nguyễn do ảnh hưởng Hán Nho còn nặng, giới cung đình quan lại đều ăn mặc theo lối cung đình Trung Hoa.



(Một ông quan đang dâng quà cho mẹ)



(Trang phục một Hoàng Tử nhà Nguyễn từ lao tù được đẩy lên ngôi vua)



(Trang phục quan lại văn võ thời vua Khải Định)

Ở miền Nam từ tỉnh Khánh Hòa trở vào, dân chúng thôn quê thường ngày thường mặc áo cánh ngắn màu đen, cài nút giữa với vạt áo sau dài trùm mông. Họ mặc quần đen chớ không mặc váy. Ra đường trên đầu thường có một cái khăn vuông rộng. Đến đầu thế kỷ 20 có thể nói rằng hình ảnh người phụ nữ mặc bộ áo bà ba màu đen với chiếc khăn rằn choàng cổ

là hình ảnh tiêu biểu của người phụ nữ thôn quê miền Nam Phần Việt Nam.

Trang phục ngày thường của nam giới vào thời này là chiếc áo cánh ngắn với vạt trái đè lên nửa vạt phải với khuy nút và khuyết tết bằng vải. Dần dần về sau, áo được cải tiến với hai vạt bằng nhau với khuy nút bằng sừng. Phần dưới vạt có thêm hai túi.

Ở Bắc, quanh cổ áo cánh có lót ở phía trong áo một miếng vải trùm một phần lưng và ngực, thường được gọi là áo cánh cổ lá sen. Nam giới vùng Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi thường mặc áo cánh năm thân cài nút bên phải. Quần thường may rộng đũng sà thấp, cạp to bản thắt bằng cái thắt lưng bản to khổ vải dũi hoặc lụa dài khoảng sải tay. Vì thắt lưng như khổ nên khi xắn hay lấn lên thì càng xòe cạp ra và rũ xuống xung quanh, nhiều nhất ở lưng, bụng nên được gọi là *quần lá toa*.



(Hoàng Tử Vĩnh Thụy)



Đến đầu thế kỷ thứ 20, quần dài trắng gấp nếp vuông hòm sò. Quần này có chỗ khâu cạp để luồn dây rút nên không còn dùng lối thắt lưng như trước kia.

Nam giới thường chỉ mặc áo dài khi đi ra khỏi nhà hoặc để đi tham dự các đình đám lễ hội. Áo thường may theo kiểu năm thân (2 thân sau, 3 thân trước) bằng các thứ láng, the, sa, doạ. Người thanh lịch thường mặc áo kép bên trong chiếc áo the là chiếc áo dài trắng, tạo thành những lớp hoa văn óng ả. Nếu không mặc thêm áo trắng ở trong thì cổ áo the có đính cổ còng trắng phía trong và cổ còng trắng thường cao hơn cổ áp theo vải ly. Vào thời này họ thường mặc quần ống thẳng đũng cao. Đầu thì đội khăn đóng đen. Khăn đóng ở miền Bắc mỏng và không có bao đầu. Khăn đen ở miền Nam dày hơn và có bao đầu.

KHÁI LƯỢC VỀ CÁI KHỐ, CÁI VÁY VÀ CÁI YẾM

Căn cứ vào tư liệu khảo cổ học thì lối ăn mặc vào thời đại Hùng Vương đã không còn thô sơ đến nỗi phải "*lấy vỏ cây làm áo*" như Trần Thế Pháp đã mượn tượng diễn tả trong sách *Lĩnh Nam Chích Quái*. Cùng hợp với khảo cổ học, các truyền thuyết nhân gian về thời dựng nước còn lưu lại đến ngày nay như các chuyện Trầu Cau, Thánh Gióng và nhất là chuyện Chủ Động Tử cũng cho biết vào thời kỳ này Tổ Tiên người Việt Nam đã có nhiều khái niệm về dệt vải lụa. Đản ông thời Hùng Vương đã đóng khổ, phụ nữ đã thường mặc váy và mang yếm, và lẽ lối trang phục này đã tồn tại dài lâu suốt hàng chục thế kỷ sau. Sử liệu cũng từng cho biết Thập Đạo Tướng Quân Lê Hoàn mặc đầu đã lên ngôi Hoàng Đế cũng có lúc cỡi trần đóng khổ trong vài sinh hoạt với nhân dân.

Đản ông đóng khổ lại vừa gọn vừa thuận tiện với lối năng đi rừng để săn bắn hoặc hái lượm hay trồng trọt. Người phụ nữ ngày xưa phải mặc váy là do hoàn cảnh sinh hoạt và điều kiện làm việc quy định. Họ phải làm việc và cư trú ở một địa bàn lấm sông, nhiều suối và chuyên làm ruộng lúa nước với đồng ruộng quanh năm lầy lội nên cái váy của người phụ nữ rất thuận tiện cho họ trong lúc thao tác trong vùng nước ngập. Với cái váy, mực nước cao đến đâu họ chỉ việc dễ dàng cuốn váy cao lên đến đó. Ngày nay có ai lên miền Thượng Du thấy được cảnh những phụ nữ Mường cuốn váy lên ngực lên đầu để băng suối hay lội qua sông thì mới dễ thông cảm được tại sao người phụ nữ thường thích mặc váy. Như thế có thể nói rằng cái khổ, cái váy và cái yếm đã ra đời để phù hợp với mọi sinh hoạt của người xưa trong cuộc sống của cư dân nông nghiệp đặc chuyên trồng lúa nước ở một địa bàn lấm sông nhiều nước là lãnh thổ mà ngày nay được gọi là Bắc Phần Việt Nam. Như thế việc nghiên cứu trang phục xưa cũng có thể giúp cho người Việt Nam ngày nay hiểu rằng cội nguồn dân tộc mình là ở tại bản địa chứ không phải ở bên Tàu như những hạng người nam nhân bắc hướng đã chủ trương.



KHỐ thường có ba loại: khổ dây, khổ quần và khổ đuôi. Khố dây chỉ là một mảnh vải khổ hẹp dài độ năm gang cùng với một đoạn dây rừng để thắt quanh bụng. Khố quần cần nhiều vải hơn để ngoài phần đóng còn đủ vải để quần một vòng quanh thân. Riêng khổ đuôi lại cần khổ vải vừa rộng vừa dài hơn để vòi khổ xòe che phía trước háng thường xuống quá đầu gối và đuôi khổ che phía đằng sau mông.

VÁY cũng có ba kiểu: váy quần, váy chui và váy đệm. Váy quần là lối thô sơ nhất chỉ gồm miếng vải quần quanh mình. Váy chui là váy được may ghép mí mặc theo kiểu chui đầu. Người Mường sau khi chui đầu để mặc thường quần váy lại ngang bụng. Váy của người Việt cũng là kiểu váy chui đầu nhưng mặc vào thì không quần nhưng lại thắt dây. Váy đệm là váy của giới giàu sang thường có thêm trang trí thêu thùa.

Kiểu cách các khổ và váy là do điều kiện làm việc và hoàn cảnh sinh hoạt quy định, nhưng từ cuối thế kỷ 17 trở đi các chúa Nguyễn đã có chủ trương muốn tạo ra ở Đàng Trong nhiều phong tục tập quán khác với Đàng Ngoài. Đến năm 1828, vua Minh Mạng chính thức ban hành chiếu chỉ cấm mặc váy nên trong dân gian thời đó có câu về:

Thằng chín có chiếu vua ban
Cắm quần không đậy người ta hời hùng
Không đi thì chợ không đông
Đi thì phải mượn quần chồng sao đang?



Tuy vậy phụ nữ vẫn còn tiếp tục mặc váy vì đối với họ mặc váy trong sinh hoạt ruộng đồng vẫn thuận tiện hơn mặc quần và nhất là phụ nữ rất tự hào về tinh thần dân tộc của nó. Cái váy cũng là một bằng chứng rằng

người Việt Nam không cùng cội nguồn với người Tàu.

Cái thúng mà thúng hai đầu,
Bên ta thời có, bên Tàu thời không.

Cái váy không chỉ được thi ca nhắc nhở rong mà còn được ghi lại trên nhiều điêu khắc ở một số đình làng xưa hoặc trên những hội họa dân gian như *Hùng Dừa*, *Đánh Ghen*... Như thế đủ rõ cái váy cũng đem đến cho nghệ thuật lấm nét trữ tình.

YẾM thường là một miếng vải vuông đặt chéo trên ngực người mang nó. Ở một góc trên có khoét hình tròn làm cổ yếm thì yếm này được gọi là yếm cổ xây. Nếu khoét hình chữ V thì gọi là yếm cổ xẻ. Nếu xẻ xuống sâu hơn thì gọi là yếm cánh nhọn. Hai dải ở hai góc bên cánh sườn buộc ra sau lưng. Yếm được dùng để tạo cho khuôn ngực người mang nó được gọn gàng mà không bị cứng đờ và nhân đó làm cho phần trên người phụ nữ được hấp dẫn hơn nên từ đấy đã gây ra thi hứng cho nhiều câu thơ, điệu hò:

Ước gì sông rộng tày gang,
Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi.

Chiếc yếm thắm cũng từng làm say đắm bao đấng mày râu:



Quân tử có yêu thì bóc yếm...

Chiếc yếm có lúc cũng làm mê mẩn cả người tu hành:

Ba cô đội gạo lên chùa,
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư,
Sư về sư ốm tương tử...

← (Tranh dân gian

Hùng Dừa với hình các cô gái mang yếm, mặc váy)

Nhiều câu thơ bắt đầu từ chiếc yếm để diễn tả vẻ đáng yêu của cô gái:

Nho nhỏ cái đuôi gà cao,
Em đeo cái yếm dào...

Cái yếm của người phụ nữ Việt Nam có từ thời Hùng Vương và được định hình từ đời Lý. Nguồn gốc cái yếm đã rõ ràng như thế nhưng truyện tích dân gian có kể chuyện trong

một cuộc đối đáp với một cô gái đẹp phường vải, một anh đồ thuộc hạng người "Nam nhân Bắc hướng" nọ bị bí, đã phải trả lời buống rằng:

Cái yếm sinh ra từ đời Đường.

Vì chàng An Lộc đụng phải ngực nương Quý Phi.

TRANG PHỤC THỜI TIẾP XÚC VỚI VĂN MINH ÂU CHÂU

Trong thời khoảng năm mươi năm đầu của thời kỳ Pháp thuộc, trang phục của người Việt Nam nói chung vẫn giữ được bản sắc đặc thù của dân tộc. Thịnh thoảng chỉ thấy những người cộng tác với chính phủ bảo hộ có bắt đầu ăn mặc pha cách theo lối Âu Châu. Nhưng từ khoảng năm 1925 trở đi, dân chúng các thành thị nhất là ở Nam Phần Việt Nam đã có nhiều người ăn mặc theo lối Âu Châu. Tại các trường học ở Sài Gòn, Mỹ Tho, các học sinh đều phải dùng Âu phục. Tại miền Bắc, tại các trường học ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định cũng đều như thế cả. Riêng tại Trung Phần, học sinh vẫn được tùy tiện ăn mặc theo sở thích Âu hay Việt phục. Tại Huế cho đến năm 1945, đồng phục của học sinh vẫn là áo dài đen quần trắng.

Cùng thời này người thôn quê khắp nước vẫn giản dị, mặc mặc với lối trang phục cũ của họ. Tuy nhiên, ở Nam Phần áo bà ba không còn may thẳng và rộng như xưa nữa mà được may hẹp lại gần ôm thân hình người phụ nữ hơn. Ở miền Trung, khi đi ra ngoài đàn ông vẫn mặc áo dài đen hoặc nếu áo the hoặc nhiều đen thì ở trong thế nào cũng một áo trắng dài.

Trang phục của một phú hào vào khoảng năm 1910.



Sau năm 1945 kiểu áo sơ-mi (chemise) Âu Châu đã được thanh niên Việt Nam tiếp thu và thông dụng thường ngày. Chiếc áo dài của nam giới từ một nghi thức của lễ nghi nho phong dần dần chỉ còn được các người lớn tuổi mặc trong các dịp lễ hội.

Đến thời Đệ nhất Cộng Hòa, Tổng Thống Ngô Đình Diệm ban lệnh phục hồi sử dụng áo dài khăn đóng trong những dịp lễ hội

quốc gia hoặc trong các cuộc tiếp xúc ngoại giao quan trọng. Thiên hạ được dịp ngắm lại cảnh từ Tổng Thống cho đến các Bộ Trưởng, Thủ Trưởng với phẩm phục cổ truyền nghiêm chỉnh, đẹp đẽ, khiến lăm chính khách ngoại quốc thời đó phải kính nể. Tuy nhiên cũng có một vài giới khoa bản mắt gốc lên tiếng chế giễu lối ăn mặc này mà họ cho rằng là phường tuồng lỗi thời, nhưng may mắn thay là giới trí thức Việt Nam đã phủ nhận lời phê bình đó và nói rằng: Đó chỉ là nhận định của những người kém hiểu biết hoặc vọng ngoại chớ thật ra được trọng nể hay bị khinh khi là do tư cách con người. Trong thời chiến nhiều tướng tá Nhật Bản từng lừng danh trên chiến trường với tài thao lược của họ khiến các sĩ quan đồng minh không dám khinh thường, nhưng lúc về triều châu Nhật Hoàng hoặc khi tham dự các lễ hội quốc gia, họ vẫn cởi bỏ chiến phục

để mặc bộ áo *Kimono* cổ truyền thụng thệnh lờ loét nhưng có ai chê bai họ đâu. Tại Liên Hiệp Quốc đại biểu các nước đều sử dụng quốc phục khi tham dự các lễ hội. Áo dài khăn đóng từng được thế giới biết là quốc phục của dân Việt Nam và xem đó là một loại trang phục kín đáo nghiêm chỉnh, đẹp và trang trọng của một dân tộc có trình độ văn hóa khá kính.

LỊCH SỬ CHIẾC ÁO DÀI CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM

Về lịch sử chiếc áo dài của phụ nữ Việt Nam, thư liệu xưa cho biết rằng:

Vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh, tại miền Bắc, tuy tiếng là vua Lê ngự trị nhưng lại bị chúa Trịnh lộng quyền. Ở miền Nam các chúa Nguyễn kế tiếp nhau củng cố xây dựng vùng đất mới *Hoành Sơn nhất đái* này để làm nơi vạ đại dung thân. Cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn kéo dài như thế gần hai trăm năm. Vào năm 1744 để lung lạc tinh thần nhân dân Đàng Trong, chúa Trịnh cho lưu truyền phổ biến vào Đàng Trong câu sấm *Bát Đại Thời Hoàn Trung Đô* nghĩa là sau tám đời phải trở lại Trung Đô (tức là Thăng Long). Câu sấm này lọt vào tai chúa Nguyễn thời đó là Nguyễn Phúc Khoát làm ông này giật mình lo lắng vì kể từ chúa Nguyễn Hoàng cho đến đời ông thì đúng vừa đủ tám đời. Dòng họ chúa Nguyễn suốt gần hai thế kỷ chiến đấu mới gây dựng được cơ đồ riêng ở Đàng Trong như thế này thì đâu có thể bỏ hết để trở về Thăng Long để nộp mạng cho chúa Trịnh.

Để tránh việc đó, phải tạo cho Đàng Trong thành một vương quốc mới riêng biệt. Thế là chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương với niên hiệu Võ Vương, lấy Phú Xuân làm kinh đô. Tại chốn triều đình, cho thay đổi lễ lối lễ nhạc, ngoài dân gian áp đặt sự sửa đổi nhiều phong tục. Trang phục cũng lâm vào hoàn cảnh phải thay đổi. Phụ nữ không được mặc váy mà chỉ mặc quần hai ống. Nhưng khi phụ nữ mặc quần thì giới quan lại còn nặng ảnh hưởng của Hán nho thấy họ có vẻ khêu gợi quá nên triều đình Đàng Trong lại phải nghiên cứu phương cách để che đậy sự khêu gợi này. Bộ Lễ đã đem nghiên cứu loại áo dài của giới phụ nữ thanh lịch Thượng Hải có xẻ từ bắp đùi trở xuống cùng chiếc áo dài của người Chăm với cổ đứng, cài nút chéo qua ngực và may thẳng xuống chớ không xẻ tà, để biến chế thành chiếc áo dài cho phụ nữ Đàng Trong. Chiếc áo dài của phụ nữ Đàng Trong trông có vẻ giống như áo dài của người Chăm nhưng khác cái là có xẻ nách. Áo này về sau được dân gian cải tiến thành *áo năm thân* và vào khoảng nhà Nguyễn chọn hẳn Huế làm kinh đô thì giới phụ nữ giàu có hay thuộc gia đình quan lại thường hay mặc áo dài theo lối "*mở ba mở bảy*". Sau khi vua Gia Long thống nhất sơn hà vào năm 1802, và nhất là từ thời khoảng vua Minh Mạng ban chiếu chỉ cấm nhân dân miền Bắc không được mặc váy thì phong trào mặc áo dài theo lối *mở ba mở bảy* lan tràn rộng rãi ra miền Bắc. Bộ *áo mở ba mở bảy* trở thành thời trang chứng diện của phụ nữ trong những ngày xuân trẩy hội, nổi tiếng nhất là các cô gái kinh Bắc. Họ thường mặc những bộ áo dài ba chiếc. Ngoài cùng là chiếc áo bằng the màu thâm hoặc nâu hoặc màu tam giang. Hai chiếc ở trong thường là màu mỡ gà hoặc màu cánh sen hoặc màu hồ thủy. Phong trào mặc áo nhiều lớp như để chứng tỏ sự khá giả của con người. Tại triều đình Hoàng Hậu hay các Công Chúa mặc những lễ phục có khi gồm đến 6 hay 10 lớp.

Từ khoảng năm 1900, chiếc áo dài của phụ nữ tuy vậy vẫn còn rộng thùng thình với cổ áo thật cao, gấu tà nẹp quá to bản

và có vẻ nặng nề. Đây là kiểu áo mà ngày nay chúng ta thường thấy trên những tranh diễn tả cảnh Tố Nữ gảy đàn.

Sau đệ nhất thế chiến và nhất là sau các năm 1930 do ảnh hưởng của văn minh Âu Tây, chiếc áo dài của phụ nữ Việt Nam được nhiều nghiên cứu cải tiến. Cải tiến có thành công nhưng cũng có thất bại. Đặc biệt là sự ra đời của chiếc áo dài tân thời của các họa sĩ Lê Phổ và Cát Tường. Loại áo mới này được thu hẹp vừa khít cơ thể để có thể nổi lên hình dáng nõ nang. Nẹp tà đều được bỏ. Cổ áo tuy hạ xuống một nửa nhưng lại bị kéo dài thành xòe to hình lá sen. Hai vai phồng lên và đôi cửa tay lại loe ra như hình cái phễu. Lúc đầu áo này chưa được ưa thích lắm vì các họa sĩ đã vay mượn nhiều từ các kiểu áo đương thời của Âu Tây thời nay. Rút thêm kinh nghiệm này hai họa sĩ sửa đổi lại, bỏ hẳn những tà nẹp to bản để có thể tỏa lên vẻ muốt của toàn thân, bỏ hẳn lối vai phồng và tay loe. Áo này được các họa sĩ đặt tên là áo Le Mur. (Le là từ họ Lê của họa sĩ Lê Phổ; *Mur* tiếng Pháp dịch ra tiếng Việt là tường, đồng âm với tên Tường, tên của Cát Tường).

Ở miền Bắc, phụ nữ thường mặc áo *Le Mur* dài gần tới gối với quần cũng đồng màu. Ở miền Nam, phụ nữ thành thị mặc áo *Le Mur* dài vừa tới đầu gối với quần màu đen. Ở miền Trung Trung Phần, áo *Le Mur* dài xuống quá đầu gối và quần thì màu trắng.

Vào khoảng các năm 1938 đến 1940 thì có sự xuất hiện một loại áo dài mới được gọi là *Áo Dài Huế*. Có thể nói chiếc áo dài Huế là chiếc áo *Le Mur* được cải tiến thêm cho hợp với văn hóa hài hòa của người Việt Nam. Áo không có bó chèn nhiều như trước ở phần ngực, may sát eo với phần xẻ tà hơi cao hơn nên tạo được dáng mềm mại, diễn tả được những đường cong duyên dáng của cơ thể người con gái đất Thần Kinh:

Học trò trong Quảng ra thi,

Thấy cô gái Huế mà đi không đành.

Chiếc *áo dài Huế* với những cải tiến ban đầu mang phong cách địa phương đã tăng thêm phần duyên dáng của người phụ nữ chốn kinh kỳ, nên sau đó kiểu cách này được lan tràn ra khắp nước. *Án Bắc, mặc Kinh*, đã gần thành như một câu tục ngữ thời đại này, nhất là khi tại Huế, khác với nơi khác chiếc áo dài đã trở thành trang phục điển hình thường trực của người phụ nữ Huế. Không chỉ trong những buổi hội, hè, lễ, Tết, áo dài ở đây đã trở thành y phục thường ngày của người phụ nữ Huế khi đi ra đường phố để đi chơi, đi làm, đi học và ngay những lúc phải lao động nặng nề.

Trong hơn ba mươi năm gần đây chiếc áo dài Huế đã trở thành chiếc áo dài của phụ nữ Việt Nam. Khắp nước cũng như ở hải ngoại, nhiều chuyên viên về trang phục cũng đã có nhiều cố gắng để làm cho chiếc áo dài thêm phần hoàn mỹ bằng cách trang trí thêm nhiều hình thù hay vẽ. Tuy vậy, nếu có những hình thù hay vẽ phù hợp với văn hóa Việt Nam đã làm tăng thêm duyên dáng hoặc nét đẹp của chiếc áo dài thì cũng có những hình thù hay vẽ đã làm cho chiếc áo trở thành dị hình. Cũng có một thời ở các đô thị có loan ra phong trào mặc áo dài với quần tây, nhưng rồi phong trào này cũng không tồn tại được lâu vì chiếc quần tây cứng cáp đã làm giảm đi vẻ thướt tha mềm mại của chiếc áo dài. Tại hải ngoại cũng có nhiều hiệu may đã cố biến thể chiếc áo dài bằng kiểu hở ngực, hở cánh tay, hở hông cùng với trang trí lờ loét, hoặc những chiếc áo dài nhọn tà. Nhưng tất cả đều thất bại do sự chế biến của những người không hề hiểu gì về thẩm mỹ truyền thống của trang phục phụ nữ Việt Nam. ●

Trang y học

VŨ KHÍ SINH HỌC



Trong thời gian qua tại nước Mỹ đã xảy ra nhiều trường hợp bị nhiễm bệnh than (Anthrax), loại bệnh mà đã từ 45 năm nay sự lây nhiễm giữa người và người đã chấm dứt. Phải chăng đây là cuộc khủng bố bằng vũ khí sinh học ?

Sau vụ khủng bố tại Nữu Ước (New York), Hoa Thịnh Đốn (Washington) lại xảy ra tiếp theo là sự khủng bố bằng vũ khí sinh học "Bệnh Than", chỉ trong vòng một tháng kinh tế Âu Mỹ xuống dốc một cách trầm trọng, hàng ngày biết bao nhiêu người bị thất nghiệp, bọn khủng bố đã đánh vào tâm lý mọi người gây sự hoảng hốt lo sợ, không còn tin tưởng vào tương lai, với cảm giác sự an toàn không bảo đảm. Bọn khủng bố đã khiến cho kinh tế Âu Mỹ trong một thời gian rất ngắn lâm vào tình trạng khủng hoảng chưa từng có từ mấy chục năm qua.

Thật ra bệnh than so với các bệnh dịch khác ví dụ như bệnh dịch hạch chẳng hạn thì mức độ nguy hiểm chết người lây nhiễm vẫn còn thua xa. Bệnh than có ở các thú vật tại Châu Phi, Châu Á, Nam Âu. Con người có thể bị lây nhiễm bệnh than qua sự tiếp xúc với thú vật nuôi bị nhiễm bệnh như bò, trâu, ngựa, heo. Sự lây nhiễm xảy ra qua hơi thở hoặc sự tiêu thụ thịt và các phần khác của thú vật bị bệnh. Khi xưa, các thú vật bị bệnh than được đem đi thiêu đốt để tránh lây lan. Từ năm 1975 sự truyền nhiễm giữa người và người đã chấm dứt trên thế giới; Cũng như bệnh đậu mùa cũng có một thời gian từng là bệnh dịch và ngày nay thì không còn tìm thấy loại vi trùng này ở bất cứ nơi đâu cả.

Tại nước Đức, trong thời gian qua cũng luôn luôn bị bọn khủng bố đánh vào tâm lý, nhiều bức thư khả nghi được gửi qua bưu điện như các bức thư có chứa chất bột trắng, thư với chữ Rập,

thư có dấu hiệu sọ người với gạch chéo. Viện nghiên cứu về Thực phẩm, Dược phẩm và Viện nghiên cứu về Vi trùng học ở thú vật (Thú Y) đã thử nghiệm hàng mấy chục lá thư khả nghi để tìm mầm bệnh than. Kết quả là tất cả các bức thư này đều vô hại; không hề có sự khủng bố bằng cách rắc bột chứa vi khuẩn bệnh than vào các bức thư này.

* Bệnh than đã xuất hiện ở Mỹ ra sao ?

Tại nhà xuất bản ở Boca Raton (Florida) các chuyên viên FBI đi từng phòng đến từng bàn làm việc trong bộ trang phục bảo vệ mang găng tay, đeo mặt nạ, kết quả là họ đã tìm thấy vi khuẩn (Anthrax) gây bệnh than trên bàn phím máy điện toán của nạn nhân đã chết. Bob Stevens (63 tuổi), nhiếp ảnh viên của tuần báo "SUN". Tuần báo "SUN" nhận được bức thư ngụ ý tấn công gởi đến nữ ca sĩ Jennifer Lopez, Ông Stevens và ông Blanco (73 tuổi) đã tiếp xúc với bức thư này, sau đó cả hai đều bị nhiễm bệnh than. Cảnh sát Liên Bang Mỹ FBI đã tìm ra dấu vết của sự khủng bố bằng vũ khí sinh học qua bức thư có chứa bột mang vi khuẩn bệnh than. Tiếp theo đó là các trường hợp nhiễm Anthrax được phát hiện tại Nữu Ước và các thành phố khác. Trong số nạn nhân nhiễm bệnh có phóng viên của đài truyền hình NBC, nhân viên truyền hình CBS của Mỹ.

* Vũ khí sinh học là gì ?

Vũ khí sinh học được chế tạo bằng cách nuôi những vi sinh vật gây bệnh, cho chúng phát triển với số lượng đủ mạnh tăng trở lâu ngày mà không bị hư hỏng rồi chuyển đến nơi cần tấn công.

* Tại sao vi khuẩn bệnh than được dùng làm vũ khí sinh học ?

Vi vi khuẩn bệnh than Anthrax truyền nhiễm nhanh, mầm bệnh dễ phát triển. Độc tố của vi khuẩn có tác dụng cực kỳ mạnh. Mầm bệnh sống rất lâu trong đất cát, người ta đã tìm thấy mầm bệnh than còn sống trong các xác chết hàng ngàn năm ở nơi băng tuyết giá lạnh của vùng Siberi (Nga). Bệnh than có thể lây nhiễm qua da, qua đường hô hấp, đường ruột.

* Làm cách nào bọn khủng bố đem tác nhân gây bệnh than đến với các nạn nhân ?

Họ có thể lấy vi khuẩn bệnh than trong các xác thú vật bị nhiễm Anthrax ở Phi Châu, nuôi vi khuẩn một cách đơn

giản trong bình sữa. Sau đó, họ phun xịt rắc bột có vi khuẩn vào các bức thư gửi đi.

* Bệnh than là gì ? Triệu chứng nhiễm bệnh ra sao ?

Bệnh than do vi khuẩn Bacillus anthracis gây ra. Đây là loại bệnh truyền nhiễm qua các loài thú vật, trước đây loài người cũng đã có lúc mang bệnh này.

* Bệnh lây qua đường da, hô hấp, ruột

- Bệnh than lây qua đường da: khi phát bệnh, người bệnh sẽ bị ngứa rát da, nổi đỏ, nốt mủ ở mặt, ở tay, khi có triệu chứng này phải đến ngay bệnh viện.

- Bệnh than lây qua đường tiêu hóa: khi ăn thịt không nấu chín có mang vi khuẩn thì bị đau bụng, dạ dày khó chịu, buồn nôn, đau bụng quang (bụng đói).

- Bệnh than lây qua đường hô hấp: người bệnh cảm thấy mệt nhọc, khó thở như bị suyễn, chóng mặt, chảy máu mũi.

* Dạng nhiễm bệnh than qua đường nào là nguy hiểm nhất ?

Dạng nhiễm trùng qua đường hô hấp (hít thở phải mầm bệnh than qua mũi miệng) là nguy hiểm nhất: Qua phổi vi khuẩn vào cơ thể phát triển tự do, độc tố vi khuẩn làm phổi viêm sưng, xuất huyết nội (chảy máu bên trong), bệnh nhân bị "sốc", bệnh nhân bị chết sau 1 đến 2 ngày dù có điều trị nhưng cuối cùng tỷ lệ tử vong vẫn cao.

* Làm thế nào để nhận biết được sự nhiễm bệnh sớm và điều trị ra sao ?

- Để định bệnh người ta thử nghiệm máu.

- Điều trị bệnh bằng Penicillin với điều kiện nhận biết sớm các dấu hiệu nhiễm bệnh như: ớn lạnh, nóng sốt cao, ho, đối với sự nhiễm bệnh qua đường phổi mặc dù được điều trị nhưng tử vong vào khoảng phân nửa số trường hợp bệnh than.

* Có thể ngừa bệnh được không ?

Người ta có thể tiêm chích thuốc ngừa bệnh than. Ngoài ra nhiệm vụ của ngành y-tế là theo dõi kiểm tra và có những phương pháp để ngăn chặn bệnh phát triển lây lan. Tuyệt đối không được sử dụng thịt, lông, da hay các phần khác của thú vật bị bệnh.

• Quỳnh Hoa

VÀI NÉT TỔNG QUÁT CỦA NĂM 2001

• Phan Ngọc

Ý nghĩa và tầm quan trọng của những biến cố, những biến chuyển đều tùy thuộc vào sự nhận định của mỗi người.

Bài này đề nghị một bản sơ kết tình hình thế giới năm 2001 ăn khớp xung quanh nền kinh tế Mỹ, những bước đầu của Tổng Thống Bush, của Tổng Thống Poutine, Liên Hiệp Âu Châu với viễn ảnh nói rộng biên giới, những biến chuyển tại Trung Quốc trong lúc Bắc Kinh mở rộng của thông sang thế giới bên ngoài. Cuối cùng, bản sơ kết không thể không kể đến tình hình xã hội, chính trị tại miền Đông và Đông Nam Á Châu, chiến tranh Do Thái - Palestine và nét đặc thù của chiến tranh chống khủng bố tại A Phú Hân.

MỸ

Đối với những nhà kinh tế, biến cố quan trọng trong năm 2001 là nền kinh tế Mỹ bắt đầu suy yếu, thị trường các giá trị kỹ thuật NASDAQ suy sụp, chứng khoán tụt dốc, phát triển giảm sút, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng. Một địa hạt đầy triển vọng như viễn thông cũng tỏ dấu hiệu trì trệ, đồng thời tạo ra một hiện tượng mang tầm vóc toàn cầu. Các điều ghi trên tức khắc nêu lên một câu hỏi: Mỹ sẽ đứng trước lạm phát? Nếu ngành sản xuất phục hồi, nền kinh tế sẽ vươn lên trở lại và chặn đứng lạm phát. Ngược lại, nếu sản xuất trì trệ lâu dài, kinh tế sẽ suy yếu dần và đưa đến suy thoái.

Tóm lại, bộ đôi lạm phát- sản xuất nắm giữ chìa khóa cho những tháng sắp đến, gia tăng sản xuất là yếu tố mang tính chất quyết định. Mặt khác, nhu cầu tài chánh đến từ bên ngoài (500 tỷ đô-la) đặt đồng đô-la trước một tình thế kém vững chắc. Nếu các nhà đầu tư ngoại quốc xét lại dự đoán và dự định, và sự đánh giá nền kinh tế Mỹ, đồng đô-la sẽ mất giá, lồi theo cang thẳng lạm phát.

Trong lúc người ta không biết đích xác Mỹ suy thoái hay dùng nghỉ tạm thời để sửa chữa một cách khá tốt đẹp những thái quá xây đến trong thập niên vừa qua, thì nền kinh tế Mỹ gánh chịu hậu quả nặng nề của nạn siêu khủng bố.

Không còn nghi ngờ gì nữa, nền kinh tế Mỹ đang bước vào thời kỳ suy thoái: Sức mua sắm giảm 1,8% cao nhất kể từ năm 1987, sự đầu tư giảm 11,9%, tỷ lệ thất nghiệp đạt 5,4% so với 3,9% năm 2000. Tình hình càng trầm trọng thêm bởi các địa hạt chịu ảnh hưởng nặng nhất của vụ khủng bố, sa thải hàng loạt công nhân, trong tháng 10 thêm 400.000 dân đăng ký thất nghiệp.

Người ta không thể dự đoán cuộc khủng hoảng kinh tế sẽ kéo dài bao lâu. Nhưng ngay từ bây giờ, sự suy thoái đang đè nặng lên tất cả các vùng trên thế giới. Nó ảnh hưởng đến Liên Hiệp Âu Châu, nhất là Đức, Pháp. Sau vụ biến động tài chánh năm 97, nền kinh tế Á Châu khó bề phục hồi. Sự suy thoái còn ảnh hưởng sâu đậm đến lục địa Mỹ, bắt đầu là Mê Tây Cơ, Ba Tây, Á Căn Đình. Riêng Á Căn Đình suy sụp từ 4 năm nay, bây giờ không thể thanh toán tiền vay nợ quốc tế. Ngoài ra, khía cạnh chính trị cần được chú ý. Như trường hợp Thổ Nhĩ Kỳ đang gặp khó khăn kinh tế cực độ là một nước chủ yếu, một nhịp cầu chiến lược giữa Âu Châu và miền Tây Á Châu; hoặc Nam Dương chưa tìm lại được sự cân bằng chính trị kể từ khi Tướng Sukarto bị loại trừ.

Những bước đầu của Tổng Thống Bush

Về mặt kinh tế, chính phủ Bush mở máy theo phương thức siêu tự do. Tổng Thống Bush đeo đuổi mục tiêu hàng đầu mở thông mậu dịch trên toàn cõi lục địa Mỹ. Muốn đạt mục tiêu ấy, Tổng Thống phải xóa tan mối nghi ngờ của Ba Tây và Venezuela, nhất là phải được sự đồng ý của Quốc Hội. Chắc chắn Quốc Hội sẽ lưu ý Chính phủ về vấn đề xã hội, môi trường. Điều này sẽ đi ngược lại quan điểm của Tổng Thống. Hơn nữa, các nước đang mở mang xem những quy tắc về xã hội môi sinh là một cái cớ để thực thi chế độ thuế quan bảo hộ.

Về mặt ngoại giao, chính phủ Bush đeo đuổi sách lược đơn phương quyết định mọi việc, không cần tham khảo hoặc điều hợp với đồng minh, đặc biệt với Âu Châu. Quyền lợi quốc gia cao hơn pháp lý và ngoại giao quốc tế.

Tại Á Châu, Mỹ quay lưng trước những cố gắng hòa hợp hòa giải của Nam Bắc Triều Tiên. Những lời tuyên bố của Tổng Thống về Đài Loan biểu lộ ý đồ dùng vũ lực để bảo vệ hòn đảo, như thể chấm dứt sách lược nước đôi của vị tiền nhiệm. Tuy nhiên, Tổng Thống không cho phép Ngũ Giác Đài cung cấp

hỏa tiễn AEGIS cho Đài Bắc. Cuộc khủng hoảng máy bay gián điệp EP3 được giải quyết ổn thỏa. Hoa Thịnh Đốn không cản trở Bắc Kinh gia nhập tổ chức mậu dịch thế giới và không gây khó khăn cho Trung Quốc tổ chức Thế Vận hội năm 2008. Thật sự, Mỹ không muốn tạo ra một chiến tranh lạnh mới. Trò chơi có vẻ tế nhị hơn, sự toàn cầu hóa bắt buộc phải như thế.

Về phía Cận Đông, tiếp theo sự siêu khủng bố chính phủ Bush bắt buộc phải gấp rút can thiệp vào vụ xung đột vũ trang Do Thái, Palestine trái với những lời tuyên bố ban đầu. Mưu tính sắp xếp lại kế hoạch bao vây Iran - Irak không tương ứng với thực tế. Tại Teheran, nhà cải cách ôn hòa Khatami tái đắc cử Tổng Thống. Nhưng dưới áp lực của Quốc Hội, sự trừng phạt sẽ được duy trì trong thời gian đầu cho dù các nhà kinh doanh Mỹ đã len lỏi buôn bán với Iran. Mối ám ảnh Iran dai dẳng sẽ định đoạt đường lối của Mỹ liên quan đến con đường dẫn dầu hơi đốt ở miền biển Caspienne và vùng Caucase. Mỹ tìm mọi cách để tránh đi trên con đường ngang qua Iran và Nga. Tuy nhiên, quyền lợi của Iran (vụ Taliban A Phú Hân) đang xích lại gần quyền lợi của Mỹ. Liên quan đến Irak, Tổng Thống Bush muốn giải quyết triệt để cái gai Saddam Hussein (một vấn đề gia đình) qua kế hoạch đánh thẳng vào các mục tiêu quân sự hầu tránh sát hại dân sự. Nhưng kế hoạch này vô hiệu lực vì chương trình dầu hỏa-lương thực được Liên Hiệp Quốc duy trì.

Còn phải kể đến những điểm dị đồng chiến lược giữa Mỹ và Liên Hiệp Âu Châu. Liên Hiệp Âu Châu tỏ ra khó chịu vì không được Mỹ tham khảo về nhiều hồ sơ, đáng lưu ý nhất là hồ sơ chống hỏa tiễn (Missile Defense) hoặc vì những mục tiêu khác. Đại thể, dị đồng nảy sinh từ khi mối đe dọa Liên Xô tan biến và sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt.

Dị đồng rõ ràng nhất là dị đồng liên quan đến sự nhận định các ưu tiên. Trong khi Liên Hiệp Âu Châu dồn mọi nỗ lực để nói rộng biên giới, thu nhận hội viên mới, thì Mỹ thờ ơ với cự lực địa. Dĩ nhiên, Mỹ vẫn xem Âu Châu là một đồng minh quan trọng nhất, nhưng theo dư luận Mỹ, chính phủ Bush phải đặc biệt để ý đến các vùng khác như Nam Mỹ, Cận Đông, Á Châu (Trung Quốc là mối lo ngại hàng đầu) siêu cường độc nhất với trách nhiệm trước toàn cầu có khuynh hướng xem Âu Châu là một lục địa yên ổn, bởi Âu Châu

không phải là mối đe dọa cho Mỹ. Vì vậy, Âu Châu đứng vào một vị thế thứ yếu trên danh sách ưu tiên chiến lược của Mỹ. Nói cách khác, Mỹ xem Liên Hiệp Âu Châu không thể cạnh tranh với Liên Minh Đại Tây Dương.

Mối dị đồng về ưu tiên địa phương cùng đi song song với mối dị đồng chiến lược trước những ván cờ quốc tế. Trong khi Liên Hiệp Âu Châu nhấn mạnh đến những tổ chức đa quốc gia thì Mỹ xét lại nền tảng của hệ thống quốc tế hiện nay: Nghi kỵ Liên Hiệp Quốc, ngập ngừng trước những cam kết Quốc Tế như khước từ biên bản Kyoto về bảo vệ môi sinh, từ chối ký kết các Hiệp Ước khác như ngăn cấm sử dụng, sản xuất mìn cá nhân, thử bom nguyên tử, thành lập Tòa Án Quốc Tế. Sự tranh luận về kế hoạch chống hỏa tiễn, chúng tỏ hai quan điểm Âu Châu và Mỹ hết sức khác biệt: Mỹ tự bảo vệ trước những quốc gia "côn đồ", ngược lại Âu Châu muốn giúp đỡ các quốc gia ấy hội nhập cộng đồng quốc tế và dành ưu tiên cho nền ngoại giao và sự tôn trọng công pháp quốc tế. Đa số xem hệ thống đa cực là một yếu tố gây thế lực, Mỹ xem lại hệ thống ấy như một chướng ngại cho quyền lợi quốc gia. Chiến tranh lạnh chấm dứt đặt Mỹ trước một tình trạng tương phản: Mỹ xét lại hệ thống mà Mỹ ra sức đặt để ngay sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt.

LIÊN HIỆP ÂU CHÂU

Năm 1950, Monnet-Schuman tung ra kế hoạch tạo dựng Cộng Đồng Âu Châu. Sự kiến trúc cộng đồng Âu Châu xem như một tiến trình thống nhất các sự khác biệt; thoát tiên, vấn đề đặt ra là cùng nhau hợp tác, sống chung, đặc biệt là Đức, Pháp. Mục tiêu tối hậu là xây đắp một nền hòa bình vĩnh cửu tại Âu Châu, đồng thời tôn trọng những khác biệt, những lý lịch riêng của mỗi nước. Đại sự thành công dựa vào bốn điều kiện:

- Hình thể các nước phải ổn định (không một nước nào mang âm mưu thôn tính hoặc phục thù)
- Phải theo chế độ dân chủ (dân chủ trong cách tổ chức và điều hành, chấp nhận sự kiểm soát của các nước hội viên khác, giữ thái độ dân chủ trong các mối tương quan liên quốc gia)
- Phải thương lượng liên tục (thu nhập hội viên mới, sửa đổi các cơ quan thiết chế)
- Phát triển kinh tế cao (mối lợi cụ thể).

Hiện nay, Liên-hiệp Âu-châu đang đứng trước một khúc quanh quan trọng: Sửa soạn nhận thêm từ 5 đến 13 hội viên mới. Nhưng muốn tiến tới, Liên Hiệp Âu Châu phải có một sự lãnh đạo tối thiểu. Vào những thập niên 50 và vào đầu thế kỷ 21, sự lãnh đạo do Đức, Pháp đảm nhận. Bây giờ, dù không biểu lộ tinh thần quốc gia cực đoan, Bá Linh vẫn bị Ba Lê nghi kỵ. Pháp e ngại Đức tìm cách nắm thế thượng phong, dựa trên nền kinh tế phồn vinh và dân số. Nếu Liên Hiệp Âu Châu muốn vững mạnh, trước nhất Liên minh Pháp, Đức phải thổi lên một luồng gió mới.

Dù sao đi nữa, Liên Hiệp Âu Châu luôn luôn tỏ vẻ lóng lẻo về nền bang giao giữa 2 bờ Đại Tây Dương hết sức nhập nhằng. Từ Varsovie, Tổng Thống Bush dựa vào lịch sử của thế kỷ 20, tuyên bố Liên Hiệp Âu Châu phải nói rộng đến các nước Âu, Á từ biển Baltique đến biển Đen. Và theo Tổng Thống Bush, NATO phải bảo đảm an ninh cho toàn vùng rộng lớn này, có nghĩa là Liên Hiệp Âu Châu phải ở trong vùng quỹ đạo của Mỹ. Đối với Tổng Thống Bush, những gì tốt cho Mỹ đều tốt cho Âu Châu.

Trước sự xác nhận quyền lực này, một vài nhà lãnh đạo Âu Châu như Aznar Tây Ban Nha, Berlusconi Ý, vì thời cơ hoặc vì đồng quan điểm đến phụ họa theo Mỹ. Đức luôn luôn hướng về phía Mỹ. Anh vẫn là đồng minh trung thành nhất. Những nước ủng hộ vào Liên Hiệp Âu Châu, phần lớn lung lạc vì giai đoạn Liên Xô chỉ tin tưởng vào Mỹ. Mọi toan tính phân biệt Liên Hiệp Âu Châu với Liên minh Đại Tây Dương đều gặp phải sự chống đối của những nhà lãnh đạo thân Mỹ. Số này càng ngày càng đông sau khi Liên Xô sụp đổ.

NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA VLADIMIR POUTINE

Hướng về phía Đông lục địa Âu Châu, người ta chú ý ngay đến Poutine. Quả thật, tình hình Nga là một trong những chìa khóa mở cửa đến toàn thể an ninh ở Châu Âu. Nó định đoạt tình hình ở các vùng hoặc các nước khác có tầm quan trọng đặc biệt cho thế giới, hay ít nữa cũng cho Âu Châu như Ukraine, Caucase, miền Trung Á Châu. Riêng ở Trung Á, ván cờ không những dính dáng đến kinh tế (dầu, hơi đốt) mà còn liên quan đến chủng tộc, tôn giáo. Trung Á là nơi các vụ phạm pháp nổ rộ nhất là các vụ buôn lậu ma túy.

Trung Quốc chú ý đặc biệt đến vùng. Nhờ chiến tranh lạnh chấm dứt, vùng viễn đông Trung Quốc mở cửa thông đến Trung Á, nơi đây Bắc Kinh đã có những mối liên hệ lâu đời. Nga, Trung Quốc, Trung Á vừa thành lập một liên minh gọi là "Nhóm Thượng Hải" để canh chừng ổn định trật tự địa phương. Bắc Kinh nhận định Mạc Tư Khoa sẽ giữ một vai trò quan trọng ở nơi đây.

Sau những năm rối rắm, Poutine là vị nguyên thủ đầu tiên mong muốn đất nước ổn định. Nhưng Nga luôn luôn theo chế độ chuyên chế Á Châu. Liên Xô không còn nữa, vấn đề là xây dựng nhà nước. Trong điều kiện này, thành lập một hệ thống độc tài cũng như một hệ thống dân chủ là một việc làm hết sức khó khăn.

Với Poutine, Nga có vẻ như ổn định về mặt chính trị; ổn định chính trị theo nghĩa một hệ thống nhân vật nắm giữ quyền hành và không có trách nhiệm với ai khác. Sự phân chia quyền hành theo hệ thống tập đoàn như thế không thể dẫn đến một sự cải tổ toàn diện có thể hỗ trợ một sự phát triển kinh tế lâu bền. Poutine có đủ khả năng quản lý hệ thống quyền lực để duy trì quyền hành và trong dài hạn mang đến lợi lộc cho quốc gia?

Đĩ nhiên, nội bộ Nga giới hạn sức mạnh của Nga, người ta thấy rõ điều này ở Tchetchenie, nơi mà quân đội Nga thiếu tinh thần không thành công khuất phục một dân tộc nhỏ bé. Thế yếu của Nga càng rõ hơn trước mối tương quan Nga, Mỹ. Mỹ tự xem là kẻ chiến thắng tìm cách nói rộng ảnh hưởng sâu xa hơn nữa, Nga xem sự kiện Mỹ không can thiệp tác chiến lược với Nga là một điều hết sức nhục nhã. Poutine thừa biết ông không thể đương đầu với Bush. Nhưng dù yếu thế, Nga vẫn còn giữ nhiều lá bài tẩy quan trọng như tài nguyên năng lượng phong phú và kỹ nghệ quân cụ. Nga vẫn là diễn viên chính ở vùng "Xa lạ gần" và đã ghi một vài thắng lợi ở miền biển Caspienne trong cuộc tranh chấp đặt các ống dầu. Nga cũng có thể hợp tác với các nước "Côn đồ", Nga có quyền phủ quyết ở Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, Nga cũng có thể liên minh với Ấn Độ, Trung Quốc, Liên Hiệp Âu Châu, trước tiên là Pháp, Đức để thấy rõ mối nguy này. Pháp, Đức hiểu rằng, khác với Thổ Nhĩ Kỳ của Mustapha Kemal, chủ nghĩa dân tộc Nga luôn luôn chống đối khối Tây Phương. Vì vậy, hợp tác thân thiện với Nga là

điều quan trọng và phải kể đến Poutine trong việc làm này.

CẬN ĐÔNG DO THÁI, PALESTINE

Sự phát động phong trào kháng chiến Antifada sau khi Ariel Sharon viếng thăm "Sân trước cái đền thờ Hồi Giáo" hoặc "Núi đền thờ Do Thái", đã chấm dứt một giai đoạn trong lịch sử, cuộc xung đột Do Thái, Palestine, giai đoạn Madrid 1991 và Oslo 1993. Cận Đông rơi vào vòng bạo lực là một sự kiện đã chấm dứt đột ngột tiến trình 10 năm thương thảo đi tìm hòa bình.

Lý do của sự thất bại

Theo nguồn tin chính thức, tiến trình hòa bình thụt lùi vì vấn đề Jerusalem. Nhưng liên quan đến những hồ sơ quan trọng khác, không có một tiến bộ khả quan nào. Thủ Tướng Barak quyết định chốt giai đoạn. Ông muốn thảo luận với Arafat về quy chế cuối cùng của Palestine. Cuộc thương lượng xảy ra tại Camp David và chấm dứt bằng một thất bại mà lúc ấy người ta chưa đo lường được những hậu quả tai hại.

Theo toan tính của những người thương lượng, Jerusalem là một biểu tượng có thể phá sập các chốt an ninh về mặt tâm lý, như thế cho phép đề cập đến quy chế cuối cùng của Palestine và những bảo toàn quan trọng khác như vấn đề dân tỵ nạn, biên giới, an ninh, hợp tác song phương trong một bầu không khí tin cần lẫn nhau. Nhưng họ đã phạm hai sai lầm:

- Đối với Arafat, đề nghị của Do Thái về Jerusalem (nhường Đông Jerusalem cho Palestine làm thủ đô) đến quá muộn và chưa đủ.

- Jerusalem là điều cấm kỵ, là một huyền thoại có phận sự quan trọng làm điểm tựa cho cộng đồng dân tộc. Một huyền thoại thuộc về lãnh vực thiên kiến, nơi mà mọi người đều đòi hỏi các quyền lợi tuyệt đối. Không thể mang một huyền thoại ra để bàn cãi.

Chiến tranh không xứng danh

Nếu như Sharon là người nổ của Antifada, thì Barak là người châm ngòi nổ khi ông ra lệnh dội bom các cơ quan hành chính Palestine. Toan tính của Barak là cảnh cáo Arafat! Biểu dương sức mạnh để ngăn chặn bạo lực. Nhưng kết quả hoàn toàn trái ngược. Palestine xem Do Thái gây chiến tranh và không còn cách nào khác hơn là tăng cường Antifada. Từ đó đến nay, người ta chứng

kiến nhiều vụ vi phạm liên tục từ phía bên này cũng như từ phía bên kia. Mỗi lần vi phạm, cuộc xung đột càng leo thang.

Tuy nhiên chiến tranh này không phải là chiến tranh liên quốc gia. Đó là một cuộc chiến tranh không xứng danh, một chiến tranh kiểu mới: Chiến tranh tiêu hao kéo dài, không giới hạn về phương diện địa lý và đặc tính, then chốt là sử dụng bạo lực. Một chiến tranh khó kiểm soát.

Chiến lược của Palestine là đặt mối đe dọa ngay trên lãnh thổ Do Thái, như thế phá hủy huyền thoại an ninh tuyệt đối, đánh đổ huyền thoại ưu thế quân sự của Do Thái. Do Thái cương quyết chấm dứt Antifada và phục hồi càng nhanh càng tốt bầu không khí an ninh, cho dù phải thanh toán chính quyền Arafat về mặt chính trị. Những chiến lược leo thang khủng bố, trừng phạt đã nuôi dưỡng bạo lực. Báo thù kêu gọi báo thù.

Chính phủ Bush trước cái bẫy Cận-đông

Hồ sơ Do Thái, Rập không có mặt trên danh sách các mối lo của chính phủ Bush. Chính quyền mới đã xét lại các chủ trương liên can trực tiếp đến tiến trình hòa bình của cựu Tổng Thống Clinton. Theo Tổng Thống Bush, từ đây vai trò của Mỹ phải giới hạn trong vấn đề cố vấn và cố gắng không nghiêng hẳn về phe nào. Nhưng trước cái vụ leo thang đẫm máu và nhất là sau vụ khủng bố 11-9. Mỹ bắt buộc phải dấn thân và đảm nhận gia sản của chính phủ Clinton.

Mỹ không ngớt đe dọa đôi bên, ép buộc đôi bên phải sớm trở lại bàn hội nghị. Dù Sharon bác bỏ áp lực của Mỹ, người ta dự đoán Do Thái, Palestine phải nghiêm túc nói chuyện với nhau, bằng không tình hình rối ren có thể tạo nên một khoảng trống nguy hiểm cho Cận Đông.

Điều ghi nhận đầu tiên rút tĩa từ giai đoạn mới của thâm kịch là giải pháp quân sự. Sử dụng khủng bố cuối cùng sẽ đưa đến bế tắc. Điều này không ngăn cản đôi bên noi theo con đường bạo lực ấy: Do Thái vì cảm thấy bị bao vây, bị đe dọa; Palestine tin chắc Antifada sẽ mang lại cho Palestine một quốc gia có chủ quyền. Dù đang sống trong bầu không khí bạo lực, Do Thái phải điều đình với Palestine như một thực thể quốc gia, với Arafat hoặc với một lãnh tụ khác. Ngược lại, chìa khóa của một nước Palestine độc lập hơn bao giờ hết sẽ nằm

trong sự giải quyết toàn bộ các bài toán khó khăn với Do Thái.

Dù sao đi nữa, Antifada đã chứng minh nền tảng "hòa bình trao đổi đất đai" không còn đứng vững trong bối cảnh lãnh thổ Palestine gián đoạn vì cái khu di dân Do Thái. Không phân định rõ ràng biên giới chính trị giữa đôi bên là tạo mầm mống cho một cuộc xung đột giới hạn giữa hai nước.

Mối đe dọa chiến lược đích thật là sự có mặt của 200.000 dân Do Thái sống trên lãnh thổ Palestine và gần một triệu dân Palestine mang quốc tịch Do Thái sống trên lãnh thổ Do Thái. Cả hai khối dân tộc cùng có một số mạng chung trong chiến tranh cũng như trong hòa bình. Kế hoạch tách biệt hai khối dân tộc này là một hão huyền.

Á CHÂU, ĐÔNG Á CHÂU

Sự diễn biến chính trị ở 7 nước hội viên Hiệp Hội hợp tác địa phương vùng Đông Á Châu (Bangladesh, Bhoutan, Ấn Độ, Nepal, Pakistan, Maldives) đang chịu ảnh hưởng nặng nề của quá khứ. Vụ tranh chấp ở Cachemire và Sri Lanka chưa được giải quyết ổn thỏa cùng lúc mối bang giao Ấn Độ Nepal Bangladesh đang bước vào thời kỳ khủng hoảng chuyên chở nhiều bấp bênh.

Với tỷ lệ phát triển 6% và các kỹ công nghệ (thí nghiệm thành công phi cơ chiến đấu, phóng hỏa tiễn tầm trung Agui II và vệ tinh nhân tạo) Ấn Độ công khai xác nhận tham vọng bành trướng sức mạnh. Rất tích cực về mặt ngoại giao, Ấn Độ đã bình thường hóa quan hệ với Bắc Kinh, Đông Kinh và nhất là với Hoa Thịnh Đốn. Tân Đề Li đã biểu lộ đồng tình với Hoa Thịnh Đốn về chương trình chống hỏa tiễn, hy vọng tìm một thể đứng trong hệ thống chiến lược mới. Nhưng tình hình bấp bênh ở địa phương đã làm cho bản tổng kết ấy ít nhiều lu mờ. Vụ Cachemire chưa ngã ngũ dù hai Tổng Thống Ấn Độ và Pakistan đã gặp nhau. Đường đi của Pakistan hết sức hạn hẹp dù chiến tranh A Phú Hãn đã giúp Pakistan thoát khỏi cơn lốc kinh tế. Riêng Ấn Độ phải tìm cách thu phục nhân tâm dân Cachemire và làm thế nào để giải tỏa những rối rắm nơi một địa phương vũ trang nguyên tử.

Vụ tranh chấp Ấn - Nepal (về nguồn nước, thương mại, sự có mặt của nhân viên tình báo Pakistan ở Nepal) đã nuôi dưỡng tinh thần chống Ấn. Vụ thảm sát Hoàng-tộc Nepal làm cho nước này càng ngày càng lỏng lẻo. Dân chúng mất tinh tưởng vào chế độ, đồng thời sự nổi loạn

của các nhóm Mao-ít đang lan rộng. Các vụ buôn lậu giữa biên giới Trung Quốc và Ấn Độ càng nở rộ và mang sắc thái kinh tế Mafia. Điều này có thể là mối nguy hiểm cho một nước trái độn giữa hai khổng lồ Á Châu.

Quân đội Ấn, Bangladesh giao tranh về vấn đề biên giới không rõ ràng. Thật sự, vụ rắc rối chứng tỏ tinh thần chống Ấn Độ của Bangladesh do các đảng phái Hồi Giáo thổi phồng.

Tại Sri Lanka, trước mắt chưa có một giải pháp nào để chấm dứt chiến tranh ly khai do nhóm Tamoul phát động từ năm 1983. Ấn Độ luôn luôn chống đối nguyên tắc ly khai, nhưng tỏ vẻ lo ngại hoàn cảnh và số phận của dân Tamoul. Ấn Độ tránh né không can thiệp vào cuộc chiến này nhưng ủng hộ những cố gắng hòa giải của Na-uy cùng lúc chống đối sự can thiệp của người ngoài vào Cachemire.

Miền Đông Á Châu để lộ ra một hình ảnh tương phản, một bên Ấn Độ với dân số vừa vượt qua 1 tỷ người tiếp tục theo đuổi chính sách bành trướng thế lực. Sức mạnh của Ấn Độ đã kèm hăm kế hoạch kiến thiết địa phương. Một bên, các nước láng giềng bài bác quyền bá chủ của Ấn Độ. Vả lại, công cuộc xây dựng địa phương đều tùy thuộc vào cuộc đối thoại Ấn Độ Pakistan. Gia sản địa lý chiến lược không cho phép vùng Đông Á Châu mà dân số đông hơn dân số Trung Quốc trên đây một sự hợp tác kiến thiết về địa lý kinh tế.

ĐÔNG NAM Á

Cơn lốc kinh tế tài chánh từng lay động Đông-Nam-Á từ năm 1997 vẫn tiếp tục gây lũng đoạn để cuối cùng làm cho nền tảng quốc gia dân tộc tan vỡ. Các phong trào đòi lại đất đai, các vụ xung đột giữa các cộng đồng dân tộc, các vụ bán giết vì tôn giáo đã công khai xét lại sự cân bằng chính trị trên bình diện quốc gia.

Vào những thập niên 70-80, các nhà lãnh đạo ĐNA đã thành công thống nhất quốc gia dân tộc. Chủ nghĩa đặc thù chủng tộc, tôn giáo, ý thức hệ đã thổi lui những bước trước hoài bão kiến thiết bản sắc dân tộc hiện đại thuần khiết. Bây giờ ĐNA đang bước sang thời kỳ tái tạo tổ chức chính trị.

Cuộc khủng hoảng chính trị, lý lịch dân tộc xảy đến vì nhiều lý do. Người dân mất tin tưởng vào nhà nước thể hiện qua nhà lãnh đạo tối cao cha già dân tộc, qua các tầng lớp lãnh tụ chính trị mang nhiều tham vọng cá nhân hơn quyền lợi chung. Thảm kịch lý lịch dân tộc bắt

nguồn từ sự xét lại nền tảng gắn bó là sự phồn vinh kinh tế. Sự phát triển kinh tế là nhịp cầu nối liền xã hội với chính quyền, là yếu tố gây đoàn kết các cộng đồng chủng tộc, tạo nên bản sắc dân tộc.

Những khó khăn xã hội, nổi bật mãn trước nhà nước thoái hóa tham ô và trước nền kinh tế đình trệ đã hé lộ cho thấy phồn vinh kinh tế là điều kiện cần thiết nhưng chưa đầy đủ để gây đoàn kết quốc gia dân tộc. Khi nền kinh tế suy sụp, phe chống đối tố cáo chính quyền trung ương lạm dụng, tẩu tán tài sản địa phương, do đó địa phương tức khắc đưa ra yêu sách tự trị, đôi khi đòi đối lập. Nguyên nhân sau cùng, dựa vào nền kinh tế phát triển mạnh, các nhóm phản kháng có đủ khả năng tài chánh để thúc đẩy bạo lực. Khủng hoảng xã hội mang đến cho họ một khoảng trống để cho họ gióng lên tiếng nói. Bây giờ họ sử dụng lá bài quyền lợi bằng nhóm, bỏ qua một bên quyền lợi tập thể. Cuối cùng họ khuynh đảo cân bằng xã hội chính trị sẵn có.

Tình hình xã hội chính trị khác nhau tùy theo mỗi nước. Những nước yếu nhất, gặp nguy hiểm nhiều nhất là những nước có nhiều chủng tộc nhất (Nam Dương, Mã Lai Á, Phi Luật Tân). Ở Nam Dương, người ta ghi nhận nhiều vụ thảm sát, hận thù sâu sắc giữa các chủng tộc, giữa các tôn giáo. Phong trào di dân lánh nạn có thể tạo ra những vụ rắc rối khó kiểm soát.

Các nước lân cận đang theo dõi tình hình Nam Dương. Sự đoàn kết bên Quốc Gia có thể ảnh hưởng đến nền trật tự xã hội và sự ổn định chính trị của các nước này. Điển hình là phong trào Hồi Giáo cực đoan ở Nam Dương (phong trào nhân dân Thánh chiến) nổi rộng tầm hoạt động sang Mã Lai Á. Ở phía Nam Phi Luật Tân, nhóm Abusayaf và mặt trận Hồi Giáo giải phóng gây bất ổn bằng cách bắt cóc, mưu sát và cướp bóc. Tuy nhiên, ý đồ thành lập một quốc gia Hồi Giáo ở Mindanao và Palawan (40% lãnh thổ Phi Luật Tân) là một cái cớ để chứng minh những hành động cướp phá. Tại Mã Lai Á tình hình trở nên căng thẳng giữa một chế độ càng ngày càng mất tin nhiệm và một đảng phái Hồi Giáo yêu sách thực thi luật Coran hết sức khắt khe.

Trước viễn tượng này, sự hội nhập của các cộng đồng không Hồi Giáo (40% dân số) sẽ khó khăn hơn. Ở Thái Lan, những phe phái Hồi Giáo dưới sự hỗ trợ của các tỉnh miền Bắc Mã Lai Á đặt yêu sách đòi độc lập (Yala, Pattani,

Nara, Thiwan, Songkha, Satun). Cuối cùng, các nước Đông Dương Việt Miên Lào chưa lọt vào vòng ảnh hưởng của các phong trào Hồi Giáo nêu trên. Nhưng Miến Điện chưa thành công dập tắt phong trào du kích ly khai.

TRUNG-QUỐC

Trong năm qua, Bắc Kinh thực hiện chiến lược kinh tế của Giang Trạch Dân hướng về 2 mục tiêu: Hội nhập tiến trình giao thương quốc tế và giảm thiểu cán cân mất cân bằng kinh tế xã hội cho sự mở mang phát triển không đồng đều tạo nên. Chế độ đã thông qua các đạo luật kinh tế tài chánh pháp lý để chuẩn bị gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới đồng thời tung ra kế hoạch mở mang miền Tây Trung Quốc. Cả hai chiến lược này được khai triển trong bầu không khí căng thẳng lồng trong bối cảnh tranh giành kế nghiệp Giang Trạch Dân sau Đại hội Đảng lần XVI cuối năm 2002. Trên bình diện quốc tế, chính phủ Bush điều chỉnh lại đường lối đối với Á Châu, đặc biệt đối với Trung Quốc. Sự kiện này là một mối lo không nhỏ cho Bắc Kinh và đã dự phối lịch trình chính trị của Bắc Kinh trong suốt năm 2001.

Sự hội nhập của Trung Quốc vào Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới là một câu chuyện khá ly kỳ với nhiều tình tiết: Chính phủ Bush gây nhiều rắc rối, phe bảo thủ ở Bộ Chính Trị chống đối, chiến lược của Bắc Kinh dựa vào Liên Hiệp Âu Châu và những nước đang mở mang hội viên của Tổ Chức.

Ngay từ bây giờ, người ta dự đoán địa hạt nông nghiệp sẽ chịu ảnh hưởng nặng. Các nhà kinh tế TQ, ước lượng khoảng 9,7 triệu nông dân sẽ gặp khó khăn trong thời gian 7 năm sau khi Bắc Kinh trở thành hội viên Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới. Hoàn cảnh của nông dân Trung Quốc không ngớt thoái biến kể từ 1996 và mỗi năm, hồ sâu chia cách thành thị với thôn quê ngày càng sâu hơn. Trong năm 2001, lợi tức của nông dân đạt từ 1650 đến 2050 Yuan (2% so với 7% của dân thị thành). Về mặt kinh tế, Bắc Kinh thực hiện sách lược gia tăng ngân sách (ngân sách thiếu hụt 31,4 tỷ đô-la, 3% tổng sản lượng quốc gia) trong bối cảnh phát triển 7,3%, thấp nhất kể từ 1991. Chế độ khuyến khích dân chúng tiêu dùng bằng cách tăng lương cho công nhân viên chức, hô hào dân chúng ít tiết kiệm hơn. Theo báo cáo của Tổ Chức Mậu Dịch, Trung Quốc là nước xuất cảng từ hàng thứ 11 (99) lên đến hàng thứ 7 (2001). Tuy nhiên, tỷ lệ thất

nghiệp còn khá cao, hơn 7% theo nguồn tin chính thức.

Tiến về miền Tây

Là một chiến lược nhắm vào 3 mục tiêu:

1) Giải quyết bài toán chính trị bằng phương thức kinh tế, mở mang một vùng không có hạ tầng cơ sở quá nghèo so với miền duyên hải và luôn luôn chống đối Trung Ương vì lý do văn hóa, lý lịch (Tây Tạng, Tân Cương).

2) Tìm cách tự túc về năng lượng và tài nguyên thiên nhiên (nước thiếu hụt là một bài toán quan trọng về an ninh quốc gia). Chế độ dự định hướng dòng nước từ các cao nguyên Tây Tạng về sông Dương Tử, xây cất ống dẫn dầu hơi đốt dài 4.200 km và đường xe lửa từ Tây Tạng.

3) Trong chiều sâu, sách lược tiến về miền Tây là một sách lược nối liền các vùng xa xôi hẻo lánh với phần đất còn lại. Ví dụ như đưa dân Hán về những vùng, những tỉnh chống đối Trung Ương: Cân bằng dân Hán với các chủng tộc khác.

Bài toán kế nghiệp

Khủng hoảng xã hội và viễn cảnh kế nghiệp đã tạo ra nhiều căng thẳng chính trị dữ dội: Xã hội lo âu trước hàng loạt tai họa thiên nhiên, các vụ phá hoại và tham nhũng. Chế độ đàn áp những cá nhân, các nhóm đối lập như giáo phái Pháp Luân công, các nhà trí thức hoặc các cán bộ địa phương mang tội tham nhũng trăm trọng. Qua các vụ bắt bố có chủ đích và phong trào hành quyết quy mô, Giang Trạch Dân chuẩn bị sự kế nghiệp của mình.

Trong một tổ chức kiểu Lenine như Trung Quốc, sự kế nghiệp lãnh đạo đều theo một thể thức nhất định. Có nghĩa là phi dân chủ, sự kế nghiệp luôn luôn tạo ra nhiều vụ khủng hoảng chính trị và để lộ ra nhiều nét yếu kém của chế độ. Nét yếu kém thấy rõ nhất là việc phổ biến hồ sơ nội bộ liên quan đến biến cố Thiên An Môn 89 theo đó Đặng Tiểu Bình chủ mưu đàn áp và được Lý Bằng trợ lực. Lý Bằng cũng là một ứng cử viên vào vị thế nguyên thủ quốc gia năm 2002, được hồ sơ mô tả như một nhà chuyên chế nguy hiểm. Nhưng cũng phải kể đến vị thế của quân đội trong tiến trình kế nghiệp. Hơn bao giờ hết, quân đội mặc cả với chính quyền, quân đội sẽ ủng hộ với điều kiện ngân sách Quốc Phòng phải gia tăng (17,7%= 17 tỷ đô-la). Nhưng vào tháng 4, Đại tá sắp lên

Tướng Xu-Jinping con cưng của chế độ, giám đốc văn phòng Mỹ + Oceanic thuộc Bộ Quốc Phòng và Quân Ủy Trung Ương đã trốn qua Mỹ. Việc này lung lạc không ít chính quyền Trung Ương trong khi cuộc bang giao Mỹ - Trung Quốc đang bước sang một giai đoạn tế nhị đặc biệt.

NHẬT

Nền kinh tế Mỹ suy thoái đã ảnh hưởng nặng đến nền kinh tế Nhật: Xuất cảng giảm sút, tỷ lệ thất nghiệp vượt quá 5%, lợi tức giảm 4,6%. Trước đời sống chính trị, kinh tế xã hội bi quan, dân Nhật không dám dùng tiền tiết kiệm để tiêu dùng.

Trong bối cảnh sa sút ấy, Nhật trù tính nâng địa vị của Nhật trên diễn đàn thế giới qua chương trình quốc phòng cho 5 năm sắp đến. Công thức "Quốc phòng phòng bị" được chứng minh qua sự đóng góp quan trọng cho nền an ninh địa phương cùng lúc nêu bật vai trò của Nhật trong Cộng đồng Quốc-tế (sự bỏ đường lối ngoại giao ký kết, tham dự chiến tranh chống khủng bố).

Nhiều nguyên nhân thúc đẩy Nhật xét lại sách lược Quốc Phòng. Cuộc gặp gỡ Nam Bắc Triều Tiên tại Bàn-môn-diểm nêu ra giả thuyết trong tương lai Mỹ sẽ giảm quân số tại Nam Hàn và Okinawa. Trung Quốc đang hiện đại hóa quân đội, hải quân Trung Quốc đang có mặt ở những vùng kinh tế xem như riêng biệt của Nhật. Sự hợp tác Nhật, Tân Gia Ba, Nhật, Ấn Độ cũng là chiến lược ngăn chặn con đường tiến của Bắc Kinh. Nhưng vào mùa Xuân năm 2001, Bộ Giáo Dục Nhật chấp thuận cho xuất bản sách sử trong đó Nhật bảo chữa chính sách Đại Đông Á. Điều này đã thu hút không biết bao nhiêu lời chỉ trích dữ dội, gây tổn hại cho nền ngoại giao Nhật ở địa phương.

Thoát khỏi quỹ đạo của Mỹ

Ngân sách Quốc Phòng Nhật đứng vào hàng thứ 2 trên thế giới. Quân đội Nhật sử dụng những phương tiện kỹ thuật hiện đại nhất. Và hợp tác chặt chẽ với Mỹ trong chương trình chống hỏa tiễn trên chiến trường. Nhưng Nhật vẫn cố tìm cách thoát khỏi vòng ảnh hưởng của người bạn Mỹ. Dù Nhật tỏ vẻ bàng lòng với chính quyền mới tại Mỹ, những sự ve vãn Trung Quốc của chính quyền Clinton bắt buộc Nhật phải sáng suốt hơn và tự trị về mặt ngoại giao.

CHIẾN TRANH A-PHÚ-HÃN

Nền dân chủ có thể gây chiến tranh cho dù để tự vệ mà không chối bỏ nguyên tắc đạo đức và tự mình bước vào vòng nguy hiểm? Bởi dân chủ đồng nghĩa với nhân quyền và chiến tranh có nghĩa là quy mô sát hại. Dân chủ là một điều gì cao quý, chiến tranh là một điều hết sức ghê tởm.

Đĩ nhiên, mục tiêu cuối cùng của chiến tranh là mục tiêu tâm lý bởi đây là một "hành động bạo lực nhằm cưỡng ép đối thủ phải khuất phục theo ý muốn của mình". Ngoài mục tiêu cổ điển ấy, bây giờ còn có thêm một mục tiêu khác: Thu phục nhân tâm quốc tế. Những cố gắng của Mỹ nhằm giết ít thường dân không những tương ứng với sự tiến bộ về mặt đạo đức mà nhất là để khởi chuốc lấy lòng công phẫn của khối Hồi Giáo, khối này có thể dễ dàng khuynh đảo Pakistan và Arabie Saudite. Biến cuộc xung đột vũ trang thành một cuộc thông tin truyền tin là một điều hết sức mới lạ. Nhưng trong chiều sâu, điều này vẫn ăn khớp với thực chất tâm lý của chiến tranh.

Trong trường hợp A Phú Hãn, Mỹ còn phải đi xa hơn nữa và tìm mọi cách để được lòng của những người mà Mỹ đội bom. Như thế bắt buộc phải phân biệt khối thường dân với nhà độc tài. Mỹ chấm dứt chiến tranh chỉ khi nào Taliban đầu hàng, nhóm khủng bố tan rã. Không ai muốn Mỹ bỏ dở đại cuộc nửa chừng. Một thành công của Bin Laden về mặt tinh thần sẽ chứng tỏ nền văn minh sắp suy thoái. Chiến tranh A Phú Hãn không phải hoặc chưa phải là một chiến tranh giữa hai nền văn minh. Nhưng nó đặt nền văn minh trước những khó khăn chưa từng có. Sự sống còn của văn minh sẽ tùy thuộc vào sự giải đáp các khó khăn này. Dù sao, người ta vẫn nhớ rằng ngày 11.9 năm 2001, Mỹ đã kiến thiết một chiến lược, một địa lý chính trị về một kiểu mẫu can thiệp bên ngoài chưa từng có.

Mục tiêu hàng đầu của Mỹ là tận diệt Bin Laden và chế độ Taliban tòng phạm. Nhưng vị thế địa lý A Phú Hãn giữ một vai trò chiến lược quan trọng, một ván cờ lớn. Liên Xô sụp đổ để lại một khoảng trống rộng lớn ở Trung Á phong phú. Cận bên Nga, còn có Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, các nước Cộng Hoà địa phương, Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc tranh nhau quyết liệt để gây ảnh hưởng ở vùng này. Xếp đặt một trò chơi lớn để kiểm soát tài nguyên địa phương.

Hoa Thịnh Đốn hướng đến Trung Á với 3 mục tiêu: Hỗ trợ vô điều kiện nền độc lập của các nước Cộng Hoà Trung

Á, cô lập Nga và đa dạng hóa nguồn tiếp tế năng lượng của mình. Để thực hiện sách lược này, Mỹ dựa vào Thổ Nhĩ Kỳ và cô lập Iran, Nga 1996, Pakistan và các công ty dầu hỏa Mỹ, Arabia Saondit giàn xếp giúp Taliban nắm quyền ở Kaboul.

Iran là đồng minh tin cậy của Nga, cả hai nước tự xem như những đối lực trước Mỹ. Ngoài mục tiêu khai thác, chuyên chở nguồn dự trữ năng lượng, tăng cường hợp tác kinh tế với Trung Á, Iran còn toan tính thành lập lại con đường tơ lụa dẫn đến Tân Cương Trung Quốc. Nếu con đường tơ lụa này được phục hồi, Trung Quốc sẽ nắm một lá bài quan trọng. Trung Quốc có một biên giới dài 1.700 km với các nước Cộng Hòa Trung Á. Đầu cầu nối liền Trung Á, Iran bắt đầu từ các mỏ dầu ở Tân Cương.

Taliban, dầu hỏa, tơ lụa, bộ ba quái lạ này phát sinh từ A Phú Hãn. Trung tâm của ván bài lớn. Nguồn chấn động do Pakistan, Mỹ, Arabia Saondite tạo nên trước đây đang lan rộng dọc theo con đường tơ lụa nối liền Viễn Đông với Viễn Tây. Nhưng Bin Laden và nhóm khủng bố gây rắc rối. Vì vậy, mang lại trật tự ổn định ở A Phú Hãn là điều kiện tiên quyết.

Năm thứ I của thiên niên III bắt đầu với một điềm bất thường. Nền kinh tế Mỹ suy thoái lùi theo nền kinh tế toàn cầu. Những nước nghèo, những nước đang mở mang chịu ảnh hưởng nặng nhất. Ấn Độ, Nhật, Trung Hoa mang sức mạnh của mình đặt lên bàn cân quốc tế như chấm phá một vài nét của hệ thống thế giới tương lai gồm Liên Hiệp Âu Châu, Nhật, Trung Quốc, Mỹ, Nga, Ấn Độ, Ba Tây.

Trên lãnh vực chính trị dân chủ, Nga của Poutine còn phải chứng minh khả năng của mình. Chiến tranh Do Thái và khối Rập thuộc về dĩ vãng. Chiến tranh Do Thái, Palestine thu hẹp trở lại trong hạt nhân nguyên thủy và đang bước sang thời điểm trưởng thành để cho các nhà lãnh đạo đôi bên nhận thấy trách nhiệm trước dân tộc, trước lịch sử. Siêu khủng bố chống siêu cường quốc nêu lên vấn đề "đe dọa không đối xứng" xem như một cách trả lời trước ưu thế kỹ thuật của Mỹ. Lối trả đũa không đối xứng này có hai đặc tính: Đánh thẳng vào nhược điểm của đối thủ, sử dụng những phương thức chiến tranh không quy ước. Hình như Nga, Trung Quốc cũng theo logic này. •

CẢM TẠ MÙA XUÂN

• **Tuệ Nga**

*Hưởng Lan, hưởng Cúc nhẹ nhàng
Mùa Xuân đã tới dịu dàng Mùa Xuân
Đời, bao nhiêu khúc thẳng trâm
Oí Xuân, Xuân Mỏi bụi hồng gió bay*

*Thở say, vào mộng thở say
Bao nhiêu gió chướng thả bay về Trời
Lại nghe tiếng trẻ vui cười
Tiếng hồn nhiên, tuổi thấm tuổi ngọc
ngà*

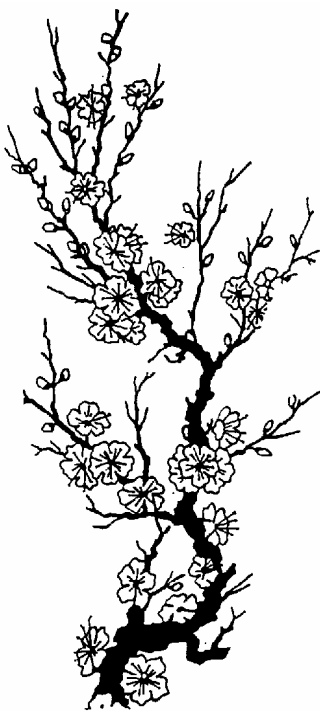
*Buồn chi một Cõi Ta Bà
Thì vui quán tạm, bút hoa gieo vần
Vần Hoa Cảm Tạ Mùa Xuân
Xuân xanh giai điệu, trời Xuân hữu tình*

*Xuân tuổi nắng sớm bình minh
Cho nhân gian mãi vườn xanh, nắng
hồng*

*Bài thơ viết gửi Hư Không
Cảm ơn Xuân nhé, Xuân hồng
như thơ*

*Trời Xuân mây nước lững lờ
Nàng Xuân Huyền Diệu thắm
Bờ Nhân Gian
Oí, Xuân muôn thuở dịu dàng
Làm sao vẽ nét mở màng...
Xuân ơi !*

*Từ Bài Thơ Cổ xa xôi
Hay Bài Thơ Mới chẳng với ý
tình
Xuân Muôn Đời, Nét Xuân
Xanh ...*





• VŨ KÝ

Tôi vừa đi hè ở Mỹ về. Và nói rõ hơn là tôi vừa viếng thăm hai thành phố Washington D.C. và New York City cùng một số địa điểm khác của nước Huê Kỳ. Du hành ở Huê Kỳ để nhìn ngắm cảnh sắc đất nước người thì ai chả làm, có người đi chơi Mỹ 5 lần 7 lượt, có gì đáng nói đâu nhưng lần này đối với một du khách như tôi thì quả là một sự việc càng nhớ đến càng cảm thấy quá bất thường và vô cùng kinh hoàng, một lưu niệm hải hùng cho tôi trong cơn hồi tưởng. Cái khủng khiếp nằm ở điểm mới ngày hôm trước đây chính mình chạm trán với nó, còn sờ nó "bằng xương bằng thịt" - đó là một lối nói- bây giờ bỗng nó chết tức tưởi, biến mất trong khoảnh khắc. Nhất là cái ngày đau thương ác liệt trọng đại ấy không riêng gì của dân Mỹ mà của chung nhân loại an bình -ngày 11.9.2001 đã ghi một nét bi thảm hằn sâu bất diệt trong ký ức của tôi cũng như của loài người, cái ngày ấy- hú vía cho tôi! chỉ xảy ra hai ngày sau khi tôi về bình yên ở Bruxelles này. "Có những ngày (nếu phải nói như văn hào nổi danh Pháp Jacques Prévert) mà không phải là ban ngày" (*il y a des jours où ce n'est pas le jour*). Ngày 11.9.2001, quân khủng bố đã dùng phi cơ tự sát tấn công giết sập hai cao ốc cao nhất ở Nữu Ước, hai Tháp World Trade Center -Trung Tâm Thương Mại lớn nhất thế giới- và một mái nhà của Ngũ Giác Đài ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn, quyền lực quân sự mạnh mẽ của đại cường quốc số 1.

Tôi đã đến thăm viếng các nơi ấy với tâm hồn một du khách, thanh thần nghiêng về một cái nhìn mỹ đạo và với

óc quan sát, tìm hiểu của một phóng viên nhà báo để có được cái lợi thú và bổ ích của một chuyến du hành. Hồi ôi! Hai cao ốc World Trade Center của Nữu Ước và một mái nhà Ngũ Giác Đài ở Hoa Thịnh Đốn đã tan tành bởi sự tàn bạo dã man của một phân số loài người vào ngày 11.9.2001!

Sau đó, trong cuộc họp mật lịch sử và bàn thảo tại trại David, Tổng Thống Mỹ George Bush lần đầu tiên chỉ đích danh kẻ tình nghi số một và nghi can phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về vụ tấn công dã man này, gây chết chóc cho hơn 5.000 người ở New York và Washington D.C., chính là tổ chức của tên trùm khủng bố tỷ phú Osama Bin Laden. Tổ chức này bao gồm các chiến binh Hồi Giáo từng tham chiến chống Liên Xô ở Afghanistan. Giờ đây, từ gốc rễ ấy, nó phát triển thành nhiều nhánh, nhóm khủng bố trên khắp thế giới, ở Ai Cập, Rập, Yémen, Iran, Irak, các nước thuộc vùng vịnh như Afghanistan, Pakistan, Kashmir, Algérie, Maroc... Những người gốc Ai Cập cực đoan tạo thành bộ phận lớn trong tổ chức gọi là Al Qaida, hoạt động trên gần 60 nước, gồm cả Mỹ: Có nhóm Hakara (chiến binh ở Kashmir), GIA (phiến quân Algérie)... Tất cả mang cái mộng xây dựng một chính quyền Hồi Giáo chính thống ở nước mình, giống với lý tưởng của họ, đó chính là nhóm Taliban (lực lượng đang nắm chính quyền ở Afghanistan). Họ chống lại tập đoàn mà họ xem như kẻ thù trực diện gồm có Mỹ, Do Thái, những người Xi-on và những chính phủ Hồi Giáo ôn hòa.

Tổng Thống Bush tuyên bố trong bài phát biểu đầu tiên: "*Chúng ta sẽ tuyên chiến*". Ông lặp đi lặp lại nhiều lần và ông quyết tâm chuẩn bị những gì tối cần thiết cho một kế hoạch toàn cầu và dài hạn cho một cuộc chiến trường kỳ chống khủng bố. Ông nói tiếp: "*Trong cuộc chiến này, đối phương tin rằng chúng có thể trốn được và giấu mặt, nhưng chúng đã nhầm, chúng sẽ phải lộ diện và trả lời cho tội ác của mình. Ai gây hấn chống Mỹ, người đó tự chọn cái chết cho mình*". Ông lặp lại lời mà Tổng Thống thân phụ ông đã nói nhiều lần trong thời kỳ chiến tranh với Irak: "*Chúng tôi sẽ trả lại đích đáng hành động sát nhân của quân khủng bố. Chúng tôi sẽ un khỏi để khi chúng phải ngạt thở mà bỏ ra khỏi hang chuột. Dân Mỹ quyết tâm chiến đấu chống khủng bố và nước Mỹ*

sẽ chiến thắng... Hồi các Binh Chủng trong Quân Đội nước Mỹ, các bạn hãy sẵn sàng!".

Xin trở lại cuộc viếng thăm New York của tôi trong 6 ngày mà tôi có thể nói đó là trên một chuyến tàu chót mà tôi đã được đi vì hai cao ốc đồ sộ, Trung Tâm Thương Mại Thế Giới ở thành phố lớn nhất thế giới. "Hai cái tháp World Trade Center" ngày nay chỉ còn là bình địa và một mái nhà của Ngũ Giác Đài cũng chỉ còn là một đồng gạch và bê tông vụn nát. Cùng gia đình cháu gái tôi, tôi đã đến New York ngày 13.8. và trọ ở khách sạn Hôtel Belvédère ở trung tâm New York nằm trên đường số 48 các cao ốc Manhattan WTC không xa lắm về phía Nam và cũng cách tượng Nữ Thần Tự Do bởi sông Hudson River. Nên biết rằng thành phố New York City được xem như một hòn đảo lớn nổi với đất liền bên mặt là Brooklyn, bên trái là New Jersey bởi những cây cầu dài như Brooklyn, cầu Manhattan và hai hầm: hầm Lincolnh và hầm Holland. Tôi đã viếng thăm các thủ đô lớn ở Âu Châu: Paris, London, Rome và Vienne. Mỗi thủ đô có những điểm rất giống nhau như làng trên xóm dưới nhưng ở mỗi thành phố có sắc thái và có đặc điểm riêng của nó. Riêng New York thì là một thành phố có cái "đặc sắc là không có đặc sắc nào", nhưng vĩ đại và hiện đại ngập trời!

New York vĩ đại hơn cả sự vĩ đại, đông đúc quá chừng, một thành phố dựng ở bề cao (*ville de la verticalé*) toàn là cao ốc và cao ốc, rộn rịp nhưng xô bồ và không được sạch sẽ, trật tự cho lắm. Nhìn Paris và Luân Đôn, tôi kính phục. Ngắm New York (NY), tôi choáng ngợp! Đó là một thành phố đồ sộ không phải vì có Trung Tâm Thương Mại phồn thịnh nhất của nó cũng không phải vì có nhiều cửa hàng to lớn và mỹ lệ nhất, cũng không phải nhờ hải giang cảng đẹp nhất trên hoàn cầu mà vì NY là một thành phố tạp chủng và đa chủng nhất trên hoàn vũ. NY tập trung mọi con người, mọi chủng tộc không riêng của một giống dân nào, cho nên muốn làm người dân NY bạn không cần ăn mặc và nói năng với đặc cách, đặc tính nào của nước bạn, cũng không cần có kiến thức đặc biệt về một lãnh vực nào. Đến NY, chỉ cần bạn là người nào đó, ở nguồn gốc nào, chủng loại nào cũng được, thế là bạn thành dân NY rồi đó. Chính vì sự thiếu đồng nhất về phương diện văn hóa

mà nhiều du khách quốc tế -nhất là hạng trung và thượng lưu- xem NY là một thành phố năng động, vội vã nhưng lạnh nhạt- không thích thú mấy. Nếu bạn đang kiêu hãnh vì phong cách sống riêng của bạn, về ngôn ngữ và nền văn hóa của bạn thì NY không phải là một thành phố để bạn ở. NY như thế nào thì bạn hãy chấp nhận nó như thế. Bạn nên gạt một bên các thành kiến, các hậu ý của bạn, bạn mới hiểu rằng thành phố này là độc nhất vô nhị trên quả đất.

Đến Paris, bạn thấy rõ người Parisien như thế nào. Đến Londres, bạn biết người Luân Đôn là thế nào nhưng đến N.Y, bạn không thấy đặc điểm người NY và thực khó mà định chất người NY. Đến làng Grove Street hay Little Ý Đại Lợi, Chinatown, Trung Tâm Lincoln, Đại Học Columbia, mỗi vùng, mỗi địa phận của NY là một khu vực riêng biệt, không có gì giống với các vùng khác. Nó có ngôn ngữ riêng, có giọng nói riêng, có lối sống và cách mặc riêng của nó. NY gồm nhiều địa phương riêng rẽ ấy, còn mang ấn tượng của các thời kỳ nhập cư và định cư xa xăm nào. NY là một thành phố dựng trên nước, có 5 hòn đảo mà Manhattan là một đảo lớn và Bronx là một bán đảo -làm thành một cụm địa danh đặc sắc- NY là một Trung Tâm Thương Mại lớn nhất của Mỹ, gồm nhiều tài phiệt nổi tiếng trên thế giới nhưng cũng là nơi có nhiều người nghèo trên quả đất. Tôi đã chứng kiến cảnh đây đó các ông bà già đói rách, đập những thùng carton nằm bên vệ đường. NY chỉ là một thành phố, không phải thủ đô của miền nào cả vì thủ đô của tiểu bang New York lại là Albany, nằm cách NY 250 cây số, phía Bắc Hudson. NY là thành phố tượng trưng của Tổ Chức Liên Hiệp Quốc, đó là một chính phủ duy nhất cho trái đất, chỉ có danh một chính phủ rất chìm và không làm được việc gì hữu hiệu. Hai ngọn Tháp World Trade Center mà quân khủng bố -lúc 8g45 dùng chiếc máy bay American Airline giật sập, rồi sau 20 phút, chiếc máy bay tự sát thứ hai của hãng United Airline đâm vào làm nổ tung trọn vẹn Trung Tâm Thương Mại vĩ đại của thế giới. Hai ngọn tháp cao đến 411 mét, không kể ăng-ten, vô tuyến dựng trên nóc. Người dân NY hãnh diện rằng đây là hai con mắt của thành phố nhìn ra thế giới. Tôi đã đến đó chiêm ngưỡng và vào một căn phòng bên dưới rất tối tân để chụp một tấm ảnh có bối cảnh xung quanh với giá 20 đô-la để có dịp về khoe với bạn

bè rằng: Tôi có đến đó rồi. Rồi tôi sắp hàng chờ bước vào thang máy lên tận trên nóc ngọn tháp để ghi nhận được cái nhìn toàn cảnh thành phố NY vĩ đại. Tôi bỗng thấy khó chịu khi thang máy đưa lên tận nóc vì hình như không khí ở thượng tầng thiếu oxy! Người ta hết lòng ca ngợi nền kiến trúc của NY. Đây là một lợi thế to lớn nhất của NY, của trung tâm thế giới thương mại quyền thế nhất trên hoàn vũ. Các quan sát viên mỹ thuật quốc tế đều nhận định rằng, ngoại trừ cảnh hùng vĩ của Kim Tự Tháp Ai Cập và những đền thờ Thiên Chúa Giáo của Âu Châu thời Trung Cổ (Moyen Age), thì không có công trình kiến trúc nào sánh được với các ngôi nhà chọc trời và các cây cầu Manhattan của NY làm kinh ngạc nhân loại vì cách xây dựng tuyệt hảo của nó, vì số lượng nhiều và vì vóc dáng tuyệt mỹ của nó nữa. Ngoại trừ cảnh vật từ trên cao của các máy bay nhìn xuống là không có gì sánh kịp, còn thì cái nhìn đến các cảnh vật xung quanh, xa tít mù thì phải kể cái nhìn toàn cảnh từ trên nóc WTC là đẹp nhất, rồi đến cảnh từ trên nóc Empire State Building, từ trên đỉnh cao Trung Tâm Kennedy và trên nóc Nữ Thần Tự Do cũng đều ở NY. Tôi đã nhìn ngắm cảnh từ trên cao tháp Eiffel ở Paris và tháp Atomium ở Bruxelles và trên nóc tháp Seattle ở Washington State mà tôi vừa viếng thăm lần này thì không đâu bằng lâu và tháp ở N.Y cả.

Nhưng bây giờ thì than ôi! Tất cả cái vĩ đại của hai ngọn tháp Anh Em WTC ấy đã bị giập sập bởi sự điên loạn tàn bạo dã man của con người! Còn lại, cao nhất ở New York hiện nay là cao ốc đồ sộ Empire State Building ở đường số 34 với 102 tầng; trước đây nó đành chịu lép vế đứng vào hạng thứ 3, sau WTC.

Bốn ngày sau khi tôi về Bruxelles, các bạn bè gọi hỏi thăm tin tức và có một ông bạn vốn là Sĩ Quan Không Quân, anh T.C.T. vừa mừng cho tôi về Bỉ lại kịp thời, anh vừa có cái vui sướng bất ngờ được tôi gọi cho, lúc tôi còn ở New York, một post card có hình hai ngọn tháp WTC mà anh cho rằng bây giờ cái post card ấy trở thành một kỷ niệm lịch sử quý giá vô cùng. Anh ngắm nghía hoài cái hình hai ngọn tháp mà rung mình phần nộ.

Nghe nói sau biến cố bi đát trọng đại ngày 11.9 xảy ra ở New York, các post card có in hình hai cái tháp ấy, người ta đổ xô mua, đến hết cả rồi và ngay cả lá Quốc Kỳ Mỹ cũng phải nhờ đến một

hãng may cờ ở Bỉ và ở Trung Quốc làm ngày làm đêm để cung cấp cho khách hàng và vì tinh thần ái quốc, ai cũng muốn treo cờ trước nhà mình. New York là một thành phố không ngủ về ban đêm vì có quá nhiều trò giải trí và có vô số nhà hàng, tiệm ăn mở cửa thâu đêm. Hơn 40 nhà hát lớn và hơn 150 hí viện nho nhỏ cho đủ các giới dân địa phương và du khách -nhưng xe métro ở NY thì cũ kỹ vô cùng và có quá nhiều trạm nghỉ. Tôi có cảm giác bước vào một cái lồng bằng sắt lớn có máy đẩy trên hai đường rầy dài gần 400 km khắp NY. Và métro ở đây không được an ninh bằng ở Pháp và Bỉ.

Wall Street với tòa nhà Nasdag là trung tâm quyền lực tài chính (thị trường chứng khoán) của thế giới nằm giữa NY. Là một nhà văn, nghề nghiệp không dính dáng chút gì với tư bản nhưng đầy tính hiếu kỳ, tôi vẫn thích mua vé vào cửa để quan sát cho biết tường tận bộ máy thị trường chứng khoán nổi tiếng này. Đó là một tòa nhà hai tầng, đầy máy móc tinh xảo, không có nhiều người làm việc, không có nhiều du khách ra vào; tôi được mời ngồi chụp một cái hình giữa bối cảnh sang trọng ấy, nồng nặc mùi tài phiệt với giá 30 Mỹ kim để có tấm hình lộng lẫy đem về khoe với bạn dân thiên hạ rằng mình đã đến địa điểm của thủ đô tài chính vào bậc siêu hạng ấy.

Du khách đến New York, phải đi xem trung tâm Rockefeller, nằm bên đại lộ số 5 và giữa hai đường 50 và 51. Đồ sộ vô cùng, chẳng khác nào hai ngọn tháp WTC và tượng Nữ Thần Tự Do. Vì đây là một thắng cảnh to lớn tổng hợp nhiều thắng cảnh nhỏ, xinh đẹp với kiến trúc, với điêu khắc, với hoa hình mỹ lệ. Được xây dựng vào những năm 1930 với pho tượng Promentheus, pho tượng cô gái vừa nằm vừa múa rất tuyệt vời. Chúng tôi ở khách sạn Le Belvédère, đường số 43, gần giữa NY, không xa đó mấy tí nên có dịp chiêm ngưỡng hoài thắng cảnh Rockefeller này mà không chán. Đẹp quá chừng! NY là một thành phố văn hóa và có nhiều cơ sở giáo dục vào bậc nhất trên thế giới. Vô số trường đại học, trường trung học, trung tâm nghiên cứu, viện bảo tàng và nhiều nội trú sinh viên, nổi tiếng trên thế giới mà Viện Đại Học New York là một cơ sở đồ sộ nhất. Người dân NY thường hay nói đùa một cách hóm hỉnh rằng: Nếu anh có tham vọng đi đến Washington D.C (làm Tổng Thống Mỹ) thì anh hãy bước

ngang qua Havard (Đại Học nổi tiếng của Mỹ) vào cửa bên mặt của nước Mỹ; còn nếu anh muốn được tôn vinh ở Stockholm (đại trí thức) -thủ đô của giải Nobel- thì cũng rủng vào cho được Đại Học Columbia và như thế là vào cửa trái của nước Mỹ quốc đó.

Tôi được cái may là khi dạo chơi trên đại lộ số 5 gần Rockefeller Center, tôi đã gặp được một nhà báo Pháp ở Cannes tên là Pierre Smith và anh bạn mới quen này đã hướng dẫn, chỉ vẽ cho tôi đi dạo khắp nơi trong thành phố. N.Y là trung tâm về truyền thông, báo chí lớn nhất, nơi ấn hành New York Times, nhật báo quốc tế có ảnh hưởng về quyền lực chính trị lớn lao và là nơi xuất bản các tạp chí lừng danh như Time & Vogue và The New Yorker... Các nhà xuất bản nổi tiếng và trụ sở các đài truyền thanh, truyền hình như CBS, NBC, ABC...

Đi đến tận cùng phía Nam New York qua một cái phà độ 15 phút trên sông Hudson, du khách đến tượng Nữ Thần Tự Do dựng trên một hòn đảo nhỏ. Tượng trưng cho bao nhiêu thế hệ nhập cư vào đất Mỹ, tượng được tặng cho Mỹ quốc năm 1885 bởi nhà điêu khắc người Pháp Auguste Bartholdi, làm riêng từng mảnh rồi chở từ Paris đến New York mới ráp lại. Cái tượng thực khổng lồ đứng giữa thảm cỏ khổng lồ chiêm ngưỡng một vùng trời đất trên mũi hòn đảo Tự Do (Liberty Island), trông xa xa bên kia trên bờ sông Hudson là vô số nhà chọc trời vĩ đại của Nữu Ước. Người ta nói các cửa sổ đục trên vương miện của tượng cho ta những cái nhìn toàn cảnh Nữu Ước đẹp vô cùng nhưng vì cao quá, sợ ngợp nên tôi chẳng dám lên.

Đến khi lại gần và nhìn gần tượng, ta thấy nó thô không được trổ chạm một cách đầy tinh xảo chăm chuốt mỹ thuật trong khi đó bên kia bờ sông một cô gái sống đứng im lìm phủ chiếc áo vải nylông màu xám nhạt bắt chước làm thành một cái tượng Nữ Thần Tự Do giả lại mỹ miều hơn nhiều.

Tôi cũng được một ông bạn đồng hương cho biết vừa rồi một nữ sinh Việt Nam hiện định cư ở Mỹ lĩnh một giải thưởng văn chương có liên hệ đến Nữ Thần Tự Do. Số là cố Tổng Thống Nixon cách đây mấy chục năm có sang thăm Việt Nam ở Sài Gòn nhìn thấy em bé Việt Nam xinh này đứng chào ông, ông tặng cho em một cái carte có hình Nữ Thần Tự Do. Em về cất giữ kỹ xem như một tặng vật quý giá nhất trong đời. Nhưng đến lúc Việt Cộng vào Sài Gòn

chúng phát hiện ra sự việc này và em bị bắt, giam giữ tù đầy khốn khổ cũng vì cái post card đó. Nay em sang được Huê Kỳ, em kể lại sự việc trên với giọng văn rất truyền cảm làm cho báo chí Mỹ hết lời khen tặng và em đã trúng giải trong một cuộc thi văn chương quốc tế.



Lại có thêm một chuyện về Nữ Thần Tự Do này trong thời gian tôi viếng thăm Huê Kỳ. Một người Pháp tên là Thierry Devaux, ngày 23 tháng 8 với một chiếc máy bay nhảy dù rất nhẹ bay ngang qua vòm trời của Nữ Thần Tự Do đụng phải cái đuốc khổng lồ của tượng, miếng vải đỏ của cái dù anh ta vướng vào cánh tay của ngôi tượng, che mất ngọn đuốc. Anh ta ngồi lơ lửng trên tầng cao suốt nửa tiếng đồng hồ. Cảnh sát bắt giam và anh ta phải chịu một số tiền phạt lớn vì làm hư hại cánh tay, cuốn sổ vàng và cái thang bằng đồng của pho tượng. Năm ngoài anh ta đã thử nghiệm bay như thế này một lần rồi mà không hề gì.

Ở New York có công viên lớn là Central Park, đây là cái phổi của thành phố, cây lá rậm rạp, cỏ xanh ngất làm thành trung tâm dạo chơi và nơi chạy bộ của dân thành phố và du khách...

Trước khi viếng thăm New York, được xem là "thủ đô đa dạng" của Huê Kỳ, tôi đã đi xem khắp vùng Washington D.C -địa điểm này mới thiết là thủ đô chính thức- với những thắng cảnh nổi tiếng tuy không có tính đồ sộ và vĩ đại, nào Tòa Bạch Ốc trông từ xa giống tòa nhà Thủ Tướng Chính Phủ ở Sài Gòn thuở nào, nào dãy bia mộ chiến

sĩ Mỹ tử trận ở Việt Nam đen láng, nào tòa nhà Watergate, nào điện Capitol thấp thoáng từ xa xa dãy nhà Ngũ Giác Đài, nào ngọn tháp cao sông Potomac nước chảy xiết. Ở gần Viện Bảo Tàng Washington D.C có trưng bày một số cổ vật của Belgium và riêng ở Kennedy Center thì có những hình thân người mảnh khảnh bằng plastic màu trong suốt nằm chụm lại nhau, bên dưới có tấm bảng đề: Tặng vật của Belgium... Tôi bỗng nhớ đến Viện Bảo Tàng không gian ở Seattle "Museum of flight" -vùng Washington S. mà tôi đã đến thực là đồ sộ tối tân khiếp sợ- nào đủ loại máy bay Boeing, nào vệ tinh liên hành tinh lớn nhỏ với mô hình thu nhỏ lại, nào trạm không gian Nasa máy móc tân kỳ, bên ngoài có bảng đồng ghi 7 quốc gia tham dự để hình thành: Belgium đứng đầu. Một chút hãnh diện "hờ" về đất nước Belgium bé xiu mà dễ thương, trên đó tôi đã định cư. Tôi cũng bước vào chiếc máy bay Air Force One -máy bay riêng của Tổng Thống Huê Kỳ- có trưng bày ở đó để cho du khách vào chiêm ngưỡng, và đứng lại rất lâu nhìn xem trong thân máy bay để chụp một ít tấm hình lưu niệm -một trường hợp hi hữu của đời mình. Tôi chợt nghĩ đến cái phù phiếm trong tâm thức trẻ con của con người. Có khi ta chỉ sống với giọt hào quang rớt lại của kẻ khác để tự dối mình vì khi cái giọt ánh sáng ấy chói đến mình thì chỉ còn là một cái hơi ánh sáng mà thôi nhưng cũng tạm đủ để an ủi cho mình trong cõi đời rất phù du và phù phiếm này (vanitas vanitafum et omnia vanitas).

Bây giờ ngồi nhớ lại để viết các trang bút ký về những cảnh vật tôi được thấy khi viếng thăm và quan sát, quả thực đối với tôi là cả một sự hãi hùng và khủng khiếp. Trung Tâm Thương Mại lớn nhất thế giới ở New York City chỉ còn là đồng bê tông vụn khổng lồ và một góc của Ngũ Giác Đài uy nghiêm tại thủ đô Hao Thịnh Đốn cũng bị giạt sập bởi các máy bay tự sát của quân khủng bố.

Tôi nhớ lại mà kinh hoàng vì tính chất sốt dẻo của thời sự nóng bỏng, vì mình vừa ở các nơi ấy mới về Bruxelles, cách vài 3 ngày khoảng thời gian rất ngắn! Hùng vĩ là thế! Mỹ lệ là thế mà do sự tàn bạo của con người đã trở thành hư vô tất cả.

Để kết luận, tôi xin trích bài diễn văn lịch sử rất dài và thống thiết của Tổng Thống Bush trước Quốc Hội và quốc

dân đồng bào Huê Kỳ, trong đó có những đoạn...

"... Đã có những niềm đau trong mỗi chúng ta. Chúng ta đã trải qua những mất mát lớn. Và trong sự đau đớn và giận dữ đó, chúng ta đã tìm thấy mục tiêu phải theo đuổi.

Tự Do và Sợ Hãi hiện đang chiến đấu với nhau. Tự do của con người, sự mạng của nhân loại và niềm hy vọng, tất cả nay tùy vào chúng ta. Quốc gia này, thế hệ này, sẽ vén bức màn đen tối của bạo động đang trùm lấy dân tộc và tương lai của chúng ta. Chúng ta sẽ vận động cả thế giới cho mục đích này, bằng sự cố gắng, bằng sự quyết tâm. Chúng ta sẽ không mệt mỏi, chúng ta sẽ không lùi bước, và chúng ta sẽ không thất bại.

Tôi hy vọng rằng trong những ngày tháng tới, đời sống sẽ trở lại như bình thường. Chúng ta sẽ trở lại với những gì chúng ta đang làm và điều đó là một điều tốt. Ngay cả những đau khổ cũng sẽ tàn phai theo thời gian và không gian.

Những những điều chúng ta đặt ra sẽ không trôi qua. Mỗi một người chúng ta sẽ nhớ rất rõ những gì đã xảy ra trong ngày này và xảy ra cho ai. Chúng ta sẽ nhớ những tin tức khi được tường trình, nói chúng ta đang ở và những gì chúng ta đang làm. Có người sẽ nhớ đến những cột khói bốc lên, những vụ cứu cấp. Có người sẽ nhớ đến một khuôn mặt hay một giọng nói nay không còn nữa.

Riêng tôi, tôi sẽ nhớ mãi một hình ảnh một người Cảnh Sát lấy thân mình ra che chỗ cho một người tên là George Howard, đã tử nạn tại tòa nhà World Trade Center trong lúc đang giúp đỡ những người khác.

Tám hình này được chính bà mẹ của ông ta trao cho tôi, bà Ailène như một niềm hạnh diện của bà về con của mình. Tám hình nhắc cho tôi nhớ đến những người đã chết, và những nhiệm vụ chưa chấm dứt của chúng ta.

Tôi sẽ không bao giờ quên được vết thương mà đất nước chúng ta phải gánh chịu, và những kẻ đã tạo ra vết thương này. Tôi sẽ không nhượng bộ. Tôi sẽ không ngừng nghỉ. Tôi sẽ không chậm trễ trong việc tranh đấu cho tự do và sự an bình của người dân Hoa Kỳ".

VŨ KÝ
(Tháng 9.2001)

XIN ĐEM XUÂN ĐẾN CHO ĐỜI

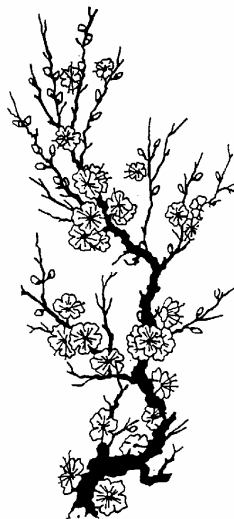
• Ngô Minh Hằng

Sáng nay thức dậy nhìn năm mới
Có lạ gì đâu, vẫn thế thôi
Nắng vẫn ươm tử, lòng vẫn mới
Ba miền thương nhớ vẫn xa xôi

Hồn ta chùng lại đau nhường cắt
Sâu đến vô cùng vết cố hương
Sau một vài giờ rôm rả Tết
Nghĩ về quê mẹ, nghĩ càng
thường

Bảy mươi chín triệu, đêm trừ tịch
Hỏi mấy người vui đón chúa xuân
?

Và có bao người không muốn biết
Hay không hề biết ý xuân ngàn ?



Ngoài kia thế giới từng bùng
quá
Vui vẻ muôn người chúc tụng
nhau
Rượu, tiệc, pháo mừng ngày thế
kỷ
Đón xuân xanh đến với hoàn
cầu

Chao ôi, bốn biển người vui Tết
Sao vẫn quê tôi cảnh ghen
ngào ?
Ai phủ đau buồn lên đất Việt
Ai làm cay đắng nghĩa ca dao...

Ai pha độc chất trong nguồn
sống
Để giết dần đi những nụ hoa
Ai cướp bình minh, tia nắng
ngọc
Cho đời bão táp nổi phong ba

Hỏi xuân hạnh phúc, Xuân
mong đợi
Hãy đến hồi sinh đất nước tôi
Đâu bậc Kinh Kha, đâu tráng sĩ
Xin đem xuân hẹn đến cho đời.

TRẢ NẮNG XUÂN HIỀN

Nói em ở đấy, em ơi
Cành nêu ai dựng ? Ai người đón xuân ?
Gốc đào còn nụ thanh tân
Cội mai còn nở vàng sân nhà mình ?
Lân còn đợi pháo đầu đình
Áo màu con gái còn xinh cổng trường ?
Còn chuông gióng giả thánh đường
Sân chùa còn cảnh khói hương chập chùng ?
Mắt em còn vẹn màu nhung
Môi em trọn nụ cười hồng không em ?
Phố đêm còn biếc ánh đèn
Hay là đất nước ba miền thê lương
Hay là tất cả đau thương
Được che bởi lớp khói sương bụi mờ
Được che bằng đỏ màu cờ
Và em mắt ướt, đợi chờ gió lên
Em ơi, gió tự trăm miền
Sẽ đem trả nắng xuân hiền lại em !



TIN THẾ GIỚI

• **Người Quan Sát**

11.09.2001 - Ngày kinh hoàng nhất của thế kỷ!

Cuộc khủng bố tàn bạo và dã man ngày 11.9.01 đã làm lu mờ các sự việc quan trọng đã xảy ra trên thế giới; làm cho nền kinh tế thế giới bị suy thoái, nhiều Công ty Hàng không bị lỗ là đi đến phá sản! Theo sự ước tính của ông Somavia, Tổng giám đốc Tổ chức Lao động Quốc tế thì sau cuộc khủng bố này đã làm mất việc trên 24 triệu người và đe dọa khoảng 15 triệu người nữa. Hầu hết các quốc gia trên thế giới không ít thì nhiều đều bị ảnh hưởng đến ngày kinh hoàng này.

Ngày đến tên trùm khủng bố Osama Bin Laden trong cuốn băng Video, y cũng tiết lộ là y không ngờ cái tầm nguy hại nó to tát đến như vậy!

Nhưng, dù muốn dù không thì ngày 11.09.2001 cũng đã xảy ra, bây giờ chỉ còn một đường lối duy nhất là tìm mọi biện pháp ngăn chặn dừng để ngày đau thương này tái diễn nữa.

CHỐNG KHỦNG BỐ

Cuộc chiến chống khủng bố tại Afghanistan của Mỹ và đồng minh đã đạt được nhiều thắng lợi, mặc dù còn những ổ kháng cự của quân Taliban do Mullah Mohamed Omar chỉ huy và lực lượng Al-Qaeda do Osama Bin Laden lãnh đạo đang lẩn tránh trong những hầm hố đào sâu trong vùng núi Tora-Bora giáp ranh với Pakistan. Tuy nhiên những thành phố chính như Mazar-i-Scharif - Herat - Kabul - Kandahar đều đặt dưới quyền kiểm soát của quân đội Mỹ và quân Liên Minh Phương Bắc.

Để từng bước tái lập lại trật tự xã hội, ổn định đời sống cho nhân dân, một chính phủ phải được hình thành.

CHÍNH PHỦ CHUYỂN TIẾP

Qua cuộc Hội Nghị tại Bonn (27.11 - 05.12.01) một chính phủ chuyển tiếp cầm quyền trong vòng hai năm gồm có 30 thành viên đại diện các sắc tộc được thành lập. Ông Hamid Karsai được bầu làm Thủ Tướng. Nội các ông đã trình diện ngày 22.12.01. Lần đầu tiên trong lịch sử Afghanistan, một phụ nữ được đề cử giữ chức vụ Bộ Trưởng Y Tế và Phụ

Nữ. Lời tiên bố đầu tiên của bà là: "*Tranh đấu cho phụ nữ Afghanistan được bình quyền với nam giới*". Bà nói tiếp: "*Chỉ cần bỏ cái khăn trùm mặt chưa đủ trọn nghĩa của hai chữ 'Giải Phóng'!*".

Một sự bất đồng nhỏ đã xảy ra sau khi chính phủ chuyển tiếp ra đời. Số là vị Tướng Tư Lệnh Liên Minh Phương Bắc (LMPB), ông Rashid Dostun, đang kiểm soát một phần lãnh thổ miền Bắc trong đó có thành phố chiến lược Mazar-i-Scharif, phản nản là người của ông không được bổ nhiệm vào chức vụ quan trọng trong chính phủ, nên ông tuyên bố tẩy chay không hợp tác. Để giải tỏa sự bất đồng này, Thủ Tướng Karsai liền bổ nhiệm ông vào chức vụ Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng. Thế là R. Dostun O.K. ngay! Bộ Trưởng Quốc Phòng là Tướng Mohammad Fahim, cũng là Tư Lệnh LMPB đã đánh chiếm Kabul trước tiên.

Mặc dù chế độ Taliban bị sụp đổ, nhưng một số lãnh tụ nòng cốt như Mohamed Omar và Oma Bin Laden chưa bị bắt nên chúng có thể lên lút phá hoại, do đó cần có sự hiện diện lâu dài của lực lượng đa quốc (Liên Hiệp Quốc) giữ gìn hòa bình trên lãnh thổ Afghanistan để giúp đỡ chính phủ về mặt an ninh. Đó là lời tuyên bố của Thủ Tướng Karsai.

THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI QUỐC GIA

Tin từ chính quyền tại Kabul cho biết rằng Bộ Quốc Phòng Afghanistan đang gấp rút xúc tiến việc thành lập quân đội quốc gia. Đây là một nhiệm vụ được xem như hết sức khó khăn vì quân đội này sẽ phải liên kết hàng chục ngàn chiến binh từ năm bè bảy phái khác nhau.

Tuy nhiên, các nhà quan sát cho rằng việc Thủ Tướng Hamid Karsai bổ nhiệm tướng Rashid Dostun làm Thủ Trưởng Quốc Phòng đã giải tỏa mối lo ngại rằng lực lượng dưới quyền viên tướng người Uzbek này có thể động binh khiến tình hình trong nước bất ổn trở lại.

BIN LADEN TUNG RA BĂNG VIDEO MỚI

London - Osama Bin Laden, con người hiện bị săn lùng gay gắt nhất trên thế giới, đã lại tung ra một cuốn băng Video mới xuyên qua đài truyền hình Rập al-Jazeera vào ngày 26.12.01.

Trong cuốn băng, Bin Laden xác nhận vụ khủng bố đánh hai tòa nhà WTC tại New York và Ngũ Giác Đài đã

được hoạch định để ngăn Hoa Kỳ không được ủng hộ Israel. B. Laden nói: "Vụ khủng bố của chúng ta chống lại nước Mỹ xứng đáng được ngợi khen vì đã ngăn tay kẻ đàn áp, khiến nước Mỹ phải ngừng ủng hộ Israel, là nước đang giết hại con em chúng ta". Ông ta nói thêm rằng: "Cuốn băng được thực hiện để kỷ niệm 3 tháng sau ngày New York và Washington bị tấn công, và 2 tháng sau ngày Mỹ bắt đầu chiến dịch diệt khủng bố tại Afghanistan".

Bộ Quốc Phòng Mỹ cho biết, hiện thời họ chưa biết đối xử ra sao với cuộn băng này. Ông Richard Mc Graw, phát ngôn viên Ngũ Giác Đài cho biết "Tôi cũng chưa rõ, cuốn băng này thật hay là giả, là cũ hay là mới".

Giữa lúc Mỹ và đồng minh đang tăng gia săn lùng tin tức của Bin Laden thậm chí có nhiều người cho rằng y đã chết giữa bom đạn tấn công các hang động ở Tora-Bora, cuốn băng được phổ biến, làm công luận lại càng thêm hoang mang về hành tung của con người bí mật này.

CUỘC TÌM KIẾM OSAMA BIN LADEN VÀ MOHAMED OMAR

Ngày nào mà Mỹ và đồng minh chưa bắt được hay biết được chính xác hai nhân vật khủng bố này đã chết thì ngày đó họ ăn không ngon và ngủ không yên. Nhất là Osama Bin Laden!

Mặc dù mục tiêu của chiến tranh chống khủng bố không chỉ nhắm vào một cá nhân, nhưng ngay từ đầu Mỹ đã cá-nhân-hóa cuộc chiến này. Sau vụ khủng bố 11.9, dân Mỹ đều muốn bắt sống hay hạ sát Bin Laden. Tất cả từ truyền thông, truyền hình v.v... đều chia mũi dùi vào Bin Laden. Ngay chính quyền Mỹ và Tổng Thống Bush cũng đã xác định Bin Laden là mục tiêu chính, nên đã treo giá cái đầu của ông ta là 25 triệu Mỹ kim, càng khiến cho dư luận cả thế giới hiểu rằng Mỹ tập trung toàn lực nhắm tới con người này tới mức nào. Do đó nếu đạt được chiến thắng mà chưa xác định được số phận của Bin Laden thì mới chỉ là phân nửa thành công và hãy còn để lại nhiều hiểm họa trên mặt tâm lý chính trị, bởi lẽ điều này sẽ trở thành một lợi thế tuyên truyền cho đám khủng bố.

CÓ HAI GIẢ THUYẾT ĐƯỢC NÊU LÊN VỀ SỐ PHẬN CỦA BIN LADEN

1. Nếu đương sự quyết định chọn Tora Bora làm nơi "*Tuần Đạo*" thì người ta hy vọng có thể tìm thấy xác ông. Việc

giáo nghiệm để xác định chắc chắn có thể làm được vì Cơ quan Tình Báo Mỹ đã có sẵn mẫu DNA của gia đình ông.

2. Nếu muốn lần trốn để tìm một cơ hội chiến đấu khác, vì ông ta hiểu rằng Tora Bora không thể an toàn dưới hỏa lực mạnh mẽ của Mỹ-Anh, hơn hẳn Liên Xô trước kia, ông ta đã trốn đi nơi khác trước khi Liên Quân Miền Đông tiến đánh. Nhưng cũng có thể vì không lường định đúng mức hiệu quả của những cuộc oanh tạc, điều mà trong mấy tuần lễ đầu, quân Taliban đã đánh giá quá thấp nên đã dẫn tới thảm bại, Bin Laden ở lại Tora Bora đến giờ chót rồi cùng chết chung với những người khác hay tìm cách trốn sang Pakistan. Cho đến nay chưa ai hiểu rõ số mạng của ông ta.

Theo dự trù công tác tìm kiếm sẽ phải lâu dài vì cần tiến hành hết sức thận trọng để tránh mìn bẫy. Hơn nữa sau những trận oanh tạc dữ dội chưa từng thấy trước đây, nhiều hang động, địa đạo đã bị sụp đổ, sẽ mất rất nhiều công đào bới. Mùa Đông khắc nghiệt ở Afghanistan với băng tuyết bao phủ khắp đồi núi làm cho việc tìm kiếm khó khăn hơn!

GIAM GIỮ TÙ BINH

Quân đội Mỹ hiện đang giam giữ độ 300 tù binh của lực lượng Taliban và Al Qaeda tại một trại giam trong phi trường Kandahar. Hầu hết những tù binh này là những người Hồi Giáo cực đoan đến từ các nước láng giềng như Iran, Iraq, Saudi Arabien, Pakistan, Kaschmir v.v...

Ngoài ra chính quyền Mỹ cũng đã cho thiết lập một trại giam khác tại căn cứ Hải Quân Mỹ ở Vịnh Guantanamo (Cuba) để giam giữ thêm khoảng 2000 tù binh nữa. Số tù binh này sẽ lần lượt bị hỏi cung để tìm hiểu về những sào huyệt, trại huấn luyện và mạng lưới khủng bố trải rộng khắp trên thế giới và nhất là chính phủ nào đã ủng hộ và tài trợ đám khủng bố.

Với phương châm: "*Nhỏ cò, nhỏ cá rễ*". Nhưng không biết Mỹ và đồng minh lần này có nhỏ hết cả rễ được không? Hãy chờ xem.

PHIM ẢNH ẤN ĐỘ, TÁI CHIẾM KABL

Nền điện ảnh Ấn độ đã mất đi một thị trường quan trọng kể từ khi lực lượng Hồi Giáo cực đoan Taliban áp đặt chính sách cấm đoán các hình thức giải trí tại Afghanistan. Nhưng sau khi chính quyền Taliban rút chạy khỏi Kabul giới kỹ nghệ điện ảnh Ấn độ đã nhanh chóng

tìm lại chỗ đứng của mình tại quốc gia Trung Á này. Tại các thành phố lớn như Kabul, Kandahar phim ảnh Ấn độ đã xuất hiện trở lại và trên thị trường băng Video cũng như đĩa nhạc đều tràn ngập các cửa tiệm.

CUỘC CHIẾN CHỐNG KHỦNG BỐ ÂM THẦM ĐI VÀO GIAI ĐOẠN 2

Từ trước đến giờ, Mỹ vẫn khẳng định là chiến tranh chống khủng bố sau khi diệt được Taliban sẽ đi lần tới các nước khác đang dung dưỡng bọn khủng bố. Các giới chức cao cấp Mỹ đã tuyên bố úp mở rằng Somalia và Yemen là hai mục tiêu kế tiếp.

Somalia là một đất nước vô chính phủ (không có Chính phủ Trung ương) một nơi thuận lợi cho khủng bố đặt cơ sở. Đầu thập niên 1990, Mahammet Atef, một phụ tá hàng đầu của Bin Laden (theo tin tình báo thì Atef đã chết trong cuộc oanh kích của Mỹ-Anh hồi cuối tháng 11.2001 tại Afghanistan), là người chủ mưu trong một cuộc tấn công vào Lực Lượng Bảo Vệ Hòa Bình Liên Hiệp Quốc ở Somalia làm 18 quân nhân Mỹ chết. Còn Yemen là đất tổ của gia đình Osama Bin Laden và là nơi có nhiều cơ sở khủng bố Al-Qaeda.

Một nhà ngoại giao nước ngoài ở Kenya nói rằng: Somalia và Yemen lo ngại sẽ bị Mỹ tấn công nên đã phải tự chúng tỏ rằng họ có chủ trương đánh dẹp khủng bố. Trong mấy tuần vừa qua, hai nước này đã hành quân truy lùng và bắt giữ nhiều phần tử nghi ngờ có liên hệ với tổ chức Al-Qaeda.

Tuy nhiên lực lượng quân sự của hai nước này chưa đủ khả năng đối đầu với tổ chức khủng bố Al-Qaeda và các bộ tộc liên kết. Bằng chứng là ngày 18/12, quân đội Yemen đã bao vây làng al-Hosun cách thủ đô Sanaa độ 100 dặm phía Đông để truy bắt Mohammad Hamdi al-Ahdal, một trong số 20 người nằm trong danh sách mà Mỹ đề nghị bắt. Kết quả quân đội Yemen lọt vào ổ phục kích của dân quân bộ tộc Abida làm 18 người chết và 35 bị bao vây rồi chỉ được giải thoát sau khi thương lượng.

Do đó, muốn dẹp tổ chức khủng bố tại hai nước này, Mỹ không thể hoàn toàn trông cậy vào chính quyền địa phương, mà có lẽ tới một thời điểm nào đó Mỹ sẽ tự đưa quân vào nếu muốn đạt được kết quả hữu hiệu.

Trong những đoàn quân đa quốc gia gìn giữ hòa bình tại Afghanistan, chính quyền Đức đã gửi một số chiến hạm đến

Hồng Hải, Ấn Độ Dương để tuần tiễu dọc theo bờ biển của Yemen và Somalia ngăn chặn, bắt giữ đám tàn quân Taliban và Bin Laden chạy từ Afghanistan về hai nơi này để tái phối trí lại lực lượng.

ẤN ĐỘ - PAKISTAN

Ngày 13.12.2001, một toán khủng bố Hồi Giáo cực đoan đã giả dạng cảnh sát Ấn tràn vào trụ sở Quốc Hội Ấn tại New Delhi, xả súng bắn loạn xạ gây tử thương 14 người và nhiều người bị thương. Toán khủng bố đã bị lực lượng an ninh Ấn tiêu diệt không còn một tên.

DIỄN TIẾN SAU CUỘC KHỦNG BỐ

ẤN: Thủ Tướng, ông Atal Bihari Vajpayee tuyên bố rằng đằng sau cuộc khủng bố này có sự âm mưu của chính quyền Pakistan

- yêu cầu chính quyền Pakistan bắt và cho giải giao những tên thủ lĩnh của hai nhóm khủng bố hiện đặt trụ sở tại Islamabad, thủ đô Pakistan. Nhóm thứ nhất là Jaish-e-Mohammed; nhóm thứ hai là Lashkar-e-Tayyaba.

- Điều động quân đội kể cả xe tăng, trọng pháo v.v... tăng cường dọc theo biên giới Ấn (Kaschmir) Pakistan.

- Triệu hồi Đại sứ về nước

- Đóng cửa biên giới và không phận kể từ 01.01.2002.

PAKISTAN - Tổng Thống Pervez Musharraf bác bỏ lời tuyên bố của Thủ Tướng Ấn.

- Cũng điều động quân đội tăng cường dọc theo biên giới Ấn-Pakistan.

- Tuy nhiên để làm dịu bớt tình hình, chính quyền ra lệnh phong tỏa Trường mục của hai nhóm khủng bố Hồi Giáo nêu trên, đồng thời bắt giữ lãnh tụ nhóm Jaish-e-Mohammed.

Cuộc chạm súng giữa hai quân đội đã xảy ra hằng ngày làm cho một số binh sĩ hai bên bị chết và bị thương.

Được biết Pakistan và Ấn độ là hai nước có trang bị vũ khí nguyên tử, nếu hai lãnh tụ này không kèm chế được Tham, Sân, Si thì chuyện gì sẽ xảy ra?

TỔNG THỐNG PAKISTAN ĐI DỰ HỘI NGHỊ THƯỢNG ĐỈNH TẠI NEPAL QUA NGÃ TRUNG CỘNG

Ngày 03.01, ông Musharraf bay đến Bắc Kinh, sau khi gặp gỡ các lãnh đạo Trung Cộng, ông tiếp tục bay đến Katmandu, thủ đô Nepal tham dự Hội nghị Thượng đỉnh khu vực Nam Á. Lãnh đạo Pakistan quyết định đi Katmandu

qua ngả Trung Quốc vì không thể bay ngang bầu trời Ấn độ vì bị cấm.

Trong cuộc gặp gỡ Thủ Tướng Chu Dung Cơ, ông Musharraf nói: Pakistan hy vọng hòa bình và mong muốn giảm căng thẳng hiện nay với Ấn Độ qua một cuộc đối thoại. Ông cũng cho biết là chính phủ ông đã có các biện pháp cần thiết chống khủng bố, giam giữ các thành phần quá khích.

Về phía Trung Quốc, muốn tránh dính dáng đến việc xung đột tại Kaschmir, Thủ Tướng Chu Dung Cơ lợi dụng chuyển quá cảnh của Musharraf kêu gọi hai nước: "Vì quyền lợi sâu xa của Pakistan cũng như Ấn Độ, hai nước phải tự chế tối đa để cứu vãn hòa bình và ổn định trong vùng Đông Nam Á".

Ông Musharraf rời Bắc Kinh bay đến Chengdu, để từ đó chuyển sang máy bay khác đi Katmandu. Vì việc quá cảnh này mà Hội nghị trễ mất một ngày.

Hội nghị thượng đỉnh Nam Á thuộc tổ chức SAARC gồm có Ấn Độ, Pakistan, Tích Lan, Nepal, Bhutan và Maldives bàn thảo và thông qua một tuyên bố chung như việc giảm nghèo đói, hợp tác kinh tế, chống ma túy, mại dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em, chống khủng bố v.v...

Thủ Tướng Ấn, ông Vajpayee đến Nepal ngày 3.1, ông tuyên bố ông hoan nghênh con đường ngoại giao hơn là chiến tranh.

Trong buổi lễ khai mạc Hội nghị, trước khi đọc diễn văn, đích thân Tổng Thống Pakistan, ông Musharraf đến bắt tay Thủ Tướng Ấn Độ để giải tỏa, làm dịu sự căng thẳng giữa hai nước.

Người ta hy vọng qua Hội nghị này, hai nước lớn trong SAARC có dịp nối lại đối thoại để giải quyết bất đồng biên giới.

CẢNH SÁT PAKISTAN BẮT GIỮ HÀNG TRĂM NGƯỜI HỒI GIÁO CỤC ĐOAN

Chính quyền Pakistan đã bắt giữ hàng trăm người Hồi Giáo cực đoan, trong số này có nhiều người thuộc hai tổ chức bị Ấn Độ lên án là tác giả vụ khủng bố tấn công vào Quốc Hội Ấn. Theo cảnh sát, cuộc bắt giữ này mang tính cách ngoại giao để mong làm giảm căng thẳng giữa hai nước có vũ khí nguyên tử.

Riêng Ấn Độ thì đe dọa không loại trừ sử dụng vũ lực, nếu Pakistan không có biện pháp đối với 2 nhóm Hồi Giáo cực đoan ở Kaschmir như họ yêu cầu. Còn Mỹ thì đã đặt hai nhóm này vào danh sách khủng bố.

Pakistan đã bắt giữ hai lãnh tụ của hai nhóm này cũng như hàng trăm thành viên của hai nhóm sau vụ tấn công ngày 13.12. Ấn Độ hoan nghênh hành động này, nhưng yêu cầu Pakistan làm mạnh hơn nữa để diệt hết các tổ chức khủng bố.

THỦ TƯỚNG ANH LÀM TRUNG GIAN HÒA GIẢI

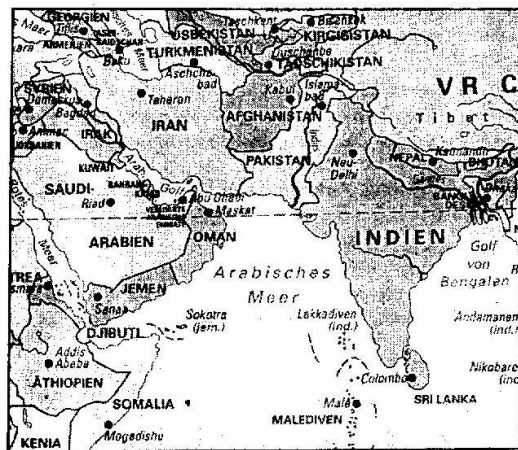
Ngày 7.01.02, Thủ Tướng Anh, ông Tony Blair đã làm một cuộc công du sang hai nước cựu thuộc địa của Anh là Ấn Độ và Pakistan để hóa giải sự căng thẳng hay nói một cách khác là tìm một giải pháp ngoại giao.

Cuộc khủng hoảng Ấn Độ - Pakistan đã đẩy Mỹ vào một vị trí khó khăn vì Pakistan đang giúp Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố tại Afghanistan.

Ngoại Trưởng Mỹ, ông Powell nói: "Hiện nay tôi thấy có nhiều dấu hiệu khích lệ, tuy nhiên tôi không muốn tỏ ra quá lạc quan. Vì thật ra tình hình tại đó vẫn còn rất nguy hiểm. Riêng Tổng Thống Musharraf và Thủ Tướng Vajpayee đều cho biết họ trông chờ một giải pháp chính trị và ngoại giao tuy là giải pháp đó chưa được đạt đến, nhưng chúng ta cũng sẽ cố gắng đạt đến thôi".

Hy vọng Thủ Tướng Anh, với tài ngoại giao sẽ đưa hai nhà lãnh đạo này đến gặp nhau, thông cảm nhau và chịu sống chung hòa bình để tránh một cuộc chiến gây chết chóc khổ đau cho hai dân tộc.

Khu vực sôi động, bất an nhất trên



thế giới hiện giờ.

DO THÁI - PALESTINE

Cuộc chiến lán đất, giành quyền giữa hai dân tộc Do Thái - Palestine đến bao giờ mới chấm dứt? Theo ý kiến của những chuyên viên nghiên cứu về tình hình Trung Đông tiết lộ thì khi nào Palestine thành lập được một quốc gia có chủ quyền hẳn hoi thì chừng đó mới

hy vọng chấm dứt cuộc xung đột đẫm máu triền miên này.

DO THÁI TỊCH THU MỘT TÀU CHỖ VŨ KHÍ

Hải Quân Do Thái đã bắt một tàu chở 50 tấn vũ khí và chất nổ trong vùng biển quốc tế trên Hắc Hải cách bờ biển Do Thái 500 cây số. Tướng Shaul Mofaz, Tham Mưu Trưởng quân đội Do Thái tuyên bố trong cuộc họp báo tại Tel Aviv rằng: Ngày 3.01, lực lượng Do Thái đã bắt giữ một chiếc tàu Karine-A trên có chở 50 tấn vũ khí đủ loại và chất nổ dự định nhập vào vùng đất tự trị của Palestine. Số vũ khí bị tịch thu này gồm có rốc-kết Katioucha có tầm bắn 20 cây số, hỏa tiễn chống chiến xa, quân cụ và các loại chất nổ, phần lớn do Iran sản xuất. Thuyền Trưởng và thủy thủ đoàn tàu Karine-A thuộc lực lượng cảnh sát hàng hải Palestine.

Ông Nabil Abou Radainal, Cố vấn thân cận với Tổng Thống Arafat bác bỏ tất cả liên hệ giữa chính quyền Palestine với chiếc tàu chở vũ khí. Sự việc này xảy ra trong lúc Đặc sứ Mỹ Anthony Zinni bắt đầu các cuộc tiếp xúc với các giới chức Do Thái và Palestine trong nỗ lực nối lại cuộc đối thoại sau 15 tháng xung đột giữa hai bên.

Chính quyền Palestine đã cho thành lập một Ủy Ban điều tra về chiếc tàu chở vũ khí này đồng thời mời đại diện Liên Hiệp Quốc, Liên Hiệp Âu Châu làm quan sát viên.

QUÂN ĐỘI MỸ TỊCH THU ĐƯỢC TÀI LIỆU VÀ CÔNG THỨC CHẾ BOM

Năm bản sao thử nghiệm và công thức chế tạo bom cùng ấn bản kêu gọi Thánh chiến của Osama Bin Laden đã bị tịch thu tại một trại huấn luyện của Al-Qaeda trong vùng đồi núi Kandahar. Trong một cuốn sách ký tên Osama Bin Laden kêu gọi Thánh chiến đuổi Mỹ ra khỏi Saudi Arabien. Một cuốn sách khác có một bài thơ ca ngợi lãnh tụ tối cao Taliban, ông Mahammad Omar, và thề bảo vệ ông ta đến cùng.

MỸ MUA LẠI HÒA TIỀN STINGER

Giới chức Bộ Quốc Phòng Mỹ cho biết, Mỹ vừa mới mua lại được 5 hỏa tiễn phòng không loại Stinger từ các thủ lãnh các bộ tộc xung quanh Kandahar với giá 150 ngàn Mỹ kim/ một hỏa tiễn. Mỹ phải tìm cách mua lại các hỏa tiễn

Stinger vì sự an toàn của các phi cơ trực thăng và vận tải của Mỹ hiện đang bay trên không phận Afghanistan.

Các hỏa tiễn tầm nhiệt cầm tay này do Mỹ sản xuất và do điệp viên CIA bí mật chuyển giao cho lực lượng Mujahedeen 500 trái để chống lại quân đội Liên Xô vào giữa thập niên 1980.

Với số hỏa tiễn này, quân Mujahedeen đã bắn hạ và làm hư hại trên 270 phi cơ các loại của Liên Xô.

Hỏa tiễn Stinger nặng độ 16 kg, dài gần 2 thước, bay nhanh gấp đôi vận tốc âm thanh, bay cao đến 10.000 bộ (3 ngàn thước) và có tầm sát hại trong vòng 3 dặm Anh (4.800 m). Mỹ ước lượng hiện nay có độ từ 50 đến 100 hỏa tiễn còn nằm trong tay các bộ tộc Afghanistan, nếu không tìm mua lại cho hết sẽ là mối đe dọa thường xuyên cho các loại phi cơ có độ bay thấp.

Có thể một ngày nào đó, một vài tàn quân Taliban còn trốn lại trong núi sẽ dùng hỏa tiễn Stinger của Mỹ bắn hạ trực thăng Mỹ thì đúng là gậy ông đập lưng ông!

NGŨ CỐC THAY Á-PHIÊN

Afghanistan: Chính quyền chuyển tiếp dưới sự lãnh đạo của Thủ Tướng Karsai đã quyết định cho phá hủy tất cả các nơi trồng cây á-phiện để chuẩn bị sang Xuân trồng ngũ cốc và thiết lập các trại chăn nuôi để cung cấp lương thực và thực phẩm cho dân. Các nông gia và chủ trại chăn nuôi sẽ được chính quyền cho mượn tiền không lời làm vốn qua Quỹ của Tổ Chức Lương Nông Quốc Tế.

CHỐNG CHỦ NGHĨA SŨ QUÂN

Afghanistan: Thủ tướng Karsai tuyên bố với hãng Reuters là ông cương quyết dẹp tan chủ nghĩa khủng bố cũng như sự cai trị bằng khẩu súng tại một đất nước đã chịu quá nhiều khổ đau vì chiến tranh tương tàn suốt hai thập niên qua. Ông tiếp: Chủ nghĩa Sủ quân và quyền uy của khẩu súng phải được chấm dứt tại Afghanistan. Giới quan sát tình hình Afghanistan hy vọng ông Karsai sẽ ổn định được tình hình chính trị, đưa dân đất nước ông theo con đường Tự Do - Dân Chủ - Ấm No - Hạnh Phúc cho dân Afghanistan.

NHẬT BẢN - SINGAPUR TỰ DO MẬU DỊCH

Ngày 4.1.02, Singapur cho biết sẵn sàng ký kết với Nhật Hiệp Ước song phương về Tự Do Mậu Dịch. Theo báo chí tiết lộ, Thủ Tướng Singapur và Thủ

Tướng Nhật sẽ ký Hiệp Ước này nhân chuyến công du Tân Gia Ba ngày 14.1 của Thủ Tướng Nhật ông Junichino Koizumi.

AUSTRALIA - CHÁY RỪNG

Một cuộc cháy rừng vĩ đại tại Sydney tiểu bang New-South Wales, trên 300.000 mẫu tây cây cỏ bị đốt cháy, hàng mấy trăm căn nhà bị thiêu rụi. Lửa chuyển hướng từ khu vực rừng núi xuống các bờ biển phía Nam khiến hàng nghìn cư dân và khách du lịch tại khu nghỉ mát Sussex Inlet phải ngủ ngoài bãi biển.

Đã có 21 người bị bắt vì tình nghi thủ phạm đốt rừng, trong đó có 14 thiếu niên từ 9 đến 16 tuổi.

Gần nửa tháng trời lo chữa cháy, nhân viên cứu hỏa đã mệt mỏi quá nhiều rồi nhưng lửa vẫn hoành hành, nên họ chỉ còn một cách là cầu nguyện mưa rơi. Thì ngày 8.1.02 tiếng sấm sét đùng đùng với mây đen tụ lại trên bầu trời Sydney rồi tiếp theo là một đám mưa to lớn đập tạt gần hết những đám cháy! Phép lạ hay ngẫu nhiên? Tùy ý kiến của mỗi người.



Cô Louise Robb, một nữ cứu hỏa vui mừng nhảy múa trên vùng nước mưa.

LAI KHÔNG TẮC

Ngày 23.12.2001, chuyến bay AA63 cất cánh lúc 11 giờ từ Paris đi Miami (Mỹ), trên phi cơ có 185 hành khách. Đến 15g30, khi phi cơ đang bay trên Đại Tây Dương thì hành khách đã phát hiện được một tên không tặc khủng bố giấu chất nổ trong giày. Y liền bị cưỡng bắt. Báo động, hai chiến đấu cơ F.15 bay lên hộ tống máy bay đáp xuống phi trường

Boston. Không tặc tên Richard Reid, người Anh (28 tuổi). Y mang thông hành giả. Hiện y đang bị FBI câu lưu điều tra vì bị nghi ngờ có dính líu đến tổ chức khủng bố của Bin Laden.

NHẬT BẢN CHÌM CON TÀU BÍ MẬT

Ngày 22.12.2001, phi cơ trinh sát Nhật phát giác một chiếc tàu, bề ngoài như tàu đánh cá, tiến vào vùng duyên hải Nhật. Lực lượng phòng duyên Nhật bắn dọa nhiều phát súng, nhưng tàu này không ngừng lại còn bắn trả dữ dội kể cả bằng hỏa tiễn. Cuối cùng Lực lượng phòng duyên Nhật bắn chìm chiếc tàu bí mật này cùng với thủy thủ đoàn cũng cùng chung số phận. Nhật cho hay họ cứu xét việc có thể cứu vớt chiếc tàu đã bị bắn chìm nhưng ở trong vùng biển chủ quyền của Trung Cộng vì khi hai bên bắn nhau tàu bí mật này chạy qua vùng biển của Trung Cộng.

Bắc Hàn lúc đầu thì im lặng phủ nhận chủ quyền chiếc tàu này nhưng sau đó lại lên án Nhật đã có hành động của quân cướp biển, qui trách chiếc tàu này là của Bắc Hàn.

Lực lượng phòng duyên Nhật từ năm 1945 đến nay đã phát giác 20 chiếc tàu khả nghi xâm nhập vùng lãnh hải nhưng chưa bắt giữ một tàu nào. Nhiều tàu bè trong số đó bị nghi là tàu gián điệp của Bắc Hàn tìm cách đưa điệp viên vào Nhật hoặc đem lậu ma túy vào Nhật.

Hãy chờ xem khi với được chiếc tàu lên thì sẽ biết ai là chủ quyền.

ĐỒNG EURO €

Bắt đầu từ 01.01.2002, 303 triệu người dân thuộc 12/15 nước trong Liên Hiệp Âu Châu chính thức sử dụng thống nhất đồng tiền chung Euro. Những người ủng hộ sử dụng đồng Euro hy vọng đồng Euro sẽ đem lại những lợi ích lịch sử cho tăng trưởng và mậu dịch, thậm chí cho cả an ninh và hòa bình của Châu Âu.

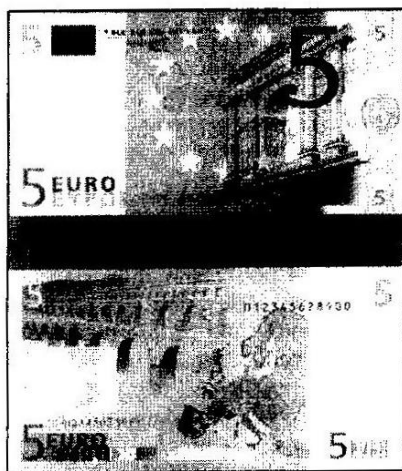
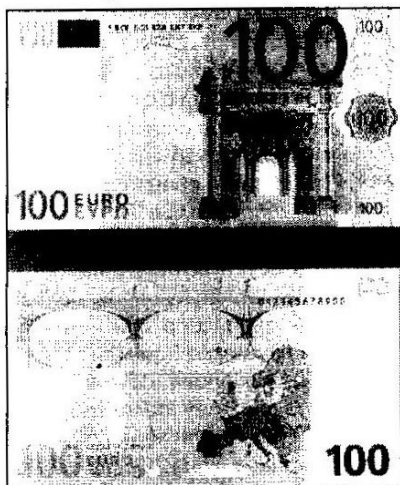
Những kinh tế gia cho rằng đồng tiền chung Euro đã đem lại lợi ích đáng kể từ khi được lưu hành vào năm 1999, tuy chưa phải dưới hình thức tiền mặt. Với đồng Euro tiền mặt được lưu hành sẽ loại bỏ được các khó khăn đổi tiền trong mậu dịch khi qua biên giới; khuyến khích tăng trưởng; chấm dứt những thay đổi bất thường giữa các đồng tiền của các quốc gia; loại bỏ được rủi ro tiền tệ khi tỷ giá hối đoái thay đổi đột ngột.

Đồng bạc giấy Euro được phát hành với các loại 5, 10, 20, 50, 100, 200 và 500, có kích thước từ nhỏ đến lớn dần

theo giá trị. Các nước sử dụng đồng Euro là: Áo, Bỉ, Phần Lan, Đức, Pháp, Hy Lạp, Ai Nhĩ Lan, Ý, Lục Xâm Bảo, Hòa Lan, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Ba nước trong Liên Hiệp Âu Châu từ chối không sử dụng đồng Euro là Anh, Đan Mạch và Thụy Điển.

Riêng tại Đức thì giá 1 Euro = 1,955830 Đức Mã. Đồng Đức Mã vẫn được sử dụng song song với đồng Euro cho đến cuối ngày 28.02.2002. Sau đó nếu ai còn tiền giấy Đức Mã thì có thể đổi bất cứ lúc nào tại ngân hàng.

Vài tờ Euro giấy



VIỆT NAM

Mại quốc cầu vinh là đề tài nóng bỏng, sôi nổi nhất hiện nay tại Việt Nam, nó gây phần uất tột cùng trong quần chúng, từ người dân đến những đảng viên công thần của chế độ. Thật vậy, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bán một phần đất liền và một phần biển của Tổ Quốc cho Trung Cộng để đổi lấy hậu thuẫn của Trung Quốc nhằm duy trì quyền lực, mưu cầu sự giàu sang cho riêng đảng.

Lần này, Người Quan Sát xin đăng lại bài viết của Mạc Thúy Hồng tạp chí Lạc Việt và đơn chất vấn của cử tri công dân liên quan đến Đảng Cộng Sản Việt Nam bán nước.

HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: BÁN NƯỚC, BUÔN DÂN

"Toàn dân nghe chăng?

Sơn hà nguy biến!..."

Suốt chiều dài lịch sử dựng nước và bảo vệ đất nước, chưa có thời kỳ nào đen tối hơn hiện tại. Đảng CSVN, thống trị miền Bắc, sau Hiệp Định Genève 1954, đã không xây dựng được cái gọi là "Xã hội chủ nghĩa" như là Thiên Đàng hạ giới theo chủ thuyết CS, mà ngược lại, đã tạo nên Địa Ngục trần gian trên nửa miền đất nước. Nhân dân miền Bắc đã chịu đựng đói khổ, nghèo nàn, phải ăn cơm độn khoai sắn, không kể đến sự rách rưới áo quần. Quy luật kinh tế của xã hội chủ nghĩa được phát biểu là: "Làm theo khả năng, hưởng theo lao động". Nhưng thực tế, công nhân, thợ thuyền, nông dân... đã làm hết khả năng cũng không được hưởng đủ theo nhu cầu.

Đã vậy, Đảng CSVN còn gây chiến tranh, tạo cảnh "nồi da xáo thịt", làm chết chóc cho hơn ba triệu đồng bào vô tội Nam-Bắc và hàng triệu gia đình thương phế binh liệt sĩ, đang la liệt dọc vỉa hè các thành phố chia nón cối ra xin ăn, nhất là ở thành phố mang tên "Bác", thực mĩa mai cho những thương phế binh của một Quân đội Nhân Dân được mệnh danh là Anh Hùng. Đảng CSVN lợi dụng và tận dụng lòng yêu nước của nhân dân như phương tiện để đạt đến cứu cánh là thống trị cả nước hầu thực hiện chủ nghĩa bành trướng của Cộng Sản Quốc Tế. Biến cố ngày 30.4.1975, nước Việt Nam hoàn toàn bị nhuộm đỏ. Đất nước khựng lại trong cảnh nghèo đói, lạc hậu. Bởi vì, sự trù phú, giàu có

của miền Nam, không đủ bù trừ cho miền Bắc vốn nghèo xác xơ. Làn sóng đỏ tràn vào Nam, như loại vi trùng truyền nhiễm bệnh dịch hạch mang cảnh tượng nghèo đói làm băng hoại xã hội với mọi tề đoan. Nông dân bỏ ruộng vườn. Dân chài lưới bỏ biển cả. Thợ thuyền, công nhân bỏ xí nghiệp. Thanh thiếu niên, trẻ con bỏ trường học. Thiếu nhi, con trẻ, người nghèo khó đi lang thang khắp phố xá xin ăn, ngủ gầm cầu, công viên, xô chợ, nghĩa địa sống với người chết: "Đảng diu dất thiêu nhi thành trộm cướp. Giải phóng đàn bà thành đi, thành trâu..." (Nguyễn Chí Thiện).

Nạn thất nghiệp ngày càng gia tăng. Công nhân, thợ thuyền phải vay tiền nợ với giá lời cắt cổ để đút lót hầu được tuyển dụng đi lao động nước ngoài theo chính sách của nhà nước dưới chiêu bài kinh tế "xuất khẩu lao động". Thực chất chỉ là sự mua bán nô lệ giữa thời đại văn minh của thế giới.

Tài nguyên thiên nhiên trên rừng, dưới biển được khai thác triệt để, thậm chí sức lao động mồ hôi nước mắt của nhân dân cũng bị chia xẻ. Đi điếm, xi-ke ma-túy chiếm lĩnh xã hội. Đất nước kiệt quệ. Sự bóc lột này không phải để làm cho dân giàu, nước mạnh mà lọt vào túi tham không đáy của Đảng. Nhà nước thu mua lúa gạo, cây trái với giá rẻ mạt để xuất khẩu vượt chỉ tiêu, trong khi quần chúng đói rách tả tơi. Công nhân đi lao động nước ngoài, phải đóng thuế bồi tiền lương do sức lao động cực lực của bản thân bằng sự hành hung đánh đập kể cả cái chết của bàn tay ngoại bang. Lợi tức bằng dịch vụ "buôn người" này lên hàng tỷ Mỹ kim (đô-la) hàng năm cho chính phủ.

Điển hình là, ngày 29.11 vừa qua, một nữ công nhân Việt Nam, một trong những nạn nhân của hãng may mặc Đại Hàn Daewoosa tại American-Samoa, đã điều trần trước Ủy Ban Ngoại Giao thuộc Hạ Nghị Viện Hoa Kỳ, đánh dấu một năm ban hành Đạo Luật "Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người và Bạo Hành" (Victims of Trafficking and Violence Protection Act of 2000). Trong buổi điều trần này, nạn nhân là cô Quyên bị đánh bằng cây nhọn đâm thủng mù mắt, người bị gãy răng và những người khác nữa bị bắt mang đi mất tích. Sau đó, xác nổi trên bãi biển.

Chủ nhân người Đại Hàn tên Lee còn thường xuyên vào phòng công khai cưỡng bức tình dục với bất cứ cô gái nào hần vừa mắt. Thậm chí tên này còn bắt các nữ công nhân phải tiếp khách đến

đặt hàng của hãng. Có ba nạn nhân mang thai, bị bắt buộc phải phá bỏ.

Viên chức chính phủ, từ lãnh đạo Trung Ương Đảng đến thành phần xã ấp địa phương, ở đâu có bóng dáng "cờ đỏ sao vàng" là ở đó có tham ô những lạm. Người dân ngu, khu đen bị chặn như bầy súc vật. Nhân quyền bị chà đạp. Mọi quyền căn bản của người dân bị tước đoạt. Không có tự do dân chủ, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tư tưởng... Người dân thấp cổ bé miệng biết kêu cứu vào đâu? Và, nếu "kiểu kiện" chỉ rước vạ vào thân. Những cán bộ có nhiều tuổi Đảng, nhiều công lao sống chết với Đảng, còn bị đày đọa, tù ngục, chết chóc qua nhiều chiến dịch thanh trừng như: Cải Cách Ruộng Đất, Nhân Văn Giai Phẩm, Xét Lại Chống Đảng v.v... và hiện tại là các cán bộ lão thành bất đồng chính kiến như: Ô Ô Trần Độ, Trần Khuê, Nguyễn Thị Xuân, Phạm Quế Dương, Vũ Cao Quan, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương, Bùi Minh Quốc, Bùi Ngọc Tân... Đảng CSVN đã thiết lập nên giai cấp thực dân, phong kiến đồng chung biến thành giai cấp Tư Bản Đỏ, thống trị bóc lột hơn thực dân Pháp và phát-xít Nhật, đang sống phè phỡn trên đầu dân đen. Xa hơn hình thức tham nhũng thường trực bình thường, Đảng CSVN còn sáng tạo nên hình thức siêu tham nhũng lớn lao nhất mà lịch sử không dung thứ là: MẠI QUỐC CẦU VINH. Hồ Chí Minh đã nói: "**Các vua Hùng có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước**". Đó chỉ là câu nói lừa phỉnh mỉa dân của một **Quốc Tặc - Tội Đồ của Dân Tộc**.

Thực vậy, dưới triều đại Hồ Chí Minh, có Thủ Tướng Phạm Văn Đồng, được lệnh Hồ Chí Minh, nhân danh Thủ Tướng Chính Phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, đã ký Công Hàm ngày 14.9.1958, cống dâng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Hoa, để được nước này chi viện và hỗ trợ cho cái gọi là "sự nghiệp giải phóng miền Nam". Đó là bước đầu BÁN NƯ C của Hồ Chí Minh.

Vào thời đại Lê Khả Phiêu, Đảng CSVN đã ký Hiệp Ước Biên Giới trên đất liền, tháng 12.1999, giao nộp 12 cây số chiều sâu vào đất liền thuộc biên giới 6 tỉnh miền Bắc, từ biên giới Lào Quốc đến Vịnh Bắc Việt, dẫn đến mất thêm 10% vùng biển Vịnh Bắc Bộ. Bản Hiệp Ước Vịnh Bắc Bộ, tiếp theo, để đổi lại sự an toàn cho Đảng dưới sự bảo hộ của Trung Quốc hầu tồn tại, sau khi Liên

Bang Nga và khối Cộng Sản Đông Âu sụp đổ, tan rã.

Nhân dân Việt Nam mọi tầng lớp, từ trí thức đến dân đen, hãy làm bài tính nhằm thử xem dân tộc ta bị mất bao nhiêu lãnh thổ và lãnh hải cho Trung Quốc? Con số thành sẽ lên hơn hàng vạn cây số vuông (km²), chứ không như con số mà Luật sư Lê Chí Quang nêu lên chỉ vỏn vẹn là 740 km². (*Số liệu mà chúng tôi nêu lên là do nguồn tin đáng tin cậy từ trong nước bởi cán bộ đảng viên hành chánh tại chức cung cấp. Vì lý do an ninh cá nhân, không thể tiết lộ danh tánh các đường sự*).

Hình thức tham nhũng nào cũng đưa đất nước đến chỗ diệt vong. Nhưng, đem đất đai của Tổ Quốc dâng hiến cho ngoại bang là sự phản bội trắng trợn xương máu, công lao dựng nước của tiền nhân và bao thế hệ ông cha đã giữ nước, là điều sỉ nhục quốc thể nhất. Đó là sự PH N QUỐC vậy!

Nỗi nhục mất đất sẽ dẫn đến mất nước trong tương lai gần dưới sự thống trị độc tài bởi tập đoàn BÁN NƯ C của Đảng CSVN, sẵn sàng làm tay sai, mọt đầu nô lệ ngoại bang. Đồng bào nghĩ sao?

*Mac Thúy Hồng Tap
chí Lạc Việt.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2001

ĐƠN CHẤT VẤN VÀ YÊU CẦU CỦA CÁC CỬ TRI CÔNG DÂN VỀ HIỆP ĐỊNH BIÊN GIỚI VÀ LÃNH HẢI VIỆT-TRUNG

Kính gửi: Quốc Hội khóa X, Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng, Chính Phủ và tất cả những ai quan tâm tới Vận Mệnh Tổ Quốc.

Gần đây dư luận xôn xao về việc Đảng và Nhà nước ta đã ký Hiệp Định Biên Giới và Lãnh Hải với Trung Quốc. Hiệp Định này so với Hiệp Ước Patenotre (thực dân Pháp) và Lý Hồng Chương (ppong kiến Mãn Thanh) ở thế kỷ 1885, thì đã gây thiệt hại rất lớn về đất đai và vùng biên giới của Tổ Quốc và làm nhục Tổ Tiên và Dân Tộc ta.

Tháng 11 năm 2001, chúng tôi cũng có đơn đề nghị lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta làm sáng tỏ việc này và yêu cầu Quốc Hội ta không thông qua Hiệp Định này nếu đã trót ký. Đến nay, chúng tôi vẫn không được trả lời. Tuy nhiên, trên cơ quan ngôn luận của Đảng khi đưa tin Tổng Bí Thư Nông Đức Mạnh sang

thăm Trung Quốc thì mập mờ như đã ký Hiệp Ước biên giới rồi, sẽ nhanh chóng cắm mốc biên giới và tiếp tục đàm phán về lãnh hải. Nhưng đến hôm qua 21.12.01 thì báo chí đã đưa tin: Hiệp Định Biên Giới giữa hai nước đã ký ngày 30.12.99 và ngày 27.12.01 chính thức cắm mốc biên giới.

Chúng tôi, các cử tri và công dân Việt Nam, thấy trọng trách của mình, phải nhắc lại những điều luật cơ bản đã được khẳng định trong cả 4 Hiến Pháp 1946, 1959, 1980 và 1992 làm cơ sở pháp luật để giải quyết việc trọng đại này.

Hiến Pháp năm 1946, trong Lời Nói Đầu: "**Nhiệm vụ của dân tộc ta là bảo toàn lãnh thổ...**":

Điều 1.- Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam".

Điều 21.- Nhân dân có quyền phục quyết về Hiến Pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia".

Hiến Pháp năm 1980 và 1992, đều cũng ghi rõ:

Điều 1.- Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời".

Điều.- Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân".

Điều 3.- Nhà nước nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ Quốc".

Điều 4.- Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến Pháp và Luật Pháp".

.
Điều 53.-Ghi rõ: Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và Xã Hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước... kiến nghị với cơ quan Nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước Trưng Cầu Dân Ý".

.
Điều 146.-Hiến Pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi Văn bản Pháp luật khác phải phù hợp với Hiến Pháp".

Chỉ riêng những điều luật cơ bản dẫn chúng như trên, cũng đủ chứng minh rằng việc ký kết của lãnh đạo Đảng-Nhà

nước với phía Trung Quốc về biên giới như vậy là trái với Hiến Pháp và Pháp luật Nhà nước Việt Nam và vì vậy nó không có giá trị pháp luật.

Dựa trên các điều luật cơ bản của 4 Hiến Pháp nước ta như kể trên, chúng tôi Kiến Nghị giải pháp duy nhất hợp Hiến và hợp Pháp như sau:

1.- Như điều 83 của Hiến Pháp 1992, đã khẳng định: "**Quốc Hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam... Quốc Hội thực hiện quyền giám sát tối cao với toàn bộ hoạt động của Nhà nước**".

- Điều 84 qui định: "**Quốc Hội có nhiệm vụ và quyền hạn: Thực hiện quyền giám sát tối cao của các việc tuân theo Hiến Pháp, luật pháp**".

Vậy Quốc Hội cần tổ chức phiên họp đặc biệt nghe lãnh đạo Đảng-Nhà nước giải trình vấn đề cực kỳ hệ trọng là Hiệp Định Biên Giới và Lãnh Hải Việt-Trung mà dư luận rộng rãi trong nước và ngoài nước đang đau lòng lên án là "**lãnh đạo đi đêm**", "**bán đất, bán nước**".

2.- Như điều 2 của Hiến Pháp 1992, đã khẳng định: "**Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân**".

Các Hiến Pháp 1946, 1980 và 1992 đều qui định dứt khoát: "**Nhiệm vụ của dân tộc ta là bảo toàn lãnh thổ**", "**toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời**".

Vậy Quốc Hội cần khẩn cấp công khai trước toàn dân và xin ý kiến quốc dân về Hiệp Định Biên Giới và Lãnh Hải Việt-Trung và sau hết là: "**Tổ chức Trưng Cầu Dân Ý**" (theo điều 53 - Hiến Pháp 1992 về vấn đề trọng đại, sống còn của toàn dân tộc, của 80 triệu đồng bào trong nước và hải ngoại).

Vua Lê Thánh Tông (1460-1497) truyền lệnh: "**Kẻ nào làm mất một tấc đất của đất nước là kẻ đó có trọng tội đối với Tổ Tông**".

Hồ Chí Minh đã nói trước ba quân: "**Các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê**

Lợi, Quang Trung v.v... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng".

Kính

Các cử tri và công dân ký tên: Theo thứ tự ABC...

1. Hoàng Minh Chính, nguyên Tổng Thư Ký Đảng Dân Chủ Việt Nam. Địa chỉ: 26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội.

2. Phạm Quế Dương, cựu Đại Tá Quân đội Nhân Dân Việt Nam, nguyên Tổng Biên Tập tạp chí Lịch Sử Quân Sự. Địa chỉ: 37 Lý Nam Đế, Hà Nội.

3. Đoàn Nhân Dao, Lão thành cách mạng. Đứng đầu 11 cu Huyết Tâm Thư. Địa chỉ: 48 Hàng Buồm, Hà Nội. ĐT: 8. 282426

4. Nguyễn Thanh Giang, Tiến sĩ Địa-Vật-Lý. Địa chỉ: Nhà 13, Phòng 9, tập thể Phòng Không, Hoa Muc, Trung Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

5. Vũ Khắc Kinh, 73 tuổi, vào Đảng Cộng Sản năm 1947, cựu Thiếu Tá, Thương binh, CCB. Địa chỉ: 41C, Ngõ 120, Đường Hoàng Hoa Thám, Hà Nội.

6. Hồng Long, 85 tuổi, nguyên Phó chủ tịch tỉnh, Đảng viên từ 1946. Địa chỉ: Số 2, ngách 43/43 đường Chúa Boc. Hà Nội. ĐT: 5. 473698.

7. Trần Đại Sơn, 54 tuổi Đảng, Quyết tử quân, Chiến sĩ đội Tự vệ Chiến đấu cựu quốc quân Hoàng Diệu, 1945, nguyên Trưởng Ban Trinh sát Đặc công Sư Đoàn 308B. Địa chỉ: 51 Hàng Bài, Hà Nội. Điện thoại: 8. 236 700.

8. Chu Thanh, Nhà thơ, bút danh Tu Sot. Địa chỉ: 67 Ngo Sông Tô Lịch, Phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội. ĐT: 8. 535911.

9. Nguyen Thu, 75 tuổi, nguyên Ủy viên Trọng Tài Kinh Tế Nhà nước Trung Ương, nguyên Vụ phó Vụ Sản Xuất LHX Công Nghiệp, Thương Nghiệp Trung Ương. Địa chỉ 14 Ngõ Thời Nhậm, Hà Nội. Điện thoại: 9. 430718.

10. Hoàng Tiên, Nhà Văn. Địa chỉ: Nhà A11, Phòng 420, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội.

11. Trần Dũng Tiến, Quyết tử quân Tiểu đoàn 523 Hà Nội, Công nhân, Cựu chiến binh. Địa chỉ: 12/95 Pho Cu Loc, Thanh Xuân, Hà Nội.

Bài Ca Bán Đất

Kính gửi Quốc Hội khóa X, kỳ họp thứ X tháng 12 năm 2001

**Hoan hô Cộng Sản Việt Nam
Cuối đời bán cả giang san nước nhà**

**Bản Giốc cao đẹp nước ta (1)
Nay còn đâu nữa để mà ngắm trông
Trường Sa mù mịt biển Đông
Cả Hoàng Sa nữa, mất tong còn gì**

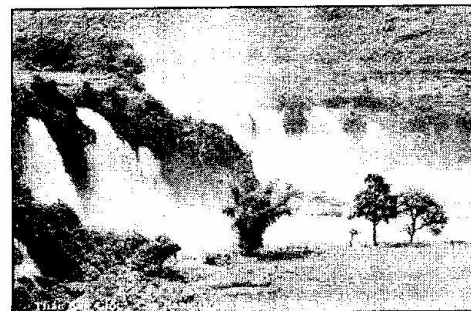
**Mục Nam Quan giữa biên thù
Nay lui xa tấp thấy gì nữa đâu (3)
Ngước trông lệ nhỏ rầu rầu
Suối Phi Khanh cũng qua cầu
người ta (4)**

**Mấy nghìn năm thật xót xa!
Trách ai cắt đất để mà vinh thân
Mặc cho cuộc thế xoay vần
Cuộc đời đầy túi, cốc cần cái chi
Quốc Hội một lũ ư li
Nhưng còn bia miệng sẽ ghi muôn
đời**

**Việc này không thể buông trôi.
Các bố lão Hà Nội**

Ghi chú:

(1) Thác Bản Giốc, Cao Bằng, có rất



nhiều bức ảnh chụp nổi tiếng nay lưu truyền khắp trong nước và cả nước ngoài. Nay đã thuộc về Trung Quốc.

(2) Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của ta năm 1974, bấy giờ còn trong tay Quân Đội Sài Gòn và đã gây cuộc thủy chiến lịch sử. Sau này Trung Quốc chiếm nhiều đảo trong quần đảo Trường Sa vào tháng 3/1988, đánh chìm thiệt hại tàu bè và tử vong chiến sĩ ta giữ đảo.

(3) Trước ở cổng Mục Nam Quan (Ái Nam Quan - Mao Trạch Đông buộc CSVN phải gọi là Mục Nam Quan). Ta và Tàu gác chung. Bên này cổng là đất của ta. Bên kia cổng là đất của Tàu. Bấy giờ ta phải lui sâu về phía Đồng Đăng. Bấy giờ không còn thấy Mục Nam Quan nữa.

(4) Đây là một vạt đất lồi xuống trước Ái Nam Quan. Tướng truyền Nguyễn Trãi tiễn Phi Khanh già biệt nhau ở đây. Phi Khanh khuyên con về rửa nhục cho nước. Cả hai cha con đều khóc thành vạt suối ở chỗ đất lồi, được dân gian gọi là suối Phi Khanh. ●



TIN ĐỨC QUỐC

● **NGUYỄN LÊ HOÀNG VIỆT** phụ trách

● Chính trị

* Schily bênh vực cho luật di dân



Berlin: Bộ trưởng nội vụ Otto Schily SPD đã lên tiếng bênh vực cho luật di dân của ông ta. Ông phủ nhận sự miêu tả của khối đối lập cho rằng luật này sẽ làm cho làn sóng người ngoại quốc đến Đức sẽ tăng trưởng nhanh

hơn. Schily nói: "Sự bày tỏ này thiếu thực tế" và với thái độ chống đối như thế của CDU / CSU không khác gì chống đối với nền kinh tế Đức.

Theo Schily, với luật di dân này thì thủ tục tị nạn sẽ giảm đi và khả năng để trục xuất dễ dàng hơn.

* Quân đội Đức tham chiến

Quân đội Đức bắt đầu tham chiến trong vụ chống khủng bố. Theo thông tấn xã AP thì những chiếc máy bay vận tải đã cất cánh.



Chiếc máy bay vận tải đầu tiên với 1 phi hành đoàn gồm 4 người trong tất cả 3 chiếc đã cất cánh từ phi trường quân sự Mỹ tại Ramstein trực chỉ điểm của Liên Hiệp Quốc ở phía đông Thổ Nhĩ Kỳ với 8,8

tấn chấn mền. Cuối tuần vừa qua đã có 90 chuyên viên kỹ thuật thuộc quân đội Đức được gửi qua Sahiba-Gokeen gần Istanbul, nơi mà những máy bay vận tải dừng lại để đổ xăng cũng như thay đổi phi hành đoàn. Những vật liệu chuyên chở trên sẽ được trao lại cho người Mỹ tại Incirlik để họ chuyển tiếp đi trung tâm Á Châu. (27.11.2001)

* Lính Đức lên đường



70 lính Đức đầu tiên cho lực lượng bảo vệ hoà bình quốc tế tại A Phú Hãn (ISAF) đang lên đường đi Kabul. Hai máy bay vận tải Transall đã cất cánh tại phi trường quân sự

Koeln-Wahn. Trung tướng Friedrich Riechmann, Tư lệnh lực lượng, đã chúc binh sĩ nhiều may mắn và mong Thượng Đế che chở cho họ.

Trước hết, hai chiếc máy bay này sẽ bay sang Eindhoven để lấy thêm 30 lính Hoà Lan và sau đó sẽ dừng lại ở Thổ Nhĩ Kỳ trước khi tiếp tục bay đến phi trường Bagram gần Kabul. Theo như lời Bộ Trưởng Quốc Phòng Đức nói thì cho đến hôm nay, 10.01.02, chưa biết lính Đức sẽ đóng ở đâu tại Kabul. Ngoài số lính Đức ở trên, Đức dự định sẽ chuyên chở bảy chuyến máy bay vật liệu và vũ khí đến A phú Hãn.

Lính Đức tham gia vào sứ mạng bảo vệ hoà bình (Friedensmission) qua sự ủy nhiệm của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp quốc (UN-Mandat). Cùng chung với lính Đan Mạch và Hoà Lan, lính Đức có nhiệm vụ bảo vệ Kabul và các vùng lân cận, đặc biệt là phi trường duy nhất có thể sử dụng được tại đây.

* Merkel tranh đấu



N-TV 10.01.2002: Nữ đảng trưởng CDU, Angela Merkel, cho biết là trong cuộc họp những người lãnh đạo đảng tại Magdeburg cuối tuần này 12/13.01.02 chưa có thể quyết

định được ai sẽ là ứng cử viên Thủ Tướng của khối đối lập. Bà Merkel nói với nhật báo Bild là trong kỳ họp này chỉ bàn về những chiến lược tranh cử mà thôi. Đồng thời bà ta cũng cho biết khối dân biểu đối lập tại Quốc Hội cũng không quyết định về ứng cử viên Thủ Tướng, thể theo lời của Edmund Stoiber trong trường hợp giữa Stoiber và Merkel không đi đến một thỏa thuận. Trong khối dân biểu đa số ủng hộ Stoiber, đảng trưởng kiêm Thống Đốc bang Bayern.

Merkel nhấn mạnh là bà ta sẽ làm theo những gì đã được ấn định trước đây. Hiện tại người ta đều biết khối đối lập có cơ hội thắng khi ra tranh cử cùng Thủ Tướng đương nhiệm Gerhard Schroeder trong kỳ bầu cử Quốc Hội Liên Bang vào tháng 9.2002 tới đây. Chuyện thắng cử theo bà quan trọng hơn là vấn đề ai sẽ là ứng cử viên Thủ Tướng.

Theo nhật báo Bild ra ngày thứ tư vừa qua, tỉnh bộ NRW tuyên bố ủng hộ Merkel. Tuy nhiên sau đó sự ủng hộ yếu đi vì Elmar Brok CDU, nghị viên Quốc Hội Âu Châu đồng thời cũng là Chi bộ trưởng của vùng Ost-Westfalen-Lipp với 27 ngàn thành viên tuyên bố ủng hộ Stoiber. Ngoài ra còn có CDU Saarland, CDU Hessen theo lời của Tổng thư ký Michael Bodenber, Tỉnh bộ trưởng của CDU tại Schleswig-Holstein ông Johann Wadephul và Tỉnh bộ trưởng của CDU Sachsen-Anhalt ông Wolfgang Boehmer cũng tuyên bố ủng hộ Edmund Stoiber CSU. Tin cuối cùng ông Edmund Stoiber được chọn làm ứng cử viên tranh cử chức vụ Thủ Tướng vào tháng 9.02.

* Luật di dân mới



Với bản phát thảo mới về luật di dân liên minh cầm quyền Xanh-Đỏ muốn điều hòa việc thu nhận công nhân người ngoại quốc. Ngoài ra luật ngoại kiều mới cũng có những điều

chính cơ bản, điều kiện thu nhận tỵ nạn theo diện nhân đạo cũng như điều kiện xin tỵ nạn rõ ràng hơn.

Sau đây là những điểm chính của luật di dân:

- Làm việc tại Đức: Ưu tiên cho những người ngoại quốc đang sống tại Đức. Trong trường hợp thị trường nhân dụng khan hiếm thì sở lao động địa phương có quyền quyết định. Giấy phép đi làm cũng như giấy phép cư trú được cấp cùng một lần. Đặc biệt những người ngoại quốc khoa bảng như kỹ sư, chuyên viên điện toán có thể xin giấy phép cư trú dài hạn ngay từ lúc đầu. Những người ngoại quốc vừa tốt nghiệp Đại Học cũng có thể làm việc tại Đức sau đó nếu sở lao động đồng ý hầu ngăn chặn những người khoa bảng mới này đi nước khác làm việc.

- **Đoàn tụ gia đình:** Thanh niên dưới 18 tuổi có thể đoàn tụ với gia đình trong trường hợp cùng di dân đến Đức với cha mẹ, có khả năng tiếng Đức khá hay là con của gia đình có cha hoặc mẹ đã được công nhận tỵ nạn chính trị. Riêng trẻ em dưới 14 tuổi thì được cho phép đoàn tụ với cha mẹ tại Đức để các em có thể sớm theo học tiếng Đức.

- **Giấy tạm dung (Duldung)** cho đến nay là loại giấy cư trú hạng hai sẽ bị bỏ. Hiện tại có khoảng 250 ngàn người ngoại quốc có giấy tạm dung, phần nhiều là những người đến Đức trước năm 1997. Thành phần này gồm những người tỵ nạn chiến tranh, tỵ nạn vì lý do giới tính hay bị những lực lượng ngoài chính phủ theo dõi (Opfer geschlechtsspezifischer und nichtstaatlicher Verfolgung). Thành phần sau chốt sẽ nhận giấy bảo đảm không bị trục xuất trong thời gian ba năm, sau đó sẽ được duyệt xét lại lý do trốn đi xin tỵ nạn.

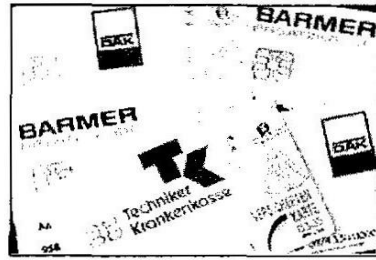
- **Nghĩa vụ rời nước Đức:** Những ai phải rời nước Đức thì sẽ bị hạn chế tự do đi lại cũng như phải ở trong những trại tập trung xuất ngoại (Ausreiseeinrichtungen). Để đảm bảo cho việc nhận diện thân nhân những người đi từ "những quốc gia ma giá" (Problemstaaten = các quốc gia có vấn đề!) phải nộp hình và bị lấy dấu tay khi làm đơn xin chiếu khán. Trong trường hợp khai gian lý lịch và quốc tịch sẽ bị truy tố trong tương lai.

- **Phụ cấp tỵ nạn:** Trong thời gian xin tỵ nạn nếu ai lạm dụng luật tỵ nạn sẽ bị cắt đứt trợ cấp tỵ nạn theo luật định. Ngoài ra trong tương lai những người tỵ nạn theo diện nhân đạo sẽ được trợ cấp xã hội ngay từ đầu.

- **Hội nhập:** Trong luật cư trú sẽ có một số biện pháp được qui định cho những ai muốn sống tại Đức như học tiếng Đức, học luật lệ, văn hóa và lịch sử Đức. Chính phủ liên bang sẽ chịu chi phí cho khóa tiếng Đức căn bản và sẽ giúp đỡ cho những biện pháp khác. Những ai kém tiếng Đức và sống

chưa đủ sáu năm tại Đức bị bắt buộc phải học khóa hội nhập này. Ai không tham dự sẽ bị thiệt thòi khi xin gia hạn giấy phép cư trú.

* Tăng bảo hiểm sức khỏe



Bắt đầu từ tháng 01.2002 tiền bảo hiểm sức khỏe sẽ được tăng cho khoảng 28 triệu người Đức. Lý do tăng bảo hiểm là vì chi phí được phẩm leo thang, do hậu

quả của sự cải cách hưu trí cũng như qua việc giảm bảo hiểm cho những thất nghiệp. Theo chiết tính của quỹ bảo hiểm thì trong năm 2001 đã bị lỗ khoảng 5 tỷ Đức Mã. Techniker Krankenkasse (TKK) cho biết trong 9 tháng của năm 2001 đã chi hơn 11,5% cho được phẩm so với cùng khoảng thời gian trong năm 2000.

Theo dự tính của quỹ bảo hiểm thì nguyệt liễm y tế trung bình hiện nay là 13,6% sẽ được tăng lên ít nhất là 14% trong 2002. Những hãng bảo hiểm đầu tiên đã quyết định tăng nguyệt liễm là Barmer Ersatzkasse (BEK) và TKK. Kể từ tháng 01.2002 nguyệt liễm phải đóng cho BEK là 14,5% (+0,6), cho TKK là 13,7% (+0,5) tính theo tiền lương chưa trừ thuế. Tổng hội AOK Bayern tăng thêm 0,7 lên 14,9% , Hamburg tăng thêm 0,4 lên 14,9% , AOK Schleswig-Holstein tăng thêm 0,6 lên 14,5% và HEK (Hanseatische Ersatzkasse) tăng từ 14,2% lên 14,5%. Trong thời gian tới những hãng bảo hiểm khác như Kaufmaennische Krankenkasse (KKK) , GEK (Gmuender Ersatzkasse), DAK (Deutsche Angestellten-Krankenkasse), Handelskrankenkasse (HKK) và AOK của nhiều tiểu bang khác sẽ bàn thảo về mức tăng nguyệt liễm bảo niễm cho 2002.

* Anh ngữ cho lớp I

Theo tuần báo Focus thì Tổng Trưởng Giáo Dục Liên bang và Tiểu bang muốn học sinh phải học ngoại ngữ ngay ở trường tiểu học (Grundschule).

Bà Edelhard Bulmahn SPD đã nói với Focus là ngay từ lớp I ở trường tiểu học, học trò phải học 1 ngoại ngữ mà tiếng Anh là ngoại ngữ bắt buộc.

Ngoài ra các Tổng Trưởng Giáo Dục cũng đề nghị là ngay tại vườn trẻ, trẻ em cũng nên tập học ngoại ngữ qua hình thức vừa học vừa chơi. Theo lời Bulmanh nói với Focus thì những đề nghị này là những điểm then chốt cho việc cải cách giáo dục của Đức trong tương lai.

• Tin tóm lược quan trọng

- Deutsche Telekom lỗ nặng

Theo tin của Deutsche Telekom (DT) Bonn cho biết thì VoiceStream chi nhánh của DT sản xuất máy điện thoại lưu động tại Mỹ đã làm giảm Bilanz của DT đến hàng tỷ

Dollars trong năm 2001. Trong chín tháng vừa qua VoiceDream đã lỗ 2,3 tỷ Dollars khoảng 5 tỷ Đức Mã.

- Lợi tức E.ON giảm sút trầm trọng

Duesseldorf: Xí nghiệp năng lượng E.ON cho biết trong chín tháng qua của năm 2001 lợi tức của hãng giảm sút đi 71%, chỉ còn có 1 tỷ Euro.

- SPD ủng hộ Schroeder



Đại hội đảng SPD tại Nuernberg đã tái tín nhiệm Thủ Tướng Schroeder trong chức vụ Đảng Trưởng với 88,58% số phiếu, Scharping trong chức

vụ đại diện Schroeder với 58,8% (năm 1999 73,4%).

Ngoài ra bà Wicczorek-Zeul, Wolfgang Thierse với 90,7%, Wolfgang Clement và Renate Schmidt cũng được tín nhiệm với chức vụ Phó Chủ Tịch.

Ngày hôm sau 90% đại biểu tham dự đã bỏ phiếu chấp thuận đường lối chính trị về ngoại giao và an ninh của Hội đồng quản trị đảng đã sẵn sàng gửi quân tham chiến chống khủng bố.

- Nợ nhà nước tăng

Quốc Hội Đức trong tháng qua đã thảo luận về ngân khoản quốc gia năm 2002. Theo tin từ Bộ Tài Chánh cho biết Liên bang, Tiểu bang và các Thị xã sẽ thâm nợ nhiều hơn trong năm 2001 cũng như cho năm tới 2002. Ngân khoản nhà nước cho 2001 sẽ hụt đi 7,5 tỷ Euro, 8 tỷ nhiều hơn so với dự tính hồi tháng 6.01. Năm 2002 theo dự tính sẽ thiếu hụt 42 tỷ Euro nhiều hơn khoảng 7 tỷ Euro so với dự tính trước đây.

- Đa số dân Đức sẵn sàng từ bỏ lương tháng 13

Lời người viết : Sau vụ không tặc tại Mỹ tình trạng kinh tế trên toàn thế giới sa sút. Riêng tại Đức kinh tế đang trên đà suy yếu. Dân Đức nói chung lo sợ mất chỗ làm nên họ sẵn sàng chấp nhận thiệt thòi ... quan trọng là miễn sao có chỗ làm việc.

Handelsblatt: Để bảo đảm cho công ăn việc làm của mình đa số công nhân viên Đức sẵn sàng từ bỏ lương tháng 13 (Weihnachtsgeld). Theo sự thăm dò ý kiến của 1085 người đi làm của tuần báo Focus thì có 58% sẵn sàng từ bỏ tháng lương đặc biệt này, 23% không chịu và có khoảng 9% cho biết là họ không nhận được số tiền Giáng Sinh (Weihnachtsgeld) này.

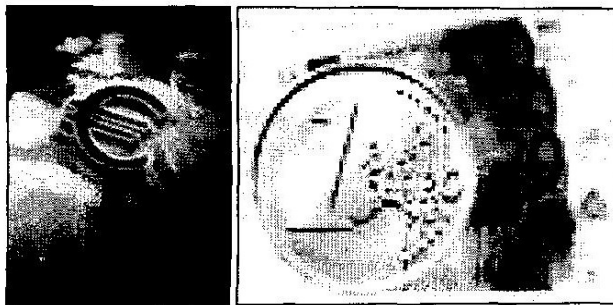
- Đồng Euro

Bắt đầu từ ngày 01.01.2002 đồng Đức Mã (DM) sẽ bị thay thế bởi đồng Euro, đơn vị tiền tệ chung của khối Liên Hiệp Âu Châu.

Sau đây là những điểm quan trọng tóm lược mà chúng ta cần lưu ý:

- Sự thay đổi DM sang Euro sẽ được các nhà băng tự động thực hiện.
- Tại nội địa (trong nước Đức) việc chuyển tiền chỉ bằng Euro.

- Tất cả thẻ ngân hàng (Bankkarten) vẫn có giá trị tiếp tục nếu còn có hiệu lực không cần phải đổi thẻ mới.
- Đổi tiền mặt Euro không cần thiết. Đề nghị bà con chỉ nên giữ ít tiền Đức Mã để xài cho đến cuối năm 2001, nếu



còn dư nhiều DM thì có thể đem bỏ vào ngân hàng, hạn chót là ngày 28.02.2002.

- Từ 01.01.2002 trở đi có thể rút tiền Euro tại những máy rút tiền tự động (Geldautomaten).

Trong những ngày 17/18.12.2001 vừa qua dân chúng có thể mua xu Euro trị giá là 20DM để làm quen dần với đồng tiền mới. Theo tin tức báo chí cho hay thì 25 triệu bịch Nylon Euro đã bị mua sạch ngay trong ngày đầu tiên nên ngân hàng Đức phải trưng dụng thêm 25 triệu bịch Nylon Euro nữa để bán cho dân chúng.

• Eichel: Đồng bào nên chi tiền ra

Lời người viết: Đức là cường quốc về kinh tế, chỉ thấy kinh tế hơi ẻo uột tí là những người có trách nhiệm tìm đủ mọi cách ngăn chặn. Nhìn người xong lại nghĩ đến ta, còn Việt Nam thì mặc kệ. ... dân đói kệ dân. Nghĩ mà buồn.

Bộ Trưởng Tài Chính Eichel SPD kêu gọi dân chúng Đức nên chi tiền ra... Eichel đã kêu gọi qua Focus:

"Nếu các anh muốn mua xe hơi cứ mua, nếu các anh muốn xây nhà, cứ xây". Giá cả, tiền lời rẻ chưa từng có từ trước đến nay. Giá dầu đốt đang giảm, thị trường tiêu thụ xe hơi đang tăng và chỉ số lạm phát đang hạ thấp. Theo Eichel chúng ta không nên bi quan hóa tình trạng phát triển kinh tế. Một vài lãnh vực phát triển khả quan hơn là dự tính. Úu tư của ông là sự tăng trưởng yếu ớt về kinh tế tại Đông Đức (DDR cũ).

- Những thay đổi trong năm mới 2002

Berlin (AZ): Ngoài đồng Euro là đơn vị tiền tệ mới, bắt đầu từ năm 2002 còn có vài luật lệ thay đổi có hiệu lực tại Đức. Sau đây là vài thay đổi quan trọng cần lưu ý:

Thuế: Thuế năng lượng được tăng lên thêm 3,07 Cent mỗi lít xăng, thuế thuốc lá tăng thêm 1Cent cho mỗi điếu thuốc, thuế bảo hiểm thay vì 15% tăng lên 16%.

Tiền con cái (Kindergeld): Cho hai đứa con đầu được tăng thêm 15 Euro, mỗi đứa con sẽ được 154 Euro mỗi tháng (300DM thay vì 270DM so với 2001).

Bảo hiểm y tế: Luật chỉ cho phép đổi hãng bảo hiểm vào ngày 30.09 trước đây bị hủy bỏ. Luật mới cho phép đổi hãng bảo hiểm bất cứ lúc nào vào cuối tháng sau tháng kế tiếp (zum Ende des ueber-naechsten Monats) kể từ ngày

hủy hợp đồng nhưng thời gian bảo hiểm ở hãng mới này tối thiểu phải là 18 tháng.

Thời gian bảo đảm: Thay vì 6 tháng, kể từ năm 2002 thời gian bảo đảm hàng hoá là 2 năm. Trong thời gian này nếu đồ mua bị hư thì sẽ được những người buôn bán (Haendler) sửa chữa miễn phí.

• **Bá Linh từ đèn đường đổi sang Đỏ-Đỏ**



Ngay sau khi SPD thắng cử với đa số phiếu tại Bá Linh vào tháng 10.01 vừa qua thì như chúng ta đã biết, G. Schroeder, Thủ Tướng kiêm Đảng trưởng SPD đã lên tiếng bật đèn

xanh là muốn có liên minh cầm quyền Đỏ Vàng Xanh gọi là "liên minh đèn đường" tại Bá Linh.

Tuy nhiên sau nhiều tuần lễ thương thuyết, ngày 04.12.01 vừa qua ba nhà lãnh đạo của SPD, FDP và Gruen tuyên bố cuộc thương thuyết bế tắc nên đưa đến thất bại vì ba đảng quá khác biệt nhau về nhiều quan điểm như tăng thuế hay cắt giảm tài trợ kinh tế. Ngoài ra SPD đã từng tuyên bố không muốn liên minh với CDU nên từ ngày 06.12.2001 SPD trong thế chẳng đặng đừng phải mở cuộc thương thuyết với đảng Xã hội Dân chủ Đức (PDS), hậu thân của đảng Cộng Sản Đông Đức cũ.

Như vậy qua sự phân chia ghế ở trên thì liên minh hai đảng SPD / PDS sẽ chiếm đa số phiếu trong chính quyền Bá Linh. Trên căn bản hai đảng SPD và PDS đã thỏa thuận về một chính quyền liên minh tại Bá Linh sau hơn hai tuần thương thuyết và dự định bầu Thống Đốc Bá Linh vào trung tuần tháng giêng 2002. Nhưng một tuần trước khi bàn thảo về vấn đề nhân sự thì có sự tranh chấp xảy ra: Trong khi SPD chỉ muốn chia cho PDS ba ghế trong 8 ghế Bộ Trưởng thì Gysi người lãnh đạo PDS trong cuộc thương thuyết này bỗng dưng đòi hỏi 4 ghế Bộ Trưởng của chính quyền liên minh Đỏ-Đỏ (không biết SPD có chịu nhượng bộ PDS không, chờ xem sao !!).

• **Scharping và Trittin sắp mất ghế**



Berlin (AZ): Bộ Trưởng Quốc Phòng Liên Bang Rudolf Scharping, SPD, và Bộ Trưởng môi sinh Juergen Trittin (Xanh) là hai vị Bộ Trưởng mà dân chúng Đức không ưa thích trong chính quyền liên

minh hiện tại.

Theo cuộc trưng cầu dân ý của Forsa thì đa số dân Đức không muốn thấy hai vị Bộ Trưởng này trong chính quyền nữa. Người thứ ba là bà Bộ Trưởng Y Tế Ulta Schmidt. Ngay cả Edelgard Bulman (Giáo Dục) và Walter Riester (Lao Động) cũng cùng chung số phận như Scharping và Trittin, ghế Bộ Trưởng của họ đang bị lung lay.

• **Tin ngắn tóm lược đầu năm 2002**

Hàng Không đắt hơn

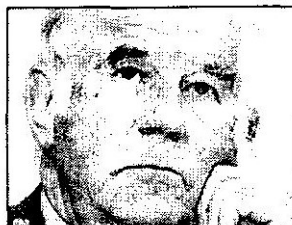
Muenchen (AZ): Theo lời Rudolf Hengefeld Giám Đốc của hãng Deutsche BA thì hãng máy bay Đức Lufthansa và Deutsche BA dự định tăng giá trong năm 2002 này. Lý do là vì bảo hiểm và chi phí cho những biện pháp an ninh leo thang. Tuy nhiên hai hãng máy bay này sẽ tìm cách thu hút hành khách bằng những chuyến bay với giá đặc biệt (Sonderangeboten).

Eichel muốn tiết kiệm tiếp tục

Berlin: Bộ Trưởng Tài Chánh Hans Eichel, SPD, vẫn muốn bám chặt vào những biện pháp tiết kiệm của ông ta. Như vậy Eichel đã phủ nhận nguồn tin của nhật báo Frankfurter Allgemeinen Zeitung vừa qua loan tin rằng Liên Bang đã thâm nợ nhiều hơn 820 triệu Euro (khoảng 1,6 triệu DM) trong năm 2001 so với dự tính trước đây.

Thống Đốc Biedenkopf bỏ cuộc

Dresden: Sau khi đã tuyên bố vào cuối tháng 12.2001 vừa qua là ông không bám chặt vào ghế Thống Đốc của mình



qua hai vụ xì căn đan (thuê nhà rẻ và gần đây thêm vụ thương lượng mua đồ hãng Ikea được giảm bớt giá 15%) thì trong thông điệp nói với dân chúng Sachsen đầu năm 2002, Thống Đốc Kurt Biedenkopf, 71 tuổi

(CDU) đã cho biết là ông nhất định từ chức trong năm 2002 này nhưng không cho biết thời điểm nhất định.

* **Steiner đi Kastrup kế vị**

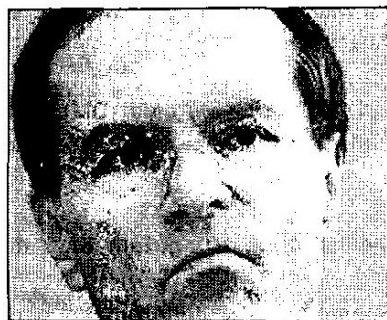
Vào ngày 20.11.2001 qua Thủ Tướng Đức G. Schroeder SPD đã chấp nhận đơn xin từ chức của Steiner. Steiner đã viết thư cho Chef Schroeder như sau:

Thưa Thủ Tướng,

Tôi thỉnh cầu Thủ Tướng cho tôi từ chức. Văn phòng đặc trách an ninh và ngoại giao do tôi điều hành gồm những nhân viên giỏi sẽ tiếp tục công việc không có gì trở ngại. Tôi rất thích phục vụ cho Thủ Tướng. Ông đã mang một gánh nặng cho nền dân chủ của chúng ta. Tôi chúc ông sáng suốt, nghị lực và sức khoẻ.

Thành thật cảm ơn sự tín nhiệm của ông.

Michael Steiner



Steiner



Kastrup

Steiner là một cố vấn giỏi của Schroeder. Lý do Steiner xin từ chức là bị dư luận chỉ trích nặng nề vì ông đã nhục mạ vài binh sĩ sau chuyến công du Á Châu cùng với Schroeder về khi máy bay bị trễ nãi tại phi trường Moskova.

Cố vấn ngoại giao mới của Schroeder là Dieter Kastrup. Kastrup, 64 tuổi, luật gia và là đảng viên SPD là một nhà ngoại giao nhiều kinh nghiệm của Đức. Dưới thời Ngoại Trưởng Hans Dietrich Genscher (FDP), từ 1991 Kastrup là Trưởng Phòng trong Bộ Ngoại Giao đặc trách về chính trị cho Âu Châu, Nato và khối Liên Minh Tây Âu. Từ 1998 cho đến nay là Đại Sứ Đức tại Liên Hiệp Quốc. Tuy nhiên ông Kastrup thay thế Steiner làm cố vấn ngoại giao cho Schroeder trong thời gian chuyển tiếp cho đến cuộc bầu cử Quốc hội 2002, sau đó ông ta sẽ về hưu.

*** KINH TẾ**

*** Thất nghiệp Đức tăng**



Trong tháng 11.2001 vừa qua số người thất nghiệp tại Đức tiếp tục tăng. Tổng Cục Lao Động Liên Bang Nuernberg loan báo là toàn nước Đức có 3.788.900 người

thất nghiệp, 143.700 người nhiều hơn năm 2000 và 63.500 người nhiều hơn so với tháng 10.2001. Tỷ lệ thất nghiệp tại Đức tăng từ 9% lên 9,2% trong khi tháng 10 năm 2000 tỷ lệ thất nghiệp chỉ có 8,9%.

Tại Tây Đức có 2,467 triệu người thất nghiệp, tỷ lệ là 7,4%. Tại Đông Đức (DDR cũ) có 1.321.200 người thất nghiệp, tỷ lệ là 16,9%. Ngoài ra số người làm việc ít giờ lại (Kurzarbeit) cũng tăng từ 29.200 lên 70 ngàn trong tháng 11 vừa qua. Nhiều nhà thông thái dự phóng rằng lần đầu tiên từ mùa đông 1998/99 con số thất nghiệp vào mùa đông sẽ vượt qua mức độ 4,3 triệu.

Trong cuộc bầu cử Quốc Hội cách đây 3 năm Schroeder đã tuyên bố trong nhiệm kỳ của ông số người thất nghiệp sẽ giảm xuống ít hơn 3,5 triệu. Tuy nhiên gần đây chính Thủ Tướng Schroeder SPD cũng không còn tin tưởng là sẽ đạt được tiêu trên trong năm 2002. Theo ông con số 3,5 vẫn là mục tiêu muốn đạt được nhưng ông phải cần nhiều thì giờ hơn.

Theo chiết tính của Jagoda, Giám Đốc Tổng Cục Lao Động Liên Bang thì nạn thất nghiệp sẽ tăng, con số thất nghiệp 4 triệu sẽ bị vượt qua trong tháng 01.2002 nhưng cũng có thể trong tháng 12.2001 này rồi. Ngoài ra ông Jagoda cũng phê bình các hãng xưởng đã mâu thuẫn vì một đảng họ luôn luôn than là thiếu thợ có tay nghề (Facharbeiter) và đảng khác thì họ lại sa thải quá nhanh số thợ đã có tuổi.

• Hãng nhỏ sa thải thợ nhanh hơn

Cuộc khủng bố ngày 11.09.01 ở Mỹ đã ảnh hưởng nhiều đến các hãng nhỏ hay cỡ trung trung. Theo Stepstone thì những

hãng nhỏ phản ứng rất uyển chuyển theo tình hình kinh tế và chính trị thế giới.

10% trong số 1500 Personalmanager được thăm dò ý kiến cho biết những hãng có ít hơn 50 công nhân viên đã và đang sa thải nhân viên vì nền kinh tế bị giảm sút. Khoảng 1/3, vị chi 500 Personalmanager cho biết là sẽ sa thải công nhân viên trong thời gian tới hoặc không nhận thêm người làm việc, còn 73% chưa biết sẽ làm gì. Tuy nhiên những người lãnh đạo Stepstone tin chắc rằng thị trường Đức có triển vọng thay đổi tốt trong thời gian tới.

• Stoiber tranh cử với Schroeder

Vì áp lực nội bộ nên bà Merkel, nữ đảng trưởng của CDU tuyên bố vào ngày 11.01.2002 tự ý bỏ cuộc không ra tranh cử Thủ Tướng, mở đường cho Edmund Stoiber ra tranh cử cùng với Thủ Tướng đương nhiệm Gerhard Schroeder SPD. Như vậy Stoiber, Thống Đốc Bayern và là đảng trưởng của CSU là ứng cử viên chính thức của khối đối lập và là đối thủ của Schroeder trong cuộc bầu cử Quốc Hội Liên Bang Đức vào tháng 09.2002.

Ngay sau khi bà Merkel công khai cho biết bà ta không ra tranh cử, Edmund Stoiber tuyên bố là ông ta sẵn sàng nhận lãnh trọng trách này. Ông cũng nói thêm rằng Đức cần phải có một đường lối chính trị về thị trường nhân dụng, phát triển (Wachstum) và thịnh vượng (Wohlstand).

Theo sự thăm dò ý kiến mới nhất thì Stoiber cũng được dân chúng Đức mến chuộng gần như tương đương với Schroeder. Căng thẳng đang đón chờ!

Lần đầu tiên khối đối lập đang dẫn đầu trong các cuộc thăm dò ý kiến về bầu cử của vài cơ quan truyền thông N-TV, ARD và ZDF. Sau đây là kết quả:

	N-TV / ARD	ZDF
CDU / CSU	39%	39%
SPD	38%	39%
Gruen	5%	
PDS	6%	
FDP	7%	

Qua sự thăm dò trên thì liên minh cầm quyền cũng như khối đối lập không phe nào chiếm đa số cả.

Ngoài ra cũng theo ZDF nếu so sánh trực tiếp giữa hai ứng cử viên Thủ Tướng thì hiện tại Stoiber sắp bắt kịp Schroeder nếu bầu cử trực tiếp (Direktwahl).

	Schroeder	Stoiber
Mến chuộng (beliebt)	48% (-3%)	44%
Phương thức giải quyết (Loesungsansatze) về kinh tế	36%	36%
Tài chánh	36%	33%
Công việc (Jobs)	35%	33%
Thẩm quyền (Kompetenz)	75%	73%
Nghi lực khả năng thực hiện	74%	80%
Thích cải cách (reformfreudig)	72%	50%

Cuộc tranh cử tay đôi giữa đương kim Thủ Tướng Schroeder SPD và đối thủ Stoiber CDU / CSU bắt đầu...

NLHV 11.01.2002

Người việt khắp nơi • Hà Đâu Đồng

Dân Do Thái rải rác lưu vong tị lâu đời vì lẽ Tôn Giáo. (1)
Người Việt ào ạt bỏ nước ra đi vì hiểm họa Cộng Sản nan nguy.

Bạn thử mở từng trang cuốn tân niên điện thoại
Sẽ tìm ra dòng họ, ẩn hiện khắp năm châu
In dọc ngang đối ngược hay xếp đứng hàng đầu
Tờ trước trang sau, lần xem có tên người Việt.

Tôi đã gặp vài giáo viên lâu năm quen biết
Khen trẻ em mình xếp vào hạng khá thông minh
Khen học sinh có gia giáo, có nghĩa có tình
Tôi tỉnh giấc, tưởng mình sống thêm đôi ba tuổi.

Tôi đã tham dự nhiều phiên tòa, lảm buối hội
Nghe chuyên viên đối thoại, bàn cãi lung tung
Rất an tâm tôi thở nhẹ, an ủi vui mừng
Người mình ít án chung thân, xa vòng tù tội. (2)

Nghe thường quen, nhân viên siêng năng, học sinh thông giỏi
Người hỏi người tại sao có hiện tượng khác xa?
Có gì đâu: gần di dưỡng, chú bác ông bà
Dạy con cháu biết giá trị gia đình - tình thương cột trụ. (3)

Khắp nơi nơi trên địa cầu, xa xôi viễn xứ
Người Việt mình nói đủ thứ tiếng, dư sức làm ăn
Thay phiên đêm đổi sáng, chẳng quản nhọc nhằn
Lắm tiệm ăn ngon, còn thêm đông khách phòng mạch.

Đất chịu nắng mưa rồi đất trở thành đá thạch
Đời long đong lảm thử thách, sắt biến thành kim
Tùng đồng xu cân nhắc thành của nỏ của chim
Cứ bám chặt ĐỨC TIN làm móng nền rường cột.

Xe theo xe trên đường số mười hay số một
Nhìn xuống vùng thâm thấp hay tột đỉnh đồi cao
Nơi Rừng Đen (4) hay ven biển, chẳng thiếu chỗ nào
Thấp thoáng bóng người mình thi nhau lập nghiệp.

Thượng Đế chở che dân Việt tị lâu đời lâu kiếp
Thời cha ông kế tiếp, diu dắt dẫn nhau đi
Nguồn văn thơ lễ giáo, Tín Ngưỡng mãi duy trì
Cứ truyền sinh giữa vòng chu vi, bản đồ định mệnh.

Người Việt ơi, người ra đi chống chèo giữa biển cả mông mênh
Người khôn khéo tránh sóng nước bập bênh, nắng mưa thời đại.

Chú Thích:

(1) Người Do Thái cư ngụ tại hải ngoại 8 triệu 4. Tại quê hương Israel 6 triệu 2. Tại Đức 67.000. Người Việt cư ngụ tại Đức 91.000.

(2) dịp hè năm 2000, nhóm ca đoàn Münster được mời đến hát lễ tiếng Việt tại nhà tù thành phố. Tuy không được liên lạc chuyện trò đối thoại với tù nhân, nhưng thoáng qua nét mặt buồn rầu hối hận, họ đã đánh mất quyền tự do nhân vị vì lỗi lầm phạm pháp.

(3) Trong tác phẩm "Les Français" (Những người Pháp) của François Nourcissier (Editions Rencontre, Lausanne 1971), tác giả nhắc đến sự thanh lịch, tế nhị, thông minh của lớp sinh viên và sự hiếu khách của dân Việt.

(4) Rừng Đen (Schwarzwald) tại tỉnh ly Rottweil, nơi còn giữ lại dấu vết cựu Hoàng đế cách mạng đáng yêu, Vua Duy Tân. Ngài được tướng Charles De Gaulle đích thân mời từ đảo Réunion (nơi bị lưu đày) về Đức, giữ chức vụ Giám đốc Phòng thông tin với cấp bậc Trung Tá, trong quân đội viễn chinh Pháp.

Ngài có nhiều tài năng lỗi lạc, chuyên nghề ráp, sửa chữa máy Radio để tị sinh sống. Sau 6 tháng đóng quân tại Rottweil Ngài trở lại Paris và từ đó lên đường về Réunion trong đêm 24.12.1945, bị tai nạn máy bay.

Thỏ

NGUYỄN VĂN CUỒNG



Xuân Về Nhớ chùa xưa

Hương xuân tỏa ngát tận mây trời
Chuông mõ rền vang khắp mọi nơi
Kinh kệ thấm sâu hồn lũ thú
Gợi lòng thương nhớ chùa làng tôi
Xa quê bao độ trăng tròn khuyết
Xứ lạ đất người thân nổi trôi
Vẫn biết đạo vàng cần tị tại
Sao tôi trong dạ cứ bồi hồi.

Mỗi sáng Mùa xuân

Có người trầm mặc lẽ vô vi
Còn tôi duyên ngộ tiết xuân thì
Sáng nghe chim hót trong vườn
nhỏ
Và thơm hơi thở đóa tường vi.

CHẲNG CẦN LÝ LUẬN

Thường tại an nhiên vốn đạo hồng
Chuông ngân sen nở hoa đơm bông
Sân chùa thanh thoát hương vô tận
Thơm tỏa mùi phương, mãi sáng
trong

Chân lý đi tìm rồi sẽ có
Đường về nước Phật ở tâm đồng
Con thuyền chở đạo qua bờ giác
Lý luận gì hơn lẽ sắc không.

Thư gửi Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Kính gửi:

- Ông Nguyễn Văn An, Chủ Tịch Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

- Đồng kính gửi toàn thể Quý vị Đại biểu Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Thưa Quý vị,

Qua những tin tức từ trong nước gửi ra và được báo chí hải ngoại phổ biến rộng rãi, cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống tại Đức Quốc, Vương Quốc Hòa Lan, Vương Quốc Anh được biết: Lãnh đạo đảng cộng sản và chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã cùng lãnh đạo đảng cộng sản và chính phủ Trung Quốc ký kết "Hiệp Định Biên Giới Trên Đất Liên Việt Nam và Trung Quốc" vào ngày 30.12.1999; và "Hiệp Định Phân Định Vịnh Bắc Bộ" vào ngày 25.12.2000. Hai "Hiệp Định" này gây thiệt hại cho đất nước Việt Nam như sau:

1- Khoảng 720 cây số vuông trên bộ, nằm dọc hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn bị cắt nhượng cho Trung Quốc. Trong số đất bị cắt nhượng này có hai địa danh quan trọng: Thác Bản Giốc, một thắng cảnh tuyệt đẹp của Việt Nam và i Nam Quan, vùng đất thiêng liêng, biểu tượng tự hào của dân tộc.

2- Khoảng 9% mặt biển so với Hiệp định Pháp Thanh năm 1887.

Hiệp định Pháp Thanh năm 1887 quy định Việt Nam được 62%, Trung Quốc 38% và Pháp đã phải cắt một phần đất thuộc tỉnh Lai Châu của nước ta cho Trung Quốc sáp nhập vào tỉnh Vân Nam.

Hiệp định "Phân Định Vịnh Bắc Bộ" năm 2001, Việt Nam chỉ còn 53,23% và Trung Quốc được 46,77%. Vùng biển bị mất này chẳng những làm cho nước ta bị thiệt hại to lớn về tài nguyên thiên nhiên mà nền an ninh quốc gia còn bị đe dọa bởi Trung Quốc.

Việt Nam là một nước có chủ quyền, được thế giới công nhận và là thành viên của Liên Hiệp Quốc, thì tại sao lại có việc cắt nhượng lãnh thổ và lãnh hải cho Trung Quốc?

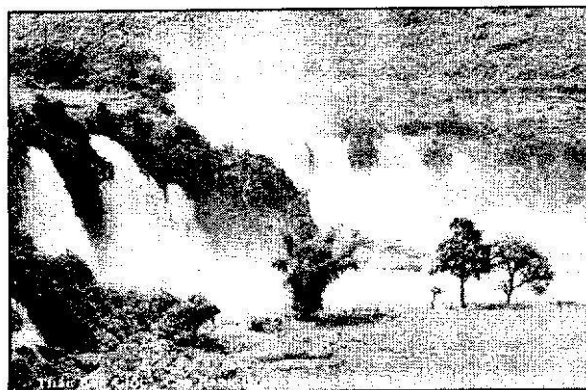
Thưa Quý vị,

Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam không thể ngồi yên, im lặng trước sự việc vô cùng quan trọng liên hệ đến chủ quyền lãnh thổ của đất nước.

Là người Việt Nam thấm nhuần truyền thống yêu nước và bảo vệ đất nước của ông cha, dù ở hải ngoại, chúng tôi cũng quyết định gửi thư này đến Quý vị để yêu cầu:

1. Không thông qua, không công nhận và đồng thời đặt lại vấn đề đối với hai "Hiệp Định" làm thiệt hại to lớn cho đất nước nêu trên.

2. Đòi hỏi lãnh đạo Đảng Cộng Sản và Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam phải thông báo toàn bộ chi tiết những văn bản liên quan đến hai "Hiệp Định" nêu trên trước công luận và nhân dân Việt Nam.



Thác Bản Giốc – Cao Bằng
(Nay thuộc về lãnh thổ của Trung Quốc)

NIỀM ĐAU BẢN GIỐC

Thắng cảnh từ nay chỉ nhớ thôi
Nhìn sang biên địa tít mù khơi
NAM QUAN muôn thuở là quê mẹ
B N GIỐC nghìn đời mãi nước tôi
Đành dạ hiến dâng, tay nhuộm máu
Cam tâm triều cống, mặt bôi vôi
Núi non hòn tử vì phân cách
Dân tộc kêu than, oán thấu trời

• ANTHONY HO
Jan 05,2002

3. Cũng như tất cả Quốc Hội các nước trên thế giới, Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam không thể không hành xử đúng chức năng và quyền hạn của mình mà Hiến Pháp đã quy định.

Lịch sử đã ghi việc cắt đất cho Minh Triều của Mạc Đăng Dung và triều thần vào năm 1540 là một vết nhơ, là trọng tội đối với Tổ Tiên và Dân Tộc.

Xin đừng để lịch sử mai sau ghi thêm lần nữa một vết nhơ tương tự.

Trân trọng kính chào Quý vị.

Ký tên:

- Ông Trần Văn Tòng, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn tại Vương Quốc Anh.

- Ông Trần Văn Trân, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Ty Nạn tại Hòa Lan.

- Ông Nguyễn Đình Tâm, Chủ Tịch Ủy Ban Điều Hợp Công Tác Cộng Đồng tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

NHÂN QUYỀN DÂN CHỦ CHO VIỆT NAM

Bài phát biểu nhân ngày Quốc Tế Nhân Quyền lần thứ 53 (10.12.1948-10.12.2001) trước Sứ quán Cộng Sản Việt Nam vào ngày 08.12.2001.

Kính thưa Ban Tổ Chức, quý Đại diện Tôn Giáo, quý Hội Đoàn, quý Hội cùng toàn thể Anh Chị Em.

Xin thay mặt Việt Nam Quốc Dân Đảng phía Đông Đức cùng đôi lời phát biểu.

Hàng năm vào ngày 10.12 Cộng Đồng Người Việt yêu chuộng tự do dân chủ tề tựu về Sứ quán Cộng Sản Việt Nam tập hợp thành lực lượng đấu tranh, kêu gọi chính quyền CSVN phải thực thi những quyền căn bản nhất của con người mà trong suốt mấy thập niên qua tập đoàn Cộng Sản Hà Nội đã tước đi những giá trị thiêng liêng ấy của con người Việt Nam.

Nhân kỷ niệm 53 năm ngày Quốc Tế Nhân Quyền một lần nữa trước Sứ quán CSVN ở Berlin sự có mặt của chúng ta là biểu hiện tinh thần đoàn kết, kiên cường đấu tranh và bất bạo động. Nhằm tố cáo trước dư luận quốc tế những hành động khủng bố nhân quyền của chính quyền độc tài CSVN.

Như quý vị đã biết Linh mục Nguyễn Văn Lý là quản nhiệm ở giáo xứ An Tuyên - Huế đã bị Tòa án tỉnh Thừa Thiên - Huế kết án 15 năm tù và 5 năm quản chế buộc qui tội: "Phá hoại tình đoàn kết dân tộc và chống lại quyết định quản chế". Trong phiên tòa không có Luật sư biện hộ và cũng không có Đại diện Tòa Tổng Giám Mục, chỉ có cán bộ cộng sản và những ai có giấy mời được tham dự.

Thủ hỏi xem phiên tòa đó có còn công bằng xét xử và căn cứ công lý ở đâu. Hay chỉ là phiên tòa trá hình để hợp thức hóa và là công cụ của Đảng Cộng Sản Việt Nam nhằm tiêu diệt, khủng bố những người bất đồng chính kiến. Chính Tổ chức Ân Xá Quốc Tế đã tuyên xưng Linh mục Nguyễn Văn Lý là tù nhân lương tâm vì Ngài đã đấu tranh cho nhân quyền và đòi tự do tôn giáo một cách bất bạo động.

Còn Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã được thế giới bình chọn ứng cử viên giải thưởng Nobel Hòa Bình. Ngài đã đưa ra lời kêu gọi cho Dân Chủ Việt Nam trong đó có sách lược 8 điểm. Mỗi sách lược đều mang tính nhân bản, dân chủ và hợp thời đại. Đây là yêu sách hợp lý mà cũng là Thông Điệp chứa đựng khát vọng của toàn dân, mà hiện nay Ngài đang bị quản chế

cùng Hòa Thượng Thích Huyền Quang bởi chế độ hà khắc CSVN.

Với Nghị Định 31/CP của cựu Thủ Tướng Võ Văn Kiệt ban hành vào năm 1997 là mở ra nhà tù giam lỏng lớn nhất Việt Nam hòng để chặn đứng, khống chế những ai lên tiếng đòi Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam hay nói khác đi là triệt tiêu những bất đồng chính kiến với chế độ. Mà họ đã ngang nhiên tước đoạt những quyền tự do về tư tưởng... để chúng gán ghép vào đó tội "xâm phạm an ninh quốc gia".

Qua hai Hiệp Định về phân định Lãnh Hải giữa nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam và chính quyền Trung Quốc vào ngày 30.12.1999 và 25.12.2000. Quả thật tập đoàn CSVN đã ngang nhiên dâng hiến, nhượng bộ cho chính quyền Trung Quốc mà trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam biết bao vị tiền bối đã không ngại hy sinh gìn giữ bờ cõi. Ngày nay chỉ vì cố bám lấy quyền lực mà Đảng CSVN đã tự dâng hiến đất tổ quê cha cho Trung Cộng để đổi lấy sự hậu thuẫn chính trị. Hành động này là một vết nhơ, là trọng tội đối với tổ tiên và dân tộc.

Kính thưa quý vị,

Trước tình trạng đàn áp tự do tôn giáo và những hành động bán nước vô tiền khoáng hậu của CSVN. Chúng ta phải kịch liệt lên án những hành động bất nhân của chúng là những bè lũ bán nước và tiếp tục đấu tranh đòi tập đoàn Cộng Sản Hà Nội phải trả tự do ngay tức khắc cho các tù nhân lương tâm và tù nhân chính trị. đặc biệt trả tự do cho các nhà lãnh đạo tinh thần như Linh mục Taedo Nguyễn Văn Lý, nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Cụ Lê Quang Liêm, đại diện cho Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo. Yêu cầu chấm dứt tình trạng bắt bớ, đe dọa, khủng bố những người bất đồng chính kiến. Đặc biệt mọi người phải luôn luôn cảnh giác trước những âm mưu chính trị đen tối của tập đoàn Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Đòi hỏi phải tôn trọng, thực thi triệt để những quyền tự do căn bản nhất của con người như: tự do tư tưởng, tự do báo chí... mà trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền đã minh định mà nhà nước CSVN đã ký nhận là thành viên Liên Hiệp Quốc.

Chỉ có chế độ dân chủ thật sự mới đem lại tự do cho Dân Tộc độc lập, Dân Quyền tự do, Dân Sinh hạnh phúc.

Đã đảo chế độ độc tài Cộng Sản Việt Nam

Tinh thần bất diệt của Linh mục Nguyễn Văn Lý Nhân Quyền cho Việt Nam

• **Hồ Anh Tuấn**
(Auc-Sachsen)

XUÂN 2002

*Mùa Xuân lưu lạc ở quê người
Mấy kẻ ôm buồn, mấy kẻ vui
Nhâm Ngộ thêm vào trang lịch sử
Một năm tang tóc lệ đầy vơi*

*Thường xót muôn người bao thế
kỳ*

*Làm than, tan nát... hận chia ly!
Bao lần đưa tiễn... người yêu dấu
Còn lại trần gian được những gì?*

*Trùng điệp tang thương giữa đất
trời*

*Xuân sang sầu cũ vẫn chứa vơi
Khôn người nhỏ nhỏ về thân
quyển*

Những kẻ ra đi chẳng một lời

*Tôi biết anh buồn, chị khổ đau
Từ đây kỷ niệm phải chôn sâu
Bâng khuâng không hiểu từ đâu
nữa*

*Tùng chũ theo dòng... lệ nhỏ
mau...*

*Xót thương nhân loại, khổ, than
ôi*

*Ngán ngùi làm sao một kiếp
người?*

*Chỉ có trăm năm mà chẳng được
Chưa tròn mộng ước đã chia
phôi...*

*Thêm một mùa xuân... ngán tuổi
đời*

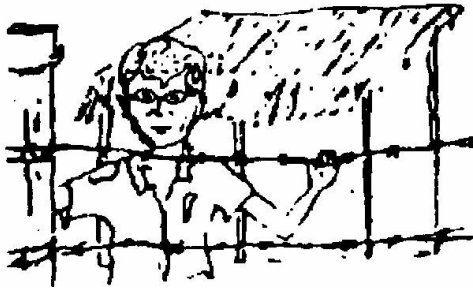
*Bạc thêm màu tóc nhạt làn môi
Vòng quay vũ trụ xoay tròn mãi
Nhân loại nào ai trẻ đẹp hoài...*

*Bao tháng năm qua ở xứ người
Quê hương vơi vơi biển xa khơi
Buồn riêng giấu kín trong tâm
thức*

Xuân vẫn hân hoan rạng rỡ cười

• **Ngọc An**

XÃ HỘI VÀ NHỮNG ĐÒI HOA



Chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tạo dựng lên trên đất nước Việt Nam nếu như theo học thuyết Mác-Lênin ai mà chẳng tin tưởng vào Đảng, vào một xã hội ngày càng tươi đẹp.

Thế mà, tính đến nay đã trên 70 năm, kể từ ngày Đảng CSVN thành lập (03.02.1930). Một xã hội ngày càng mất nhiều nhân quyền, suy đồi về đạo đức, tham ô, hủ hóa, dút lốt hối lộ, chia bè kéo cánh, buôn gian bán lận từ trung ương xuống các địa phương.

Mỗi một quan chức từ cấp Huyện, Thị, Phòng, Ban, Tỉnh trở lên đều có các cô gái xinh đẹp được tuyển chọn vào làm thư ký hay nhân viên đánh máy giúp việc Thủ Trưởng. "Thủ Trưởng nói gì phải nghe", không được phép chống lại. Nếu ngược lại mà không chiều chuộng cấp trên, làm không theo ý cấp trên, lập tức sẽ bị kỷ luật, không tăng lương hoặc sa thải. Đó là cuộc sống thực tế của những cô gái trẻ muốn được làm việc trong các cơ quan Nhà nước, còn ngoài ra xã hội Việt Nam không biết bao cô gái nông thôn ra thành phố kiếm sống, nữ sinh viên ngoài giờ đi kiếm thêm tiền phải lao vào các khách sạn, nhà hàng, Karaoke, quán Bia ôm, cà phê ôm, mát-sa, hy vọng sử dụng chút vốn tự có để kiếm sống, trong khi tiền học hành, sinh sống không tìm đâu ra?!

Cuộc sống các quan chức mỗi ngày một xa hoa, phê phồn, hưởng thụ với những khoản "tiền chùa" mà các quan chức moi từ trong Nhà nước để thỏa mãn với đời sống riêng mình. Trong khi đời sống người nông dân lầm than, đói rách, không có tiền cho con cái ăn học thì ai biết đến?

Nhiều gia đình, người chồng phải rời bỏ quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn, bỏ vợ con ra đi tìm tự do, tìm cuộc sống cho gia đình mình nhưng bị coi là người chồng đã phản bội Tổ Quốc. Từ chính quyền địa phương, công an địa phương đe dọa chị em, họ dùng luật pháp, áp đảo để cưỡng hiếp chị em. Rất nhiều người bị rơi vào hoàn cảnh như vậy nhưng cũng đành ngậm ngùi gạt nước mắt ra đi theo chồng. Biết kêu ai và cậy nhờ vào đâu? Bởi vì những người nắm luật pháp trong tay thì chính họ lại là những kẻ phá hoại hạnh phúc gia đình người khác.

Tôi viết bài ngắn này trong đó cũng có hoàn cảnh của riêng tôi. Và tôi mong mỗi người chúng ta hiểu sâu sắc hơn bản chất của xã hội Việt Nam và cùng nhau đóng góp cho xã hội Việt Nam ngày càng đổi mới.

• Thi Du - Vũ



Hộp thư Viên Giác

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

THƯ TÍN

Mai Lý Cang (Paris/Pháp), Quỳnh Hoa (Đức), Nguyễn Văn Cường (Na Uy), Tuệ Nga (USA), Ngô Minh Hằng (USA), Minh Trang (Canada), Võ Thu Tịnh (Pháp), Vũ Kỳ (Bi), Phan Hưng Nhơn (Đức), Vân Nương LNC (Pháp), Thượng Tọa Thích Quảng Ba (Úc), Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn (Úc), Ngô Quốc Phong (USA), SH Hà Đậu Đồng (Đức), Hồ Tuấn Anh (Đức), Phan Ngọc (Đức), Nguyễn Thùy (Pháp), Phù Vân (Đức), Đoàn Văn Thông (USA), Tâm Việt -NHMai (USA), Các Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Anh, Hòa Lan, Đức. Dư Bao Đồng; Mạnh Bích (Pháp), Phạm Đăng Sum (Pháp), Thái Văn Kiểm (Pháp), Phạm Nguyên Lương (USA), Anthony Ho (USA), Đỗ Kim Thêm (Đức), Nguyễn Văn Tộ (Đức), Họa Sĩ Hiếu Đệ (USA), Ngọc An; Hải Vân (USA), TTTH..., Hà Huyền Chi (USA), Minh Đức Hoài Trinh (USA), Người Quan Sát (Đức), Nguyễn Lê Hoài Việt (Đức), Nguyễn Thủy Cúc (Đức), TS. Lâm Như Tạng (Úc), Thuyền Án; Đan Hà (Đức), Phạm Tuấn Hoàng (Đức), Anh Nguyên; Hồng Nhiên (Đức), Dr. Nguyễn Đăng Trúc (Đức), Nguyễn Chí Thành (Đức), Thi Du-Vũ (Đức), Trần Thị Kim Lan (Đức), Tôn Thất Đào -Liễu Pháp (USA), Tôn Thất Hóa (Đức), Lê Thị Bạch Nga (Canada), Nguyễn Thị Vinh & Nguyễn Hữu Nhật (Na Uy), Thi Du - Vũ (Đức).

KINH, SÁCH & BÁO CHÍ

Đức: Dân Chúa Âu Châu số 230 & 231; Entwicklung und Zusammenarbeit 12/2001 & 1/2002; Thế Kỷ 21 Tâm Linh; Kalyana - Mitta Nr.10/01; Thông Tin số 15 Dân Việt số 46; Dân Văn số 84; Diễn Đàn Việt Nam số 123; Betrifft 4/2001; Tibet und Buddhismus Nr.60; Tập San Cao Đài Giáo Lý số 57; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 151; Bản Tin Đức Quốc số 186. Buddhistische Monatsblätter Nr.1/2002; Wissen und Wandel 48 Jg 1/2; A.M.F.N Nr.15; Development and Cooperation Nr.1/02; Développement et Coopération Nr.1/02; Garten und Familie in Hannover Nr.1; Dân Chủ & Phát Triển số 22;

Pháp: Phật Pháp số 05; Dịch Đại Tạng Kinh thành chữ Việt - của Tự Viện Linh Sơn; Nhân Bản số 8; Việt Nam Dân Chủ số 63 & 64; Tam Giáo và Việt Tánh của Mạnh Bích; Liên Lạc Nhân Văn số 5; Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 20; Bản Tin Khánh Anh tháng 1/2002.

Na Uy: Sách "Nổi Sóng" của Nguyễn Thị Vinh; Sách "Đã Đòi" và "Bò Bên Kia" (1,2) của Nguyễn Hữu Nhật.

Nga: Thuật hùng biện (tiếng Nga) của ĐH Thiện Xuân.

Thụy Sĩ: Dhammapa - Winter 01/2002.

Hoa Kỳ: Bồ Đề Hải số 54; Chân Trời Mới 12/12; Lệnh Thầy của tác giả Phan Ngô; Thế Giới Ngày Nay số 170; Tin Lành số 70 & 71; Phật Giáo Việt Nam số 117; Kỷ Yếu Vĩnh Nghiêm 2001; Chan Magazine Fall 2001.

Canada: Đi Tỏi số 52; Sách "Giá Tự Do" của Lê Thị Bạch Nga.

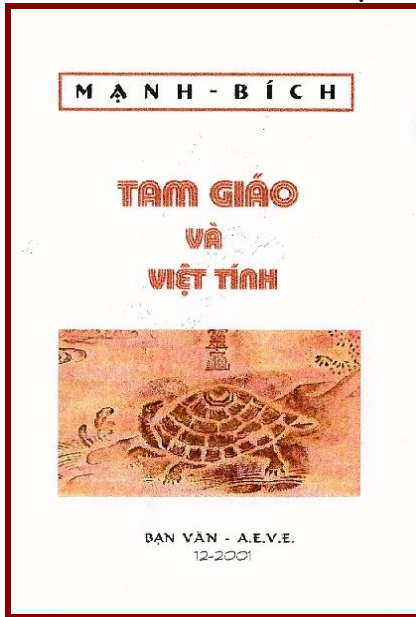
Đài Loan: Thiên Phật Sơn số 152; Art News 2001.

Sri-Lanka: Buddhist Reflection on Death; Right Knowledge.

Úc Đại Lợi: Khóa Tu Gieo Duyên 13.12 - 26.12.2001 chùa Pháp Bảo.

TAM GIÁO và VIỆT TÍNH của MẠNH BÍCH

• Phạm Đăng Sum



Với tư cách là một người bạn thân từ lâu năm, anh Mạnh-Bích có gửi tặng tôi quyển "*Tam giáo và Việt-tính*" anh vừa viết xong. Anh nói với tôi rằng chủ ý của anh khi viết sách này cốt để giới thiệu văn hóa Việt Nam với ngoại nhân và nhất là với các bạn trẻ.

Tôi đọc sách mấy hôm liền và thấy sách "đọc" quá - "đọc" trong ý muốn phổ biến và "đọc" trong lối trình bày - nên mạo muội viết đôi hàng để nói lên và chia sẻ cùng bằng hữu cái thích thú của mình lúc được "nhàn lãm" một tài liệu bổ ích.

*

Sách được chia làm 3 phần: chương một, nói về *Tin ngưỡng và Tôn giáo*; chương hai, nói về "*Tam giáo: Lão, Nho, Phật*"; chương ba, nói về "*Tin ngưỡng và Việt-tính*".

Ngay từ đầu, tác giả đã có lời kính cáo với độc giả: "*Tập sách nhỏ này, vì chỉ nằm trong khuôn khổ luận bàn về giá trị của dân-tộc-tính Việt Nam nên không có tham vọng len lỏi vào địa hạt thần học, triết học, đòi hỏi người đọc cũng như người đọc giả những hiểu biết chính xác và chuyên thâm. Ước vọng của tác giả là được những người yêu văn hóa có nhiều tình cảm hơn đối với dân tộc và đất nước Việt Nam*".

1- Tin ngưỡng và tôn giáo - Chương này biên khảo công phu về nguồn gốc, sự phát triển, giáo lý và đặc điểm của các tôn giáo khắp nơi trên thế giới, từ các tôn giáo đa thần như Ấn-Độ-giáo, đạo Gia-ni, Thần giáo, đến các tôn giáo độc thần như Do-Thái giáo, Thiên-Chúa-giáo với các tông phái Cơ-Đốc, Tin Lành, Chính-thống v.v.... Riêng Phật Giáo, là một trong những tôn giáo lớn, tác giả đã dành việc nghiên cứu vào chương hai, một phần vì tôn giáo này có ảnh hưởng nhiều đến Việt-tính, một phần vì tác giả cho rằng Phật-giáo không hẳn là một tôn giáo thuần túy, mà còn là một "đạo", có nghĩa là "đường", giống như đạo Nho của

Khổng, Mạnh và đạo Lão của Lão Đam vậy. Bên cạnh các tôn giáo chân chính, tác giả cũng nhắc đến các giáo phái vừa dốt khởi gần đây như giáo phái Mun, giáo phái Tin ngưỡng Thực nghiệm (Scientologie), giáo phái Chứng nhân của Jehovah, giáo phái Hare Krishna, giáo phái Thái dương thần (Temple solaire) v.v... Tác giả xếp các giáo phái ấy vào loại tà phái vì được dựng nên với mục đích lợi dụng lòng tin thiếu suy xét của tín đồ nhẹ dạ, để thực hiện một âm mưu đôi khi ngoại đạo lý và có tính cách bất chính. *Cộng sản vô thần* cũng được xếp vào loại tà phái vì dựa trên những tín điều độc đoán, tôn thờ và phục tùng lãnh đạo và người "cuồng tín đồ" cộng sản phải tự đặt mình trong một tổ chức để bị kèm kẹp, kiểm soát chặt chẽ.

Tôi xin phép không dừng lại lâu ở chương một, về tin ngưỡng và tôn giáo, vì chương này được xem như một chương dẫn nhập, để đưa chúng ta đến hai chương sau là hai chương cốt yếu mà tác giả muốn trình bày với những người muốn biết thêm về văn hóa và tâm linh Việt-nam.

2- Tam giáo - Trong hội nghị các tôn giáo năm 1993 tại Luân đôn, Đức Đạt-Lai Lạt-Ma có đưa ra nhận định: nên đặt Lão-giáo, Nho giáo Phật-giáo vào hàng tôn giáo không? Tam giáo Đông phương có phải là một loại tín ngưỡng hỗn hợp không? Đây là những đề tài được tác giả phân tích, tổng hợp và bình giải trong chương hai (Tam giáo: Lão, Nho, Phật).

A- Lão giáo - Học thuyết của Lão-giáo được thu gọn trong quyển Đạo Đức kinh. Đây là một quyển sách "nói ít, hiểu nhiều", trình bày triết thuyết của Lâm Đam trong chỉ hơn 5000 chữ. Gần đây, một nhà chuyên in sách quý nổi tiếng ở Pháp, ông René de Berval, đã cho in quyển này thành một ấn bản song ngữ, một bên là Hán-văn, một bên là bản dịch tiếng Pháp, giấy tốt, có filigrane hình cây trúc, gáy mạ vàng, chỉ dành riêng cho những ai thích sưu tập sách đẹp. Theo huyền sử, ông già Đam mới lọt lòng mẹ, tóc đã bạc phơ, tai dài thông, không rõ tên họ là gì, nên người ta gọi là Lão Đam, tức là Ông già tai dài. Văn trong Đạo Đức kinh là một loại văn cô đọng, súc tích, giảng dạy một lối sống phóng khoáng, tự nhiên, phù hợp với thiên nhiên, không tranh dành, không chạy vạy đeo đuổi hư danh, phù phiếm; đó là đạo của người hiền nhân. Ông chủ trương: *vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị*, tức là không xen vào bất cứ chuyện gì, không bày chuyện ra để làm, không thích điều rắc rối mà xem nhỏ như lớn, ít như nhiều và lấy đức báo oán (*dại, tiểu, đa, thiếu, báo oán dĩ đức*). Có người chỉ trích thuyết "vô vi" của ông, cho rằng như vậy có tính cách yếm thế, vị kỷ, phản tiến bộ; nhưng chủ ý của Lão-tử không phải là không làm gì cả nhưng làm trong tinh thần hài hòa, không màng danh lợi, làm mà không để cho tinh thần dao động và không làm những gì trái với "đạo", trái với mộc mạc tự nhiên, trái với lương tâm ngay thẳng. Do ở nhận định "có" và "không" đều cùng sinh ra lẫn nhau; dễ và khó đều cùng đưa đến một kết quả; dài và ngắn rồi cũng tạo hình dáng của nhau; cao thấp đều khuynh loát lẫn nhau; âm thanh điều hòa vào với nhau; trước và sau đều tùy thuộc lẫn nhau. (*Cố, hữu vô tướng sinh, nan dị tướng thành, trường đoản tương*

hình, cao hạ tướng khuyh, âm thanh tướng hòa, tiền hậu tướng tùy).

Theo tác giả, cái triết thuyết "vô vi, tri túc" của ông đã ảnh hưởng nhiều đến nếp sống của những thế hệ người Việt các thế kỷ đã qua trong cách xử thế. Những nguyên tắc để có một đời sống an bình, một xã hội tốt đẹp của ông rất thông thường và cũng rất dễ áp dụng : lấy yếu để thắng mạnh, lấy mềm để thắng cứng (*thủ nhu thắng cương*) ; không nên tranh dành vì người thiện không tranh dành, không tranh mới thắng, phải dứt bỏ lòng dục, phải biết thế nào là đủ vì "biết là đủ thì không bị nhục, phải biết dừng lại ở chỗ vừa phải" (*tri túc bất nhục, tri chí bất đãi*). Một ví dụ nhiều người biết : áp dụng lối sống trên đây, Cụ Uy-viễn tướng quân Nguyễn công Trứ của chúng ta, sau một thời hoạn lộ đầy thăng trầm, lúc lên voi lúc xuống chó, đã chẳng trở về vui thú điền viên để ngâm câu "*Tri túc tiện túc, đãi túc hà thời túc, tri nhân tiện nhàn, đãi nhân hà thời nhàn*" đó sao? Ngay như gần đây, phong trào luyện tập khí công và Thái cực quyền v.v... mà nguyên lý căn bản là bồi dưỡng thể chất và tinh thần để sống một cuộc sống khỏe mạnh, phù hợp với thiên nhiên không lấy sự tranh tài hay tranh đấu để ấn định hơn thua hay lên đai xem ai cao ai thấp, phải chăng cũng là thực hành triết lý của đạo Lão.

B- Nho giáo - Người khởi xướng Nho-giáo là Khổng-tử. Nho-giáo là đạo lý của người được xem là cần thiết cho xã hội. Khổng-tử không tự nhận mình là người đã sáng tạo ra một triết thuyết. Ông chỉ nhắc lại những điều đã được tiền nhân nói đến trước rồi. (*thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*). Những điều ông nói và giảng sau này được các môn đệ chép lại, bổ khuyết, biên soạn thành Tứ Thư, và Ngũ Kinh. Tứ thư là 4 quyển sách Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử. Ngũ kinh gồm 5 quyển Kinh Thi, Thư, Lễ, Dịch và Xuân-Thu. (trước đây là Kinh Nhạc, nhưng sách này bị đốt dưới đời Tần Thủy-hoàng nên được thay thế bằng kinh Xuân Thu).

Đạo Nho chú trọng việc đào tạo người đàn ông thành người quân tử. Quân tử là hạng người cao quý, trong sáng, được mọi người trọng nể, khác với tiểu nhân là người thiếu tư cách, có tinh thần thấp kém, hèn hạ. Người quân tử trau dồi 5 đức hạnh cần thiết : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Người phụ nữ phải có những đức tính : công, dung, ngôn, hạnh.

Từ trước đến nay, số sách vở, tài liệu biên khảo về đạo Nho nhiều không kể xiết. Mạnh-Bích đã chịu khó tóm lược được trong mấy mươi trang giấy lịch sử, học thuyết của Khổng-tử và các học trò của ông, như Mẫn-Tổn, Tăng Sâm, Tử Cống, Tử Lộ rồi Mạnh-tử (phái Đại đồng), Tuân-tử (phái Tiểu khang) của thời Chiến-quốc, và sau này, Vương Thông, Hàn Dũ, Chi Hi, Trình Hạo (đời Tống), Vương Dương Minh (đời Minh) với thuyết tri hành hợp nhất, Khang hữu Vi, Lương Khải Siêu (đời Thanh)... Tác giả "Tam giáo và Việt tính" đã tài tình phân tích từng trường phái, giúp ta theo dõi được mà không cần cố gắng những điểm dị biệt hoặc tương đồng giữa các chủ thuyết.

Nho-giáo được xem như thượng tầng kiến trúc của tư tưởng Trung-hoa và Việt-nam. Đặc điểm của đạo Nho là tôn trọng lễ nghĩa, tôn trọng nhân, trí, dũng, đề cao nhân

phẩm, đặt trách nhiệm của mỗi người đối với bản thân, với gia đình, với xã hội. Mạnh-Bích phân tích một cách nghiêm túc Khổng-giáo chú không thiên lệch như một tác giả nọ, hiểu chữ Lễ của Khổng-Khâu là lễ bái, rồi bảo rằng Khổng Khâu chỉ là một ông thầy cúng! (sic). Theo Mạnh-Bích, Nho giáo đã giúp sĩ phu nước ta duy trì những giá trị tinh thần dân tộc, giữ vững sĩ khí, giúp nước yên nhà. Nho học đã đóng góp trên các lãnh vực chính trị, xã hội và văn học, và có ảnh hưởng lớn vào nếp sống và tính khí người dân Việt như tác giả trình bày trong chương ba, cũng là chương cuối của sách.

C- Phật-giáo - Về Phật-giáo, sách vở viết về tôn giáo này nhiều không kể xiết. Nhất là tại Âu-châu và Mỹ-châu gần đây đã phát sanh một phong trào học Phật và theo Phật (bouddhamanic) rất mạnh. Đa phần sách trình bày Phật-giáo là một tôn giáo, một tín ngưỡng do Đức Phật sáng lập ra ở Ấn-độ, khoảng 500 năm trước TL, sau đó tràn lan sang các xứ Á-đông lân cận và gần đây, sang tận các xứ Âu-Mỹ. Nhưng trong sách "Tam giáo và Việt-tính", tác giả lại có một cái nhìn khác. Ông muốn người ta biết đến Phật-giáo như một học thuyết do Đức Thích-ca Mâu-ni giảng dạy, chỉ cho chúng ta một con đường đi (đạo có nghĩa là đường), một lối sống, để tự mình thấy rằng mọi vật là vô thường, để tự mình chủ không ai khác giác ngộ, diệt lấy khổ đau, thân tâm an lạc, thoát khỏi luân hồi, lúc chết được về cõi Niết-bàn. Tác giả đã trình bày với những câu văn dễ hiểu, rõ ràng, nguồn gốc và sự phát triển của Phật-giáo, nguyên lý của Phật-giáo, thế nào là tứ diệu đế, là bát chính kiến là nghiệp, là duyên v.v... Theo tác giả tập biên khảo, Phật-giáo không hẳn là một tôn giáo theo nghĩa một tín ngưỡng "chủ trương tôn vinh một Vị Thượng-đế được biểu hiện bằng một đấng tối cao, sáng tạo và chúa tể của loài người", và Phật-giáo cũng "không hẳn là một triết thuyết vì không bàn bạc suông để nêu lên một tư tưởng, để xác định một lý thuyết ... suông". Giáo lý Phật-giáo đặt vấn đề ra một cách cụ thể, thực tiễn, xác định một lối sống rành rề, liên quan đến vận mệnh của "con người", con người như một hiện thể trong vũ trụ. Vì vậy mà người phật-tử bình thường phải xem Phật-giáo như một đạo lý (éthique), còn những bậc trí thức nên xem tín ngưỡng này như một khoa học tâm linh (science de l'esprit). Vì nhìn Phật-giáo như một tín ngưỡng nên Geoffroy de St-Hilaire đã viết trong "Nhật ký của các nhà bác học" (Journal des savants) năm 1852 rằng: "Nói cho cùng, Phật giáo là một lối thờ phụng và một lối quan niệm quá khích sự hư vô". Nhưng nhìn Phật-giáo dưới lăng kính một đạo lý nhân bản, tự do và khai phóng, Michelet đã viết trong quyển "Thánh kinh của Nhân loại" (La Bible de l'Humanité) rằng : "Cái gì của phương Tây cũng gò bó. Hấp thụ thì nhỏ nhoi, khiến tôi ngộp thở. Vùng Judée thì cần cỗi khiến tôi hỗn hển. Hãy để cho tôi quay mặt chút ít về vùng Á-đông cao cả, về phương Đông sâu thẳm (Tout est étroit dans l'Occident. La Grèce est petite, j'étouffe. La Judée est sèche, je halète. Laissez-moi un peu regarder du côté de la haute Asie, vers le profond Orient).

Cuối thế kỷ 20, nhờ những sách viết về Phật-giáo của Alexandra David-Neel, của André Malraux, của Jean-

François Revel (mà người con trai, tiến sĩ vật lý, đã thọ pháp giới và trở thành tỷ kheo Matthieu Ricard) và nhờ những buổi thuyết pháp của những người học Phật và theo Phật lâu năm như Đại sư Desimaru, Lạt-ma Kalou Rimpoché và Đạt-lai Lạt-ma, người Âu-Mỹ nhận chân được giá trị tinh thần và đạo đức cùng tính cách phóng khoáng của giáo lý nhà Phật. Chính nhà bác học Einstein đã tuyên bố: "Chỉ có Phật-pháp là đạo lý thích ứng nhất cho khoa học" Và triết gia Pháp J.F. Revel cũng nói: " Ngày nay, triết học là sự tìm kiếm một nghệ thuật sống, phần lớn do sự khích động của Phật-giáo" (Aujourd'hui, la philosophie est la recherche d'un art de vivre en grande partie sous l'impulsion du Bouddhisme".

3- Tín ngưỡng và Việt-tính - Trong chương ba và cũng là chương cuối, tác giả đã chứng minh rằng tín ngưỡng và tam giáo (phật-giáo, nho-giáo, lão-giáo) đã ảnh hưởng nhiều đến đời sống của người Việt trên mọi lãnh vực: tâm linh, văn hóa, phong tục, tập quán. Việt-tính đã bị triết thuyết và nguyên lý Phật, Nho, Lão chi phối. Sự chi phối này khiến cho Việt-tính có một sắc thái đặc biệt, với những ưu điểm cũng như khuyết điểm. Tác giả cho rằng, ba đạo giáo lớn ở Á-Châu du nhập vào Việt-Nam và được dùng làm nền tảng cho tín ngưỡng của người Việt từ hàng ngàn năm nay rồi. Tuy bị chi phối, nhưng người Việt biết gạn lọc để lĩnh hội những tinh hoa của cả ba đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão, vì cả ba đạo đều nói đến chữ tu: tu hạnh, tu tâm, tu đức. Đa số người Việt theo Phật-giáo với tinh thần từ bi hỉ xả, tín ngưỡng với lý trí chứ không phải tín ngưỡng một cách cuồng tín để sẵn sàng lao mình vào những cuộc thánh chiến như tôn giáo khác. Nhờ đó, chúng ta có được tinh thần khoan dung, tinh thần tự do, bình đẳng, tinh thần kiên ái, tinh thần khai phóng.

Tôi không muốn nói nhiều về quyển sách, sợ làm mất hứng thú của người đọc. Tôi quen tác giả Mạnh-Bích, biết anh là một nhà giáo, một nhà văn, một thi sĩ và một người soạn nhạc có tài. Nhưng đọc "Tam giáo và Việt-tính", tôi khám phá ở anh một nhà biên khảo nghiêm túc. Anh khéo phân tích, khéo tổng hợp, trình bày có thứ lớp, có hệ thống. Phân tích là một công việc khó; tổng hợp lại là một công việc khó hơn. Sách của Mạnh-Bích có giá trị ở chỗ vừa phân tích, vừa tổng hợp. Phải đọc nhiều, nghiên cứu kỹ vừa tổng quát vừa chi tiết thì mới phân tích và tổng hợp một cách trung thực và nghiêm túc được. Một độc giả không quen đọc những sách viết về tôn giáo, về đạo lý, vì tính cách trừu tượng, khô khan, vì lời văn nhiều lúc khó hiểu, quá súc tích, cô đọng mà ý thì cao xa, nặng phần hình nhi thượng, sẽ dễ chán lúc gặp phải những sách viết về đề tài này. Có lẽ vì nhận chân được điều này, qua kinh nghiệm viết văn và giảng dạy, nên tác giả "Tam giáo và Việt-tính" không đi quá sâu vào chi tiết, chỉ tóm lược những điểm cần và đủ về mỗi tôn giáo, mỗi giáo phái, mỗi học thuyết, để không gây chán nản cho người đọc.

Viết về những đề tài như tín ngưỡng, tôn giáo không phải là việc dễ dàng. Tác giả đã bỏ công sức, thời giờ, sưu

tầm, ghi chép, tra cứu, thông dịch, chuyển ngữ bằng một lối hành văn "bình dân" dễ hiểu, để giới thiệu Việt-tính với giới trẻ và với những người muốn biết và hiểu thêm dân tộc Việt-nam. Đó là điều đáng ngợi khen ở tác giả. Và việc phát hành những sách như Tam giáo và Việt-tính thuộc loại sách kiểu "Que sais-je?" hay "Livre de poche" để phổ biến tri thức này đáng được khuyến khích và ủng hộ.

Phạm-Đặng-Sum
Sceaux, 14-12-2001

Kinh Cầu Ngày Xuân

• Đan Hà

Bóng chiều dang cánh rộng
Chuông chùa nhẹ vang ngân
Âm thanh lời kinh vọng
Khắp muôn nẻo đường trần

Lời kinh hồng trầm lắng
Gieo hạt giống thiện tâm
Nở bông hoa dâng tặng
Làm món quà mừng xuân

Nguyện mùa vui miên viễn
Trong lòng hoài thiết tha
Quê hương qua dâu biển
Muôn người kết Liên hoa

Chiều đọc lời kinh nguyện
Dâng lên hết tâm thành
Cầu mong mùa xuân đến
Đẹp tựa ngàn hương hoa

Mẹ không còn trông đợi
Những đứa con phương xa
Mong xuân đoàn viên tới
Thăm khắp thảy mọi nhà

Nguyện cầu dân nước Việt
Qua khỏi cảnh phong ba
Dâng lời kinh tha thiết
Cho quê hương thái hòa

Chiều đọc lời kinh nguyện
Thế giới hết chiến tranh
Yêu thương vòng tay hiện
Đón mùa xuân thanh bình

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO MỖI XUẤT BẢN

• *Phù Vân phụ trách*

1- NHƯ CÁNH CHUỒN CHUỒN, tập truyện vùng Bảy Núi của Phong-Hùng Lưu-Nhơn-Nghĩa. Thượng Tọa Thích Như Điển viết lời nhà xuất bản. Nhà văn Phạm Thăng viết vài dòng cảm thông. Phù Vân viết Bạt.

Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa, một cộng sự viên thường xuyên của báo Viên Giác; trước ở Đức quốc, sau đó đến định cư tại Úc; vẫn cộng tác với Viên Giác. Trong phần giới thiệu của nhà xuất bản, Thượng Tọa Thích Như Điển có ghi lại:

"... Có lần tôi ghé ở Pforzheim, Đức, và cũng có lần tôi ghé thăm nhà anh ở Brisbane, Úc Đại Lợi; nơi nào anh cũng tự nhiên đàm đạo giải bày về mọi khía cạnh của cuộc đời. Những gì anh đã nói chuyện cũng là những điều anh đã viết văn gợi cảm tâm sự của mình để độc giả hiểu lòng anh, nhất là những hình ảnh quê hương và ân nghĩa thầy trò khi anh còn học nơi trường Thủ Khoa Huân."

"...Độc văn tức hiểu người. Ở nơi anh Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa đã thể hiện rõ một tấm chơn tình và tấm chơn tình ấy anh đã trải dài trong những bài viết của anh. Vậy mong rằng những ai có cơ hội đọc được tác phẩm này, tức đã hiểu một phần lớn tâm tình của tác giả muốn gửi gắm vào đó".

Ngoài ra còn có những tình tự quê hương như nhà văn Phạm Thăng viết:

"... Tôi yêu mến quê hương, may mắn là trước kia có điều kiện được đi nhiều vùng trong nước. Sang xứ người nhớ quê nhà, đã viết, đã tìm đọc chuyện quê hương, hôm nay được bạn Phong Hùng sắp ra tuyển tập nhờ tôi cho ý kiến. Tôi vui thích lắm. Lại được thêm một nhà văn quê hương miền Nam đây."

"...Đứng như sự nôn nao chờ đợi của tôi, xấp bàn thảo của bạn Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa đã làm tôi say mê đọc luôn suốt ngày, truyện này lời qua chuyện nọ, hay quá, phong phú quá, đáp ứng cho người thường nhớ quê nhà đọc để tìm lại, để thấy rõ hơn vùng đất Xà Tôn...!"

Nói chung "... Truyện nào của Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa cũng đều bằng bạc tình người giữa chợ đời đen bạc... Tập truyện còn một ưu điểm lớn là tác giả đã đưa vào tập rất nhiều câu hò, tiếng hát, bài về... của vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng biên giới miền Tây nước Việt. Rất cảm ơn nhà văn Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa vì đây là tài liệu, một kho tàng văn

học bình dân vô giá cho thế hệ mai sau, cho những nhà sưu tầm khi cần đến...".

Sách dày 414 trang gồm 22 tiểu truyện do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo tại Đức Quốc xuất bản tháng 12.2001.

Địa chỉ liên lạc: Chùa Viên Giác.

Giá phát hành tại chùa 8,5 Euro; gởi đi + 1,5 Euro.

2- HUƠNG YÊU: thi tập của Hải Bằng Hoàng Dân Bình, dày 214 trang do tác giả tự xuất bản năm 2000.

Theo lời giới thiệu của Hương Giang Thái Văn Kiểm thì "... nhà thơ Hải Bằng sinh 01.6.1938 tại Thái Bình, miền duyên hải trừ phú của Bắc Việt. Địa danh Thái Bình đã gợi ý thân phụ ông tên kép Dân Bình, rồi sau này lớn lên ông tự đặt cho mình thi hiệu Hải Bình, với hai ý nghĩa bình an, bằng phẳng và giống chim Bằng vượt sóng đại dương. Ý nghĩa nào cũng tốt đẹp cả..."

Thi tập gồm 4 phần:

- 1- Những mảnh tình
- 2- Quê hương và con người
- 3- Thiền
- 4- Thi hữu và gia đình

Có lẽ trong phần Cảm Đề, Gs. Bùi Như Hùng diễn đạt những gì nhà thơ muốn gửi gắm trong thi tập này: "... Sau khi thường thức thơ của Hoàng quân, chúng ta mỗi thấu triệt cái tinh chất của thi ca với những sáng tạo mới. Hiện đại, phải có phi thường cách mỗi diễn đạt âm khúc của họ Hoàng. Đọc hay tốt hơn là ngâm thơ Hải Bằng HDB, ta mỗi cảm nhận được trong cái cũ có cái mới; trong cái mới có cái cũ... Trong ý thơ cảm hoài u uẩn như ngàn xưa, thi nhân đã tô đậm những đề tài của thế hệ đất nước hôm nay đã và đang chịu muôn ngàn cánh tang thương, u uất với những âm điệu thật mới mẻ phong phú mà chỉ dùng những danh từ thật giản dị, đơn sơ. Với lối cái cách tân kỳ về trình bày văn điệu, thi nhân vẫn giữ trọn vẹn niềm luật Đường thi cổ kính..."

Giá bán 20 Mỹ Kim, liên lạc:

Bình D.Hoang
841 S S. Armour ST
Allentown, PA 18103-3354, USA
Tel.: (610) 798-0254

3- KINH ĐẠI BI: Thượng Tọa Thích Như Điển dịch từ Hán Văn ra Việt ngữ, Đại Đức Thích Hạnh Tấn dịch ra Đức ngữ. Sách dày 310 trang do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo tại Đức Quốc xuất bản năm 2001.

Đại Bi (Karuna) tức là lòng thương xót của Đức Phật và Bồ Tát đối với chúng sanh rất rộng lớn, nên gọi là Đại Bi. Đại Bi là một trong tứ vô lượng tâm là: Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả- bốn tâm lòng quảng đại, vô cùng, vô lượng.

Đại Bi cũng là tên của một Đức Phật Thiên Vương ở về phía Đông Nam (theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa).

"Đại Bi tâm đà la ni" trong câu "Thiên thủ thiên nhân vô ngại đại bi tâm đà la ni" mà Phật tử thường tụng niệm trong "Chú Đại Bi" nhằm cầu xin oai lực của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát làm tiêu tan nghiệp chướng và độ cho những sở cầu được như nguyện.

Kinh Đại Bi bản tiếng Việt do Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác dịch trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, quyển thứ 12 từ Hán văn của Ngài Tam Tạng Na Liên Đề Na Xá từ trang 945 đến 973 (28 trang Hán văn thành 174 trang Việt ngữ), gồm 5 quyển và 15 phẩm:

- Quyển thứ nhất: Phẩm Phạm Thiên thứ nhất

- Quyển thứ hai : Phẩm La Hầu La thứ tư
- Quyển thứ ba : Lễ bái- phẩm thứ tám
- Quyển thứ tư : Các thí dụ phụ thuộc- phẩm chánh pháp thứ 12
- Quyển thứ năm: Trùng căn lành- phẩm thứ 13

Phần sau cùng của kinh, Đức Phật đã có lời kệ rằng:

*Ta đã nói chánh đạo
Như mũi tên vô trí
Vì người nên khuyên tu
Chư Phật đã thuyết pháp
Vì tịnh và thấy rồi
Trừ diệt các đường ác
Hay dứt các lưỡi ma
Nếu hay tu hạnh này
Giống như Phật đã nói
Hay độ tất cả khổ
Tức mãn nguyện chư Phật.*

Sau khi nghe Đức Thế Tôn nói kinh này, các ngài Huệ Mệnh A-Nan, cùng với chư vị Tỳ Kheo, các đại chúng cũng như trời người, A Tu La, Càn Thát Bà đều tùy thuận buồn vui chấp tay trước ngực, cúi đầu mặc niệm và đánh lễ.

Một đôi dòng không thể giới thiệu hết những nét vi diệu của tập "**Kinh Đại Bi**" đã được tác giả dịch ra Việt ngữ rất thông suốt và dễ thấm nhuần.

Liên lạc ấn tống: Chùa Viên Giác.

Gởi 2 Euro tiền cước gởi sách.

4- DỊCH ĐẠI TẶNG KINH THÀNH CHỦ VIỆT:

Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh, thế phát, xuất gia, cầu đạo lúc 17 tuổi.

- Năm 1969 Ngài nhận được học bổng của hai chính phủ Việt Nam và Đài Loan đến Đài Loan du học.

- Năm 1980, Hòa Thượng đậu bằng Tiến sĩ Văn học Triết học của Viện Đại Học Quốc Lập Đài Loan.

Mặc dù Ngài đã vào quốc tịch Đài Loan, đã kiến lập giảng đường Linh Sơn, mở lớp Cao Học Phật Học và đã bỏ ra 9 năm nghiên cứu "kế hoạch phục hưng Phật Giáo Trung Quốc", vun trồng và kết hợp tất cả những thiện duyên trên mảnh đất Đài Loan; nhưng Ngài đã phát đại nguyện, đem toàn bộ Đại Tạng Kinh Điển Trung văn dịch thành Việt văn cho người Việt Nam hôm nay và mãi mãi về sau, đều có thể dùng chính văn tự của mình tụng đọc kinh điển.

- Từ năm 1994 đến tháng 6.2001, Ngài đã kết hợp các chuyên gia, học giả Việt Nam và Đài Loan dịch xong hàng ngàn bộ Kinh, Luật, Luận thành tiếng Việt.

Quá trình dịch kinh qua nhiều giai đoạn từ dịch sơ bộ, chứng nghĩa, biên tập, tổng biên tập, cuối cùng là tổng giám tu.

- Tổng Giám Tu: HT. Thích Tịnh Hạnh

- Tổng Biên Tập: Giáo sư Tiến sĩ Lý Kim Hoa (Nguyễn Hồng)

- Chứng nghĩa và Biên tập: Trưởng Lão Thích Phổ Tuệ, Trưởng Lão Thích Đồng Minh, Trưởng Lão Thích Thiện Hạnh, Thượng Tọa Thích Minh Cảnh, Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Thích Phước Sơn, Đại Đức Thích Tâm Hạnh, Đại Đức Thích Phước Viên, Giáo sư Tiến Sĩ Lê Mạnh Thác (Trí Siêu), Cử sĩ Nguyễn Huệ, Cử sĩ Lý Việt Dũng...



**Tâm Nguyên
Của Chúng
Sanh,**

**Tạo Thành Sự
Nghịệp Muôn
Đời**

Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh kêu gọi những người Việt Nam dù là Phật tử hay không Phật tử nên phát tâm hộ trì cho sự nghiệp dịch Đại Tạng Kinh để lưu truyền mãi mãi về sau. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc về Giảng đường Linh Sơn:

Fl. 7, 21, SEC. 1, CHUNG - HSIANG W.ROAD

TAIPEI TAIWAN R.O.C.

Tel. (02) 2361 3015 - Fax. (02) 2314 1049

5- MỘT PHÍA TRỜI THỎ tập 4, dày 336 trang do Hội Văn Học Nghệ Thuật, Thi Đàn Lạc Việt thực hiện năm 2001, với sự đóng góp của 36 thi hữu khắp mọi nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều lứa tuổi: Hà Thượng Nhân, Dương Huệ Anh, Việt Thao, Xuân Bích, Minh Viên, Đông Anh, Thúy Sơn, Hướng Dương, Mạc Lan Đình, Hạo Nhiên, Ngọc An, Thiên Tâm, Yên Bình, Hoàng Xuyên Anh, Yến Thi, Đan

Hà, Huyền Xưa, Trúc Giang (Hoa Kỳ), Dạ Hương Bút, Từ Phong, Phan Long, Tố Nguyên, Mây Tiên, Hà Chi, Tâm Thọ, Đào Nguyên, Vinh Hồ, Trần Quốc Lăng, Phạm Văn Hải, Vũ Nguyên Bích, Việt Hồn, Nguyễn Ái Lữ, Bạch Tâm, Tuyền Anh, Đào Thanh Khiết, Song Linh.

Giá 20 Mỹ Kim, ngoài Hoa Kỳ: 25 Mỹ Kim.

Địa chỉ liên lạc: Hội Văn Học Nghệ Thuật, Thi Đàn Lạc Việt

1923 Pleasant Mount Road 2762
Apollo Drive

San Jose, CA 95148- USA San Jose,
CA 95121- USA

Tel.: (408) 223-1983 Tel.: (408) 226- 7895

6- LỆNH THẦY thi hùng kịch của o Giản Phan Ngô, một nhà cách mạng lão thành, một lão đồng chí của Việt Nam Quốc Dân Đảng, gồm 6 kịch thơ ngắn được sáng tác từ năm 1954, dày 114 trang do tác giả xuất bản tại Hoa Kỳ.

Theo tác giả viết trong phần lời Tựa, thi "đây không phải là một tuyển tập, mà là một tập trung theo thứ tự thời gian sáng tác, sáu kịch thơ ngắn của một người đã yêu thích thi ca từ thuở còn ngồi chung ghế học đường với Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh... nhưng rồi lại không thể theo văn nghiệp mà lại theo Giáo nghiệp và đồng thời mang lấy Chính nghiệp.

Tác giả tự nghĩ, nếu mình chỉ theo Văn nghiệp hoặc chỉ Giáo nghiệp, hay chỉ chính nghiệp, thì chưa chắc đã viết sáu tác phẩm nhỏ bé này! Như vậy cả ba cái "nghiệp" đó đã là ba cái "nhân" thúc đẩy sự hình thành các vở kịch ngắn này...

* **Lệnh Thầy** là một vở kịch giả sử (được chọn làm tựa cho cuốn sách), thuộc thời kỳ phong trào Văn Thân kháng chiến chống Pháp vào cuối thế kỷ 19. Lúc bấy giờ các vị khoa bảng không ra làm quan, ẩn cư ở thôn quê, mở trường dạy học, giữ gìn mối đạo lý thánh hiền, ví như cụ Đồ Chiểu ở trong Nam và ở miền Trung, nhất là ở Quảng Nam, các trường tư thực là các ổ kháng chiến mà vị tư lệnh tinh thần là các vị lão sư. Trong vở "Lệnh Thầy" này, một vị lão sư đang cầm đầu một đội nghĩa quân do môn đệ trực tiếp chỉ huy một cuộc kháng chiến. (*Kịch này đã được học sinh trình diễn lần đầu tiên tại hý viện Norodon Saigon nhân dịp lễ phát phần thưởng của trường Trung học Tân Thịnh /Tân Định ngày 26.6.1954*).

* **NGUYỄN BIỂU: ĂN CỎ ĐÀU NGƯỜI.** Nhà Trần làm vua từ năm 1225 đến 1400 gồm 12 đời vua, hai lần thắng quân Mông Cổ. Nhưng hai vị vua cuối lại bất tài, vô đức để cho Hồ Quý Ly cướp ngôi lập ra nhà Hồ. Nhà Minh bên Tàu viện cớ trừng phạt nhà Hồ để đem quân

đánh chiếm nước ta. Con cháu nhà Trần như Trần Quý Khách lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Minh và sau đó đã mấy lần sai sứ sang Tàu cầu phong, nhưng sứ giả đều bị giết. Trần Quý Khách sai Nguyễn Biểu đi gặp Trương Phụ. Nguyễn Biểu đã chứng tỏ cho quân thù lòng quả cảm, trí thông minh và tinh thần bất khuất của dân Nam...(*Kịch này đã được trình diễn tại Đại Hý viện Thống Nhất trong buổi lễ phát phần thưởng của Trường Tân Thịnh tháng 6.1955*).

* **NGƯỜI GIỮ NGỰA:** bi hài kịch lịch sử 5 cảnh, ca ngợi lòng trung của Văn Quyên, một tên giữ ngựa cho vua Chiêu Thống, dù biết rằng Lê Chiêu Thống là một hôn quân, đang theo tướng Tàu là Tôn Sĩ Nghị xin triều kiến vua Càn Long để xin cầu viện "công rấn cán gà nhà" mong đem quân Tàu về diệt Tây Sơn Nguyễn Huệ, bảm giữ chiếc ngai vàng...

* **LỜI THỀ ĐỀN HÙNG:** vở bi hùng kịch này dựa theo đảng sử của Việt Quốc. Đây là một Đảng cách mạng được thành lập trước nhất tại Việt Nam. Đảng trưởng là Nguyễn Thái Học, chủ trương đánh đuổi thực dân Pháp, thu hồi độc lập cho dân tộc, đem lại dân quyền cho quốc dân dưới chế độ Cộng Hòa, và hạnh phúc cho mọi người với đường lối tiết chế, giới hạn tư hữu một cách công bằng (dân sinh hạnh phúc). Đảng Tổng khởi nghĩa ngày 10.2.1930 nhưng thất bại. Trong giới phụ nữ tham gia Đảng có hai chị em Cô Bắc và Cô Giang. Cô Giang là người yêu của Nguyễn Thái Học. Ngày 17.6.1930, 13 vị anh hùng bị hành quyết tại Yên Bái. Đây là đoạn Cô Giang mang bom lên tận pháp trường Yên Bái để ném vào bọn thực dân, nhưng ý định của cô không thành. Cô quay về làng của lãnh tụ, ghé vào quán nước của một lão bà- nơi Đảng thường tụ họp trước đây, nhờ lão bà chuyển mấy lá thư tuyệt mệnh, rồi ra cánh đồng tự sát... (*Kịch được trình diễn nhiều lần tại hý viện hay trên đài phát thanh*).

Ngoài ra còn các đoàn kịch như "**Khúc Hát Ngày Mai**" và "**Lưu Binh Đường Lê**"...

Các kịch ngắn này đã được học sinh của tác giả trình diễn trong các buổi văn nghệ học đường. Vài diễn viên tài tử nay đã có địa vị cao sang trong xã hội, một số đã ngã gục ở chiến trường. Hàng vạn khán giả nay đang làm diễn viên trong vở kịch đời rộng lớn và rải rác khắp các nẻo đường đất nước...

Giá 10 Mỹ Kim, đặc biệt cho các Trung Tâm Việt ngữ và học sinh : 5 Mỹ Kim.

Liên lạc: Mr. Phan Ngô

335 S El Molino Ave. Apt.17

Pasadena, CA 91101-3457, USA

TIN CỘNG ĐỒNG

THÔNG BÁO CỦA VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Chủ Tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trân trọng thông báo tới quý vị:

1. Hoàn tất công tác phục hoạt Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trong Văn Bút Quốc Tế

Kính thưa Quý Vị,

Sau hơn năm năm tê liệt vì khủng hoảng nội bộ và cũng sau hơn năm năm tranh đấu quyết liệt, chúng tôi hân hoan thông báo tới quý vị: Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đã chính thức được phục hoạt trong Văn Bút Quốc Tế lúc 15 giờ 30 ngày 28 tháng 11 năm 2001 trước Đại Hội Đồng Văn Bút Quốc Tế, kỳ thứ 68 họp tại Luân Đôn, Anh quốc.

Chúng tôi xin thay mặt Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại thông báo và gửi lời cảm tạ chân thành tới tất cả các đoàn thể, cơ quan truyền thông, báo chí đã tích cực yểm trợ chúng tôi thời gian qua trong mục đích Thống nhất và Phục hoạt Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trong Văn Bút Quốc Tế.

2. Tranh đấu cho quyền tự do báo chí, ngôn luận, tín ngưỡng.

Chúng tôi đã đưa vấn đề vi phạm nghiêm trọng các quyền căn bản trên của nhà cầm quyền Hà Nội đối với quý vị lãnh đạo Tôn giáo, các văn nghệ sĩ, trí thức tại Việt Nam lên Đại Hội Đồng Văn Bút Quốc Tế vừa qua. Đặc biệt là trường hợp của quý Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng độ, Linh mục Nguyễn Văn Lý và ông Hà Sĩ Phu.

Đại Hội Đồng Văn Bút Quốc Tế kỳ thứ 68 tại Luân Đôn, Anh quốc, ngày 30 tháng 11 năm 2001 đã bày tỏ mối quan tâm đặc biệt tới cáo trạng nêu trên. Sau phần thảo luận nghiêm chính, Đại Hội Đồng Văn Bút Quốc Tế đã đồng ý với báo cáo nêu trên của Trung Tâm Văn Bút Thụy Sĩ Romand (Đại biểu là VH Nguyên Hoàng Bảo Việt) và Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Đại Hội Đồng Văn Bút Quốc Tế đồng thanh

quyết nghị đòi hỏi nhà cầm quyền Việt Nam:

- Trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho quý ông Nguyễn Đình Huy, Hà Sĩ Phu, quý Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng độ, Linh mục Nguyễn Văn Lý và tất cả những nhà văn, nhà báo, trí thức đang còn bị cầm tù, bị quản chế tại gia vì đã đứng lên tranh đấu cho các Quyền tự do căn bản của con người.

- Bãi bỏ chế độ kiểm duyệt và hạn chế quyền tự do báo chí ngôn luận, xuất bản.

California, ngày 30 tháng 11 năm 2001

Chủ Tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

Minh Đức Hoài Trinh

*

Thành phần Ban Chấp Hành Hội Người Việt Tỵ Nạn Cao Niên tại München nhiệm kỳ 2002-2004:

-Hội Trưởng : Ông Nguyễn Văn Nguyệt
-Phó Nội Vụ : Ông Nguyễn Kim Định
-Phó Ngoại Vụ : Ông Lê Ngọc Châu
-Thư Ký : Ông Đỗ Văn Đông
-Thủ Quỹ : Ông Nguyễn Quý Cường
-Ủy Viên dự khuyết: Ông Mã Bé và Ông Đàm Văn Tiếu.

Địa chỉ liên lạc:

Hội NVTN Cao Niên München/Bayern
C/o Lê Ngọc Châu
Emil von Behringstr. 33
85375 NEUFAHRN
Tel. 0172 / 7010402
Email: hvntcnmunich@yahoo.de

*

Centre Culturel CONVERGENCE
Trung Tâm Nguyễn-Trường-Tộ
13 g rue de l'III 67116 Reichstett, France
Tél. 00 33 388205822 Email-
trucdang@evc.net
Và Hội VIETNOR, Oslo, Na Uy

THÔNG BÁO

Trung-Tâm Văn-Hoá Nguyễn-Trường-Tộ và Hội Vietnor sẽ cùng tổ chức tuần lễ gặp gỡ và sinh hoạt hè lấy tên là **Đại-học Hè**, dành cho mọi người, đặc biệt là các bạn trẻ từ 18 tuổi trở lên.

Chủ đề để cùng thảo luận sinh hoạt cho cuộc họp mặt năm 2002 là:

Tuổi Trẻ Việt Nam, Tình Yêu, Gia Đình

Chương trình sinh hoạt, học hỏi của tuần lễ này phối trí uyển chuyển giữa các bài thuyết trình của các giáo sư đại học, các nhà lãnh đạo tinh thần và chuyên môn, các bài chia sẻ của các bạn trẻ, các nhóm hội thảo, giải trí và văn nghệ ...

- Thời gian:** từ chiều chủ nhật ngày 30 tháng 6 đến sáng chủ nhật ngày 7 tháng 7 năm 2002
- Địa điểm:** **Romerike FolkeHsgskole, 2050 Jessheim, ngoại ô thủ đô Oslo, nước Na Uy.**
- Phí tổn toàn khóa** (tài liệu, ăn, ở, giải trí): **250 Euro** hoặc tương đương. Khi ghi danh xin yêu cầu ứng trước **100 Euro** hoặc tương đương, số tiền này không hoàn trả lại.
- Ghi danh:** liên lạc, đóng lệ phí, nhận tài liệu, chỉ dẫn đường hoặc tổ chức đi từng nhóm theo từng quốc gia* (danh sách, địa chỉ đính kèm), hoặc tại địa chỉ Trung Tâm Văn Hóa Nguyễn-Trường-Tộ và Văn Phòng Hội Vietnor.

Bắt đầu ghi danh từ đầu tháng hai (2) năm 2002 .

Văn phòng Trung-Tâm Văn-Hoá Nguyễn-Trường-Tộ, VP Hội Vietnor và các đại diện tại các quốc gia luôn sẵn sàng trả lời những thư từ hoặc thắc mắc của quý bạn qua điện thoại hoặc điện thư.

Trân trọng

Đại diện Ban Tổ Chức
Nguyễn Đăng Trúc

Nhóm Tình Thương Đức Quốc trợ giúp Thương Phế Binh VNCH

• VTNguyễn

Sau chiến tranh là thời gian xây dựng, và hàn gắn đau thương, trả công những người đã hy sinh cho Tổ Quốc. Nhưng sau cuộc nội chiến ý thức hệ tại Việt Nam, **Thương Phế Binh QLVNCH** đã lâm vào thảm cảnh cực kỳ thống khổ, hằn sâu trong lòng Dân Tộc một nỗi bất hạnh vô biên, không bút mực nào tả nổi. Chúng tôi xin trích ra đây những lời trần tình thống thiết của vài **người anh em bất hạnh**, viết từ tận cùng đáy vực đau thương:

1) "...*Thưa quý Hội, tôi tên là Nguyễn Phát, sinh năm 1944, nhập ngũ ngày 01.9.65. Đơn vị gốc QTN 34, thuộc Chi Khu Tam Kỳ, Tiểu Khu Quảng Tín; bị thương do đạn bắn trúng trước ngực phải ra sau trái. Đường đạn xuyên qua xương sống làm đứt thần kinh tủy sống; nên bị tê liệt và mất cảm giác hoàn toàn nửa thân trở xuống, được giải ngũ ngày 18.4.72; cấp độ tàn phế 100%...*

Sau chiến tranh, tôi chỉ còn là 1 phế nhân trở trọi với 2 bàn tay trắng, không vợ, không con, không nhà cửa... Cuộc sống vô cùng cực khổ... luôn phải nằm 1 chỗ trên giường ... sống nhờ dũa em trai giúp đỡ... Bản thân tôi cũng rảng dùng sức tàn, cố gắng đan từng cái rá, cái rổ, cái rế... để đổi gạo qua ngày hoặc bán lấy chút tiền mua thuốc men cho thân, hầu góp phần nào trong cuộc sống khốn khổ với thường tật bất hạnh của mình. Nhưng năm 1996 em trai tôi bị ung thư gan và vịnh viễn ra đi, để lại bên tôi 1 mẹ già vừa mù vừa điếc, 1 bà chị góa (chồng chị cũng đi lính như tôi và đã tử trận năm 1972) và mấy đứa cháu nhỏ... Từ đó đến nay, cuộc sống của tôi ngày càng khốn khổ! Chị đã già, tôi nhờ chị giúp đỡ vật vãnh, còn vật chất thì ai cho cái gì tôi dùng cái đó cho qua ngày!... Tôi rất khổ sở với thường tật của mình, Sự liệt xụi sinh ra cho tôi đủ thứ phiền phức, bất tiện... Sinh mạng, ngoài ăn uống, thuốc men ra, còn gán liền với cái ống thông tiêu (xin lỗi). Tôi không biết mình là 1 phế nhân hay chất nhân! Tôi cũng không biết tí sao tôi còn sống! Tôi chỉ biết chiến tranh đã lấy đi của tôi tất cả những gì cần có cho 1 con người! Và đưa đến cho tôi tất cả những gì mà tôi không muốn!

Với 1 nửa hình hài còn lại, trải bao tù cực phụ phàng, tôi phải chống chọi với thường tật tệ hại của mình trong suốt hơn mấy chục năm qua! Hiện nay tôi sức cùng lực kiệt, hay ốm đau, lở loét... Tôi rất buồn chán cho bản thân, nhưng còn biết làm sao hơn là phó mặc đời mình cho hóa công định đoạt!..."

2) "*Tôi tên là Nguyễn Văn Đường, sinh năm 1951 tại Hà Nam Ninh. Tôi là phế binh của chế độ cũ; nhập ngũ ngày 29.01.69, số quân 71/108090, phục vụ tại Tiểu đoàn 31, Liên đoàn 3 BDP, KBC 4472; bị thương ngày 30.4.70 tại Campuchia, giải ngũ ngày 16.6.72, hưởng trợ cấp tàn phế 100%, "mù 2 mắt". Kinh xin Quý vị xót thương con người bất hạnh của tôi, do chiến tranh để lại; hoàn cảnh hiện tại quá khó nghèo, không nơi nương tựa. Bụng đói, đầu gối phải bò; tay cầm cây gậy lang thang khắp các chợ, đầu đường, ngõ hẻm chi vi bát cơm... Bất hạnh thứ 2 lại đến với tôi với những chứng bệnh: nhồi máu cơ tim, huyết áp cao, loét và viêm tá tràng, thấp khớp. Trên đường đi xin, nhiều khi áp huyết lên hay bao tử đau, tôi phải nằm ở đầu*

đường, xô chợ để qua cơn bệnh rồi lại tiếp tục đi xin. Nhưng Quê hương quá nghèo khổ, đi xin cũng đói ăn...".

3) **Pb Nguyễn Văn Bộ** sinh năm 1948... bị tàn phế 100%+ 8 độ gia tăng (cụt hai chân mù một mắt). Trong thư gọi là đơn xin trợ giúp gửi cho chúng tôi, anh viết nguyên 1 trang Din A4, kể cảnh khốn khổ, đau thương và lập đi lập lại những lời kêu cứu thống thiết. Cuối thư, anh nhắc lại lời kêu cứu một lần nữa: "*Một lần nữa tôi khẩn thiết kêu cứu đến ông cùng quý hội, qui ân nhân hãy mở lòng nhân ái giúp đỡ cho tôi...*".

4) **Cảnh sát viên Nguyễn Văn Tinh**, sinh năm 1949, bị cụt 2 tay, 2 chân và các vết thương ở cổ và bụng vì pháo kích của VC tại thị xã Long An vào trung tuần tháng tư 75.

Hoàn cảnh của Pb Phát, Đường và Bộ đã cực kỳ thảm thương; nhưng hoàn cảnh của anh Tinh lại càng thảm thương hơn. Anh đã nhận tất cả bất hạnh như anh Phát, anh Đường anh Bộ... thêm vào đó, anh lại không thể tự mình ăn uống được, không thể tự mình tiêu tiểu, lau chùi, tắm rửa được! Trong khi đó, người thân của anh có bao nhiêu sức lực, có bao nhiêu thời giờ đều dành hết cho việc tìm kiếm miếng ăn hàng ngày, làm gì còn thời gian và sức lực để chăm sóc anh!!! Ôi, còn cảnh đau thương cùng cực nào hơn????!! Có bút mực nào tả nổi sự thống khổ như thế????!! Nếu những người này ở các nước văn minh, dân chủ Tây phương, họ sẽ được chăm sóc tận tình, đầy đủ về các tiện nghi vật chất (dù họ là tội phạm). Do đó họ cũng được an ủi phần nào về tinh thần. Nhưng tại một nước nghèo đói, giới thống trị luôn hận thù những ai không tôn thờ chủ nghĩa cộng sản, thì những người đã hy sinh một phần thân thể trong cuộc chiến bảo vệ Miền Nam Tự Do làm sao thoát khỏi cảnh tù nhục, đọa đày, đói khổ!

Đó là 4 hình ảnh trong gần 100 PB từ VN gửi thư sang xin trợ giúp chỉ trong vòng mấy tháng vừa qua.

Những Tấm Lòng Vàng

Khởi đầu, chúng tôi chỉ mong giải quyết hết 50 hồ sơ mà chúng tôi nhận từ Chương Trình Huynh Đệ Chi Binh tại San José. Nhưng sau khi phổ biến Tâm Thư, chúng tôi đã được sự hỗ trợ nồng nhiệt của Quý Đồng Hương và Chiến Hữu. Nên chúng tôi đã liên lạc và xin thêm 100 hồ sơ nữa, trước khi chúng tôi nhận trực tiếp từ Việt Nam gửi qua.

Quý vị Ân nhân (tiếp theo): Đoàn PSTT Trần Văn Trung (Reutlingen) 2 hồ sơ, Cô Ng. Thanh Thảo (Hamburg) 11 hs, Ô. Trần Duy Hoàn (Bad Wurzach) 5 hs, Nhóm từ thiện München (ô. Trần Tử Trinh) 10 hs, Cô Võ Kim Chi (Aldorf) 2hs, Ô. Viên Kim Huy (Sindelfingen) 2hs; Ô. Ng.Th.N. (Stuttgart) 1hs.

(Reutlingen): Ô. Đỗ Văn Nho 250DM, Ôb. Ng. Văn Hạnh 230DM; Ôb. Hoàng Tôn Long (Frankfurt) 230DM, Ô. Nguyễn Đình Vị (Paris) 78,22 Euro,

(Hanover): Ôb. Trương Văn Xuân 120DM, Quầy hàng TT Chùa Viên Giác 120DM, Bà Lý Thị Khiếu (Hamburg) 510DM.

Tính đến nay, **hồ sơ đã được giải quyết:**

* Các Ân nhân tự gửi tiền trợ giúp: 94 hồ sơ. Giấy hồi báo đã nhận: 22, trong đó chưa kể số hồi báo do Quý vị Ân nhân đã thông báo; nhưng chúng tôi chưa nhận được, nên chưa thể "nhật tu". Xin Quý vị vui lòng gửi cho chúng tôi bản sao giấy hồi báo, hoặc thư cảm ơn để chúng tôi nhật tu hồ sơ lưu.

* Nhóm gửi tiền trợ giúp: 95 hồ sơ. Giấy hồi báo đã nhận: 53.

Trong số những PB nhận được tiền trợ giúp do Nhóm gửi, có 32 người đã gửi thư cảm ơn đến chúng tôi. Thư và bì thư đều được sao chụp thành 2 tập để luân chuyển tới các Nhóm Viên và Cộng Tác Viên, cũng như sẽ "trưng bày" trong các buổi Văn Nghệ TT để mọi người cùng đọc.

Tình người Phế Binh

Đây là hình ảnh một PB cùng khổ, nhưng rất giàu Tinh. Anh chỉ nhận được 610.000 đVN (=90DM), nhưng đã không tiếc bỏ ra 31.500đVN (>4,5DM) để gửi thư bảo đảm, vì muốn những lời cảm ơn và cầu chúc của mình chắc chắn đến tay người giúp đỡ. Đặc biệt, lời cầu chúc của anh không nhằm vào lợi ích của bản thân; nhưng là để giúp những người khác có cùng hoàn cảnh như anh:

Trong thư, anh viết:

"... *Tôi tên là Huỳnh Văn Bá, được sự giúp đỡ của Nhóm Tình Thương Đức Quốc, tôi đã nhận được số tiền 610.000đVN. Số tiền này đã giúp cho tôi vượt qua những khó khăn trong cuộc sống hiện tại. Tôi xin cảm ơn quý hội đã hết lòng giúp đỡ tôi... Quý anh, quý chị đã có một tấm lòng từ thiện, hào tâm gửi cho tôi và gia đình một số tiền rất quý báu, mà người Việt ta có câu: "Một miếng khi đói bằng một gói khi no", thể hiện tấm lòng nhân đạo giữa người và người. Một lần nữa tôi chân thành cảm ơn quý hội. Cuối thư, tôi xin kính chúc sức khỏe quý anh chị và tất cả mọi người trong quý hội. Chúc quý hội luôn gặp nhiều may mắn để tiếp tục giúp đỡ những người có hoàn cảnh như tôi để họ có được niềm hy vọng mới, một cuộc sống tốt đẹp hơn...".*

Danh Sách PB đã nhận tiền cứu trợ:

Sài Gòn: Pb Ng.Văn Đức 200DM, Pb Ng. Văn Tốt 1 triệu đồngVN; Pb Trần Hiệp Phát 1 triệu đ.VN, Pb Ng. Văn Lia 1 triệu đ.VN, Pb Ng. Trung Châu 100DM, Pb Trần Quyền 100DM, Pb Cao Văn Long 100DM, Pb Trần Thế Huỳnh 100DM, Pb Ng.Tất Ba 100DM, Pb Ng. Phước 100DM, Pb Hà Thanh Hương 100DM, Pb Trần Hĩa 100DM, Pb Lê Phúc Lương 100DM, Pb Lê Mão 100DM, Pb Ng. Văn Mô 100DM, Pb Trần Dung 100DM, Pb Huỳnh Thêm 100DM, Pb Lương Tấn 100DM, Pb Ng. Đình Lang 100DM; **Pb** Hà Ngọc Hòa (Thừa Thiên) 100DM, Pb Ng. Xuân Tường (Bà Rịa)150DM, Pb Đặng Điệp (Vũng Tàu)150 DM, Pb Lai Văn Nhã (Vĩnh Long) 100DM, Pb Thạch Chronc (Ô Môn Cần Thơ) 100 DM,

Nhận 610.000 VN: Saigon: Lê Văn Giai; **Tỉnh Đồng Nai:** Lê Hữu Dũng, Nguyễn Thị Cùa, Hồ Đắc Hóa, Nguyễn Văn Nên, Nguyễn Văn Ngo, Nguyễn Văn Phùng, Cao Văn Thắng, Nguyễn Quang Định, Đặng Sửu, Nguyễn Thế Hùng, Đổng Đức Bằng; **Tỉnh Bà Rịa:** Đỗ Ngọc Chương, Nguyễn Tấn Thời, Đinh Văn Tiệp; **Tỉnh Long An:** Diệp Văn Tèo, Bùi Văn Lương, Trần Văn Một, Nguyễn Văn Năm, Lê Phước Nhiều, Nguyễn Văn Bé, Huỳnh Văn Bá, Phạm Văn Đễ, Trần Văn Cầm; **Vũng Tàu:** Vương Thanh Cung...

Địa chỉ liên lạc:

1/- **Ô. Nguyễn Thành Nam.James. F.**

Byrnes 44. 70376 Stuttgart

Tel.: 0711-24 49 27

2/- **Ô. Nguyễn Văn Tô. Schaeffweg 33**

72766 Reutlingen

Tel.: 07121-46 510

CHIA SẺ

Những trận lũ kinh hoàng đã qua đi từ lâu, nhưng hậu quả của nó để lại thật nặng nề. Theo vết chân lũ quét, người nông dân lại bắt đầu cuộc sống từ con số không. Xót xa cho những mảnh đời bất hạnh, về thăm quê hương lần này, được sự hỗ trợ của chi Bộ Phật Giáo Đức Quốc, Ni Sư Trụ trì Chùa Linh Thửu - Berlin đã cùng đoàn từ thiện chùa Bảo Vân chúng tôi, tổ chức chuyến ủy lạo đến hai xã Phú Lộc- Huyện Tân Châu và Xã Phú Hữu-Huyện An Phú-Tỉnh An Giang. Đây là hai xã thuộc vùng kinh tế mới, giáp ranh giới Campuchia. Mặc dù lúa ở đây một năm làm được hai vụ, nhưng dân cư nơi đây thường xuyên chịu đựng thời tiết 6 tháng nước, 6 tháng khô. Những cơn lũ dữ dội của hai năm qua khiến đồng bào phải di dời chỗ ở nhiều lần, đời sống bấp bênh. Đợt mùa khô làm ruộng, gieo mạ cấy lúa; mùa nước ngòi chờ, mong cơn nước rút; gập lủ tràn về, bàng hoàng lo sợ. Ở đây có 70% hộ nghèo, một số là dân tứ xứ đến lập nghiệp. Trời đất bao la mà chỗ dung thân cũng chẳng được an ổn. Cuối cùng họ đành bằng lòng với số phận "sống chung với lũ". Rất nhiều kế hoạch biện pháp được đề ra như cất nhà trên cọc, đắp đê ngăn lũ bảo vệ mùa màng để các xã này được tồn tại. Nhưng sức người có hạn, lực bất tòng tâm, vùng biên địa vẫn chờ đợi trời cao ngó xuống cho cuộc đời dân bớt cực khổ hơn.

Đoàn chúng tôi đã vượt hơn 500 km, qua những con đường bụi mịt mù, những con kênh đào nước đục ngầu, để đến nơi đây, mang theo tình cảm quê hương, mang theo lời nguyện cầu cộng nghiệp của họ được tan đi, và mang theo 300 phần quà, gạo, mền, quần áo, mì gói, tiền mặt. . . Có những cụ già ở xa tít hàng chục cây số, đi bộ từ nửa khuya, đến địa điểm lãnh quà là mặt trời đứng bóng. Các cụ được tập trung một chỗ, tay cầm phiếu, đôi mắt long lanh trên khuôn mặt râm nắng và khắc khổ. Ai ngại trước nhân số yếu đuối này, hỏi thăm hoàn cảnh từng cụ, chúng tôi được biết, cánh đàn ông khoẻ mạnh đã từ tán lên Sài Gòn và các tỉnh lớn làm đủ nghề : phụ hồ, khuôn vác, xe ôm, bán vé số . . . đủ nghề, để kiếm tiền phụ gia đình.

Lãnh quà xong, một em bé 10 tuổi, mở bì thư lấy 50.000\$ reo lên "Hôm nay trúng số rồi ngoại ơi". Hai bà cháu cười vui hơn hờ. Một bà cụ khác đưa tôi xem hai bàn tay vừa chai vừa nứt nẻ vì ruộng vườn của cụ. Ôm phần quà trong tay, cụ vui mừng bảo là cụ sẽ dành dụm ăn trong 1 tháng. Trong nắng chói chang, tôi chợt thấy hôm nay thật là một ngày hạnh phúc.

Trong chuyến đi, có sự hiện diện Thầy Hạnh Định và sư Cô Minh Hiếu ở Đức về. Ngoài ra còn có một em gái ở Mỹ và ông Trần người Đài Loan tham gia. Đây là lần đầu tiên họ đến với đoàn từ thiện một cách ngỡ ngàng và tìm hiểu. Sau chuyến đi đầy ấn tượng, khi về lại nước định cư, các em sẽ nghĩ về quê nhà nhiều hơn, còn ông Trần cũng nói sẽ bớt đánh bài để đi làm phước...

Đường về như ngắn lại. Trên chiếc xe Hồng Thập Tự, các đồng sự của tôi dong ruổi một đời cho các công việc từ thiện : nấu cơm từ thiện, chở xác bệnh nhân nghèo, làm cầu đường, xây nhà . . . cạnh đó áo lam Ni cô cũng ngả sang màu bạc trắng. Sự tự nguyện chia sẻ chỉ mong mang đến cho cuộc đời một chút niềm vui và hạnh phúc, dù chỉ một ngày, hay chỉ một giờ..

• **Như Giác**

• **Báo cáo** : Kính bạch Thượng Toạ.

Vào ngày 03.01.2002, được sự hỗ trợ của chi Bộ Phật Giáo Đức Quốc, nhân dịp về thăm quê hương, Ni Sư Trụ Trì chùa Linh Thửu đã cùng Ni chúng chùa Bảo Vân chúng con tổ chức đến ủy lạo 2 xã nghèo : Xã Phú Lộc, huyện Tân Châu và Xã Phú Hữu, huyện An Phú - tỉnh An Giang. Trong chuyến đi này có sự tham dự của Thầy Hạnh Định và Sư Cô Minh Hiếu.

Đoàn ủy lạo đã phân phát ở xã Phú Lộc 200 phần quà, Xã Phú Hữu 100 phần quà. Mỗi phần quà gồm 10 kg gạo + 1 mền + 3 bộ quần áo + 2 xấp vải của hãng xà phòng Omo + 1/2kg bột ngọt + 1 chai nước tương + 50.000\$ tiền mặt. Trị giá 160.000\$. Tổng trị giá chuyến đi là 48.000.000\$.

Những phần quà đã được trao tận tay đồng bào nghèo và là sự chia sẻ cần thiết trong giai đoạn chờ lúa chín. Chúng con kính trình Thượng Toạ liễu trị. Kính chúc Thượng Toạ luôn được pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ.

Kính thư Con : Như Giác

Hình ảnh cứu trợ Nạn Lụt tại tỉnh An Giang



TIN PHẬT SỰ

MỜI GÓP PHẦN XÂY CỨ XÁ TĂNG NI

TẠI TU VIỆN VẠN HẠNH, ÚC.

"Nhân năng hoàng đạo, đạo hoàng nhân"

Kể từ năm thành lập 1983, chúng tôi ước nguyện được Tam Bảo, Long Thiên Hộ Pháp hộ niệm sao có đủ nhân duyên để đến năm 2008 là dựng hoàn thành một trú xứ đủ tiện nghi và phương tiện đào tạo, tu học, hành đạo dài hạn cho khoảng 100 Tăng, Ni, Phật tử hữu duyên đến xuất gia tại Tu viện, hay xin đến Tu Viện cầu Y chỉ tu học từ Việt Nam và các nước.

Giáo Hội PGVNTN Canberra năm 1987 may mắn được chính phủ Úc biếu tặng lô đất 16.500m² (thị trường hiện nay đáng giá 3 triệu) trong nội ô thủ đô, và đến cuối 2001 tuy nợ xây cất vẫn còn cần trả A\$700.000 nữa mới dứt, nhưng 13 năm qua cũng đã xây cất tốn trên A\$2.000.000 gần 2000m² cơ sở, gồm: (a) Tu viện Vạn Hạnh - Monastery- 380m² (1988), Phật đài Quán Âm + Lotus Pool (1994), Cư Xá La Hâu La -Rahula Lodge- 1450m² với 52 liêu phòng (đang cho Phật tử nhiều sắc tộc và người nghèo thuê ở; dự trù đến 2005-7 sẽ lấy lại để Tăng Ni, học chúng ở) và Đại Bi Đường -Karuna House- 135m² (1997-2001).

Chúng thường trụ hiện nay tại Tu Viện được 12 vị: 6 Tỷ kheo, 2 Thức xoa, 1 Sa Di, 2 Tu sinh, và một Thầy Tỷ kheo từ VN xin đến tạm trú du học 3 năm. Tất cả chia nhau 7 phòng ở chật hẹp trong ngôi Tu viện xây sơ sài năm 1988. Nội trong 3 năm 2002-2004 sắp đến đây, Tu Viện dự định sẽ lần lượt nhận thêm 10-20 Tăng Ni và 5-10 Cư sĩ đến (từ Úc, từ VN hay các nước) tu học dài hạn (5 năm trở lên; Tu Viện có thể chu cấp toàn phần, đại chúng đều nghiêm chỉnh

sống theo nếp thiền môn lục hòa truyền thống).

Do đó, đến cuối 2001 tuy vẫn chưa hội đủ điều kiện xây cất Bát Nhã đại điện, Giảng đường Thiệu Minh, Tổ đường Tào Khê, Viện Phật Học Giác Tánh, Thư Viện Long Thọ (hiện có khoảng 10.000 kinh, sách, băng cassette, video, CD, DVD, tạp chí, báo, tài liệu Phật học, văn học VN và thế giới bằng nhiều ngôn ngữ), Bảo Tàng Không Lộ, Bảo Tháp Pháp Giới Hòa Bình, Làng Hữu Dưỡng Quán Âm, vv... như dự trù, nhưng đã đến lúc Tu Viện phải gấp tiến hành xây (theo đồ án đã vẽ 1987, và giấy phép xây cất đã xin xong) Tăng viện Huyền Quang (2003?), Tăng viện Bửu Quang (2004?), và vì thế đất phải xây từ trong ra ngoài, nên đã khởi công đào móng xây Ni viện Diệu Không hôm 3/12/2001 (hy vọng xong tháng 5/2002, lúc đó giữa Tăng và Ni, chúng nào có sĩ số đông hơn thì dọn vào ở trước).

Cả 2 Tăng và 1 Ni viện đều có 2 tầng. Mỗi ngôi rộng chừng 400m², với 10 phòng lớn nhỏ cho 20 người ở, có phòng học, phòng khách, phòng thiền, phòng vệ sinh, bao lớn, vv... và sẽ tốn khoảng US\$200.000 hay DM\$400.000 để xây cất.

Hiện nay quỹ Xây Cất căn Tăng/Ni xá đầu tiên chưa quyên góp đủ tới \$10.000. Giáo Hội Canberra tha thiết khuyến thỉnh quý Đạo Hữu gần xa (a) đóng góp, (b) cho mượn không lãi, hay (c) đầu tư có lãi (bề nào Giáo Hội cũng phải vay, dù rất khó, vì Bank không được bán đất chùa; hiện nay Bank rate 6,25%) để giúp hoàn thành sớm căn thứ nhất theo đúng thời hạn nhà thầu.

Quý Ân nhân ở Đức - Âu Châu có thể chuyển tiền cúng đường/ cho mượn/ cho vay vào:

Ngân hàng: **FRANKFURTER
VOLKSBANK** - Số trương
mục Kto-Nr. **6001412955**

Tên: **Rev. THICH QUANG BA** -
Chi nhánh/ BLZ: **5019 0000
07; Karten-Nr: 142594**

Thư báo, hay hỏi chi tiết khác, mời quý Đạo Hữu xa gần liên lạc với:

**T.T. Thích Quảng Ba, Viện Trưởng
Tu viện Vạn Hạnh, PO box 1004
Dickson, ACT 2602 AUSTRALIA.**
Tel +61-2-6257 5517; Fax +61-2-
6257 7733; Mob. +61-412-224 553;
Email: tquangba@tpg.com.au

**Giáo Hội Phật Giáo Việt
Nam Thống Nhất Hải
Ngoại tại Úc Đại Lợi -
Tân Tây Lan**

**Đêm văn hóa đón giao thừa
11.02.2002 tại chùa pháp bảo sydney**

Theo thông lệ hằng năm Văn Hóa Giáo Dục trân trọng kính mời chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Đồng hương Phật Tử hoan hỷ tham dự Đêm Văn Hóa đón giao thừa với những chi tiết như sau:

- 1/ Tại chùa Pháp Bảo Sydney, số 148-154 Edensor Rd. St. Johns Park NSW, Tel: 02- 9610-5452.
- 2/ Từ 8:30 tối đến 11:00 tối ngày 11.02.2002 (Thứ Hai, đêm Giao Thừa).
- 3/ Lược khảo về Phật Giáo Việt Nam, thời kỳ mới du nhập (tiếp theo).
- 4/ Chương trình Văn Nghệ đa dạng do các nghệ sĩ tài danh tại Sydney và ban nhạc Hoa Tình Thương phụ trách.

Kính mời chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Phật Tử hoan hỷ tham dự. Sự hiện diện của quý Ngài và quý Vị là yếu tố quyết định cho sự thành công của Đêm Văn Hóa.

Trân trọng
Sydney ngày 11.01.2002
TUN. T.T. Vụ Trưởng
Đệ Nhất Phó Vụ Trưởng
T/S Lâm Như Tạng
(Ký tên và đóng dấu)

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin báo tin cùng quý thân bằng quyến thuộc gần xa: Cha, Ông Nội, Ông Ngoại chúng tôi là:

Cụ Ông ĐÀO TRỌNG HIẾU

Pháp danh Thiện Nghĩa

Nguyên là Dược Sĩ tại Sài Gòn.

Nguyên Chi Hội Trưởng Chi Hội PTVNTN tại Karlsruhe.

Sinh ngày 23 tháng 9 năm 1919

Quá vãng ngày 14 tháng 12 năm 2001, nhằm ngày 30 tháng 10 năm Tân Ty. Thượng thọ 83 tuổi.

Lễ hỏa táng và lễ hạ huyệt vào ngày 19 tháng 12 năm 2001 tại nghĩa trang Karlsruhe.

Tang gia chúng con/chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm tạ:

-Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác Hannover

-Hội Phật Tử VNTN tại CHLB Đức cùng với 14 Chi Hội và đặc biệt là Chi Hội Phật Tử VNTN tại Karlsruhe.

-Hội Người Việt Ty Nạn và quý Đồng Hương xa gần tại Karlsruhe đã điện thoại chia buồn, phúng điếu, tụng kinh hộ niệm, thăm hỏi khi gia đình chúng con/chúng tôi hữu sự.

Trong lúc tang gia bối rối khi lo đại tang chắc chắn có nhiều điều thiếu sót. Kính mong quý vị niệm tình tha thứ cho.

Số tịnh tài 820 Đức Mã của quý Đạo Hữu trong Hội Phật Tử và các Chi Hội tại Karlsruhe, Stuttgart cùng với các bạn hữu trong tỉnh Karlsruhe đã phúng điếu, chúng tôi đã gửi về Chùa Viên Giác để hồi hướng cho Hương Linh quá vãng, cộng chung với số tịnh tài của gia đình 1.550 Đức Mã thành 2.370 Đức Mã nhằm trợ tiền cho Hương Linh được sanh về thế giới an lành của Đức Từ Phụ A Di Đà Phật. Xin chân thành cảm tạ quý vị.

Các con:

- Con trai: Đào Trọng Hợp, vợ Phạm Thị Tâm, các con Đào Trọng Mai Lan, Đào Trọng Huy.

- Con gái: Đào Quỳnh Như, chồng Hardat Prashad.

- Con trai: Đào Trọng Hải, vợ Lê Thị Hoa Hậu, các con Đào Như Hà, Đào Trọng Hưng.

- Con trai: Đào Trọng Sơn, vợ Từ Thanh Sơn.

- Con gái: Đào Quỳnh Hoa, chồng Volker Schölles, con Alexander Hoàng Schölles.

Tang gia đồng cảm tạ

PHÂN ƯU

Được tin muộן Thân phụ Đạo Hữu Trương Minh Hiệp là bác

TRƯỞNG VĂN MĂNG

Pháp danh Giác Phước

Sanh năm 1923

Từ trần ngày 17.9.2001

(Mông Một tháng Tám Tân Ty)

Hưởng thọ 79 tuổi.

Chi Hội chúng tôi thành kính Phân Ưu cùng gia đình anh chị Trương Minh Hiệp và đồng nguyện cầu Hương Linh Bác Giác Phước sớm siêu thăng Cực Lạc Quốc.

-Chi Hội PTVNTN Saarland-Trier & VPC

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc khi được tin cụ ông:

Được sĩ ĐÀO TRỌNG HIẾU

Pháp danh Thiện Nghĩa

thành viên trong Ban Biên Tập Báo Viên Giác đã bỏ hết chữ nghĩa và thân hữu để trở về cõi an lạc ngày 14.12.2001 tại Karlsruhe, Đức Quốc. Thượng thọ 82 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng tang quyến và cầu nguyện cho hương linh cụ Thiện Nghĩa Đào Trọng Hiếu sớm được siêu thăng Lạc Quốc.

* Ban Biên Tập Báo Viên Giác.

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng đau buồn khi nhận được hung tin

Anh LÝ KIẾN THANH (1971)

Anh LÝ KIẾN BÌNH (1975)

cùng mất trong một tai nạn giao thông tại Kristianstad, Thụy Điển, chiều ngày 02.01.2002.

Toàn thể các bạn bè thân hữu (trước đây cùng ở Trại Nazareth - 1988, Norden) vô cùng thương tiếc trước sự ra đi bất ngờ và vĩnh viễn của hai anh. Chúng tôi thành tâm chia buồn đến gia đình thân mẫu và vợ con các anh, anh Lý Kiến Huy và chị Lý Mỹ Phương.

Chúng tôi xin nguyện cầu Hương Linh hai anh sớm Siêu Thăng Tịnh độ.

* Dao Duy Vu; Phạm Công Danh; Lý Ngưỡng Phát; Trần Kim Anh; Trần Quang Minh, v.v...

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và thân hữu xa gần, Vợ, Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại chúng tôi là:

Tỳ Kheo NI THÍCH NỮ LINH NGỌC

(Thế danh Võ Thị Mai)

sinh ngày 21.01.1925

viên tịch ngày 19.12.2001 tại Camon -

Pháp

Hưởng thọ 76 tuổi

Lễ Hỏa táng được cử hành lúc 12g30 ngày 21.12.2001 tại Montpellier - Pháp

Đồng thời chúng con / chúng tôi xin chân thành cảm tạ tri ân:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Trụ Trì chùa Viên Giác Hannover

- Đại Đức Thích Hạnh Tấn, Phó Trụ Trì chùa Viên Giác, Hannover

- Đại Đức Thích Đồng Văn cùng quý Đại Đức Tăng Ni chùa Viên Giác

- Và các thân hữu của gia đình Phạm-Đặng Anh-Tuấn đã tụng kinh Cầu Siêu cũng như tiễn đưa Chơn Linh của Vợ, Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại chúng con/chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối không tránh khỏi nh»ng ỢiSử s» suẤt, kính mong qu» v» niỆm tình h» thỦ cho.

Tang gia đồng kính bái:

-Đại Đức Thích Trí Tạng

-Trưởng Nữ: Tuyết-Lan Cerutti-Phạm, Chồng Daniel Cerutti và con (Pháp)

-Trưởng Nam: Phạm-Đặng Anh-Tuấn, pd An Dũng, Vợ Lê-Ngọc Túy-Hương, pd Huệ Kiệt, và con

(Kassel).

-Thứ Nam: Phạm-Đặng Hùng-Kiệt.

-Thứ Nữ: Phạm-Thị Bạch-Cúc và con.

-Thứ Nam: Phạm-Đặng Hữu-Đức, Vợ Ngô-Thị Như-Hoa và các con.

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Nhóm Phật Tử của Niệm Phật Đường Castelbelforte (Italia) đã tụng kinh cầu siêu,

- Thân bằng quyến thuộc gần xa đã điện thoại, gửi thư chia buồn và phúng điếu cho Cha của chúng tôi là:

Ông QUÁCH-KIM TOÀN

Tạ thế ngày 30.11.2001 tại Canada

Hưởng thọ 79 tuổi.

Gia đình đồng kính bái

* Con gái: Quách-Quý-Liên, Chồng và các con.

CUNG TIỀN GIÁC LINH

Chúng con toàn thể Tăng Ni và Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam tại các nước Âu Châu cũng như tại Đức kính nguyện Giác Linh:

Cố Đại Lão Hòa Thượng THÍCH ĐỨC NHUẬN

Hiệu Trí Tạng thể danh Đồng Văn Kha

Cố Vấn Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo GHPGVNTN

Sinh ngày 14 tháng Chạp năm Quý Hợi (19.1.1924)

tại Nam Định

Vãng sanh tại Sài Gòn ngày 21 tháng 1 năm 2002

(9.12. Tân Ty)

Thọ thế 79 tuổi đời và 59 tuổi đạo.

Cao đẳng Phật quốc, hồi nhập Ta Bà để hóa độ chúng sanh và xin chân thành phân ưu với môn đồ pháp quyến của Đại Lão Hòa Thượng cùng 2 Tổ Đình Vĩnh Nghiêm, Giác Minh tại Sài Gòn.

Kính nguyện Giác Linh của Đại Lão Hòa Thượng mãi mãi là nơi nương tựa của Tăng Ni cũng như Tín đồ Phật Giáo thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở trong cũng như ở ngoài nước.

TM Giáo Hội PGVNTN Âu Châu

Hòa Thượng Thích Minh Tâm

TM Giáo Hội PGVNTN Đức Quốc

Thượng Tọa Thích Như Điển

Đồng kể thủ

CẢM TẠ

Tang gia chúng con / chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân

- Đại Đức Thích Hạnh Tấn, Chùa Viên Giác - Hannover

- Chi Hội Phật Tử VNTN Nordeich / Aurich

- Gia Đình Phật Tử Minh Hải

- Quý Bác, quý Cô cùng các Bạn hữu cũng như các Anh Chị Em xa gần đã đến tụng kinh cầu siêu, điện thoại chia buồn và đưa tiễn Linh Cữu của Chồng, Cha chúng con / chúng tôi là

VŨ QUỐC CƯỜNG

sinh ngày 15 tháng 6 năm 1971

mất ngày 29.12.2001 tại Esens, Đức Quốc

đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sai sót kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

TOÀN THỂ TANG GIA ĐỒNG

KÍNH BÀI

- Vợ: Trần Thị Mỹ Hạnh

- Con: Vũ Tường Vi

- Gia đình Trần Văn Sơn & Thân Thị Hương

PHÂN ƯU

Được tin Đạo Hữu Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử VNTN tại Karlsruhe và VPC

Bác ĐÀO TRỌNG HIẾU

Pháp danh Thiện Nghĩa

Tạ thế ngày 14.12.2001 tại Karlsruhe Thượng thọ 82 tuổi.

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến đồng thời nguyện cầu Hương Linh Bác Thiện Nghĩa sớm Cao Đăng Phật Quốc.

-Hội và các Chi Hội Phật Tử VNTN tại Đức.

THÔNG BÁO

* **Khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 14 và Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu kỳ 3 từ ngày 29.7 đến ngày 8.8.2002.**

Năm nay GHPGVNTN Âu Châu tổ chức khóa tu học kỳ thứ 14 tại Anh Quốc. Trưởng Ban Tổ Chức địa phương là Đại Đức Thích Tịnh Thông. Địa điểm được tổ chức là một trường Trung Học nằm bên ngoài Luân Đôn, cách trung tâm khoảng 25 km (gần phi trường Heathrow). Thời gian từ ngày 29.7.2002 đến ngày 08.8.2002. Học phí đóng toàn khóa là 100 Anh kim cho mỗi người (khoảng 160 Euro hay 145 US\$). Gia Đình Phật Tử và gia đình có người tham dự đồng sẽ được giảm học phí.

Trong những ngày trên cũng sẽ tổ chức Đại Hội kỳ 3 của Giáo Hội và GDPT Việt Nam tại Âu Châu cùng tổ chức trại kỷ niệm 10 năm sinh hoạt.

Tại chùa Viên Giác Hannover sẽ tổ chức 1 hoặc 2 chuyến xe Bus để đi tham dự. Đi ngày 28.7.02 và về ngày 8 hoặc 9.8.2002. Giá cả chưa rõ. Tuy nhiên quý vị nào muốn đi xe Bus rẻ hơn những phương tiện giao thông khác thì xin ghi tên nơi văn phòng của chùa.

Ngoài ra có hãng máy bay giá tương đối rẻ; đó là hãng Ryanair cũng đáp xuống phi trường London Stanted (gần chỗ khóa học); nhưng tại Âu Châu chỉ có một số địa phương bay trực tiếp đến đó như sau: Aarhus, Esbjerg (Đan Mạch), Bruxelles, Charleroi-Sud (Bỉ), Frankfurt, Hamburg (Đức), Stockhom, Malmo, Göteborg (Thụy Điển), Oslo (Na Uy), Salzburg (Áo), Turin Venice (Ý), Biarritz, Perpignan (Pháp). Muốn rõ thêm chi tiết xin truy cập theo địa chỉ w.w.w.Ryanair.com.

Lời khuyên chung là không nên đi xe hơi, vì bên Anh lái bên tay trái, e rằng không quen dễ gây ra tai nạn. Cũng có thể đi xe lửa đến Luân Đôn từ Paris hay từ Bruxelles.

Điện thoại liên lạc tại Anh gồm các Đạo Hữu sau: ĐH Viên Hoa 0044 207 25 12 755; ĐH Quảng Trọng 0044 20 75 153 631, ĐH Lê Chi 0044 20 75 384 986, ĐH Lâm Anh 0044 148 38 52 078.

* **Khóa tu học định kỳ của đồng bào Phật Tử Việt Nam tại Đức**

Năm nay 3 Chi Hội Rottweit-Tuttlingen, Reutlingen và Stuttgart sẽ cùng nhau tổ chức một khóa Giáo Lý 4 ngày tại: **Sporthalle, Bergerstr.4 - 78601 Mahlstetten**, rất đầy đủ tiện nghi; từ ngày 09 đến 12 tháng 5 năm 2002 nhằm lễ Thăng Thiên, dưới sự hướng dẫn của Chư Tôn Đức chùa Viên Giác và một vị khách Tăng sẽ được mời từ xa đến. Học phí toàn khóa là 30€. Trẻ em dưới 14 tuổi miễn phí. Mọi chi tiết xin liên lạc với Đạo Hữu Chi Hội Trưởng tại Spaichingen: Thiện Mân Nguyễn Hữu Hậu, Tel. 07424 / 4380; hoặc ĐH Thiện Như Vô Văn Hùng, Tel. 07461 / 13192.

Mong rằng những Đạo Hữu ở vùng Ý, Pháp, Áo, Thụy Sĩ cố gắng tham gia khóa học này. Vì rất gần biên giới của những nước trên.●



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà - Quỳnh
Hoa - Tú Hùng Trần Phong Lưu - Phan Ngọc - Hồng Nhiên -
Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân. Trưởng
Ngọc Thanh.

Tùy Anh (Đức) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai
Lý Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) Nguyễn Văn
Cường (Na Uy) - Ngô Minh Hằng (Mỹ) - Nguyễn Tấn Hùng
(Mỹ) - Lê Doãn Kim (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiêm (Pháp) - G.S.
Vũ Kỳ (Bi) - Thiện Hữu Trần Hữu Lộc (Đức) - Huyền Thanh
Lũ (Đức) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ
Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa (Úc) - Hạnh
Nguyễn (Ấn Độ) - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan
Hùng Nhơn (Đức) - Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Vân Nương
LNC (Pháp) - T.S. Lâm Như Tạng (Úc) - Phạm Thăng
(Canada) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thủy
(Pháp) - Vô Thức (Đức) .

KỸ THUẬT ẤN LOÁT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

Homepage: <http://www.viengiac.de>

E-mail : viengiacu@t-online.de

E-mail: baoviengiac@viengiac.de

E-mail : baovien_giac@web.de

E-mail Chủ Bút : vongatuong@yahoo.de

VIÊN GIÁC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả được đăng và trích đăng trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và Ban Biên Tập.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

MỤC LỤC

Trang

- Thư tòa soạn	1
● TÔN GIÁO	
- Tâm cảnh (Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn)	2 - 3
- Thức thú tâm (TS. Lâm Như Tạng)	4 - 7
- "Tự ngã" của mỗi con người (Thích Như Điển)	8 - 11
● AUF DEUTSCH	
- Sein und Nichtsein (Thich Nhu Dien)	12 - 16
● TRANG HOA PHƯỢNG	
- Mụ Lường hay sự tích Cá he (Hồng Nhiên s.t)	17 - 18
- Chuyện chàng Nhạc Dương Tử (Thiện Căn Phạm Hồng Sáu)	19
- Cuộc đời Đức Phật bằng tranh (Đặng quốc Đan ...)	20 - 24
● SÁNG TÁC - VĂN NGHỆ - BIÊN KHẢO - THAM LUẬN CHÍNH TRỊ	
- Năm Ngọ nói chuyện ngựa (Hương Giang Thái Văn Kiêm)	25 - 30
- Quy mã - Mã quy (Phù Vân)	31 - 35
- Ngày xuân kể chuyện phong thủy (Đoàn Văn Thông)	36 - 39
- Tủ trang gà tranh lợn dán nhà trong dịp Tết (Hiếu Đệ)	40 - 42
- Vận mệnh chúng ta trong năm mồng mã Nhâm Ngọ (Ngô Quốc Phong)	43 - 45
- Niềm tin (Phạm Tuấn Hoàng)	45
- Lối khẩn đêm giao thừa (Ngô Minh Hằng)	46 - 47
- Giã biệt Quỳnh Giao (Phù Vân)	48 - 50
- Hạnh Hoa thôn (Vân Nương L.N.C)	51 - 52
- Thương tiếc Như Phong Lê Văn Tiến (Tâm Việt)	53 - 54
- Trang phục của người Việt Nam qua các thời đại (Phan Hùng Nhơn)	55 - 60
● Y HỌC THƯỜNG THỨC :	
- Vũ khí sinh học (Quỳnh Hoa)	61
- Vài nét tổng quát của năm 2001 (Phan Ngọc)	62 - 67
- Ghi vợi về một chuyến đi (Vũ Kỳ)	68 - 71
- Tin thế giới (Người Quan Sát)	72 - 78
- Tin Đức Quốc (Nguyễn Lê Hoài Việt)	79 - 83
- Thư gửi Quốc Hội Nước CHXHCNVN (của nhiều người)	85
- Nhân quyền dân chủ cho Việt Nam (Hồ Tuấn Anh)	86
- Xã Hội và những đời hoa (Thị Du - Vũ)	87
- Hộp Thư Viên Giác	87
- Tam Giáo và Việt tính của Mạnh Bích (Phạm Đăng Sum)	88 - 90
- Giới thiệu sách báo (Phù Vân phụ trách)	91 - 92
- Tin Cộng Đồng - Tin Phật Sự - Thông Báo - Cáo Phó - Phần Ưu - Cảm Tạ - Nhắn tin - Tim Bạn - Quảng cáo	93 - 100
- Chia sẻ (Như Giác)	95
THỞ :	
(7) Hà Huyền Chi : Trôi ngoài mê tâm - Tàn đời nhé em. (11) H.T. Thuyền Án : Nhất Tâm. (18) Anh Nguyên : Thở Đường - Xuân Mộng - Giấc mộng xuân. (30). Thở : T.T. Thích Như Điển & S.H. Hà Đâu Đồng . (42). Tùy Anh : Gọi hồn xuân giữa mùa đông xú người. (54) Ngô Minh Hằng : Tâm tử ngày giỗ mẹ - (71) Xin đem xuân đến cho đời - Trà nắng xuân hiền. (84) Hà Đâu Đồng : Người Việt khắp nơi. (84) Nguyễn Văn Cường : Xuân về nhỏ chùa xưa - Mỗi sáng mùa xuân - Chẳng cần lý luận. (85) Anthony Ho : Niềm đau Bản Giốc . (86) Ngọc An : Xuân 2002. (90) Đan Hà : Kính cầu ngày xuân .	
CÁO LỖI : Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến và mục phương danh cúng dường kể từ ngày 4-12-2001 trở đi không thể đăng trong kỳ này được. Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.	
● Báo Viên Giác	
HÌNH BIẢ : nh của Lê Quang Xuân	



www.teleworld.de

LUÔN CÓ CARD DỄ GỌI & MỜI
VỀ VIỆT NAM. Hãy gọi: 0531 5908 555

2002 A QUALITY PRIMECARD COMPANY

TELEWORLD 5th Anniversary! TELEBINGO win your LUCKY PIN'S

Connecting world...

family call

	€/min.		€/min.
Albania	0,16	Germany	0,04
Algeria	0,17	Indonesia <i>Jakarta</i>	0,09 ₇
Bangladesh	0,33	Malaysia	0,09 ₇
Brazil	0,15	Morocco	0,25 ₅
Cameroon	0,28	Philippines	0,15 ₂
China	0,08	Poland	0,10
Beijing, Shanghai, Guangzhou	0,07	Romania	0,20
Colombia <i>Bogota</i>	0,10 ₂	Russia	0,12
Czech Rep.	0,13 ₅	Moscow, St Petersburg	0,07
Dominican Rep.	0,12 ₇	Thailand	0,17
Georgia, CIS	0,14	Bangkok	0,11 ₂
Ghana	0,19	Tunisia	0,25
Greece	0,10	Turkey <i>Istanbul</i>	0,10 ₂
Hong Kong	0,06	Ukraine	0,15
India	0,35 ₇	United Arab Emir.	0,23 ₂
Iran	0,24	Vietnam	0,64

2 cards gratis Lucky PIN's (5.000 cards gratis)

5 Travel Bingo € Malaysia

5 More Bingo

55 Handy Bingo

WIE GEWINNEN SIE MIT TELEWORLD-TELEBINGO?
Hören Sie nach Eingabe Ihrer PIN-BINGO A LUCKY PIN. DANN HABEN SIE GEWINNEN MIT! Sie rufen unser TELEWORLD-TELEBINGO-Motivdial an.
100 Millionen von Ihren PINs sind für Atlantic in drei oder mehr Tagen erhältlich. Sie sind eine neue Kombination aus Wert von €15, €10, €5, €2, €1.
TELEWORLD-TELEBINGO-Motivdial: 05 31 59 08 555.

CONGRATULATIONS!

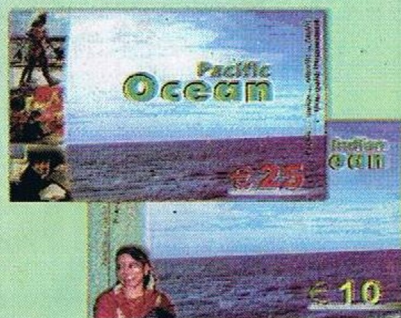
TELEWORLD 5th YEAR SUCCESS SERVICE

www.teleworld.de TUI TELECOM TOTAL Emalaysia

VIET NAM



0,59 €/min.



0,7 €/min

Tất cả các loại card bạn cần...
TELEWORLD giúp bạn ngay !!!

